NGUYỄN DỮ



TRUYỀN KỲ MẠN LỤC

nhã nam
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA NHÃ NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Lời tựa

Nhà văn Việt Nam, người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay thuộc Thanh Miện, Hải Dương. Thuộc dòng dõi khoa hoạn, từng ôm ấp lý tưởng hành đạo, đã đi thi và có thể đã ra làm quan. Sau vì bất mãn với thời cuộc, lui về ẩn cư ở núi rừng Thanh Hóa, từ đó "trải mấy mươi sương, chân không bước đến thị thành". Chưa rõ Nguyễn Dữ sinh và mất năm nào, chỉ biết ông sống đồng thời với thầy học là Nguyễn Bỉnh Khiêm, và bạn học là Phùng Khắc Khoan, tức là vào khoảng thế kỷ XVI và để lại tập truyện chữ Hán nổi tiếng viết trong thời gian ở ẩn, Tryền kỳ mạn lục (in 1768, A. 176/1-2) . Truyện được Nguyễn Bỉnh Khiêm phủ chính và Nguyễn Thế Nghi sống cùng thời dịch ra chữ nôm. Truyền kỳ mạn lục gồm 20 truyện, viết bằng tản văn, xen lẫn biền văn và thơ ca, cuối mỗi truyện thường có lời bình của tác giả, hoặc của một người cùng quan điểm với tác giả. Hầu hết các truyện xảy ra ở đời Lý, đời Trần, đời Hồ hoặc đời Lê sơ từ Nghệ An trở ra Bắc. Lấy tên sách là Truyền kỳ mạn lục (Sao chép tản mạn những truyện lạ) , hình như tác giả muốn thể hiện thái độ khiêm tốn của một người chỉ ghi chép truyện cũ. Nhưng căn cứ vào tính chất của các truyện thì thấy Truyền kỳ mạn lục không phải là một công trình sưu tập như Lĩnh Nam chích quái, Thiên Nam vân lục... mà là một sáng tác văn học với ý nghĩa đầy đủ của từ này. Đó là một tập truyện phóng tác, đánh dấu bước phát triển quan trọng của thể loại tự sự hình tượng trong văn học chữ Hán. Và nguyên nhân chính của sự xuất hiện một tác phẩm có ý nghĩa thể loại này là nhu cầu phản ánh của văn học. Trong thế kỷ XVI, tình hình xã hội không còn ổn định như ở thế kỷ XV; mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt, quan hệ xã hội bắt đầu phức tạp, các tầng lớp xã hội phân hóa mạnh mẽ, trật tự phong kiến lung lay, chiến tranh phong kiến ác liệt và kéo dài, đất nước bị các tập đoàn phong kiến chia cắt, cuộc sống không yên ổn, nhân dân điêu đứng, cơ cực. Muốn phản ánh thực tế phong phú, đa dạng ấy, muốn lý giải những vấn đề đặt ra trong cuộc sống đầy biến động ấy thì không thể chỉ dừng lại ở chỗ ghi chép sự tích đời trước. Nhu cầu phản ánh quyết định sự đổi mới của thể loại văn học. Và Nguyễn Dữ đã dựa vào những sự tích có sẵn, tổ chức

lại kết cấu, xây dựng lại nhân vật, thêm bớt tình tiết, tu sức ngôn từ... tái tạo thành những thiên truyện mới. Truyền kỳ mạn lục vì vậy, tuy có vẻ là những truyện cũ nhưng lại phản ánh sâu sắc hiện thực thế kỷ XVI. Trên thực tế thì đằng sau thái độ có phần dè dặt khiêm tốn, Nguyễn Dữ rất tự hào về tác phẩm của mình, qua đó ông bộc lộ tâm tư, thể hiện hoài bão; ông đã phát biểu nhận thức, bày tỏ quan điểm của mình về những vấn đề lớn của xã hội, của con người trong khi chế độ phong kiến đang suy thoái.

Trong Truyền kỳ mạn lục, có truyện vạch trần chế độ chính trị đen tối, hủ bại, đả kích hôn quân bạo chúa, tham quan lại nhũng, đồi phong bại tục, có truyện nói đến quyền sống của con người như tình yêu trai gái, hạnh phúc lứa đôi, tình nghĩa vợ chồng, có truyện thể hiện đời sống và lý tưởng của sĩ phu ẩn dật... Nguyễn Dữ đã phản ánh hiện thực mục nát của chế độ phong kiến một cách có ý thức. Toàn bộ tác phẩm thấm sâu tinh thần và mầu sắc của cuộc sống, phạm vi phản ánh của tác phẩm tương đối rộng rãi, khá nhiều vấn đề của xã hội, con người được đề cập tới. Bất mãn với thời cuộc và bất lực trước hiện trạng, Nguyễn Dữ ẩn dật và đã thể hiện quan niệm sống của kẻ sĩ lánh đục về trong qua Câu chuyện đối đáp của người iều phu trong núi Nưa. ở ẩn mà nhà văn vẫn quan tâm đến thế sự, vẫn không quên đời, vẫn nuôi hy vọng ở sự phục hồi của chế độ phong kiến. Tư tưởng chủ đạo của Nguyễn Dữ là tư tưởng Nho gia. Ông phơi bày những cái xấu xa của xã hội là để cổ vũ thuần phong mỹ tục xuất phát từ ý thức bảo vệ chế độ phong kiến, phủ định triều đại mục nát đương thời để khẳng định một vương triều lý tưởng trong tương lai, lên án bọn "bá giả" để đề cao đạo "thuần vương", phê phán bọn vua quan tàn bạo để ca ngợi thánh quân hiền thần, trừng phạt bọn người gian ác, xiểm nịnh, dâm tà, để biểu dương những gương tiết nghĩa, nhân hậu, thủy chung. Tuy nhiên Truyền kỳ mạn lục không phải chỉ thể hiện tư tưởng nhà nho, mà còn thể hiện sự dao động của tư tưởng ấy trước sự rạn nứt của ý thức hệ phong kiến. Nguyễn Dữ đã có phần bảo lưu những tư tưởng phi Nho giáo khi phóng tác, truyện dân gian, trong đó có tư tưởng Phật giáo, Đạo giáo và chủ yếu là tư tưởng nhân dân. Nguyễn Dữ đã viết truyền kỳ để ít nhiều có thể thoát ra khỏi khuôn

khổ của tư tưởng chính thống đặng thể hiện một cách sinh động hiện thực cuộc sống với nhiều yếu tố hoang đường, kỳ lạ. Ông mượn thuyết pháp của Phật, Đạo, v. v. để lý giải một cách rộng rãi những vấn đề đặt ra trong cuộc sống với những quan niệm nhân quả, báo ứng, nghiệp chướng, luân hồi; ông cũng đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhân dân khi miêu tả cảnh cùng cực, đói khổ, khi thể hiện đạo đức, nguyện vọng của nhân dân, khi làm nổi bật sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Cũng chính vì ít nhiều không bị gò bó trong khuôn khổ khắt khe của hệ ý thức phong kiến và muốn dành cho tư tưởng và tình cảm của mình một phạm vi rộng rãi, ông hay viết về tình yêu nam nữ. Có những truyện ca ngợi tình yêu lành mạnh, chung thủy sắt son, thể hiện nhu cầu tình cảm của các tầng lớp bình dân. Có những truyện yêu đương bất chính, tuy vượt ra ngoài khuôn khổ lễ giáo nhưng lại phản ánh lối sống đồi bại của nho sĩ trụy lạc, lái buôn hãnh tiến. Nguyễn Dữ cũng rất táo bạo và phóng túng khi viết về những mối tình si mê, đắm đuối, sắc dục, thể hiện sự nhượng bộ của tư tưởng nhà nho trước lối sống thị dân ngày càng phổ biến ở một số đô thị đương thời. Tuy vậy, quan điểm chủ đạo của Nguyễn Dữ vẫn là bảo vệ lễ giáo, nên ý nghĩa tiến bộ toát ra từ hình tượng nhân vật thường mâu thuẫn với lý lẽ bảo thủ trong lời bình. Mâu thuẫn này phản ánh mâu thuẫn trong tư tưởng, tình cảm tác giả, phản ánh sự rạn nứt của ý thức hệ phong kiến trong tầng lớp nho sĩ trước nhu cầu và lối sống mới của xã hội. Truyền kỳ mạn lục có giá trị hiện thực vì nó phơi bày những tệ lậu của chế độ phong kiến và có giá trị nhân đạo vì nó đề cao phẩm giá con người, tỏ niềm thông cảm với nỗi khổ đau và niềm mơ ước của nhân dân. Truyền kỳ mạn lục còn là tập truyện có nhiều thành tựu nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật. Nó vượt xa những truyện ký lịch sử vốn ít chú trọng đến tính cách và cuộc sống riêng của nhân vật, và cũng vượt xa truyện cổ dân gian thường ít đi sâu vào nội tâm nhân vật. Tác phẩm kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tài tình những phương thức tự sự, trữ tình và cả kịch, giữa ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ tác giả, giữa văn xuôi, văn biền ngẫu và thơ ca. Lời văn cô đọng, súc tích, chặt chẽ, hài hòa và sinh động. Truyền kỳ mạn lục là mẫu mực của thể truyền kỳ, là "thiên cổ kỳ bút", là "áng văn hay của bậc đại gia", tiêu biểu cho những thành

tựu của văn học hình tượng viết bằng chữ Hán dưới ảnh hưởng của sáng tác dân gian.

BÙI DUY TÂN

Nguyễn Dữ là con trai cả Nguyễn Tường Phiêu, Tiến sĩ khoa Bính Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 27 (1496) , được trao chức Thừa chánh sứ, sau khi mất được tặng phong Thượng thư. Lúc nhỏ Nguyễn Dữ chăm học, đọc rộng, nhớ nhiều, từng ôm ấp lý tưởng lấy văn chương nối nghiệp nhà. Sau khi đậu Hương tiến, Nguyễn Dữ thi Hội nhiều lần, đạt trúng trường và từng giữ chức vụ Tri huyện Thanh Tuyền nhưng mới được một năm thì ông xin từ quan về nuôi dưỡng mẹ già. Trải mấy năm dư không đặt chân đến những nơi đô hội, ông miệt mài "ghi chép" để gửi gắm ý tưởng của mình và đã hoàn thành tác phẩm "thiên cổ kỳ bút" Truyền kỳ mạn lục. Nguyễn Dữ sinh và mất năm nào chưa rõ, nhưng căn cứ vào tác phẩm cùng bài Tựa Truyền kỳ mạn lục của Hà Thiện Hán viết năm Vĩnh Định thứ nhất (1547) và những ghi chép của Lê Quý Đôn trong mục Tài phẩm sách Kiến văn tiểu lục có thể biết ông là người cùng thời với Nguyễn Bỉnh Khiêm, có thể lớn tuổi hơn Trạng Trình chút ít. Giữa Nguyễn Dữ và Nguyễn Bỉnh Khiêm tin chắc có những ảnh hưởng qua lại về tư tưởng, học thuật... nhưng e rằng Nguyễn Dữ không thể là học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm như Vũ Phương Đề đã ghi. Đối với nhà Mạc, thái độ Nguyễn Dữ dứt khoát hơn Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ông không làm quan với nhà Mạc mà chọn con đường ở ẩn và ông đã sống cuộc sống lâm tuyền suốt quãng đời còn lại. Truyền kỳ mạn lục được hoàn thành ngay từ những năm đầu của thời kỳ này, ước đoán vào khoảng giữa hai thập kỷ 20-30 của thế kỷ XVI.

Theo những tư liệu được biết cho đến nay, Truyền kỳ mạn lục là tác phẩm duy nhất của Nguyễn Dữ. Sách gồm 20 truyện, chia làm 4 quyển, được viết theo thể loại truyền kỳ. Cốt truyện chủ yếu lấy từ những câu chuyện lưu truyền trong dân gian, nhiều trường hợp xuất phát từ truyền uyết về các vị thần mà đền thờ hiện vẫn còn (đền thờ Vũ Thị Thiết ở Hà Nam, đền thờ Nhị Khanh ở Hưng Yên và đền thờ Văn Dĩ Thành ở làng Gối, Hà Nội) . Truyện được viết bằng văn xuôi

Hán có xen những bài thơ, ca, từ, biền văn, cuối mỗi truyện (trừ truyện 19 Kim hoa thi thoại ký) đều có lời bình thể hiện rõ chính kiến của tác giả. Hầu hết các truyện đều lấy bối cảnh ở các thời Lý-Trần, Hồ, thuộc Minh, Lê sơ và trên địa bàn từ Nghệ An trở ra Bắc. Thông qua các nhân vật thần tiên, ma quái, tinh loài vật, cây cỏ..., tác phẩm muốn gửi gắm ý tưởng phê phán nền chính sự rối loạn, không còn kỷ cương trật tự, vua chúa hôn ám, bề tôi thoán đoạt, bọn gian hiểm nịnh hót đầy triều đình; những kẻ quan cao chức trọng thả sức vơ vét của cải, sách nhiễu dân lành, thậm chí đến chiếm đoạt vợ người, bức hại chồng người. Trong một xã hội rối ren như thế, nhiều tệ nạn thế tất sẽ nảy sinh. Cờ bạc, trộm cắp, tật dịch, ma quỷ hoành hành, đến Hộ pháp, Long thần cũng trở thành yêu quái, sư sãi, học trò, thương nhân, nhiều kẻ đắm chìm trong sắc dục. Kết quả là người dân lương thiện, đặc biệt là phụ nữ phải chịu nhiều đau khổ. Nguyễn Dữ dành nhiều ưu ái cho những nhân vật này. Dưới ngòi bút của ông họ đều là những thiếu phụ xinh đẹp, chuyên nhất, tảo tần, giàu lòng vị tha nhưng luôn luôn phải chịu số phận bi thảm. Đến cả loại nhân vật "phản diện" như nàng Hàn Than (Đào thị nghiệp oan ký) , nàng Nhị Khanh (Mộc miên phụ truyện) , các hồn hoa (Tây viên kỳ ngộ ký) và "yêu quái ở Xương Giang" cũng đều vì số phận đưa đẩy, đều vì "nghiệp oan" mà đến nỗi trở thành ma quỷ. Họ đáng bị trách phạt nhưng cũng đáng thương.

Dường như Nguyễn Dữ không tìm được lối thoát trên con đường hành đạo, ông quay về cuộc sống ẩn dật, đôi lúc thả hồn mơ màng cõi tiên, song cơ bản ông vẫn gắn bó với cõi đời. Ông trân trọng và ca ngợi những nhân cách thanh cao, cứng cỏi, những anh hùng cứu nước, giúp dân không kể họ ở địa vị cao hay thấp.

Truyền kỳ mạn lục ngay từ khi mới hoàn thành đã được đón nhận. Hà Thiện Hán người cùng thời viết lời Tựa, Nguyễn Thế Nghi, theo Vũ Phương Đề cũng là người cùng thời, dịch ra văn nôm. Về sau nhiều học giả tên tuổi Lê Quý Đôn, Bùi Huy Bích, Phan Huy Chú đều ghi chép về Nguyễn Dữ và định giá tác phẩm của ông. Nhìn chung các học giả thời Trung đại khẳng định giá trị nhân đạo và ý nghĩa giáo dục của tác phẩm. Các nhà nghiên cứu hiện đại phát hiện thêm

giá trị hiện thực đồng thời khai thác tinh thần "táo bạo, phóng túng" của Nguyễn Dữ khi ông miêu tả những cuộc tình si mê đắm đuối đậm màu sắc dục. Hành vi ấy tuy trái lễ, trái đạo trung dung nhưng lại đem đến chút hạnh phúc trần thế có thực cho những số phận oan nghiệt. Về mặt thể loại mà xét thì Truyền kỳ mạn lục là tác phẩm đỉnh cao của truyện truyền kỳ Việt Nam. Nguyễn Dữ chịu ảnh hưởng của Cù Hựu nhưng Truyền kỳ mạn lục vẫn là "áng văn hay của bậc đại gia", là sáng tạo riêng của Nguyễn Dữ cũng như của thể loại truyện truyền kỳ Việt Nam.

TRẦN THỊ BĂNG THANH

Lời tựa (1)

Tập lục này là trước tác của Nguyễn Dữ, người Gia Phúc, Hồng Châu. Ông là con trưởng vị tiến sĩ triều trước Nguyễn Tường Phiêu (2) . Lúc nhỏ rất chăm lối học cử nghiệp, đọc rộng nhớ nhiều, lập chí ở việc lấy văn chương truyền nghiệp nhà. Sau khi đậu Hương tiến, nhiều lần thi Hội đỗ trúng trường, từng được bổ làm Tri huyện Thanh Tuyền (3) . Được một năm ông từ quan về nuôi mẹ cho tròn đạo hiếu. Mấy năm dư không đặt chân đến chốn thị thành, thế rồi ông viết ra tập lục này, để ngụ ý. Xem văn từ thì không vượt ra ngoài phên giậu của Tông Cát (4) , nhưng có ý khuyên răn, có ý nêu quy củ khuôn phép, đối với việc giáo hóa ở đời, há có phải bổ khuyết nhỏ đâu!

Vĩnh Định năm đầu (1547) ,

tháng Bảy, ngày tốt.

Đại An Hà Thiện Hán kính ghi

Kẻ hậu học là Tùng Châu Nguyễn Lập Phu biên.

(1) Lời Tựa này được chép trong Cựu biên Truyền kỳ mạn lục. Bản này hiện chưa có trong các thư viện ở Hà Nội. Ở đây chúng tôi theo Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san, Đài Loan thư cục in năm

1987. Tân biên truyền kỳ mạn lục tăng bổ giải âm tập chú in năm Cảnh Hưng 35 (1774) lấy lại lời tựa này nhưng không ghi tên Hà Thiện Hán. Cuối bài ghi thêm "Nay xã trưởng xã Liễu Chàng là Nguyễn Đình Lân soạn in vào năm Giáp Ngọ (1774) để làm bản gốc cho nghìn vạn đời và để bán cho thiên hạ xem đọc".

Chú thích

(2) Nguyễn Tường Phiêu: người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay thuộc tỉnh Hải Dương, đồ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Hồng Đức 27 (1496) đời Lê Thánh Tông; làm quan đến Thừa chánh sứ. Sau khi mất được tặng chức Thượng thư, phong phúc thần.

(3) Thanh Tuyền: tức huyện Bình Xuyên, thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

(4) Tông Cát: Cù Tông Cát, tên là Cù Hựu, tác giả Tiễn đăng tân thoại.

Câu chuyện ở đền Hạng Vương (*)

Quan Thừa chỉ Hồ Tông Thốc (1) là người hay thơ, lại giỏi lối mỉa mai giễu cợt, khoảng cuối đời Trần, phụng mệnh sang Trung Quốc, nhân đi qua đền Hạng vương có đề thơ rằng:

Bách nhị sơn hà khởi chiến phong,

Huề tương tử đệ nhập Quan Trung.

Yên tiêu Hàm Cốc châu cung lãnh,

Tuyết tán Hồng Môn ngọc đẩu không.

Nhất bại hữu thiên vong Trạch Tả,

Trùng lai vô địa đáo Giang Đông.

Kinh doanh ngũ tải thành hà sự?

Tiêu đắc khu khu táng Lỗ công.

Dịch:

Nom nước trăm hai (2) nổi bụng hồng,

Đem đoàn tử đệ đến Quan Trung

Khói tan Hàm Cốc cung châu lạnh, (3)

Tuyết rã Hồng Môn đấu ngọc không (4

Thua chạy giời xui đường Trạch Tả (5)

Quay về đất lấp nẻo Giang Đông (6)

Năm năm lăn lộn hoài công cốc

Còn được vùi trong mả Lỗ công (7) .

* Nguyên văn: Hạng vương từ ký.

Đề xong, ruổi ngựa trở về nhà trọ. Rượu say nằm ngủ, ông Hồ chiêm bao thấy một người đến nói với mình rằng:

- Tôi vâng chỉ của đức vua tôi, mời ngài đến chơi nói chuyện.

Hồ vội vàng sửa sang quần áo. Người ấy đưa ông đi về mé tả, đến một nơi cung điện nguy nga, quan hầu đứng sắp hàng răm rắp, Hạng vương đã ngồi chờ sẵn, bên cạnh có cái giường lưu ly, mời ông lên ngồi. Rồi Hạng vương hỏi rằng:

- Bài thơ ông đề lúc ban ngày, sao mà mỉa mai ta dữ thế! ừ thì hai câu: "Thua chạy giời xui đường Trạch Tả, Quay về đất lấp nẻo Giang Đông" kể cũng là đúng, nhưng đến hai câu "Năm năm lăn lộn hoài công cốc, Còn được vùi trong mả Lỗ công", há chẳng phải là chê bai quá lời ư? Này như Hán làm nên vạn thặng (8) ta cũng làm nên vạn thặng. Ta không diệt được Hán, Hán lại có thể phong tước cho ta được ư? Đến ngay Điền Hoành (9) là một gã trẻ con, còn không tham tước của Hán, và hổ thẹn tự sát mà chết; huống ta đường đường một vị bá vương ở nước Sở, lại tự cam nhận lễ Lỗ công hay sao? Kẻ kia làm việc ấy, chỉ là đem quàng cho ta một cái tước vị hão, để đền bù lại sự hổ thẹn khi ở Hán Trung (10) thôi đó. Ta lại xin nói để ông rõ: Ngày nhà Tần sổ mất con hươu (11) , người ta nổi dậy nhao nhao, tranh nhau bắt lấy. Ta bấy giờ vì ghét người Tần mà nổi quân đánh Tần, tháo răng bừa làm giáo, thổi cơm chiêm làm lương, tôi đòi đều là quân, hào kiệt đều là tướng, phá xứ Ngô như hủy tổ kiến, lấy đất Hoài như đốt lông hồng, một trận đánh mà quân Chương Hàm (12) phải tan, hai trận đánh mà miếu Tổ Long (13) phải sụp. Đức nghĩa ban ra, nhiều nước được dựng lại, oai lệnh truyền đi, bao kẻ thuận làm tôi. Đứng đầu Chư hầu là quân nước Sở, làm chúa Tam Tần là tướng xứ Sở. Thiên hạ tước Sở có thể ngồi mà sai khiến được. Nhưng rồi Sở phải chết vì Hán, há chẳng phải là bởi trời ư? Vậy thì khi trời định giúp Hán, dù kẻ thổi kèn, dệt

chiếu (14) cũng đủ để thành công; khi trời định diệt Sở, dù người cất vạc, nhổ núi (15) cũng không thể nói giỏi. Phương chi Chung Ly mạnh mẽ, chẳng kém Hoài Âm (16) á Phụ (17) khôn ngoan, thực hơn Nhụ Tử (18) . Nếu ta nghe lời không cố chấp, nhân thua mà tính toán, thì ruổi Ô truy bốn vó mỏi chồn, há không đủ cày lật cung đình Phong Bái, thu Bành Thành (19) những quân tản mác, há không đủ đào tung miếu xã Viêm Lưu. Nhưng chỉ vì thương lũ sinh linh, nên mới đem tấm thân tám thước đường đường, ném vào tay lũ Vương ế (20) . Vậy sự hưng vong của Hán, Sở, chỉ là do ở sự may rủi của trời mà thôi, há nên lấy thành bại mà so bì ư? Nhưng đời những kẻ thích phẩm bình nhân vật, có kẻ bảo không phải giời làm mất, có kẻ bảo giời có dính dáng gì. Thi nhân mặc khách thường thường đem chuyện ta diễn vào trong thơ. Có câu thì:

Cái thế anh hùng sức nhổ núi,

Sở ca bốn mặt lệ tràn lan, (21)

Có câu thì:

Vua chẳng ra vua, tôi chẳng tôi,

Bên sông lập miếu cũng hoài thôi. (22)

Ngày chồng tháng chất, có đến hàng nghìn bài chứ không phải ít. Nhưng chỉ có hai câu của Đỗ Mục: (23)

Giang đông tử đệ nhiều tay giỏi,

Cuốn đất quay về chửa biết đâu.

Lời thơ ủy khúc trung hậu, hợp cách luật của nhà thơ, đọc lên ta còn vừa lòng đôi chút. Ngoài ra thì hầu toàn những lời phụ bạc, ta vẫn lấy làm bất bình lắm, nay tiện dịp ta nói để cho ông rõ.

Ông Hồ cười mà rằng:

- Lẽ trời việc người, cũng là đầu cuối lẫn cho nhau. Bảo mệnh ở trời, (24) Thương Trụ vì thế mà mất nước; bảo trời sinh đức, Tân Mãng vì thế mà bỏ mình. (25) Nay nhà vua bỏ người mà đi bàn lẽ giời, vì thế đã đến táng bại vẫn không tỉnh ngộ. Tôi bữa nay may mắn, được nhà vua vời đến tiếp kiến, muốn xin được nói thẳng không giấu giếm gì, nhà vua nghĩ thế nào?

Hạng vương nói:

- Vâng vâng, ông cứ nói.

Ông Hồ nói:

- Phàm xoay cái thế thiên hạ, ở trí chứ không phải ở sức; thu tấm lòng thiên hạ, ở nhân chứ không phải ở bạo. Nhà vua thì chỉ lấy quát thét làm oai, lấy cương cường làm đức. Chém Tống Nghĩa là một tướng mạnh, (26) vô quân đến đâu! Giết Tử Anh là người đã hàng, (27) bất võ quá lắm! Hàn Sinh vô tội mà bị luộc, (28) hình pháp trái thường; A Phòng vô cố mà bị thiêu (29) , hung uy quá tệ. Cứ những việc của nhà vua làm thì được lòng người chăng? hay mất lòng người chăng?

Hạng vương nói:

- Không phải như thế. Này như cái việc Hàm Đan, lấy một nước Triệu mới dựng, chống với nước Tần sói hùm, thành bại chỉ ở trong một hơi thở, còn mất chỉ ở trong chớp mắt. Vậy mà Nghĩa lần khân sợ sệt, chờ khi giặc mỏi lười, dùng dằng trùng trình, cản đường quân tiến tới. Nếu mà kế trong trướng không thi hành được, quân qua sông lại lữa lần thêm, thì dân chúng ở trong thành Triệu, sẽ lại có cái thảm họa hơn là ở Trường Bình (30) thủa trước. Vậy thì ta giết một Tống Nghĩa, mà cứu sống được tính mệnh cho trăm vạn sinh linh, có gì là quá! Vua các nước đều là chư hầu, đều có chúng dân, có xã tắc, tước thì của thiên vương phong cho, đất thì của thiên vương ban cho. Vậy mà Tần lợi dụng đất cát, ngông cuồng giáp binh, mổ Hàn thịt Triệu, hiếp Ngụy hại Yên, nam thì lừa Sở rồi bắt mà giữ lại, đông thì dối Tề để hãm cho chết đói. Nếu không lật đổ

ngôi Tần và tru diệt họ Tần thì cái hờn cắn nuốt các nước, không biết ngày nào tiêu tan được. Cho nên ta giết một Tử Anh để trả mối thù diệt vong cho sáu nước, có gì là tệ. Ôm bụng trung lương là tiết lớn của kẻ làm tôi. Hàn Sinh thì không thế, khoe mẽ hợm mình, vong ân bội nghĩa, múa lưỡi để chỉ nghị quân thần, khua môi để buông lời sàm báng. Vì vậy ta đem làm thịt, để những kẻ bất trung biết mà răn sợ. Giữ thói tiết kiệm là đức tốt của người làm vua, Thủy Hoàng thì không thế, xây cung ở bên sông, mở đường ở ven núi, đắp nền cho cao bằng những hờn oán của dân, chứa kho cho đầy bằng những máu mỡ của dân. Vì vậy ta đem đốt đi để những vua đời sau biết nên dè sẻn. Nếu lại buộc tội về những điều ấy thì ta trộm lấy làm không phục.

Ông Hồ nói:

- Thế thì sáu kinh trong lửa, đốt sách Thánh nhân, thước kiếm trên sông, giết vua Nghĩa đế, những việc ấy chi mà nhẫn tâm như vậy! Sao bằng người Hán: sợ lỗi phận vua tôi thì nghe lời Đổng công làm việc nhân nghĩa, khiến nền nếp đế vương hầu rối mà lại sáng; sợ thất truyền đạo học thì về đất Khúc Phụ, bày lễ thái lao, khiến dòng nguồn thi thư hầu đứt mà lại nối. Cho nên người ta có câu nói rằng: "Hán được thiên hạ, không ở cất dùng Tiêu, Trương, mà ở việc để trở (31) của ba quân, gợi lòng trung phẫn các hào kiệt; Hán giữ thiên hạ không ở quy mô rộng lớn mà ở việc thân đến tế ở Khúc Phụ (32) , mở nền nương tựa cho đời sau". Nhà vua thì so ví làm sao được với Hán vương.

Hạng vương nghẹn lời không biết nói ra sao, sắc mặt tái như tro nguội. Bên cạnh có một vị lão thần họ Phạm, tiến lên nói rằng:

- Tôi nghe, làm người ta không ngoài trời đất để mà sống, làm chính trị không ngoài cương thường để dựng nước. Bầy tôi của Đại vương đây có người tên là Cữu (33) tiết cứng như tùng, lòng bền tựa đá, sa cơ không chịu sống nhục, liều mình để được thác mà vinh; nếu không phải nhà vua biết cách chống ngự thì sao có sự tử trung ấy! Truyện (34) có nói rằng: "Vua khiến bề tôi lấy lễ, bề tôi thờ vua lấy

trung"; ở Đại vương đây, chính là đã đúng hợp với câu ấy. Chứ như kẻ kia, sai Ung Sỉ giữ đất Phong thì Ung Sỉ đầu hàng, (35) sai Trần Hy (36) coi nước Triệu thì Trần Hy làm phản; đạo cương thường hỏi ai là hơn? Hậu cung của Đại vương có bà họ Ngu, mệnh nhẹ lá thu, hồn theo bóng kiếm, gửi lòng thơm ở ngọn cỏ tịch mịch, chôn hờn oán ở cánh đồng hoang vu (37) , nếu không phải nhà vua biết lẽ cư xử thì sao có sự tận tiết ấy! Kinh Thi có câu rằng: "Dạy vợ mình trước, sẽ trị nhà nước"; ở Đại vương đây chính là đã xứng đáng với câu ấy. Chứ như kẻ kia, Lã Trĩ ngông ngạo mà làm việc dâm tà (38) , Thích Cơ được yêu, rồi đầy thân con lợn (39) ; lẽ cương thường hỏi bên nào hơn? Huống chi như trái lẽ trời mà bảo sẻ chén canh, yêu con bé mà coi thường gốc nước; (40) luân thường cha con hỏi rằng để đâu? Những người nghị luận ở đời sau, chẳng so nặng nhẹ, chẳng xét phải trái, lòng không suy nghĩ, miệng chỉ quàng xiên, đối Hán thì khen ngợi chẳng tiếc lời, đối Sở thì chê bai không tiếc sức, khiến đấĐại vương của chúng tôi trong cõi u minh cứ phải chịu những lời mỉa mai cay độc. Vậy mong những điều nhơ tiếng xấu, phiền ông gột rửa giùm cho, cũng là một việc thú trong cuộc gặp gỡ của chúng ta.

Ông Hồ thấy lời nói cũng hơi có lý, gật đầu hai ba lần, rồi ngoảnh bảo những người theo:

- Các ngươi ghi nhớ lấy.

Rồi đó canh tàn trà cạn, ông đứng dậy từ giã xin về; Hạng vương đưa chân ra đến cửa thì phương đông đã dần sáng rạng. Ông xốc áo vùng dậy, té ra là một giấc chiêm bao, bèn mua rượu và nem bày một lễ cúng ở đầu thuyền trước khi rời khỏi đấy.

Lời bình:

Than ôi, so Sở với Hán thì Hán hơn, sánh Hán với bậc vương đạo, Hán còn xa lắm. Sao vậy? Hồng Môn nổi giận, Thái công tha về, những việc ấy, Sở không phải là bất nhân; nhưng nhân nông mà ác sâu. Làm cỏ Dĩnh Xuyên, (41) giết hại công thần, những việc ấy,

Hán không phải là không có lỗi, nhưng lỗi ít, tốt nhiều. Sở đã đành trái với nhân nghĩa, nhưng Hán cũng chỉ là giống với nhân nghĩa. Họ Hạng nước Sở không được là hạng bá giả mà vua Cao nhà Hán cũng là tẹp nhẹp. Kẻ trị thiên hạ nên tiến lên đến đạo thuần vương, còn Hán Sở nhân với bất nhân, hãy gác ra không cần bàn đến.

Chú thích

(1) Hồ Tông Thốc: người huyện Thổ Thành, nay là xã Thọ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; trú quán tại xã Vô Ngại, huyện Đường Hào nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đời Trần Nghệ Tông (1370-1372) đi sứ nhà Nguyên, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ Thẩm hình viện sự, có tác phẩm Việt sử cương mục và Việt Nam thế chí, Thảo nhàn hiệu tần thi tập, nhưng hiện chỉ còn một bài thơ.

(2) Non nước trăm hai: nhà Tần đóng đô ở Quan Trung, địa thế hiểm yếu, hai người ở trong có thể chống với 100 người ở ngoài.

(3) Nói việc Hạng Vũ đốt cung A Phòng của nhà Tần.

Hàm Cốc: cửa quan hiểm yếu của nhà Tầ

(4) Tiệc ở Hồng Môn, Phạm Tăng định giết Bái Công nhưng Hạng Vũ không nghe. Bái Công thoát về được, Tăng tức giận ném vỡ tan cái đấu ngọc Trương Lương (Hán) biếu. ý câu thơ: đấu ngọc vỡ vụn như tuyết, không còn gì nữa.

(5) Hạng Vũ bị vây ở Cái Hạ, đêm phá vòng vây chạy được đến Âm Lăng, hỏi đường, bị một ông lão nông ghét Sở lừa chỉ đi về phía tả; Vũ nghe theo bị mắc cái đầm lớn không còn đường chạy nữa. Vũ than là "Trời định làm mất ta".

(6) Hạng Vũ chạy đến Ô Giang người lái đò khuyên qua sông sang Giang Đông rồi sẽ tính kế quay về, nhưng Vũ không nghe, tự tử.

(7) Lỗ Công: tước Hạng Vũ được Hoài vương phong từ trước. Khi Vũ thua chết, Hán Cao Tổ lấy lễ công mà chôn cất.

(8) Vạn Thặng: ngôi thiên từ có muôn cỗ xe.

(9) Điền Hoành: họ Điền vốn là họ của Tề Vương, người nước Tần. Khi nước Tề bị diệt, Hoành tự lập làm Tề vương. Khi Hán diệt Hạng Vũ, Hoành đem thuộc hạ chạy ra hải đảo. Hán Cao Tổ sai sứ ra mời hứa phong tước vương, chí ít cũng là tước hầu; còn nếu không theo sẽ đánh. Hoành định theo, nhưng khi gần về đến Lạc Dương lại đổi ý, tự sát. Thuộc hạ đều chết theo.

(10) Hạng Vũ từng phong cho Bái công tước vương ở Ba Thục và Hán Trung.

(11) Con hươu: ví với thiên hạ. Nhà Tần sổ mất con hươu: nhà Tần bị mất thiên hạ.

(12) Chương Hàm: tướng nhà Tần. Hạng Vũ và Hạng Lương đánh quân Chương Hàm ở Đông A hạ, đuổi đến Bộc Dương thì hoàn toàn phá tan.

(13) Tổ Long: miếu thờ Tần Thủy Hoàng. Sứ giả Tần đêm đi qua Hoa Âm, có người ngăn lại bảo "Năm nay Tổ Long chết". Tổ Long chỉ Tần Thủy Hoàng, vì Long (rồng) là hình tượng của vua (Hoàng) ; Tổ là người mở đầu, ứng với chữ Thủy.

(14) Kẻ thổi kèn dệt chiếu: chỉ Giáng hầu Chu Bộ vốn người đất Quyển, sau dời sang đất Bái, thuở hàn vi thường phải dệt rèm trúc, thổi kèn đám ma kiếm sống.

(15) Người cất vạc nhổ núi: chỉ Hạng Vũ. Hạng Lương khiến Hạng Vũ chiêu tập bọn Vu Anh ở Đồ Sơn. Anh nói: "Trong miếu Vũ vương có 3 chiếc vạc đá, nếu xô đổ rồi nhấc bổng lên được thì ta sẽ hàng.” Vũ bèn xô đổ rồi lại dựng lên, sau đó cho một tay vào trong vạc nhấc lên đi vòng trước cửa miếu ba lần, bọn Vu Anh đều bái phục. Chữ nhổ núi (bạt sơn) , xuất phát từ bài ca tuyệt mệnh của Hạng Vũ: Lực bạt sơn hề khí cái thế (sức có thể nhổ núi, khí trùm trời đất) .

(16) Hoài Âm tức Hoài Âm hầu, tước phong của Hàn Tín, tướng giỏi của Lưu Bang. Chung Ly: có lẽ là tướng của Hạng Vũ, chưa rõ điển tích.

(17) á Phụ: tức Phạm Tăng, mưu sĩ giỏi của Hạng Vũ.

(18) Nhụ Tử: có lẽ chỉ Trần Bình, người phụ tá có nhiều mưu lược của Hán Cao Tổ.

(19) Phong Bái, Bành Thành: Phong Bái: chỉ quê hương Hán Cao Tổ, vì ông người ấp Phong, huyện Bái; Bành Thành: đất của Tần. Hạng Vũ diệt Tần, đóng đô ở đấy.

(20) Vương ế: Hạng Vũ bị thua ở Ô Giang, Vũ ngoái nhìn người kỵ binh Hán là Lã Mã Đồng hỏi: "Anh có phải là bạn cũ của ta không?”

Mã Đồng nhận diện rồi chỉ cho Vương ế: "Đây là Hạng vương". Vũ lại hỏi: "Ta nghe nói Hán vương treo giá đầu ta ngàn vàng và tước vạn hộ. Ta cho ngươi đấy!” Nói rồi tự vẫn. Vương ế liền cắt đầu Hạng Vũ nộp cho vua.

(21) Sở ca bốn mặt lệ tràn lan: Hạng Vũ đến Cai Hạ, binh thiếu, lương hết, không đánh thắng được quân Hán lại bị vây bốn mặt. Trương Lương dạy quân Hán hát tiếng nước Sở đêm đến cất tiếng ca. Hạng Vũ nghe thấy bốn bề đều hát những bài ca nước Sở, thất kinh nói: "Hán đã lấy được Sở rồi sao? Sao người Sở đông như vậy?” Rồi đang đêm dậy uống rượu trong trướng, khóc ròng, thuộc hạ đều khóc, không ai ngẩng lên được, quân tướng đều tan rã.

(22) Hai câu này trích trong bài thơ của Vương An Thạch, Tể tướng thời Tống Thần Tông.

(23) Đỗ Mục (803-853) , một nhà thơ có tên tuổi thời Văn Đường; hai câu này trích trong bài Đề Ô Giang đình.

(24) Mệnh ở trời: vua Trụ nhà Thương bạo ngược, trung thần khuyên can thì nói "đã có mệnh trời".

(25) Tân Mãng: Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, đổi quốc hiệu là Tân nên gọi là Tân Mãng. Hán Quang Vũ khởi binh đánh, Mãng nói: "Trời đã sinh đức ở ta, quân Hán làm gì được ta?”

(26) Chém Tống Nghĩa... : Sở Hoài Vương phong Tống nghĩa làm Thượng tướng, hiệu Khanh tử Quán quân, sai đem quân đánh Tần cứu Triệu. Tống Nghĩa trùng trình không tiến quân, Hạng Vũ liền vào trướng chém chết.

(27) Hạng Vũ đem quân đánh Hàm Dương, Tần vương là Tử Anh đã hàng, vẫn bị giết.

(28) Hàn Sinh bị luộc: Hàn Sinh khuyên Hạng Vũ nên đóng đô ở Quan Trung vì thế đất hiểm trở, phì nhiêu, có thể là nơi dựng nghiệp bá được. Vũ thấy cung thất nhà Tần đã bị đốt sạch, có ý muốn trở về Đông liền bảo: "Phú quý mà không trở về cố hương thì như mặc áo gấm đi đêm còn ai biết đến nữa". Hàn Sinh tức lui về nói: "Thế gian nói "người Sở là con khỉ đội mũ" quả như vậy". Chuyện đến tai Vũ, biết Hàn Sinh nói mình, Vũ giận sai giết chết bỏ luộc.

(29) A Phòng... bị thiêu: A Phòng là một dãy cung điện rất lớn liên tiếp nhau đến 300 dặm, cứ 5 bộ có một lầu, 10 bộ có một gác, lại dẫn nước hai con sông lớn vào đến chân tường bao cung điện. Sau bị Hạng Vũ đốt, hiện còn di chỉ ở huyện Tân An, tỉnh Thiểm Tây.

(30) Cái họa Trường Bình: Liêm Pha đóng quân ở Trường Bình, cố thủ không ra đánh. Triệu vương cho Triệu Quát đến thay. Quát đổi luật lệnh, dùng người dễ dãi, mở cửa thành đánh Tần, trúng kế kỳ binh của Vũ Anh Quân bị đại bại. Hơn 40 vạn quân Triệu đều hàng Tần, bị Vũ Anh Quân lừa giết chết hết.

(31) Hạng Vũ giết vua Nghĩa đế nước Sở, Hán vương theo mưu kế của Đổng công cho ba quân để tang, gợi lòng trung nghĩa của họ và kích động hào kiệt trong thiên hạ.

(32) Khúc Phụ: quê hương Khổng Tử.

(33) Cữu: Tào Cữu, Đại Tư mã nước Sở. Hạng vương sai Cữu giữ thành Cao, dặn cố thủ không được đánh. Quân Hán khiêu chiến mấy lần không được liền dùng kế nhục mạ Cữu suốt mấy ngày. Cữu nổi giận đem quân vượt sông Tỵ thủy mà đánh. Quân lính mới sang được nửa sông thì bị đánh bại, vật báu của nước Sở đều bị lấy hết; Cữu và Tư Mã Hân đều tự tử chết.

(34) Truyện: chỉ sách Luận ngữ. Câu này trích trong thiên Tử Hãn.

(35) Ung Sỉ: trước theo Hán Cao Tổ được sai giữ đất Phong. Khi Phong bị Ngụy chiếm, Sỉ hàng Ngụy, Hán Cao Tổ không có đường về phải dời sang đất Bái.

(36) Trần Hy: Hán Cao Tổ phong Trần Hy làm Tướng quốc coi quân biên. Sau Trần Hy cùng Vương Hoàng làm phản, tự lập làm vương, cướp phá Triệu, Đại.

(37) Hạng Vũ cùng đường ở Cai Hạ, vợ là Ngu Cơ tự tử để chồng khỏi vướng víu bịn rịn. Tục truyền trên mộ nàng mọc lên một thứ cỏ thơm gọi là cỏ "Ngu mỹ nhân".

(38) Lã Trĩ là hoàng hậu của Hán Cao Tổ (cũng gọi là Lã Hậu) , khi còn ở trong quân Hạng vương làm con tin cùng Thẩm Tự Kỳ vốn đã thích nhau, sau Lã Hậu ở góa, nhớ tình xưa nghĩa cũ liền tư thông. Sợ người trong cung biết, Lã Hậu bèn giấu Thẩm sau giá treo áo.

(39) Thích Cơ là vợ lẽ yêu của Hán Cao Tổ. Sau khi vua chết nàng bị Lã Hậu chặt cụt chân tay, khoét mắt chọc tai vứt vào chuồng lợn gọi là lợn người.

(40) Hạng vương bắt cha Lưu Bang là Thái công dọa làm thịt. Lưu bang nói: "Cha ta cũng là cha mày, có làm thịt xin cho bát nước canh".

Triệu Vương Như ý là hoàng tử do người thiếp yêu Thích Cơ sinh, vì vậy Hán Cao Tổ đã định phế truất ngôi Thái tử của con cả để lập Triệu Vương.

(41) Làm cỏ Dĩnh Xuyên: Chỉ việc Hán Cao Tổ tru di ba họ Bành Việt và nhiều bề tôi khác. Bành Việt là người có công giúp Hán diệt Sở, thống nhất thiên hạ.

Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu

Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giầu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lề thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bỡi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền.

Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

- Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.

Trọng Quỳ thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng:

- Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng

phiên, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kình nghê, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê.

Sinh không đừng được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam.

Không ngờ lòng giời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị.

Bấy giờ có quan tướng quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu thị muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền bạc đến khẩn cầu. Lưu thị bằng lòng, rồi nhân lúc vắng vẻ, bảo Nhị Khanh rằng:

- Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm vị, ngày tháng hoang chơi, triều chính đổ nát, họa loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối; mà Phùng lang từ ngày ra đi, thấm thoắt đã sáu năm nay, tin tức không thông, mất còn chẳng rõ. Lỡ ra gặp lúc rồng tranh hổ chọi, phải khi bướm dại ong cuồng, Tra Lợi mắc vào tay (4) , áp Nha không sẵn mặt (5) , chỉ e Chương Đài tơ liễu, (6) trôi bay đi đến tận phương nào. Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe, lấp những lời giăng gió cợt trêu, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ trọi, sống cái đời sương phụ buồn tênh.

Nhị Khanh nghe nói sợ hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu thị tuy biết chí nàng không chuyển động, nhưng cố định lấy lễ nghi để cưỡng ép, hôn kỳ đã rắp sẵn sàng.

Nhị Khanh một hôm bảo người bõ già rằng:

- Chú là người đầy tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ đến sự đền đáp ơn đức của người xưa ư?

Bõ già nói:

- Tùy ý mợ muốn sai bảo gì tôi xin hết lòng.

Nhị Khanh nói:

- Ta sở dĩ nhịn nhục mà sống là vì ngPhùng lang hãy còn; nếu chàng không còn thì ta đã liều mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chú có thể vì ta chịu khó lặn lội vào xứ Nghệ hỏi thăm tin tức cho ta không?

Người bõ già vâng lời ra đi. Bấy giờ binh lửa rối ren, đường sá hiểm trở, hắn phải lận đận đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ An. Hắn đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, lại vì con trai hư, nên gia tư đã sạch sành sanh, đáng phàn nàn quá!

Người bõ già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng Sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì thấy một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn, không còn cái gì đáng giá. Sinh bảo người bõ già rằng:

- Quan nhà không may, thất lộc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh qua nghẽn trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh.

Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà, vợ chồng cũng trông nhau mà khóc. Đêm hôm ấy buồng loan chung gối, Sinh ngâm một bài thơ rằng:

ức tích bình sinh nhật,

Tăng hài khế hợp nhân

Cảm quân tình thái hậu

Tiếu ngã mệnh chung truân.

Biệt quệ phân huề tảo,

Trường đình khuyến ẩm tần.

Y y sầu lĩnh kiệu,

Nhiễu nhiễu cách phong trần.

Cộng ước nhân thiên lý,

Tương vương nguyệt bán

Xâm tầm nhàn lục tải,

Linh tạ trướng song thân.

Phạ thụy Hoành sơn hiểu

Hành ca Diễn thủy tân.

Đăng lâu Vương Xán lệ,

Xách cú Đỗ Lăng cân.

Trúc thạch nan y tục

Cầm tôn bất liệu bần.

Tha hương lao ký mục,

Cố quốc trọng thương thần.

Phóng lãng phi ngô sự,

Yêm lưu bệnh thử thân.

Ninh tri Bồng Đảo khách,

Dao dạt Cẩm Giang lân.

Thái Thạch trùng di trạo,

Hoàng Cô lưỡng vấn tân.

Kỷ niên Vu Giáp mộng,

Nhất đán Vũ Lăng xuân.

Hồ điệp giao tình cựu,

Uyên ương biến thái tân.

Khinh huyên Đường Quắc quốc,

Mỹ mạn Tống Đông lâ

Lục ám oanh thanh sáp,

Hồng hy yến tử sân.

Hiệp du kim Đỗ Mục,

Kỳ ngộ cổ Lưu Thần.

Ngàm vịnh liêu tùy hứng,

Phong lưu khẳng nhượng nhân.

Hội ưng truyền thắng sự,

Mệnh bút ký Chu Tần.

Dịch:

Nhớ từ năm hãy ngây thơ

Đôi ta sớm đã xe dây Tấn Tần

Tình em thắm đượm vô ngần

Số anh riêng lắm gian truân cũng kỳ.

Chia tay một sớm ra đi,

Trường đình chén rượu phân ly rước mời.

Sầu treo đỉnh núi chơi vơi,

Mịt mù gió bụi cách vời xa xăm.

Bắc Nam nghìn dặm âm thầm,

Trăng cài nửa mảnh đăm đăm bên trời.

Sáu năm vùn vụt đưa thoi,

Thông già huyên héo ngậm ngùi nhớ thương

Từng khi ngủ dưới Đèo Ngang,

Từng khi bến Diễn (7) ngâm vang điệu sầu.

Lệ tuôn, Vương Xán lên lầu, (8)

Sầu ôm, Đỗ Phủ ngâm câu cảm hoài, (9)

Rượu đàn trúc đá ham chơi,

Càng nghèo càng cảm thấy đời bê tha.

Mắt mòn trông ngóng quê nhà,

Lòng đau nghĩ nỗi phương xa lạc loài.

Người mà đến thế thì thôi,

Đời phiên lãng chỉ là đời bỏ đi.

Hay đâu tin đến bất kỳ, (10)

Người tiên còn vẫn yêu vì chưa thôi.

Bến tiên khách lại trùng lai,

Mộng say Đỉnh Giáp, xuân tươi Nguồn Đào. (11)

Uyên bơi bướm giỡn xôn xao,

Vẻ nào chẳng đượm, nét vào chẳng ưa!

Đầy vườn lục rậm hồng thưa,

Con oanh cái én ơ hờ nhớ xuân.

Duyên may Đỗ Mục, Lưu Thần,

Thú Phong Lưu dễ nhượng phần cho ai.

Việc nên truyền lại lâu dài,

Bút hoa mượn thảo mấy lời vân vân.

Hai người vì xa cách nhau lâu, nên nay tình ái bội phần nồng đượm, sự vui sướng không còn phải nói.

Song sinh vì quen thân phóng lãng, thuộc tính chơi bời, về nhà ít lâu rồi nết cũ lại đâu đóng đấy, hằng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bê tha lêu lổng. Sinh thì thích Đỗ có tiền nhiều. Đỗ thì ham Sinh có vợ đẹp. Nhưng khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi dử Sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng:

- Những người lái buôn phần nhiều là giảo quyệt, đừng nên chơi thân với họ; ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem.

Sinh không nghe. Một hôm Sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc. Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để đánh và đòi Sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳ quen mui vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa

gieo quân. Trọng Quỳ gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét; cử tọa cũng đều ngơ ngác buồn rầu hộ.

Trọng Quỳ phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và yên ủi rằng:

- Tôi vì nỗi nghèo nó bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tụ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều chuộng hắn, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc.

Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng:

- Bỏ nghèo theo giầu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giời xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chồng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dong nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đối với chàng xưa nay. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giã các con một chút.

Đỗ cả mừng, rót đầy một chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng:

- Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi.

Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết.

Đỗ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quỳ hối hận vô cùng, sắm đồ liệm táng tử tế rồi làm một bài văn tế rằng:

Hỡi ơi nương tử!

Khuê nghi đáng bậc,

Hiền đức vẹn mười.

Tinh thần nhã đạm,

Dáng điệu xinh tươi.

Khi về với ta,

Vợ chồng thân thiết.

Ai biết giữa đường,

Phút nên ly biệt.

Cha làm quan xa,

Ta theo hầu hạ.

Trải sáu năm dư,

Bặt tin nhạn cá.

Buồng xuân trướng lạnh.

Hạoán vượn sầu.

Than ôi đường trước,

Gieo neo đến đâu!

Bên giời góc bể,

Nệm khách lẻ loi.

Tin nhà chợt đến,

Ngựa về quất roi,

Sắt cầm dìu dặt,

Lại gắn keo loan.

Vừa vui sum họp,

Phút bỗng lìa tan.

Ta sao bạc quá!

Nàng đáng thương thay!

Nói năng gì nữa,

Đã đến nỗi này.

Hoa bay trước viện,

Quế rụng giữa trời.

Phù dung ủ rũ,

Dương liễu tả tơi.

Phong cảnh còn đây,

Người đã xa chơi.

Lấy gì độ em?

Một lễ lên chùa.

Lgì khuây em?

Duyên sau đền bù.

Non mòn bể cạn,

Mối hận khôn khuây.

Hỡi ôi nương tử,

Hâm hưởng lễ này. (13)

Trọng Quỳ đã góa vợ, rất ăn năn tội lỗi của mình, song sinh kế ngày một cùng quẫn, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh của mọi người làng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy Hóa, (14) bèn tìm đến để mong nhờ vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng:

"Có phải Phùng lang đấy không? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì ngày ấy tháng ấy xin đến chờ thiếp ở cửa đền Trưng Vương (15) . Ân tình thiết tha, đừng coi là âm dương cách trở".

Sinh lấy làm lạ tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đúng hẹn đến trước đền ấy. Song đến nơi chỉ thấy bóng tà rọi cửa, rêu biếc đầy sân, năm ba tiếng quạ kêu ở trên cành cây xao xác. Sinh buồn rầu toan về thì mặt trời đã lặn, bèn ngả mình nằm ở một tấm ván nát trên một cái cầu. Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở từ xa rồi gần; khi thấy tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng, nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với Sinh rằng:

- Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được!

Trọng Quỳ chỉ tự nhận tội lỗi của mình; nhân hỏi đầu đuôi, Nhị Khanh nói:

- Thiếp sau khi mất đi, Thượng đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những sớ văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi; nếu không thì nghìn thu dằng dặc chẳng biết đến bao giờ được gặp gỡ nhau.

Trọng Quỳ nói:

- Sao em đến chậm thế!

Nhị Khanh nói:

- Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì cớ có chàng nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đấy; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.

Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò thủ thỉ. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày:

- Thiếp thường theo chầu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Binh tuất, (16) binh cách nổi lớn, số người bị giết tróc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người giồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bền chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.

Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoắt chốc thì biến đi mất.

Trọng Quỳ bèn không lấy ai nữa, chăm chỉ nuôi hai con cho nên người. Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội. Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu.

Lời bình:

Than ôi, người con gái có ba đạo theo, theo chồng là một. Nàng Nhị Khanh chết, có quả là đã theo chồng không? Thưa rằng không. Đời xưa bảo theo, là theo chính nghĩa chứ không theo tà dục. Chết hợp với nghĩa, có hại gì cho cái đạo theo. Theo nghĩa tức là theo chồng đó. Có người vợ như thế mà để cho phải hàm oan. Trọng Quỳ thật là tuồng chó lợn. Muốn tề được nhà, phải trước tự sửa mình lấy chính, khiến cho không thẹn với vợ con, ấy là không thẹn với trời đất.>

(1) Khoái Châu: tên huyện, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(2) Đông Quan: tên gọi Thăng Long dưới thời thuộc Minh.

(3) Duyên Châu Trần: Trung Quốc thời cổ ở huyện Phong thuộc Từ Châu có thôn Châu Trần. Trong thôn chỉ có hai họ Châu Trần đời đời kết hôn với nhau, vì thế trong văn chương Châu Trần thành điển cố để nói về chuyện hôn nhân.

(4) Tra lợi: Hàn Hoành có tài thị phú, làm quan dưới thời vua Đức Tông nhà Đường. Thủa hàn vi có người hiệp sĩ là Lý Sinh đem vợ lẽ yêu và đẹp là Liễu Thị tặng cho, lại giúp cho một số tiền lớn. Sau gặp loạn vợ chồng mỗi người mỗi nơi, Liễu Thị giữ tiết với chồng cắt tóc đi tu ở chùa Pháp Linh. Khi hết loạn, Hoành thuê người đi tìm, có bài thơ rằng: "Chương đài liễu! Tích nhật thanh thanh Kim tại Phủ? Túng sử trường điền tự cựu thùy, Dã ưng phan thiết tha nhân thủ! Nghĩa là: Chương đài liễu xanh xanh ngày trước, Nay còn chăng tha thướt ỏe oai? Ví còn tha thướt cành dài, Bẻ vin chắc đã tay ai khỏi nào! Liễu được thơ cũng làm một bài đáp lại. Nhưng khi Hàn về thì Liễu đã bị tướng Phiên là Sa Tra Lợi bắt đi. Hiệp khách Hứa Tuấn thương Hoành đột nhập vào phủ tướng Phiên cướp được Liễu Thị đem về trả cho Hoành. Hai người lại được đoàn viên.

(5) Đời Đường, Lưu Vô Song là vợ chưa cưới của Vương Tiên Khách. Gặp loạn, nàng bị bắt vào cung. Tiên Khách nhờ được nghĩa sĩ Cổ áp Nha dùng kế đưa thuốc vào cho Vô Song. Uống xong nàng chết. áp Nha giả làm người thân xin chuộc xác nàng mang ra. Đến ngoài, thuốc nhạt, nàng tỉnh lại, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

(6) Xem chú thích (4) cùng chuyện.

(7) Bến Diễn: có lẽ là một bến sông thuộc Nghệ An.

(8) Vương Xán: tên tự là Trọng Tuyên, người thời Tam quốc, chạy loạn Đổng Trác, nương náu tại nhà Lưu Biển chốn Kinh Châu; Xán thường lên lầu làm bài phú để tỏ nỗi nhớ nhà.

(9) Đỗ Phủ (712-770) : hiệu là Thiếu Lăng, là một nhà thơ lớn đời Đường, có Đỗ Lăng tậ

(10) Từ câu này đến cuối bài thơ dịch giả tóm tắt, cốt giữ ý và thần câu thơ, không dịch sát nguyên văn. Vì thấy tứ thơ vẫn được giữ đầy đủ nên chúng tôi không hiệu chỉnh.

(11) Đỉnh giáp: Tức Vu Giáp, theo bài Cao đường phú của Tống Ngọc, giữa đầm Vân Mộng có quán Cao Đường. Tại đây Sở Hoài Vương ngủ ngày chiêm bao thấy thần nữ đến hầu chăn gối. Hỏi thì nàng nói là thần nữ núi Vu Sơn, sớm làm mây tối làm mưa ở chốn Dương Đài. Sau trong văn học, Vu Sơn, Vu Giáp, Cao Đường thường dùng làm điển để biểu đạt chuyện chăn gối ái ân trai gái.

Nguồn đào: Theo Đào hoa nguyên ký của Đào Tiền thì có người đánh cá ở Vũ Lăng theo suối lạc vào rừng đào. ở đấy chàng gặp một thôn xóm thanh bình, hỏi thì được biết họ là những người lánh nạn nhà Tần vào trú ngụ. Nguồn đào đây chỉ xóm tiên.

(12) Đỗ Mục: xem chú thích (23) , Câu chuyện ở đền Hạng Vương. Lưu Thần: Lưu Thần và Nguyễn Triệu người đời Hán, khoảng đầu công nguyên vào núi hái thuốc, lạc đến động tiên, được kết duyên cùng tiên nữ. Được nửa năm, hai người nhớ nhà đòi về. Nhưng đến nhà thì không còn ai quen biết, đã qua bảy đời từ khi hai chàng ra đi. Hai chàng buồn rầu muốn trở lại cõi tiên nhưng không tìm thấy lối cũ đâu nữa.

(13) Bài này lược phần phiên âm.

(14) Quy Hóa: nguyên chú "thuộc xứ Hưng Hóa", nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

(15) Đền Trưng Vương: nguyên chú "tại xã Hát Giang, huyện Phú Lộc", nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(16) Bính tuất: Năm này ở đây là 1406.

Chuyện cây gạo (*)

Trình Trung Ngộ là một chàng trai đẹp ở đất Bắc Hà, nhà rất giàu, thuê thuyền xuống vùng nam buôn bán. Chàng thường đỗ thuyền ở dưới cầu Liễu Khê rồi đi lại vào chợ Nam Xang (1) . Dọc đường, hay gặp một người con gái xinh đẹp, từ Đông thôn đi ra, đằng sau ć một ả thị nữ theo hầu. Chàng liếc mắt trông, thấy là một giai nhân tuyệt sắc. Song đất lạ quê người, biết đâu dò hỏi, chỉ mang một mối tình u uất trong lòng. Một hôm khác, chàng cũng gặp lại, muốn kiếm một lời nói kín đáo để thử khêu gợi, nhưng người con gái đã xốc xiêm rảo bước, và bảo với con hầu gái:

- Ta lâu nay rượu xuân quá chén, mê mệt nằm dài, hầu nửa năm trời, không lên chơi cầu Liễu Khê lần nào cả, chẳng biết giờ phong cảnh ra sao. Đêm nay nên thăm qua cảnh cũ, để được khuây giải chút tình u uất ở trong lòng, vậy em có đi theo ta không?

Con hầu vâng lời.

Trung Ngộ nghe lỏm lấy làm mừng lắm. Tối hôm ấy, chàng đến bên cầu chờ sẵn. Đêm khuya người vắng, quả thấy người con gái cùng ả thị nữ mang theo đến một cây hồ cầm, đi tới đầu cầu, thở dài mà nói rằng:

- Nước non vẫn nước non nhà, cảnh còn như cũ người đà khác xưa, làm sao khỏi cảm động bùi ngùi cho được!

Bèn ngồi tựa vào bức lan can trên cầu, ôm đàn gẩy mấy bài Nam cung, mấy điệu Thu tứ. Một lúc nàng bỏ đàn đứng dậy nói rằng:

- Giải niềm u uất, muốn mượn tiếng đàn; song điệu cao ý xa, đời làm gì có kẻ tri âm hiểu được cho mình, chẳng bằng về cho sớm còn hơn.

Trung Ngộ liền bước rảo tới trước mặt nàng, vái chào mà rằng:

- Chính tôi là người tri âm mà nương tử đã không biết đấy.

Người con gái giật mình nói:

- Vậy ra chàng cũng ở đây ư? Thiếp đã từng nhiều lần được chàng đoái tới, ơn ấy thật vẫn ghi lòng. Chỉ vì ở đường sá vội vàng, không tiện tỏ bày chung khúc. Giờ nhân đêm vắng, dạo bước nhàn du, không ngờ chàng lại đã đến trước ở đây. Nếu không phải duyên trời, sao lại có sự gặp gỡ may mắn như vậy. Song hạt châu hạt ngọc ở bên, thiếp chẳng khỏi tự xét thấy mình nhơ bẩn, thực thấy làm e thẹn vô cùng

Chàng hỏi họ tên và nhà cửa. Nàng chau mày nói:

- Thiếp họ Nhị tên Khanh, là cháu gái của ông cụ Hối, một nhà danh giá trong làng. Hai thân mất sớm, cảnh nhà đơn hàn. Mới đây bị người chồng ruồng bỏ, thiếp phải dời ra ở bên ngoài lũy làng. Nghĩ đời người ta, thật chẳng khác gì giấc chiêm bao. Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui. Kẻo một sớm chết đi, sẽ thành người của suối vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan lạc ái ân, cũng không thể được nữa.

Hai người bèn đưa nhau xuống dưới thuyền, người con gái sẽ bảo chàng rằng:

- Thân tàn một mảnh, cách với chết cũng chẳng bao xa. Ngày tháng quạnh hiu, không người săn sóc. Nay dám mong quân tử quạt hơi dương vào hang tối, thả khí nóng tới mầm khô, khiến cho tía rụng hồng rơi, được trộm bén xuân quang đôi chút, đời sống của thiếp như thế sẽ không phải phàn nàn gì nữa.

Bèn cùng nhau ân ái hết sức thỏa mãn. Nàng có làm hai bài thơ để ghi cuộc hoan lạc như sau:

I

Cùng diêm cửu khốn ngọ miên trì,

Tu đối tân lang ngữ biệt ly.

Ngọc duẩn chỉnh tà châu xuyến tử,

Hương la thoát hoán tú hài nhi.

Mộng tàn bán chẩm mê hồ điệp,

Xuân tận tam canh oán tử quy.

Thử khứ vị thù đồng huyệt ước,

Hảo tương nhất tử vị tâm tri.

Giấc xuân mê mệt chốn hoang liêu,

Bỗng sượng sùng thay cuộc ấp yêu.

Măng ngọc (2) vuốt ve nghiêng xuyến trạm,

Dải là cởi tháo trút hài thêu

Mộng tân gối bướm bâng khuâng lạc,

Xuân hết cành quyên khắc khoải kêu.

Đồng huyệt chưa tròn nguyền ước ấy,

Vì nhau một thác sẵn xin liều.

II

Giai kỳ nhẫn phụ thử lương tiêu

Túy bão ngân tranh bát phục khiêu...

Ngọc yến nhiệm dung trâm trụy kế,

Kim thuyền kỳ phạ thúc tiêm yêu.

Yên thư đường ngạc hồng do thấp,

Hãn thối mai trang bạch vị tiêu.

Tảo vãn kết thành loan phượng hữu,

Phong thần nguyệt tịch nhiệm chiêu yêu.

Dịch:

Đêm đẹp này đâu nỡ bỏ hoài,

Ôm tranh nhẹ bấm một đôi bài.

Đầu cài én ngọc (3) hình nghiêng chếch,

Lưng thắt ve vàng (4) dáng ỏe oai.

Đường (5) lúc nở rồi hồng đượm ướt,

Mai khi rã hết trắng chưa phai.

Phượng loan sớm kết nên đôi lứa,

Gió sớm giăng khuya thỏa cợt cười.

Trình vốn là lái buôn, biết ít chữ nghĩa nên nàng giải nghĩa rõ ràng cho hiểu. Trung Ngộ rất khen ngợi mà rằng:

- Văn tài của nàng, không kém gì Dị An (6) ngày xưa.

Nàng cười mà rằng:

- Người ta sinh ở đời, cốt được thỏa chí, chứ văn chương thời có làm gì, chẳng qua rồi cũng nắm đất vàng là hết chuyện. Đời trước những người hay chữ như Ban Cơ, Sái Nữ (7) nay còn gì nữa đâu. Sao bằng ngay trước mắt, tìm thú vui say, để khỏi phụ mất một thời xuân tươi tốt.

Trời gần sáng, nàng từ biệt ra về. Từ đấy đêm nào họ cũng đến với nhau. Trải hơn một tháng, bọn bạn buôn có người biết chuyện bảo với Trung Ngộ rằng:

- Bác ở chỗ đất khách quê người, nên biết giữ mình thận trọng, xa lánh những sự hiềm nghi. Chớ nên giở nết gió trăng quyến phường hoa liễu. Như người con gái ấy chẳng tường duyên do gốc gác, nếu không là cô ả nũng nịu ở chốn buồng thêu, thì tất cũng dì bé yêu chiều ở nơi gác gấm. Nay bác cứ như vậy, lỡ một sớm cơ sự khó giấu, thanh tích lộ ra, trên thì bị hình pháp lôi thôi, dưới không có họ hàng cứu giúp, bấy giờ thì bác tính thế nào. Chi bằng đã trót gian díu thì nên tìm đến gốc tích nhà cửa, rồi hoặc ruồng bỏ như Xương Lê với nàng Liễu Chi (8) hoặc đèo bòng, như Lý Tĩnh với nàng Hồng Phất (9) , thế mới là kế vạn toàn được.

Trung Ngộ khen phải, rồi một hôm chàng bảo

- Tôi vốn là một người viễn khách, tình cờ kết mối lương duyên, nhưng đối với giai nhân, cửa nhà chưa rõ, tung tích không tường, trong bụng rất lấy làm áy náy.

Nàng nói:

- Nhà thiếp vốn không phải xa xôi là mấy. Nhưng nghĩ chúng mình gặp gỡ, chẳng qua là một cuộc riêng tây. Chỉ thuyền quyên ghen ghét, tai mắt nghi ngờ, đánh vịt mà kinh uyên, đốt lan mà héo huệ. Cho nên thà mang sao mà đến, đội nguyệt mà về, khỏi để mối lo cho lang quân đó thôi.

Song Trung Ngộ cố nài; nàng cười mà rằng:

- Chỉ vì nhà thiếp xấu xa, nên hổ thẹn mà muốn giấu giếm. Nhưng nay chàng đã cố muốn biết, vâng thì thiếp xin đưa về.

Rồi đó canh ba, đêm hôm ấy, nhân lúc đêm đen trời tối, hai người cùng đi đến Đông thôn. Khi đến một chỗ, chung quanh có bức hàng rào bằng gióng tre, thỉnh thoảng chen lẫn vào vài khóm lau khô,

trong có túp nhà gianh nhỏ lụp sụp, dây bìm leo đầy lên vách và lên mái, nàng trỏ bảo chàng rằng:

- Đây, nhà của thiếp đây, cứ đẩy cửa vào ngồi chơi để thiếp đi kiếm cái lửa.

Trình cúi đầu qua dưới mái gianh, vào tạm ngồi ở chỗ bờ cửa. Thỉnh thoảng có cơn gió thổi, chàng thoáng thấy một mùi tanh thối khó chịu. Đương kinh ngạc không biết mùi gì, bỗng trong nhà có bóng đèn sáng. Chàng trông vào, thấy ở gian bên phía tả kê một chiếc giường mây nhỏ, trên giường để một cỗ áo quan sơn son, trên quan phủ một tấm the hồng, dùng ngân sa đề vào mấy chữ "Linh cữu của Nhị Khanh". Cạnh cữu có người con gái nặn bằng đất tay ôm cây hồ cầm đứng hầu.

Trung Ngộ thấy vậy, sởn gai, dựng tóc, tất tả nhảy choàng ra khỏi cái nhà ấy. Song chàng vừa chạy thì người con gái đã cản đường mà bảo:

- Chàng đã từ xa lại đây, quyết không có lý nào còn trở về nữa. Phương chi trong bài thơ bữa nọ, thiếp chả đã từng lấy cái chết mà hẹn hò nhau. Xin sớm theo nhau đi, cho được thỏa nguyền đồng huyệtm vò võ một mình như vậy, lẽ đâu nay thiếp lại để cho chàng về.

Nói rồi nàng sấn lại nắm vạt áo chàng. Nhưng may vạt áo cũ bở, chàng giật rách mà chạy được thoát; về đến cầu Liễu Khê, hầu như kẻ mất hồn không nói được nữa.

Sáng hôm sau nhân đến Đông thôn hỏi thăm, quả có người cháu gái của ông cụ Hối, mới 20 tuổi, chết đã nửa năm, hiện quàn ở ngoài đồng ngay bên cạnh làng. Từ đấy Trung Ngộ sinh ra ốm nặng. Còn Nhị Khanh cũng thường qua lại, có lúc đứng trên bãi sông gọi eo éo, có lúc đến bên cửa sổ nói thì thào. Trung Ngộ cũng vẫn thường ứng đáp với nàng và muốn vùng dậy để đi theo. Người trong thuyền phải lấy dây thừng trói lại thì chàng mắng:

- Chỗ vợ ta ở có lâu đài lộng lẫy, có hương hoa ngạt ngào, ta phải đi theo chứ không thể luẩn quẩn trong chốn bụi hồng này được; can dự gì đến các người mà dám đem dây trói buộc ta thế này.

Một đêm, người trong thuyền ngủ say, đến sáng thức dậy thì thấy mất Trung Ngộ. Họ vội đến Đông thôn tìm, thấy chàng đã nằm ôm quan tài mà chết, bèn phải thu liệm chôn ngay ở đấy. Từ đó về sau, phàm những đêm tối trời, người ta thường thấy hai người dắt tay nhau đi dạo, khi thì hát, khi thì khóc. Hai người thường bắt người ta phải khấn cầu lễ bái, hễ hơi không được như ý thì làm tai làm vạ. Người làng đấy không thể chịu được mọi nỗi khổ hại, họ bèn đào mả phá quan tài của chàng, rồi cùng cả hài cốt của nàng, vứt bỏ xuống sông cho trôi theo dòng nước.

Trên bờ sông ấy có một cái chùa, chùa có cây gạo rất cổ tương truyền là đã sống được hơn trăm năm. Linh hồn của hai người bèn nương tựa vào cây gạo ấy làm yêu làm quái, hễ ai động đến cành lá cây gạo thì dao gẫy rìu mẻ, không thể nào đẵn phạt được.

Trong năm Canh Ngọ (1330) niên hiệu Khai Hựu nhà Trần, có vị đạo nhân một đêm vào nằm ngủ trong cái chùa ấy. Giữa lúc sông quạnh trăng mờ, bốn bề im lặng, đạo nhân thấy một đôi trai gái, thân thể lõa lồ mà cùng nhau cười đùa nô giỡn, một lát, đến gõ thình lình gọi hỏi trong chùa. Đạo nhân cho là đôi trai gái lẳng lơ đêm trăng dắt nhau đi chơi, khinh bỉ cái phẩm cách của họ, nên cứ đóng cửa nằm im, không thèm đánh tiếng. Sáng hôm sau, đạo nhân đem sự việc trông thấy thuật chuyện với một ông già trong thôn mà phàn sao dân phong tồi tệ như vậy. Ông già nói.

- Ngài không biết, đó là giống yêu quỷ, chúng đến ở nay trên cây gạo đã mấy năm nay; ước sao có thanh kiếm trừ tà, để trừ cho dân chúng tôi giống yêu quỷ ấy.

Đạo nhân trầm ngâm một lúc lâu rồi nói.

- Ta vốn lấy việc cứu giúp mọi người làm nhiệm vụ, cái việc mắt ta trông thấy, nếu chẳng đem pháp thủ ra tức là thấy người chết đuối

mà không cứu vớt.

Rồi đạo nhân vời họp người làng, lập một đàn tràng cúng tế, viết ba đạo bùa, một đạo đóng vào cây gạo, một đạo thả chìm xuống sông, còn một đạo đốt ở giữa trời, đoạn quát to lên rằng:

- Những tên dâm quỷ, càn rỡ đã lâu, nhờ các thần linh, trừ loài nhơ bẩn, phép không chậm trễ, hỏa tốc phụng hành.

Một lúc, mây gió nổi lên đùng đùng, người đứng cách mấy thước không trông thấy nhau, dưới sông thì sóng tung cuồn cuộn vang trời động đất. Sau một hồi, gió lặng mây quang, thấy cây gạo đã bị nhổ bật, cành cây gẫy nát và bị tước như tước dây vậy. Kế nghe thấy trong không có tiếng roi vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên trông có sáu bảy trăm lính đầu trâu gông trói hai người mà dẫn đi.

Người làng đem rất nhiều tiền của để tạ ơn vị đạo nhân, nhưng đạo nhân phất áo đi vào non sâu, không lấy một tí gì cả.

- ----------

Lời bình:

Than ôi cái giống ma quỷ, tuy từ xưa không phải cái nạn đáng lo cho người thiên hạ, nhưng kẻ thất phu đa dục thì thường khi mắc phải. Trung Ngộ là một gã lái buôn không có tri thức, không đủ trách vậy. Vị đạo nhân kia vì người trừ hại, công đức lớn lao; nhà bình luận công bằng sau này, phải nên biết đến. Không nên lấy cớ huyễn thuật mà cho là chuyện nhảm, bảo rằng dị đoan mà dìm mất cái hay, ngõ hầu mới hợp cái ý nghĩa người quân tử trung hậu đối với người k

Chú thích

(*) Nguyên văn: Mộc miên thụ truyện.

1. Chợ Nam Xang: chợ ở huyện Nam Xang tức huyện Lý Nhân, nay thuộc tỉnh Hà Nam.

2. Măng ngọc: ngón tay.

3. é ngọc: chiếc thoa cài đầu chạm hình con chim én.

4. Lưng thắt ve vàng: lưng mỹ nhân thon, chẽn lại như lưng con ve.

5. Đường: hoa hải đường, thường ví với vẻ đẹp của thiếu nữ.

6. Dị An: Lý Thanh Chiếu, vợ của Triệu Minh Thành, Lý Cách Phi, người đất Tế Nam, có tài văn thơ, đặc biệt là thể từ, được coi là một đại thi gia đời Tống. Dị An cư sĩ là tên hiệu, bà có tập Thấu ngọc từ còn truyền ở đời.

7. Ban Cơ: tên là Chiêu, em gái Ban Siêu đời Hán, có tài học, triều vua Hòa đế được triệu vào cung để dạy học; các hoàng hậu, quý nhân đều phải thờ làm thầy. Có làm ra 7 thiên Nữ giới và làm tiếp sách Hán thư.

Sái nữ: là nàng Sái Diệm, con gái Sái Ung đời Hán, có văn tài và hiểu âm luật, làm ra 18 khúc hát Hồ già.

8. Hàn Dũ là một văn hào làm quan đời Đường được phong là Xương Lê bá. Hàn có hai người nàng hầu là Giáng Đào và Liễu Chi. Khi Hàn đi vắng, Liễu Chi bỏ trốn, người nhà đuổi theo bắt về được. Sau Hàn về, chỉ yêu dấu Giáng Đào và ruồng bỏ Liễu Chi.

9. Hồng Phất: phất trần đỏ, tên thật là ứng Trần hầu thiếp của Dương Tố đời Đường. Nàng có nhan sắc và hay chữ; khi đứng hầu thường cầm phất trần đỏ nên thành tên. Một lần Lý Tĩnh vào thăm Dương Tố, Hồng Phất đưa mắt nhìn quyến luyến. Đêm đó nàng mặc áo tía, đội mũ trốn đến nhà Lý Tĩnh gõ cửa. Tĩnh mời vào nàng cởi bỏ áo mũ nói: "Thiếp là người cầm phất trần đỏ ở nhà họ Dương đây mà, xin đem thân cát đằng nương bóng quân". Rồi hai người đưa nhau lên Thái Nguyên kết làm vợ chồng

Chuyện gã trà đồng giáng sinh (*)

Dương Đức Công tên là Tạc, người phủ Thường Tín xứ Sơn Nam (1) . Về triều vua Huệ Tông nhà Lý (2) , ông làm quan coi việc hình án trấn Tuyên Quang (3) xét rõ mọi điều oan khuất, khiến các vụ án đều được công bằng. Vì sự nhân từ phúc hậu, người thời bấy giờ gọi là Đức công. Năm 50 tuổi, Đức công vẫn không có con trai, chợt bị ốm nặng rồi chết, hồi lâu lại tỉnh bảo với mọi người rằng:

- Ta vừa đến một chỗ thành đèn vách sắt, toan bước chân vào thì có một viên chức ngăn lại. Viên ấy dẫn ta đi sang phía hữu, thấy có những cửa đỏ biển son. Vén áo đi vào cửa này thì thấy san sát những tòa rộng dẫy dài, có đến hơn trăm người thắt đai đứng hầu sau trước. Giữa có hai vị mặc áo bào tía ngồi đối diện nhau ở bên một cái án, đưa mắt cho viên chức kia bảo lấy sổ son của họ Dương ra xem, một lát hai vị cùng nhìn nhau bảo rằng:

- Dương gian thật không có người nào được thế, cứu sống cho mọi người nhiều lắm. Chỉ tiếc hưởng tuổi không dài và dòng sau không người nối dõi. Người như thế mà không biểu dương thì làm sao khuyến khích cho kẻ khác được; ta sẽ phải tâu lên Thượng đế.

Bèn truyền cho Đức công hẵng xuống tạm nghỉ ở cái hành lang phía đông. Chừng độ nửa ngày, hai vị ấy lại sai dẫn Đức công vào, bảo rằng:

- Nhà ngươi ngày thường vốn có tiếng là người lương thiện. Thượng đế khen ngợi, ban cho một người con trai tốt và cho sống lâu thêm hai kỷ (4) nữa. Nên mau về đi mà cố gắng làm thêm điều âm đức, đừng bảo là trên cõi minh minh không biết gì đến.

Đoạn sai viên chức kia dẫn về. Khi ra khỏi cửa, Dương hỏi rằng:

- Chẳng hay đây là dinh tòa nào? Ai là chủ trương và coi giữ công việc gì?

Viên chức ấy no

- Đây là một tòa trong 24 tòa ở Phong Đô (5) ; phàm người mới chết đều phải qua cả. Người nào tên ghi ở sổ son, may ra còn có khi sống mà về được, chứ đã tên ghi sổ mực thì chẳng còn có mong gì. Nếu ông không phải là người xưa nay hết lòng làm việc thiện thì cũng khó bề thoát được.

Bèn cùng nhau chia tay từ biệt, rồi ông bừng tỉnh như một giấc chiêm bao.

Bà vợ cũng nói là đêm qua lúc cuối canh một, có ngôi sao nhỏ rơi vào lòng, lòng bỗng thấy rung động. Rồi bà có mang đủ ngày tháng sinh ra được một cậu con trai, đặt tên cho là Thiên Tích. Tích Thiên Tích thích uống trà lắm, thường tự ví mình như Lư Đồng Lục Vũ (6) đời xưa. Song thiên tư cao mại, học vấn rộng rãi, phàm sách vở văn chương cổ kim, không cái gì là không thiệp liệp. Đức công mừng mà rằng:

- Thế là ta có dòng giống rồi!

Bèn chuyên đem những nghĩa lý chân chính dạy con. Sau đó 24 năm, ông vô bệnh mà mất, Thiên Tích thương xót rất mực; xa gần ai nấy đều cảm động.

Khi đã hết tang, Thiên Tích sớm hôm học hành, không hề trễ biếng. Nhưng gia cảnh nghèo nàn, ăn tiêu không đủ. Thường tìm những nhà có con gái xin vào gửi rể, nhưng chẳng ai nhận cả. Láng giềng hàng xóm, họ thấy nghèo thường đem lòng khinh. Chàng than rằng:

- Cha ta thuở trước cứu sống được cho hàng nghìn người, mà rút lại không cứu sống được một đứa con. Làm thiện như thế phỏng có ích gì?

Nói chưa dứt lời, bỗng thấy một người áo mũ chững chạc, tự xưng là quan đại phu họ Thạch, đến vái chào mà rằng:

- Ngày xưa tôi từng chịu ơn dày của Dương công, không biết lấy gì đền báo. Có đứa con gái là Hán Anh, vậy xin hiến cậu để hầu hạ chăn gối. Cậu nên tự bảo trọng lấy mình, đừng vì cớ nghèo mà để tiêu mòn mất chí khí.

Nói xong chợt biến đi đằng nào mất. Thiên tích rất lấy làm quái lạ, bèn ghi nhớ lấy những lời nói ấy. Nhân nghe ở huyện Tiên Du (7) có Trần tiên sinh dạy học trò đến mấy trăm người, bèn cắp sách đến theo học, ở ngụ tại một nhà trong xóm Thanh Lân. Xóm ấy có một nhà giàu có họ Hoàng, thấy Sinh mặt mũi khôi ngô, văn chương thông thái, có cái ý muốn kén vào ngôi đông sàng (8) . Người chồng bảo vợ rằng:

- Nhà ta mấy đời lấy nghề buôn bán mà khởi gia, hiện tiền của chẳng thiếu gì, chỉ thiếu có người rể tốt. Nay có Dương sinh ở trọ bên láng giềng, thật là một tay hào kiệt ở Nam Châu; vả xem tướng mạo, sau này chắc có thể làm nên. Con bé nhà ta tuổi cũng lớn lao rồi; mối duyên trao tơ, ngoài đám ấy thì còn đám nào hơn nữa!

Vợ cũng bằng lòng. Họ Hoàng bèn đón Dương sinh đến làm rể, phàm những phí tổn về lễ lạt khách khứa, hết thảy đều tự bỏ ra cả. Sinh rất mừng rỡ và sung sướng. Nhưng thường trong những lúc vắng vẻ, Sinh hay ngồi ngẩn ra nghĩ ngẫm, gấp sách lại thở dài. Vợ Sinh một khi bắt gặp, nhân hỏi han duyên cớ.

Sinh nói:

- Ngày xưa tôi thấy có vị thần hiện lên, bảo tôi sẽ lấy người vợ họ Thạch tên là Hán Anh. Nay tôi may mắn được vào làm rể chốn cao môn. Như thế là lời thần bảo về việc ấy không đúng, vậy chắc việc thành đạt sau này cũng không đúng nốt, vì thế cho nên tôi không khỏi bận lòng.

Vợ Sinh nghe nói giàn giụa nước mắt mà rằng:

- Đó tất là cha thiếp đấy. Thiếp thuở nhỏ tên là Hán Anh, cha thiếp họ Thạch tên là Mang, làm quan Thú ở Tuyên Quang, bị quan trên

vu hãm, cả nhà phải bắt rồi chết trong ngục. Bấy giờ thiếp đương còn trẻ dại, nghe nói có ông Dương Đức công thương là vô tội, hết sức chống cự với những viên quan khác, rồi tha cho thiếp được ra khỏi ngục tù. Tấm thân hèn yếu may được sống còn, nghiêm đường ở đây thương hại, mới nuôi làm con nuôi. Thiếp nương tổ tò vò đã mười năm nay, thực thì vốn là con của quan đại phu họ Thạch.

Sinh kinh ngạc nói:

- Thế thì tôi chính là con của Đức công. Mới biết xưa nay vợ chồng, chẳng ai là không bởi túc duyên; ai dám bảo là thắm chỉ hồng (9) là những câu chuyện hã

Sinh thấy mối nhân duyên lạ lùng, tình ái vợ chồng càng thêm thắm thiết. Vì trong đã có chỗ nương thân, ngoài không phải lo hồ khẩu, nên Sinh được thảnh thơi để chí về đường văn học, rồi đi thi hai khoa đều đỗ. Ban đầu Sinh lĩnh một giáo chức ở Kinh, sau thăng lên Đề hình, trải hai mươi năm, làm nên đến một vị quan lớn. Ông là người thờ vua thì trung, giữ mình thì liêm, trải thờ hai triều, chốn miếu đường lấy làm ỷ trọng. Song vì lúc bé nghèo nàn, lắm người khinh mạn, rồi ân bằng cái tơ, oán bằng cái tóc, ông đều nhất báo phục cả, đó là chỗ kém mà thôi. Một lần ông lập một đàn tràng làm lễ kỳ yên, đón đến vài trăm vị đạo sĩ mũ cao áo rộng cúng vái linh đình. Kế rồi có một vị đạo sĩ áo rách giày nát thất thểu đi đến. Người coi cổng không cho vào, nhưng đạo sĩ cứ cố nài mãi. Người coi cổng vào bẩm thì ông quát mắng sai đuổi ra. Đạo sĩ vừa đi vừa phàn nàn:

- Cố nhân tìm cố nhân, không ngờ cố nhân lại bạc tình như vậy. Cái mạn Ô Tôn (10) sau này, xin đừng phiền hận đến nhau thôi, và đừng trách cố nhân là phụ cố nhân.

Ông nghe nói, sai người đuổi theo mời lại, xuống thềm đón tiếp. Ngồi chơi xong, đạo nhân nói:

- Tướng công ngày nay quan ngồi miếu điện, đất dựng lâu dài, đi có lính dẹp đường, ở có chuông giữ gác, (11) phú quý ở nhân gian đã

đến cùng cực, không còn nhớ gì đến thú vui ở chốn Tử Vi xưa ư?

Ông nói:

- Quan cao tể tướng, từng trộm được ân sủng, còn thú vui ở Tử Vi thế nào tôi chưa được rõ?

Đạo nhân nói:

- Ông bị sông dục vùi lấp đến nỗi mê man thế, vậy tôi xin kể ông nghe. Khi xưa ông vốn là một gã Trà đồng của đức Thượng đế mà tôi thì là kẻ tửu lại ở chốn Tinh tào (12) hằng ngày chầu chực ở cung Tử Vi, vẫn cùng nhau thân cận. Một hôm Thượng đế bãi triều, bảo với quần tiên rằng: "Các người ai bằng lòng xuống chơi xem hạ giới, lĩnh chức tể tướng hơn mười năm?" Quần tiên đều trông nhau chưa ai nói gì thì ông vui vẻ vâng lời. Thượng đế phán: "ừ đi đi. Thú vui ở nhân gian chẳng kém gì ở Thiên tào, đừng nên cho ần hoàn là chật hẹp". Bấy giờ tôi đứng chầu một bên, cho nên được biết rõ lắm.

Nói rồi đạo nhân đưa cho Dương Thiên Tích một hạt linh đan. Dương uống xong thì thấy tâm hồn tỉnh sáng, dần dần nhớ ra hết những việc kiếp trước. Rồi ông nói:

- Lai lịch của tôi, tôi đã được nghe qua. Còn ông sao ông lại ở dưới đời này?

Đạo nhân nói:

- Tính tôi tềnh toàng, lại hay uống rượu, nên Thượng đế ngài quở phạt và đẩy xuống trần đã gần được ba kỷ nay rồi. Nay kỷ đầy đã mãn, lại bổ vào chức cũ ở chốn Tinh tào; vì cùng ông có tình cố cựu, nên đến qua thăm một chút.

Ông Dương lại hỏi về câu chuyện Ô Tôn. Đạo nhân buồn rầu không vui, bảo đuổi tất cả mọi người ra rồi nói:

- Sau năm năm nữa, ông có việc đi bể, tôi e bấy giờ sẽ gặp một tai nạn rất lớn.

Ông Dương hỏi vì tội lỗi gì mà gặp phải tai nạn. Đạo nhân nói:

- Ông làm tể tướng, kể thì không có lầm lỗi gì. Chỉ có rằng tại chức lâu ngày, hay yêu người này ghét kẻ khác. Nay thì sự thù oán đã sâu cay lắm, hồn oan đã đầy rẫy ở ngoài đường rồi.

Ông nói:

- Vậy thì muốn tránh vạ nên như thế nào?

Đạo nhân nói:

- Không ngại. Tôi vốn tên là Quân Phòng. Nếu khi cần kíp, ông cứ đốt một nén hương rồi gọi tên tôi, tôi sẽ đến cứu giúp.

Đêm hôm ấy hai người cùng ngủ. Ông Dương nói:

- Ông đã là chỗ tương tri, có điều gì hay để dạy bảo tôi

Đạo nhân nói:

- Này đức là nền từ thiện, của là kho tranh giành. Tích đức như mầm non rỏ một giọt nước, sẽ nảy nở lên, tích của như lửa đỏ gieo một khối băng, sẽ tàn lụi xuống. Huống chi không vun mà lớn là mầm thiện ác, không giữ mà đầy là cơ phúc họa, cái tình hình ỷ phục (13) trong đó thật đáng sợ. Ông nên trân trọng, cố gắng mà làm những điều nhân.

Ông Dương nói:

- Tôi nghe đạo trời công minh như cái cân cái gương, có thần minh để gây dấu vết, có tạo hóa để giữ công bằng; gương tất soi suốt mà không riêng, lưới tuy thưa thớt mà không lọt. Phép thật chí nghiêm mà chí mật, người nên không oán cũng không hờn. Cớ sao những sự khuyến khích răn đe lại thấy lắm điều lộn xộn. Làm sự lợi vật,

chưa nghe thấy được phúc; làm sự hại nhân, chưa nghe thấy mắc nạn. Kẻ nghèo có chí cũng thành không; người có muốn gì cũng được nấy. Có người chăm học mà suốt đời không đỗ; có nhà xa hoa mà lũy thế vẫn giàu. Ai bảo rằng trao mận giả quỳnh, thế mà vẫn trồng dưa được đậu. Đó là những sự mà tôi rất nghi ngờ không hiểu.

Đạo nhân nói:

- Không phải như thế. Thiện ác tuy nhỏ cũng rõ rệt, báo ứng dù chậm nhưng lớn lao. Âm công có khi rõ ràng ra, phải đợi quả thiện được tròn trặn, dương phúc khi tiêu tán mất, phải chờ mầm ác đã cao dài. Có khi sắp duỗi mà tạm co, có khi muốn đè mà thử nống. Có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội khiên kiếp trước, bất nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không nên lập luận một bề và xem trời một mặt.

Đạo nhân nói như vậy đến mấy nghìn lời, đều ngụ cái ý khuyên răn cả. Ông Dương rất vui vẻ nghe theo.

Sáng hôm sau trong lúc lâm biệt, ông đem mười đĩnh vàng tốt để tiễn chân. Đạo nhân cười mà rằng:

- Hà tất như thế để làm gì! Tôi chỉ khuyên ông cố làm điều lành, để tôi khỏi trở lại gặp ông lần nữa, đó tức là ông đã cho cố nhân nhiều l

Sau khi ông Dương Thiên Tích chỉ vì tâu việc trái ý vua, bị vua đầy đuổi vào phương nam. Khi đi qua cửa Hải Khẩu (14) , đương giữa ban ngày sáng sủa bỗng một đám mây đen kéo lên, gió nam nổi dậy ầm ầm, từng đợt sóng nổi lên như núi. Chợt có hàng trăm giống ma quái ở đâu kéo đến cùng hò reo lên rằng:

- Kẻ thù của chúng ta đã đến đây rồi! Hôm nay chúng ta được cam lòng với Tướng công đây!

Rồi kẻ vít cuối thuyền, kẻ leo đầu thuyền, thuyền tròng trành mấy lần suýt ập xuống. Ông Dương vội hỏi người lái thuyền đây là nơi nào thì ý nói là Ô Tôn. Ông mới sực nhớ đến lời đạo nhân, bèn theo như cách đã dặn mà gọi tên ông ta. Thoắt chốc đã thấy một cỗ xe bay đến, đứng dừng lại ở trên không, hai bên có ngọc nữ tiên đồng chầu hầu rất nghiêm túc. Đạo nhân gọi với chúng quỷ mà bảo rằng:

- Lũ này đắm đuối, nghiệp chướng nặng nề, thuở sống đã phạm vào điển chương, lúc chết còn gây thêm tội nghiệt, oan oan nối tiếp, biết thuở nào thôi! Sao không rửa ruột đổi lòng, quay về đường chính. Ta sẽ tâu lên Thượng đế, tẩy oan hồn đi cho.

Chúng quỷ nghe nói đều sung sướng nhảy nhót rồi trong chốc lát tan giãn đi cả.

Ông Dương khẩn khoản khuyên mời xe tiên giáng xuống để được hỏi han mọi việc sau, nhưng trong thoắt chốc đã không thấy gì nữa.

Rồi đó gió êm sóng lặng, thuyền đi được trót lọt đến bờ. Dương bèn từ giã vợ con rồi không biết đi đằng nào mất. Sau đó có người gặp Dương ở núi Đông Thành, người ta ngờ là đã đắc đạo thành tiên.

Lời bình:

Than ôi, làm thiện là ở người, giáng phúc cho người thiện là ở trời, sự cảm ứng ở giữa khoảng trời và người, thật là sâu mờ vậy thay!

Đức công là một viên quan xử án, chỉ vì hay xét được nỗi oan uổng cho người, mà sự dương báo của trời, đã bảo rõ cho ở trong cơn mê mệt. Huống chi người làm chức Tể tướng cầm quyền thiên hạ, giúp đấng Thiên tử sửa trị âm dương, giữ lòng cho ngay để róng rả mọi người, suy rộng ra mà làm những chính trị tốt, khiến trong khoảng trời đất, không một vật gì là không đắc sở, thì trời ban phúc cho còn đến thế nào.

Đến việc như của Thiên Tích, có lẽ chỉ là cái vết của hòn ngọc bạch khuê. Nhưng giá mài bỏ được đi thì càng tốt lắm. Ta mong những

người làm quan nên biết cố gắng và nên biết soi gương.

Chú thích

Nguyên văn: Trà đồng giáng đản lục.

(1) Thường Tín: nay là huyện, thuộc tỉnh Hà Tây.

(2) Huệ Tông (? - 1226) : tức Lý Hạo Sảm, vua thứ tám nhà Lý, ở ngôi: 1211-1224, niên hiệu Kiến Gia.

(3) Trấn Tuyên Quang gồm tỉnh lỵ và một số huyện của tỉnh Hà Giang, Vĩnh Phúc, Yên Bái ngày nay.

(4) Kỷ: một kỷ là 12 năm.

(5) Phong Đô: một tòa coi việc hình ngục ở địa phủ.

(6) Lư Đồng, Lục Vũ: hai người nghiện trà của Trung Quốc thời xưa, đều từng viết về trà. Lư Đồng hiệu Ngọc Xuyên Tử mỗi lần uống đều uống bảy chén, có bài ca nói về bảy chén trà; Lục Vũ tự Hồng Tiệm, có tác phẩm Trà kinh gồm 3 thiên (theo nguyên chú) .

(7) Huyện Tiên Du: xứ Kinh Bắc nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(8) Đông sàng: con rể. Vào đời Tấn quan Ngự sử đại phu Hy Giám sai môn sinh đến nhà Vương Đạo kén chồng cho con gái. Học trò Vương Đạo thấy sứ giả của quan Ngự sử đến đều có ý tự khoe, riêng Vương Hi Chi cứ phanh bụng nằm ở giường phía đông như không biết có chuyện gì. Hồ Giám khen là rể tốt, bèn gả con gái cho.

(9) Lá thắm chỉ hồng: nói chuyện vợ chồng. Theo Thái bình quảng ký, cung nhân Hàn Thị đề thơ lên chiếc lá đỏ thả trên dòng ngự câu. Vụ Hựu nhặt được đề thơ lên một chiếc lá khác thả xuống dòng ngự. Chiếc lá này cũng đến tay Hàn Thị. Sau vua thả 3. 000 cung nữ, Vụ Hựu lấy được Hàn Thị. Đêm tân hôn họ đưa lá ra xem và gọi lá đỏ là bà mối. Chỉ hồng: Vi Cố người đời Đường, nhân qua chơi

Tống Thành, gặp một ông lão đang ngồi dưới trăng kiểm sổ sách. Cố hỏi trong túi có gì, ông nói: "Có một cuộn chỉ hồng để buộc chân những người có duyên nợ vợ chồng với nhau. Chỉ đã buộc rồi thì dù có xa xôi, thù ghét nhau vẫn không thay đổi được". Ông lại nói trước việc hôn nhân của Cố, sau quả đúng.

(10) Ô Tôn: một cửa bể ở vùng châu Bố Chính, khoảng Hà Tĩnh, Quảng Bình ngày nay.

(11) Chuông giữ gác: Dương Hỗ đời Tấn làm Đô đốc Kinh Châu, trong gác đặt quả chuông rung để phòng ngừa sự cấp bách.

(12) Tửu lại: viên chức trông coi việc hầu rượu; Tinh tào: dinh tòa các vì sao.

(13) ỷ phục: lấy ý một câu trong sách Lão Tử: "Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục" (Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là nơi ẩn nấp của họa) .

(14) Hải Khẩu: nguyên chú: "Cửa bể ở xã Binh Lễ, huyện Kỳ Hoa", nay là Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây (*)

(Nguyên văn: Tây viên kỳ ngộ ký)

Hà Nhân, người học trò quê ở Thiên Trường (1) , khoảng năm Thiệu Bình (2) ngụ ở kinh sư để tòng học cụ ức Trai (3) .

Mỗi buổi đi học, đường tất phải qua phường Khúc Giang. Trong phường có cái trại, gọi là trại Tây, dinh cơ cũ của quan Thái sư triều Trần. Ngày ngày đi qua, Hà Nhân thường thấy hai người con gái đứng ở bên trong bức tường đổ nhí nhoẻn cười đùa, hoặc hái những quả ngon, bẻ bông hoa đẹp mà ném cho Hà Nhân nữa. Lâu lâu như thế Hà Nhân không mần ngơ được, một hôm mới đứng lại trò chuyện lân la. Hai người con gái tươi cười bảo:

- Chúng em một người họ Liễu gọi Nhu Nương, một người họ Đào, tên gọi Hồng Nương, nguyên là những tỳ thiếp của quan Thái sư. Từ ngày quan Thái sư qua đời, chúng em vẫn phòng thu khóa kín. Nay gặp tiết xuân tươi đẹp, chúng em muốn làm những bông hoa hướng dương, để khỏi hoài phí mất xuân quang.

Hà Nhân rủ rê hai ả đến chơi chỗ trọ của mình, chuyện trò đằm thắm. Chàng lả lơi cợt ghẹo, hai ả thẹn thò nói rằng.

- Chúng em việc xuân chưa trải, nhụy thắm còn phong, chỉ e tình hoa run rẩy, tơ liễu điên cuồng, oán lục thẹn hồng, làm giảm thú phong lưu đi mất.

Hà Nhân nói:

- Thì hãy thử thôi, tôi chẳng dám đem chuyện mây mưa làm "khó dễ" hai nàng.

Rồi tắt đèn đi nằm. Tựa ngọc kề vàng, gối vừa xô đã khoát sóng hoa đào nghiêng ngả. Hà Nhân giữa lúc gối chăn êm ấm, bảo hai nàng cùng làm thơ ngâm chơi. Nàng Liễu ngâm trước:

Xạ trầm lương hãn thấp la y,

Thúy đại khinh tần bát tự my.

Báo đạo đông phong khoan đả lục,

Tiêm yêu bãi loạn bất thăng suy.

Dịch:

Màu hôi dâm dấp áo là,

Mây xanh đôi nét tà tà như chau.

Gió xuân xin nhẹ nhàng nhau,

Thân non mềm chịu được đâu phũ phàng.

Nàng Đào cũng tục ngâm:

Thiên cao cấm ngữ lậu thanh trì,

Đăng ủng ngân giang xuất giáng duy.

Phân phó tài lang phan chiết khứ,

Tân hồng nhận thủ tiểu đào chi.

Dịch:

Cung sâu thưa điểm giọt rồng,

Ngọn đèn soi tỏ trướng hồng lung linh.

Tài lang mặc sức vin cành,

Đào non nhận lấy những nhành thắm tươi.

Hà Nhân vỗ tay cả cười mà rằng:

- Tình trạng trong chốn buồng xuân, tả đến như thế thì thật là diệu tuyệt, lời hoa ý gấm tôi khó lòng theo kịp hai nàng.

Hà Nhân bèn lại tiếp tục ngâm:

Quyện uyển thư trai khách mộng dung,

Ngộ tùy vân vũ đáo Vu Phong.

Giao phi điệp lộng sâm si bạch,

Liên đế hoa khai thứ đệ hồng.

Tĩnh túc nhiệm giao oanh thướng há,

Phân lưu nhẫn cấm thủy tây đông.

Tuyệt liên quân thị phong lưu chủng,

Hứng đáo phong lưu

Quê khách buồng văn giấc lạnh lùng,

Mây mưa bỗng lạc tới Vu Phong (4) .

Đua bay bướm giỡn so le trắng,

Liền cuống hoa phô rực rỡ hồng.

Một ổ thỏa thuê oanh ấm áp,

Đôi dòng san sẻ nước tây đông.

Hữu tình cùng giống phong lưu cả,

Mỗi vẻ nhưng riêng thú đượm nồng.

Từ đó về sau, hai nàng cứ sớm đi tối đến, ngày nào cũng giống ngày nào, Hà Nhân cho là sự kỳ ngộ của đời mình, so với chuyện

xưa, có thể sánh với Bùi Hàng và vượt hơn Tăng Nhụ (5) .

Một buổi tối mưa dầm gió bấc, nhưng hai nàng vẫn đúng hẹn đến, khẽ bảo Hà Nhân rằng:

- Chúng em sợ lỗi hẹn nên phải cố đến, nhưng thân như cái én, có chịu nổi rét mướt đâu.

Hà Nhân bèn kéo Liễu vào lòng mà ấp ủ, đùa bảo rằng:

- Vẻ kiều diễm của em Liễu thật là tột bậc, có thể xứng đáng với một câu thơ cổ "Mỹ nhân nhan sắc đẹp như hoa".

Đào lặng lẽ cúi đầu, có dáng hổ thẹn, rồi từ đấy luôn trong mấy hôm không đến.

Hà Nhân hỏi Liễu:

- Em Đào mấy hôm nay có được khỏe không?

- Chị ấy vẫn khỏe chứ có làm sao đâu. Chỉ vì hôm nọ chàng khen em đẹp mà không nói gì đến chị ấy, nên chị ấy xấu hổ không dám đến nữa.

Nhân thể đưa bài thơ của Đào gửi cho Hà Nhân:

Tình hà cốt cách tuyết tinh thần,

Lộ nhị yên điều lưỡng dạng tân.

Khả hận Đông Hoàng tư trước ý,

Nhất chi tiều tụy nhất chi xuân.

Dịch:

Băng sương cốt cách, tuyết tinh thần,

Nhị mởn nhành mềm đã xứng cân.

Khá trách Đông Hoàng thiên vị lắm,

Một cành bỏ héo, một cành xuân.

Hà Nhân đọc xong buồn rầu lúc lâu, rồi làm thơ họa theo vần trên để đáp lại:

Tương tư nhất đoạn nhất lao thần,

Để sự tài thành biệt hận tân.

Bằng trượng phong di phiền ký ngữ,

Vị thùy tiều tụy? vị thùy xuân?

Dịch:

Tương tư nặng gánh khổ tâm thần,

Ân ái chưa hề lệch cán cân

Dì gió, nhờ đem tin nhắn nhủ:

Hoa nào bỏ héo? Lá nào xuân?

Đào được thơ, từ đấy mới đi lại như trước. Gặp đêm Nguyên tiêu (6) , người ở kinh thành kéo nhau đi chơi vui rầm rập, hai nàng mời Sinh:

- Nhà chúng em chẳng xa xăm gì mà chàng chưa hề bước chân đến, thật là đáng trách. Nay gặp lệnh tiết, chúng em muốn mời chàng quá bộ lại chơi, mong đừng chê xa mà từ chối.

Nhân vui vẻ bằng lòng ngay.

Khi đến trại Tây, qua mấy lần rào, quanh một đoạn tường, đi ước mấy chục trượng thì đến một cái ao sen; hết ao lại là khu vườn, cây cối xanh tươi, mùi hoa thơm ngát, nhưng ở dưới bóng đêm lờ mờ, không nhận rõ được hoa gì, cây gì cả, chỉ thấy mùi hương lúc lúc thoảng tới.

Hai nàng nhìn nhau nói:

- Nhà chúng ta chật chội túi múi, chi bằng bày tiệc vui ngay ở trong vườn.

Rồi họ trải chiếu giát trúc, đốt đèn nhựa thông, bóc bánh lá hòe, rót rượu hạt hạnh, các món ăn trong tiệc đều là những món quý trọng cả. Kế đó thấy những mỹ nhân tự xưng là họ Vi, họ Lý, họ Mai, họ Dương, đây chị họ Kim, kia cô họ Thạch lục tục đến mừng và dự tiệc. Trời gần sáng, mọi người giải tán, hai nàng cũng đưa Nhân ra đến ngoài tường. Hà Nhân về đến thư phòng thì mặt trời đàng Đông đã rạng.

Sau đó vài tháng, Hà Nhân tiếp được tin nhà gửi đến kinh đô, nói cha mẹ ở nhà đã hỏi vợ cho, giục Nhân nên về mau để làm lễ cưới. Nhân bối rối quanh co, lòng rất không nỡ, hai nàng đoán biết được tình ý, bảo Nhân rằng:

- Bọn chúng em thân bồ vóc liễu, không thể cáng đáng được việc tần tảo ở gia đình. Vả ngôi chủ phụ trong nhà, tất phải là người trong nền nếp trâm anh như Tống Tử, Tề Khương (7) , chúng em đâu dám chòi mòi đến. Chỉ mong chàng sau buổi về quê, tình cũ sẽ vấn vương không dứt, sớm dẹp lòng quyến luyến hương thổ để lại tính kế tìm hoa, sẽ xem cây liễu Hàn Hoành (8) , vẫn chờ đợi với những cành dài ngày xưa, cây đào Thôi Hộ (9) , vẫn chào đón những hoa cười năm ngoái. Xin chàng lưu ý, đừng vì ấp yêu duyên mới mà lạt phai tình cũ, khiến chúng em thành những bông hoa vô chủ ở Giang Nam.

Nói rồi cùng nâng chén tiễn biệt và mỗi người đọc một bài ca. Nàng Liễu ca trước rằng:

Đế thành đông biên phiền thảo mộc,

Phá ốc sổ gian Khúc giang khúc.

Ngân tỳ thái lục sự sơ trang,

Vụ các vân song khổ u độc.

Việt tòng nhị bát tích phương dung,

Điệp sứ phong môi vị khẳng thông.

Tận nhật đối y hồng hạnh ổ,

Khuy xuân tu hướng thiếu niên tùng.

Hiệp thư hà xứ gia công tử,

Học bác tài xa quán kinh sử.

Thảo thảo tường đầu nhất kiến gian,

Lương duyên vị hứa tâm tiên hứa.

Tiện tương phàm hủy hưởng dương tài,

Phân phó đông hoàng hảo hảo khai.

Nhứ tạm nghênh phong hương lạc mạc,

ảnh sơ thí noãn lục bồi hồi.

Nùng hoa lộ trích đàn tâm thổ,

Tiêu đắc tòng tiền xuân hận khổ.

Ca sinh nhuyễn độ Tiểu Man yêu,

Chỉ phấn nế quân Tây Tử nhũ.

Hội lai khuất chỉ vị chu tinh,

Mãn mục sơn hà lữ mộng kinh.

Lệ lạc phần hương ngư đệ tín,

Hồn tiêu mai dịch mã am trình.

Trường đình hựu sấn xa thanh tảo,

Sử thiếp trường ưu lai tổ đạo.

Tây viên vũ ám khấp hoàng mai,

Nam phố ba hàn sầu lục thảo.

Mai hoàng thảo lục ám thương thần,

Thiếp tại quân quy ảnh tạm phân.

Trịnh trọng vị quân ca thử khúc,

Lâm kỳ ưng hữu đoạn trường nhân.

Dịch:

Để thành nọ mé bên đông,

Mấy gian nhà cũ giữa vùng trại hoang.

Phấn son ngày tháng điểm trang,

Quạnh hiu gác khói hiên sương lạnh lùng.

Vừa tuần đôi tám xuân dng,

Tin ong sứ điệp chưa thông nẻo nào.

Bên hoa hôm sớm tiêu dao,

Đường xuân thẹn chửa dám chào hỏi ai.

Nho sinh bỗng có một người,

Văn chương kinh sử tót vời làu thông.

Trong tường ngấp nghé xa trông,

Tuy duyên chưa buộc mà lòng đã trao.

Tình yêu chẳng dễ ngăn rào,

Đời hoa thôi đã gửi vào chúa xuân.

Cành xanh lá biếc thanh tân,

Múa may theo ngọn gió xuân dập dìu.

Lòng hoa khi giọt sương gieo,

Sầu xuân đã nhẹ nhàng tiêu, nhẹ nhàng.

Miệt mài trong cuộc truy hoan,

Tây Thi (10) ngực nở, Tiểu Man (11) lưng mềm.

Năm tròn chăn gối vừa êm,

Non sông giục khách trạnh niềm gia hương.

Tin nhà gửi đến đau thương,

Càng đau thương lúc buông cương dặm ngoài.

Bon bon xe ruổi trời

Lòng em khô héo tiễn người đường xa.

Bến Nam cỏ áy bóng tà,

Vườn tây một rặng mai già khóc mưa.

Cỏ cây rầu rĩ tiêu sơ,

Chàng về thiếp luống ngẩn ngơ tâm hồn.

Vì chàng hát khúc nỉ non,

Biệt ly để nặng nỗi buồn cho ai.

Đào cũng ca rằng:

Thu tiêu mạt bích hề thu diệp thê đan,

Thiên hộ vạn hộ hề hàn châm thanh can.

Cô nhạn nam phi hề chính hồng độ quan,

Mộ yên thảm đạm hề tân sầu nhất ban.

Ngã công bất lưu hề ngã tâm bàn hoàn,

Cánh quyên cựu ái hề tạm kết tân hoan.

Hà phần thán cúc hề sở uyển tu lan,

Phiếm ngã quỳnh tràng hề tu ngã ngân bàn.

Biệt thời dung dị hề kiến thời lương nan,

Ô hô nhất ca hề uất đào trường than.

Hận bất du ty hề triền văn quy an,

Hận bất thường pha hề chướng đỗ hồi lan.

Hận bất hoàng oanh hề oán khách miên man,

Đốt ta thử biệt hề hà thời đương hoàn?

Hoa lưu đỗng khẩu hề thủy đáo nhân gian,

Nhân linh tiểu thiếp hề bão thử sinh oan.

Ô hô tái ca hề châu lệ hoàn lan.

Dịch:

Trời thu nhuộm biếc chừ, lá thu chen hồng,

Đập vải tiếng vang chừ, mọi nhà tây đông.

Chim nhạn về nam chừ, chim hồng sang sông,

Khói chiều thảm đạm chừ, sầu mới mênh mông.

Tình lang chẳng ở chừ, lòng tơ trăm vòng,

Tạm cắt tình xưa chừ, về lập tân phòng.

Cúc Hà (12) ủ rũ chừ, lan Sở thẹn thùng,

Nâng chén rượu quỳnh chừ, đối bóng trăng trong.

Dễ khi ly biệt chừ, khó lúc trùng phùng,

Than ôi em hát một khúc chừ, nhớ thương khôn cùng.

Hận không sợi tơ chừ, buộc níu chinh an,

Hận không bờ bãi chừ, gọi khách miên man.

Ly biệt từ đây chừ, bao lại đoàn l

Hoa lưu cửa động chừ, nước xuống nhân gian,

Nỡ để thân em chừ, ôm mối hờn oan.

Than ôi em hát hai khúc chừ, lệ châu lan tràn.

Nghe hát xong, Hà Nhân rưng rưng đôi hàng nước mắt rồi cùng hai nàng từ biệt.

Hà Nhân về đến nhà thì hôn kỳ đã do cha mẹ định sẵn. Nhân nói với cha mẹ rằng:

- Sinh con trai muốn cho có vợ, sinh con gái muốn cho có chồng, đó vẫn là lòng của cha mẹ mà cũng là phúc của gia đình. Song con nghĩ mình dòng dõi tấn thân, mà sự học hành chưa thành danh gì cả. Nếu nay có vợ, e không khỏi vui bề chăn gối mà lãng việc sách đèn. Chi bằng việc cưới xin hãy tạm hoãn, đợi khi con đường mây nhẹ gót, thỏa nguyện bình sinh, bấy giờ hãy tìm đến tưởng cũng chưa muộn.

Cha mẹ không nỡ trái ý con, việc cưới bèn đình hoãn lại.

Ở nhà chưa bao lâu, Hà Nhân vì tưởng nhớ hai nàng mà lúc nào cũng ủ ê rầu rĩ, bèn lại lên đường để tới kinh. Vừa đến trại Tây, đã thấy hai nàng đứng đón, tươi cười hỏi:

- Lang quân vừa cưới vợ, sao không ở nhà vui vầy duyên mới, đã vội lên đường?

Hà Nhân kể rõ nguyên do, hai nàng đều nức nở khen rằng:

- Lang quân thật là một người tình nghĩa, không lỗi lời ước hẹn tìm hoa.

Bèn vì Hà Nhân sắm lễ, để lại đến trường cũ theo học.

Nhân tuy mượn tiếng du học, nhưng bút nghiên chí nản, son phấn tình nồng. Ngày nào mới buổi xuân dương, thoắt đã trời đông tiết lạnh. Một hôm Nhân ở ngoài về, thấy hai nàng mắt đều đẫm lệ. Nhân giật mình hỏi, hai nàng đều sụt sùi giọt lệ

- Chúng em không may đều mắc bệnh gió sương, khí xuân chưa về, mặt hoa dễ héo, thuốc thang khó tìm, hương hồn một mảnh, chưa

biết rồi sẽ trôi dạt đến nơi nào.

Hà Nhân kinh ngạc:

- Anh cùng với hai em, duyên không mối lái nghĩa kết keo sơn. Cớ sao các em vội nói đến chuyện lìa tan, khiến anh lo sợ như là con chim sợ cung vậy.

Nàng Liễu nói:

- Ham vui ân ái, ai ai chẳng lòng, nhưng số trời đã định kỳ về đến nơi, biết làm sao được. Rồi đây cánh rã trong bùn, hương rơi mặt đất, ba xuân cảnh sắc, thú vui biết sẽ thuộc về đâu.

Hà Nhân ngao ngán buồn rầu, không sao rứt được. Nàng Đào nói:

- Người sinh ở đời như cái hoa trên cây, tươi héo có kỳ, không thể nào gượng được dù trong chốc lát. Chỉ xin chàng từ đây bồi dưỡng thân thể, chăm chỉ bút nghiên, ghép liễu (13) thành công, xem hoa (14) thỏa nguyện, thì chúng em dù vùi thân trong chỗ ngòi lạch cũng chẳng chút phàn nàn.

Hà Nhân nói:

- Vậy thế cái kỳ tan tác còn chừng bao lâu nữa?

- Chỉ nội đêm nay thôi. Hễ lúc nào có trận gió dông nổi lên là lúc chúng em thác hóa. Chàng nếu nghĩ tình ân ái cũ, quá bộ đến trại Tây thăm viếng chúng em sẽ được ngậm cười mà về chốn suối vàng.

Nhân khóc mà rằng:

- Sự thể cấp bách như vậy, cũng chẳng biết làm sao được nữa, song anh ở đất khách quê người, lưng không, túi rỗng, biết lấy gì mà đắp điếm cho hai em.

Hai nàng nói:

- Thân mệnh của chúng em lả lướt như tơ, mong manh tựa thác hóa, đã có mây làm tàn, có lốc (gió) làm xe, sương trắng làm ngọc đeo, cỏ xanh làm nệm rải, than khóc đã oanh già thỏ thẻ, viếng thăm đã bướm héo vật vờ, chôn vùi có lớp rêu phong, đưa tiễn có dòng nước chảy, khói tan gió bốc không phiền phải đắp điếm gì cả.

Đoạn rồi mỗi người để đôi hài cườm lại tặng Nhân và nói:

- Mất người còn chút của tin, gọi có vật này để tặng nhau trong lúc sinh ly tử biệt, sau này khi chàng ướm thử, sẽ như là chúng em còn ấp yêu ở dưới chân chàng.

- Tối hôm ấy, quả nhiên hai nàng không đến. Khoảng gần nửa đêm, trời bỗng nổi cơn mưa gió dữ dội. Nhân đứng tựa lan can, buồn rầu ngơ ngẩn như kẻ mất hồn. Nhân sang chơi nhà ông cụ già bên láng giềng, kể lể về câu chuyện ấy. Ông già nói:

- Ôi! Cậu nói rõ chuyện chiêm bao chắc? Cái dinh cơ ấy từ khi quan Thái sư mất đi, trải hơn 20 năm nay, đã thành một nơi hoang quạnh. Mấy gian đền mốc một người quét dọn cũng không có, làm gì có nhiều cô gái họ nọ, họ kia như cậu nói. Chẳng qua đó là những hạng gái lẳng lơ dâm đãng nếu không thì là những u hồn trệ phách, hiện lên thành yêu quỷ đó thôi.

Sáng hôm sau, ông già cùng Nhân đến trại Tây. Chỉ thấy nếp nhà quạnh hiu, vài ba cây đào, liễu xơ xác tơi bời, lá trút đầy vườn, tơ vương khắp giậu.

Ông già trỏ bảo Nhân rằng:

- Đây chả phải là nơi cậu đến chơi ư? Chị ả họ Kim, thì đây hoa Kim tiền. Cô nàng họ Thạch, thì đây cây Thạch lựu. Đến như họ Lý, họ Vi, họ Dương, họ Mai, cũng đều nhân tên hoa mà làm họ cả. Không ngờ mấy cây hoa ấy lại biến huyễn như thế được.

Hà Nhân bấy giờ mới giật mình tỉnh ngộ, tự nghĩ mình bấy lâu mê mải, chỉ là đánh bạn với hồn hoa. Về đến nhà. Nhân lấy những chiếc

hài tặng ra xem, vừa cầm trên tay, mấy chiếc hài đã thành ra những cánh hoa, bay vèo lên trên không mất.

Sáng hôm sau, Nhân đem bán một cái áo, lấy tiền làm mâm cỗ bày cúng hai nàng; lại làm một bài văn tế

Duy nhị nhân,

Băng ngưng kỳ cốt;

Lộ trích nghiên phương.

Nhã thượng thiên nhiên chi chất,

Sỉ vi thời thế chi trang.

Quân thị danh chu đệ nhất;

Tin hồ tuyệt đại vô song.

Lãng uyển anh hoa, yếm khan phú quý,

Hồ song đăng hỏa, hiếu bạn thanh quang.

Bồn trưởng song đầu mạt ly,

Trì thê giao cảnh uyên ương.

Duy nguyện cửu triêm ư ân hải,

Như hà cự phản ư tiên hương.

Nhiễm nhiễm nùng hoa đốn cải,

Du du biệt hận không tương.

Phong thừa ngã, ngữ thừa phong, phiến thời liêu loạn,

Sắc thị không, không thị sắc, bán dạ thê lương.

Thảm đạm hồng hy viện lạc,

Đê mê lục ám trì đường.

Thâm thâm hề ế ngọc,

Uất uất hề mai h

Thân thế trục thu phong chi khách,

Phồn hoa kinh xuân mộng chi trường.

Y nhất chiều ly biệt,

Vạn cổ bi thương.

Hồn dục chiêu hề bất phản,

Tung nghĩ phỏng hề vô phương.

Túng hữu linh hề vị dẫn,

Thượng lai hưởng hề dư tràng.

Ô hô ai tai!

Dịch:

Hỡi ơi hai nàng,

Sương đọng ấy màu,

Băng trong làm cốt.

Ưa vẻ thiên nhiên,

Ghét bề điểm chuốt.

Sắc nọ hẳn không hai,

Tài này đành có một.

Anh hoa vườn Lãng (15) , dửng dưng những cảnh huy hoàng,

Đèn lửa song hồ, thân cận với người nghiên bút.

Ao uyên ương chim cặp vẫy vùng,

Chậu mạt lỵ hoa (16) đôi tươi tốt.

Những mong bể ái giong thuyền,

Sao bỗng làng tiên trở gót.

Cuộc biến thiên xui hoa nọ tơi bời,

Hờn ly biệt để lòng này kèo cuột.

Gió cưỡi mình, mình cưỡi gió, một khắc mê ly,

Không là sắc, sắc là không, nửa đêm vi vút.

Trên ao vẻ biếc đê mê,

Trước viện màu hồng thưa thớt.

Ngọc lấp thảm thương,

Hương vùi não nuột.

Thân theo bóng nhạn, phơ phất lưng trời,

Mộng tỉnh phồn hoa, bàng hoàng một phút.

Ôi! Một sớm chia phôi, nghìn thu đau xót.

Hồn lạc không về,

Người đi mất hút.

Linh thiêng ai hỡi có hay,

Hiến hưởng rượu này mới rót.

Than ôi thương thay!!! Thượng hưởng!

Đêm hôm ấy chàng chiêm bao thấy hai nàng đến tạ rằng:

- Đội ơn lang quân làm bài văn tế viếng, khiến cho thanh giá chúng em càng bội tăng lên. Cảm vì tình ấy nên chúng em về đi tạ.

Hà Nhân muốn lưu lại, nhưng hai nàng vụt đã bay lên trên không đi mất.

Lời bình:

Than ôi, thanh lòng không bằng ít dục, dục nếu yên lặng thì lòng rỗng mà điều thiện sẽ vào, khí bằng phẳng mà cái lý sẽ thắng, tà quỷ còn đến quấy nhiễu làm sao được. Chàng họ Hà lòng trẻ có nhiều vật dục, cho nên loài kia mới thừa cơ quyến rũ. Nếu không thì những giống nguyệt quái hoa yêu, mê hoặc sao được mà chẳng phải thu hình nép bóng ở trước Lương công là một bậc chính nhân (17) . Kẻ sĩ gánh cặp đến học ở Trường An, tưởng nên chăm chỉ về học nghiệp, tuy không dám mong đến được chỗ vô dục nhưng giá gắng tiến được đến chỗ quả dục thì tốt lắm!

Chú thích

(1) Thiên Trường: đời Trần là phủ, gồm các huyện Mỹ Lộc, Giao Thủy, Tây Chân, Thuận Vi, khoảng thời Lê thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Nam Định và một phần nhỏ thuộc tỉnh Thái Bình.

(2) Thiệu Bình: niên hiệu của vua Lê Thái Tông từ 1434 đến 1439.

(3) ức Trai: tên hiệu của Nguyễn Trãi (1380-1442) , quê ở xã Nhi Khê, huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, đỗ đệ nhị giáp khoa thi Thái học sinh năm Thánh Nguyên thứ 1

(1400) đời nhà Hồ. Ông là một đại văn hào và là một anh hùng dân tộc Việt Nam.

(4) Vu Phong: non Vu, theo bài phú Cao đường của Tống Ngọc, là nơi Sở Hoài Vương chăn gối với thần nữ. Xem thêm chú thích (11) Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu.

(5) Bùi Hàng đời Đường đi thi trượt trở về đến trạm Lam Kiều khát nước, vào một nhà gần đó xin uống. Trong nhà có bà cụ già gọi một cô gái tên là Vân Anh nhan sắc tuyệt đẹp. Bùi Hàng xin lấy làm vợ. Bà già đòi phải đem bộ chày cối ngọc để giã một viên thuốc tiên thì sẽ gả cho. Sau Hàng quả đi kiếm được chày cối ngọc đem đến rồi được lấy cô gái ấy. Té ra người con gái là một nàng tiên. Sau vợ chồng đưa nhau vào ở trong động Ngọc Phong đều thành tiên cả (Thượng hữu lục) . Ngưu Tăng Nhụ cũng người đời Đường, đi thi trượt về, đến dưới núi Minh Cảo, trời tối lạc đường. Một lúc có bóng trăng lên, thoáng thấy một mùi hương lạ. Xa trông một chỗ có bóng đen, tìm đến thấy một tòa cung đền rực rỡ, thì ra là miếu của bà Thái hậu họ Bạc đời Hán. Bà Bạc Hậu hiện lên mời đón, rồi lại họp mời cả các bạn như Thích Phu Nhân. Chiêu Quân, Thái Chân, Phan Phi, v. v để cùng làm thơ, Tăng Nhụ cũng là một bài (Thượng hữu lục) .

(6) Nguyên tiêu: đêm rằm tháng Giêng.

(7) Tống Tử, Tề Khương: lấy ý từ hai câu Kinh thi (Trần phong) : Khởi kỳ, thú thê, tất Tề chi Khương (Nếu lấy vợ, ắt là nàng họ Khương nước Tề) ; Khởi kỳ thú thê, Tất Tống chi Tử (Nếu lấy vợ, ắt là nàng họ Tử nước Tống) . Họ Khương và họ Tử là hai họ dòng dõi và có con gái đẹp.

(8) Hàn Hoành: xem chú thích (4) Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu

(9) Thôi Hộ đời Đường, ngày thanh minh đi chơi, khát nước vào một nhà xin uống, thấy một người con gái đem chén nước ra cho rồi đứng dựa cây đào nhìn mình chăm chú. Thôi đi rồi, bẵng một năm,

năm sau cũng ngày thanh minh lại đến nhà ấy thì thấy đóng cửa. Chàng đề một bài thơ như sau: "Khứ niên kim nhật thử môn trung, Nhân diện đào hoa tương ánh hồng. Nhân diện bất chi hà xứ khứ, Đào hoa y cựu tiếu đông phong". Nghĩa là: Bữa nay năm ngoái chốn qua chơi, Mặt ngọc hoa đào óng ánh tươi. Mặt ngọc ngày nay đâu vắng tá. Hoa đào năm ngoái vẫn còn cười. Người con gái xem thơ, nhớ thương rồi ốm chết. Chợt Thôi Hộ đến, nghe tiếng khóc chạy vào ôm thây mà khóc. Người con gái bỗng hồi tỉnh rồi sống lại. Ông bố bèn đem cô con gái gả cho Thôi Hộ (Tình sử) .

(10) Nàng Tây Thi là vợ vua Phù Sai nước Ngô người tuyệt đẹp.

(11) Nàng Tiểu Man, vợ lẽ của nhà thi sĩ Bạch Cư Dị, múa rất khéo.

(12) Cúc Hà: Lấy ý từ bài Thu phong từ của Hán Vũ Đế làm khi đi tế ở Hà Phần: Lan hữu tú hề cúc hữu phương: Hoài giai nhân hề bất năng vương (Lan có hoa chừ cúc tỏa hương, Nhớ người đẹp chừ lòng vấn vương) . Lan Sở: hoa lan nước Sở, một loài hoa cao quý mà Khuất Nguyên luôn nhắc tới trong tác phẩm Sở từ của ông.

(13) Tôn Kính đời Hán, người Tín Đô, khi ở nhà Thái Học, vì không có tiền sách vở nên đã ghép lá liễu làm giấy chép bài mà học. Ban đầu ngồi học, sợ ngủ quên nên đã túm tóc buộc lên xà nhà, hễ ngủ gật sẽ bị thức dậy.

(14) Xem hoa: Theo lệ, sau khi thi Hội, những người thi đỗ được cho cưỡi ngựa xem hoa trong vườn thượng uyển. Nhưng Liễu và Hoa ở đây còn liên hệ đến tên hai nàng.

(15) Vườn lãng: Chỉ cõi tiên, cũng như La Phù, Bồng Đảo đều là nơi tiên ở.

(16) Mạt lỵ hoa: Tức hoa nhài.

(17) Đời Đường, Vũ Tam Tư, còn có tên là Thừa Tự, có người nàng hầu là Tố Nga, nhan sắc đẹp lắm. Địch Lương Công đến thăm, Tam Tư gọi ra, nhưng nàng lẩn mất, chỉ thấy ở góc nhà có mùi hương,

đến lắng nghe thì chính là Tố Nga. Nàng nói: "Thiếp là con yêu hoa nguyệt, Thượng đế cho xuống hầu hạ ông. Lương Công là bậc chính nhân ở đời, thiếp không dám giáp mặt".

Chuyện đối tụng ở long cung *

(Nguyên văn: Long đình đối tụng lục)

Huyện Vĩnh Lại ở Hồng Châu (1) khi xưa có nhiều giống thủy tộc. Men sông người ta lập đền thờ đến hơn mười chỗ. Năm tháng dần lâu, có chỗ linh thiêng thành yêu; song cầu tạnh đảo mưa đều rất linh ứng, nên hương lửa bất tuyệt mà người ta càng phải kính sợ.

Về đời vua Minh Tông nhà Trần, (2) có quan Thái thú họ Trịnh làm quan ở Hồng Châu, vợ là Dương thị nhân khi về thăm nhà, đỗ thuyền ở bên cạnh một ngôi đền thờ thủy tộc. Bỗng có hai người con gái, bưng một cái hộp nhỏ thếp vàng, đến trước mặt Dương thị nói rằng:

- Đức ông tôi sai đem vật này kính biếu phu nhân gọi là để tỏ một chút tình; sớm muộn trong làng nước mây, duyên cưỡi rồng sẽ được thỏa nguyện.

Nói xong không thấy đâu nữa. Dương thị mở hộp ra xem thì trong đó có cái dải đồng tâm mầu tía, trên dải đề một bài thơ tứ

Giai nhân tiếu sáp bích dao trâm,

Lão ngã tình hoài chúc vọng thâm.

Lưu đãi động phòng hoa chúc dạ,

Thủy tinh cung lý kết đồng tâm.

Người đẹp đầu cài trâm bích ngọc,

Cho ta thương nhớ ngẩn ngơ lòng.

Vật này dành để đêm hoa chúc,

Trong thủy tinh cung kết dải đồng.

Dương thị cả sợ, cùng con hầu bỏ thuyền lên bộ; lại quay về nhiệm sở, kể chuyện với chồng. Trịnh cũng kinh sợ nói:

- Giống thủy quái ở dâm từ chực bắt mình đấy, phải nên tránh nó đi. Phàm những chỗ bờ sông bến nước đừng bước chân đến. Gặp những đêm mưa gió hay đêm tối trời, phải thắp đèn sáng và cắt người canh giữ.

Phòng ngừa như thế được chừng nửa năm vẫn thấy vô sự. Đến đêm trung thu kia, nhân thấy bầu trời quang mây, bốn bề trong vắt, sông Ngân vằng vặc, trăng sao sáng tỏ như ban ngày, Trịnh mừng mà rằng:

- Trăng thanh gió mát như đêm nay có thể không lo gì cả.

Vợ chồng bèn cùng nhau uống rượu, uống say rồi ngủ lỳ. Chả ngờ đâu sấm chớp bỗng chốc nổi lên, lúc Trịnh thức dậy thì cửa ngõ vẫn nguyên mà Dương thị không thấy đâu nữa. Đến xem chỗ cái đền ngày trước thì mặt sông phẳng lặng, trăng chiếu lạnh lùng, thấy có áo xiêm của Dương thị ở đó. Trịnh Thái thú tiếc ngọc thương hoa, nỗi buồn thật không sao kể xiết, chỉ đứng giữa trời mà nghẹn ngào than thở, không biết làm sao được.

Rồi Trịnh buồn nản bỏ quan về, chôn một cái mả hờ dưới chân núi Đốn, hằng ngày ởình trong cái lầu nhỏ. Cái lầu trông xuống bến sông, mà chỗ bến ấy là một cái vực sâu thăm thẳm. Trịnh mỗi khi lên lầu đứng trông, thường thấy có ông cụ già đeo một cái bao đỏ đựng tiền, sớm đi rồi tối về. Trịnh nghĩ thầm: Quái! Đây là một bến sông sâu thẳm, nào có thôn xóm gì đâu mà ông già kia lại đi lại như vậy. Bèn thử tìm đến chỗ ấy thì quả thấy chỉ có bãi cát phẳng lặng không có nhà cửa gì, duy lèo tèo mấy khóm lau sậy đứng rung rinh ở trên mặt nước. Trịnh lấy làm lạ, đi rộng ra các ngả để tìm, thấy ông cụ già đã đương ngồi xem bói ở trong chợ Nam. Trịnh trông cụ mặt mũi gầy guộc nhưng tinh thần trong sáng, đoán chắc là một kẻ ẩn sĩ lánh đời, nếu không thì một vị chân nhân đắc đạo, lại không nữa thì hẳn là một tiên khách trong áng yên hà, bèn cùng ông cụ làm thân, hằng

ngày bày tiệc rượu, cùng nhau chè chén rất vui vẻ. Ông cụ có vẻ cảm bụng tốt của Trịnh, nhưng hỏi họ tên thì chỉ cười mà không chịu nói. Trịnh lấy làm nghi hoặc lắm. Hôm khác Trịnh trở dậy rất sớm, nép mình ở bên khóm lau sậy để nhòm trộm xem ra thế nào. Bấy giờ sương mai ướt át, khói sớm mịt mù, Trịnh thấy ông già từ dưới nước thủng thỉnh đi lên, vội vàng chạy ra sụp lạy. Ông già cả cười nói:

- Thế ra ông định dò tìm tung tích của tôi ư? Thôi nay đã biết nhau rồi, để tôi kể cho mà biết rõ. Tôi là Bạch Long hầu, may bây giờ hãy còn năm đại hạn, mới có thì giờ rỗi đi chơi lăng băng, chứ nếu Ngọc Hoàng có sắc chỉ truyền đi làm mưa thì chẳng còn đâu thì giờ nhàn để đi làm nghề bói ở nhân gian nữa.

Trịnh nói:

- Ngày xưa Liễu Nghị có cuộc xuống chơi dưới Động Đình (3) . Thiện Văn có cuộc ăn yến ở Long cung (4) , chẳng hay kẻ phàm tục này, có thể được theo dấu của người xưa không?

Hầu nói:

- Khó gì sự đó.

Liền lấy đầu gậy vạch xuống nước, nước rẽ đôi ra, Trịnh theo Long hầu xuống. Đi được chừng nửa dặm thì thấy trời đất trong sáng, lâu đài chót vót, từ nhà ở đến thức ăn, đều là những vật ở nhân gian không có. Hầu tiếp đãi rất chu đáo. Trịnh nói:

- Không ngờ một kẻ nghèo khó lại được bước đến chỗ tôn nghiêm này. Ngày xưa có cái tai biến phi th ngày nay có sự gặp gỡ phi thường, công việc báo phục, có lẽ chính ở dịp này chăng?

Long hầu hỏi căn do, Trịnh đem việc Dương thị ra kể, và nói mong nhờ cậy uy linh, trừ loài hung xú, khiến buồm nhân gió mà được thuận, cáo nhờ hổ để dương oai, thì thật là cũng bõ một phen gặp gỡ.

Long hầu nói:

- Họ dù càn rỡ, đã có sắc mệnh của triều đình Long vương. Huống chi mỗi người riêng ở một nơi, không thống thuộc gì với nhau, ai dám vượt qua sông nước, dấy động giáp binh, để phạm vào một cái tội lỗi không thể tha thứ.

Trịnh nói:

- Vậy thì bây giờ tôi phát đơn kiện ở triều đình Long vương được không?

Hầu nói:

- Âm dương khác nẻo, chuyện chưa rõ ràng, ông muốn đem cái việc vô bằng, bắt kẻ địch rất mạnh, sợ rằng mối thù ấy chưa thể trả được. Chi bằng trước hẵng cậy người dò xét, lấy được chứng cớ, thì trừ kẻ gian kia chẳng khó khăn gì. Song tả hữu của tôi, không có người nào đủ chắc cậy để sai đi được, vậy để ta hãy liệu xem đã.

Cạnh đấy có một người con gái áo xanh bước ra nói rằng:

- Thiếp xin nhận công việc ấy.

Trịnh bèn cung kính mà nói lời ủy cậy và trao cho một cành thoa bằng ngọc mầu biếc để cầm đi làm tin.

Nàng áo xanh đến miếu thờ Thần Thuồng luồng ở Hồng Châu, hỏi thăm quả có người đàn bà họ Dương, hiện được phong là Xương ấp phu nhân, ở trong một cái điện bằng ngọc lưu ly, chung quanh có ao sen bao bọc, gối chăn yêu dấu, hơn hết các phòng, và năm ngoái đã sinh được một con trai.

Nàng mừng lắm, song lâu đài chi chít, không có đường thông, đành chỉ thẩn thơ ở ngoài cổng. Bấy giờ màu xuân đương đẹp, hoa tường vi nở rất nhiều trông hình như muôn điểm ráng hồng, kết lại ở trên

tường rực rỡ. Nàng vờ như không biết, vừa bẻ vừa rung. Người canh cổng nổi giận. Nàng liền đưa cành thoa đút lót mà nói:

- Tôi tưởng những dây hoa leo này, không phải là của quý gìn giữ, lỡ tay vin hái, thật là có tội. Tấm thân yếu ớt, sợ không chịu nổi roi vọt. Vậy xin bác cầm cành thoa này đưa vào lầu ngọc, để mong được khoan tha không phải đánh đập, thì tôi thực đội ơn vô cùng.

Người ấy nghe lời, cầm cành thoa vào dâng Dương thị. Dương thị nhìn lúc lâu, giả cách nổi giận mà rằng:

- Con bé nào mà dám đường đột như vậy, làm hỏng cả một giàn hồng cẩm của ta.

Truyền đem trói người con gái ấy trong vườn ngân hạnh. Thừa lúc vắng vẻ, Dương thị lẻn đến, cầm cành thoa khóc mà nói rằng:

- Đây là vật cũ của Trịnh lang chồng ta xưa làm sao lại ở tay chị? Hãy nói rõ sự thực đi!

Nàng áo xanh nói:

- Bảo vật này chính là do Trịnh lang đã giao cho tôi.

Lại nói:

- Trịnh lang hiện đương ở nhà Bạch Long hầu, vì phu nhân mà quên ăn bỏ ngủ, rồi nhờ tiện thiếp xa gửi đến một mối tình để trả món tương tư nợ cũ.

Nói chưa hết lời thì có con tiểu hoàn vào báo là tuần Thuồng luồng có lệnh vời. Dương thị vội lật đật đi ra: sáng hôm sau lại đến, ân cần hỏi han và trao cho một bức thư mà dặn rằng:

- Chị về nói hộ với Trịnh lang cho ta: người vợ xấu số ở bến nước xa xăm, lúc nào cũng vẫn thương nhớ đến chàng; chàng nên cố

xoay xở cách nào để cho được phượng lại trong mây, ngựa về trên ải, đừng khiến tôi phải già đời ở chốn cung nước làng mây này.

Bức thư gửi cho Trịnh lang như sau:

"Non thề bể hẹn, chao ôi việc trước lỡ làng, gió dập mưa dồn, ngán nỗi kiếp này lận đận. Nước non muôn dặm, tâm sự mấy lời. Nghĩ như thiếp chút phận mỏng manh, tấm thân mềm yếu. Duyên đôi lứa tự trời xe lại, ước trăm năm cùng huyệt dám sai. Nào ngờ biến dậy một đêm, đến nỗi hình rơi đáy vực. Bởi không thể chìm châu đắm ngọc, nên đành cam giãi nguyệt dầu hoa. áo xiêm đã lắm tanh nhơ, thân thế tạm thời còn thoi thóp. Sầu đầy tựa bể, ngày dài như năm. Nào hay giữa lúc bơ vơ, bỗng nhận được thư thăm hỏi. Ngắm cành thoa mà ứa lệ, nhìn khách đến những đau lòng. Một bước lỗi lầm, riêng cỏ nội hoa hèn thắc mắc; ba sinh thề ước, có trời cao đất cả chứng tri. Ngọc bích chưa lành, cân vàng xin chuộc".

Nàng áo xanh trở về báo tin cho biết, Long hầu bảo Trịnh rằng:

- Việc có thể nên được đấy.

Bèn cùng nhau đi ra bể nam, đến thăm một tòa thành lớn. Hầu vào trước, bảo Trịnh đứng đợi chỉ ở ngoài cửa thành. Một lát, Trịnh thấy một người ra dẫn vào trong một cái đền, trên đền có một vị vua mặc áo tinh hồng, (5) mang đai ly châu, (6) quần thần đứng chầu chực hai bên không biết bao nhiêu mà kể. Trịnh quỳ dài xuống mà tâu bày mọi nỗi, lời rất thê thảm. Đức vua ngoảnh nhìn vào một viên đứng bên phía tả, giục thảo trát đòi. Rồi có hai người lính vượt không ra đi. Chừng độ nửa ngày, hai người lính áp giải đến một người đàn ông, thân thể vạm vỡ, mũ đỏ mặt đen, râu ria đâm tua tủa như rễ tre vậy, ra giữa sân mà quỳ rạp xuống. Đức vua mắng rằng:

- Tước không cho nhảm, phải đợi người công lao, hình không dùng xằng, để trị kẻ gian nhũng. Như nhà ngươi trước có công lao, nên ta cho coi giữ một phương, vì dân che trở. Vậy mà ngươi giở thói dâm ngược, như thế là trừ tai ngừa hoạn cho dân đấy ư?

Người ấy nói:

- Kẻ kia ở trên trần, tiểu thần ở dưới nước, mỗi người một ngả, có can thiệp gì đến nhau. Vậy mà hắn buông lời phao vu, để hãm hại người vô tội. Nếu bệ hạ tin nghe lời hắn thì triều đình mắc sự lừa dối mà tiểu thần chịu tội mập mờ, tưởng không phải là sự yên trên toàn dưới vậy.

Bên nói đi, bên cãi lại, người ấy vẫn không chịu nhận tội, đức vua cũng hồ nghi không biết quyết định thế nào. Long hầu đứng bên khẽ rỉ tai bảo Trịnh rằng:

- Chi bằng khai tên tuổi Dương thị, xin cũng bắt đến xét hỏi.

Trịnh theo lời tâu lên, đức vua quả truyền đi bắt Dương thị đến. Ngày đã xế chiều, lại thấy hai người lính dẫn đến một mỹ nhân, xúng xính thướt tha, từ mé đông lại. Đức vua hỏi:

- Chồng ngươi đâu?

Dương thị tâu:

- Người áo xanh kia là chồng thiếp, còn người áo đỏ là kẻ thù. Độ trước không may bị cái yêu ấy bắt cướp, trải đã ba năm trời nay. Nếu không nhờ được sự soi tới của vầng thái dương, thì hồn tàn vóc nát sẽ phải chịu nhơ nhuốc trọn đời, còn mong gì được ló mặt ra nữa.

Đức vua cả giận nói:

- Không ngờ thằng giặc kia lại gian hoạt đến như thế. Bên trong thì làm sự dâm dật, mặt ngoài thì già họng chối cãi. Việc ấy nỡ làm thì dù đem xử tử cũng không đáng tiếc.

Bấy giờ có một người mặc áo bào xanh hiệu là Chính hình lục sự, tâu rằng:

"Thần nghe: vì tình riêng mà ban thưởng, thưởng sẽ không công, đương lúc giận mà xử hình, hình tất quá đáng. Duỗi co vốn khác, châm chước mới nên. Đem cái tài vuốt nanh, giữa cái trách phên giậu, tự hắn dẫu gây nên tội nghiệt, với dân cũng có chút công ân. Có tội phải gia hình, tuy đã cam bề vạn tử; đem công mà trừ lỗi, cũng còn mong được toàn sinh. Xin khoan cho tội tru di, hãy giam vào ngục đen tối".

Đức vua khen phải, bèn phê phán rằng:

"Mảng nghe: Đời người như khách trên đường, kẻ trước đi qua mà kẻ sau tiếp đến; đạo trời không sai tơ tóc, làm lành được phúc mà làm á yên. Lệ luật không mờ, cổ kim vẫn thế. Nay nhà ngươi vốn do huân phiệt, lạm giữ phương ngung. Lẽ nên linh hiển, để tỏ đức rồng, sao được tà dâm, làm theo nết rắn. Sự càn rõ ngày càng quá tệ, luật công minh tất phải thi hành. Than ôi, vợ người cố chiếm, đã rất mực mê cuồng, phép nặng không dong, để răn phường gian ác. Dương thị kia, nết tuy đáng trỏ, tình cũng khá thương; thân nên về với tiền phu, con để trả cho hậu phu. Mấy lời phê phán, lập tức thi hành".

Nghe lời phán xong, thần Thuồng luồng cúi đầu đi ra. Tả hữu cũng đưa mắt cho Trịnh bảo lui. Long hầu về nhà bèn đặt tiệc mừng, và tặng cho các thứ văn tê, đồi mồi. Vợ trồng Trịnh cùng lạy tạ rồi trở về nhà, kể hết đầu đuôi cho người nhà nghe, ai cũng đều mừng thay và lấy làm một chuyện lạ.

Sau Trịnh có việc đến Hồng Châu, lại đi qua chỗ đền ấy, thấy tường xiêu vách đổ, bia gẫy rêu trùm, duy có cây gạo đương tung bay bông trắng ở dưới bóng dương tà xế. Hỏi thăm những ông già bà cả, đều nói: "Trước đây một năm, một hôm giữa ban ngày bỗng dưng không mây mà mưa, nước sông đầy dẫy, rồi có một con rắn dài mười trượng, vẩy biếc mào đỏ, nổi trên mặt nước mà đi lên mạn Bắc, đằng sau có hàng hơn trăm con rắn nhỏ đi theo, đền từ đấy không linh thiêng nữa". Bấm đốt tính xem thì ngày ấy chính đúng vào ngày Trịnh kiện. Ôi lạ thay!

Lời bình:

Than ôi, chống được ách lớn thì thờ, cản được nạn lớn thì thờ, đó là phép cúng tế. Hưởng sự cúng tế ấy thì phải "cố danh tư nghĩa", (7) đâu có lẽ nhận sự thờ cúng lại còn đi làm tai làm họa cho người. Thế thì cái tội của vị thần Thuồng luồng chỉ phải bị đày thôi sao!

Quảng Lợi vương dụng hình như thế, thật là chưa đáng. Tất phải làm như Hứa Tốn, Thứ Phi (8) mới là cái việc thú vị được. Cho nên Địch Nhân Kiệt khi làm Tuần phủ Hà Nam (9) tâu xin phá hủy đến một nghìn bảy trăm tòa đền thờ không xứng đáng, thật là phải lắm.

Chú thích

(1) Hồng Châu: tương đương với vùng đất thuộc tỉnh Hải Dương ngày nay.

(2) Minh Tông nhà Trần: Trần Mạnh, vuaăm nhà Trần từ 1314 đến 1329; niên hiệu Đại Khánh (1314-1323) và Khai Thái (1324-1329) .

(3) Liễu Nghị người đời vua Trung Tông nhà Đường, đi thi bị trượt, về đến đất Kinh Dương, thấy một người đàn bà chăn dê đến nói rằng: "Thiếp là con gái vua Động Đình, gả cho con thứ vua Kinh Xuyên, bị con hầu gái xúc xiểm, thành ra đắc tội với cha mẹ chồng, nên phải truất đuổi đến đây. Nghe chàng về qua Động Đình, làm ơn đưa hộ thiếp bức thư. Nhà thiếp ở cổng có cây quýt lớn, cứ gõ vào cây ba tiếng thì có người ra". Nghị theo lời. Rồi nhân thế được đón xuống chơi Long cung. Sau Nghị lấy người con gái họ Lư, nàng xưng mình chính là Long nữ nhờ Nghị đưa thư ngày trước, rồi cùng đưa nhau về ở Động Đình.

(4) Khoảng niên hiệu Chí Chính nhà Nguyên, có người học trò là Dư Thiện Văn, giữa ban ngày thấy hai người lực sĩ đến nói là vâng mệnh của Quảng Lợi vương (vua thủy) sai đón, Thiện Văn theo đi. Đến bến sông xuống một chiếc thuyền, thấy hai con rồng vàng cắp mà đem đi, rồi xuống đến Thủy phủ. Quảng Lợi vương tiếp đón long trọng rồi nhờ soạn hộ một bài văn để đọc lúc làm lễ cất câu đầu của

tòa đền Linh Đức sắp dựng. Thiện Văn liền làm hộ một bì rất hay. Khi khánh thành, Thiện Văn được dự một bữa yến lớn.

(5) áo tinh hồng: áo màu đỏ; tinh: con tinh tinh thuộc họ vượn. Tinh hồng: màu đỏ như huyết con tinh tinh.

(6) Đai ly châu: đai ngọc quý. Ly châu: ngọc, ý từ sách Trang Tử: "Ngọc châu nghìn vàng tất ở dưới hàm con ly long, dưới vực sâu chín trùng" (Thiên kim chi châu, tất tại cửu trùng chi uyên, nhi ly long hàm hạ)

(7) Cố danh tư nghĩa: đoái trông cái danh mà nghĩ đến cái nghĩa của nó, nghĩa là danh phải đúng với thực.

(8) Hứa Tốn là người đời Tấn, trước làm quan lệnh ở Tinh Dương, sau từ quan về học được đạo thuật, chém rắn và giết thuồng luồng để trừ hại cho dân. Thứ Phi là một kẻ dũng sĩ đất Kinh về đời nhà Chu, giỏi kiếm thuật. Một lần đi thuyền có hai con thuồng luồng kèm hai bên thuyền. Phi rút gươm nhảy xuống sông chém chết cả hai, cả thuyền được yên ổn. Kinh vương nghe tiếng, vời dùng làm chức quan Chấp khuê.

(9) Địch Nhân Kiệt (607-700) : là một đại thần đời Đường, tính tình rất ngay thẳng. Thời Cao Tông, ông làm chức Đại lý, xử 17. 000 vụ án tồn đọng mà không ai phàn nàn điều gì. Khi làm Tuần phủ sứ ở Giang Nam (trong truyện và nguyên chú là Hà Nam) , ông đã sai phá hủy 1. 700 tòa dâm từ.

Chuyện nghiệp oan của Đào Thị (*)

Ả danh kỹ ở Từ Sơn (1) là Đào Thị, tiểu tự Hàn Than, thông hiểu âm luật và chữ nghĩa. Niên hiệu Thiệu Phong (2) thứ năm (1345) đời nhà Trần, nàng được tuyển sung vào làm cung nhân, hằng ngày chầu vua ở tiệc rượu hay ở chiếu bạc.

Một hôm vua thả thuyền chơi trên sông Nhị, rồi đi lần xuống tận bến Đông Bộ Đầu (3) . Vua lãng ngâm rằng:

Vụ ế chung thanh tiểu,

Sa bình thụ ảnh trường.

Nghĩa là:

Mù tỏa tiếng chuông nhỏ,

Cát phẳng bóng cây trường (dài) .

Các quan chưa ai nối được vần, nàng Đào liền ứng khẩu được ngay:

Hàn than ngư hấp nguyệt,

Cổ lũy nhạn minh sương.

Nghĩa là:

Bến lạnh cá đớp nguyệt,

Lũy cổ nhạn kêu sương.

Vua khen ngợi hồi lâu rồi nhân đó gọi là: "ả Hàn Than".

Vua Dụ Tôn mất, nàng phải thải ra ở ngoài phố, thường đi lại nhà quan Hành khiển là Ngụy Nhược Chân. Bà vợ quan Hành khiển

không có con mà tính hay ghen, ngờ Hàn Than tư thông với chồng, bắt nàng đánh một trận rất là tàn nhẫàng tức tối vô cùng, bèn đem những trâm hoa bằng vàng ngọc bán đi để thuê thích khách vào nhà Nhược Chân trả thù.

Nhưng thích khách đến, bị người nhà Nhược Chân bắt được, lúc đem tra khảo, hắn xưng ra Hàn Than. Hàn Than sợ, phải cạo trọc đầu và mặc đồ nâu sồng, trốn đến tu ở chùa Phật Tích (4) , giảng kinh thuyết kệ, chỉ mấy tháng đã làu thông lắm. Nàng có dựng ra am gọi là am Cư Tĩnh, mời họp các văn nhân để xin một bài bảng văn. Bấy giờ trong làng có một cậu học trò tuổi độ 14, 15, cũng đến hội họp. Hàn Thanh khinh là còn ít tuổi, nói đùa rằng:

- Anh bé con này cũng làm văn được à? Vậy thử làm cho tôi xem nào.

Cậu học trò không tỏ vẻ giận gì cả, lui lại dò hỏi được gốc tích Hàn Than, rồi làm bài văn như sau:

Cái văn: Phật bản từ bi, kỳ danh viết giác,

Nhân năng thanh tịnh, tức ngụy thành chân.

Năng tu pháp giới tân lương,

Tiện thị tùng lâm tông chủ.

Kính duy Phật Tích am sơn chủ Đào Thị

Danh đào nhạc tịch,

Đính lễ Phạm vương.

Đào khẩu liễu yêu, trạo thiệt tế tài án duyệt Lương Châu kỷ khúc,

Từ vân tuệ nhật, đài đầu gian dĩ quy y Đâu suất chư thiên.

Quần phao tương thủy tằng tằng,

Mấn lạc Sở vãn đoạn đoạn.

Mộng lý vô đoan xúc cảnh, bán chẩm du tiên

Phong tiền hà xứ liêu nhân, sổ xoang đoản địch.

Ca viện bất như tăng viện tĩnh,

Nạp y tuyệt thắng vũ y lương.

Thủy cúc Tào khê, do phân khuy kính ảnh,

Dạ tuyên bối diệp, thượng tác nhiễu lương thanh.

Tuy vân thiền định vong cơ,

Phả nại cuồng tâm bị tửu.

Túc bất hướng Tầm Dương tống khách,

Thân khước lai Hàng Quận tham thiền.

Ngũ Lăng nhi phao cẩm triền đầu, tuy tùy vị dĩ,

Tam sinh khách kết Liên hoa xã, chiêu dẫn hà tần.

Y! chung tàn trà yết vô dư sự,

Hảo hướng sơn phòng nhất đả miên.

Dịch:

Mảng nghe:

Phật vốn từ bi, gọi tên là Giác,

Người mà thanh tĩnh, hóa giả thành chân.

Muốn lên tông chủ trong rừng thiền,

Hãy gắng tu trì trong cõi phép.

Kính nghĩ am chủ ở núi Phật Tích là Đào Thị,

Sổ ca nhạc rút tên ra khỏi.

Cửa Phạm vương (5) núp bóng tìm vào,

Miệng đào lưng liễu, uốn lưỡi vừa véo von mấy khúc Lương Châu (6) .

Nhật sáng mây lành, nghển đầu đã tựa nương dưới trời Đâu Suất (7) ,

Quần ném dòng Tương lớp lớp.

Tóc rơi mây Sở từng từng,

Trong mơ xúc cảnh bâng khuâng, du tiên nửa gối,

Trước gió ghẹo người réo rắt, đoản địch vừa xong.

Phòng tăng vắng vẻ khác phòng ca,

áo đạo nhẹ nhàng hơn áo múa.

Khe Tào múc nước (8) , chợt ngờ mặt phấn trong gương,

Lá bối (9) tụng kinh, còn thoảng âm vang trước nóc (10) .

Mùi thiền dẫu bén,

Lòng tục chưa phai.

Bến Tầm Dương (11) không đến gẩy tỳ bà,

Chùa Hàng Quận (12) lại vào nghiền kinh kệ.

Gấm triền đầu phấp phới, theo đuổi chưa thôi (13) ,

Hội Liên Hoa dập dìu, đón mời sao khéo (14) .

Ôi! chuông tàn trà cạn ngồi chi nữa

Buồng núi vào tìm một giấc say.

Bài văn làm xong, viết lớn rồi dán vào cửa chùa, xa gần đua nhau chép. Hàn Than nhân thế, đương đêm bỏ chùa mà trốn. Nghe chùa Lệ Kỳ (15) ở hạt Hải Dương là một nơi nước tú non kỳ, phong cảnh tuyệt đẹp, trụ trì có sư già Pháp Vân và sư bác Vô Kỷ, bèn đến chùa xin bái yết. Pháp Vân không nhận và bảo Vô Kỷ rằng:

- Người con gái này, nết không cẩn nguyện, tính bén lẳng lơ, tuổi đã trẻ trung, sắc lại lộng lẫy, ta e lòng thiền không phải đá, sắc đẹp dễ mê người; tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tấc mây dễ mờ bóng nguyệt. Vậy ngươi nên liệu lời từ chối, đừng để hối hận về sau.

Vô Kỷ không nghe, lại cứ nhận cho Hàn Than ở. Pháp Vân lập tức dời lên ở tận trên đỉnh núi Phượng Hoàng.

Hàn Than tuy ở chốn thanh tịnh nhưng nết cũ vẫn chưa từ bỏ.

Mỗi lúc ở nhà dưới đi lên mặc áo lụa, mang quần là, điểm môi son, tô má phấn. Cõi dục đã gần, máy thiền dễ chạm, bèn cùng Vô Kỷ tư thông. Hai người đã yêu nhau, mê đắm say sưa, chẳng khác nào con bướm gặp xuân, trận mưa cửu hạn, chẳng còn để ý gì đến kinh kệ nữa.

Hằng ngày hai người cùng nhau làm thơ liên cú, phàm những cảnh vật trong núi, cái gì có thể ngâm vịnh được đều dấp bút đề vịnh để ghi danh thắng. Những thơ như thế nhiều lắm không thể chép hết được, xin thuật ra đây độ một hai phần:

Sơn Vân

Dao để nùng hoàn đạm,

Thiên biên thấp vị hy.

Hiểu tùy sơ vũ khứ,

Mộ đới lạc hà quy.

ái đại nhân phong

Du dương đáo xứ phi.

Tăng dung đồng diệc lãn,

Thùy vị yểm nham phi.

Dịch:

Mây núi

Bên trời đậm nhạt không thường,

Ráng chiều mưa sớm bốn phương đi về.

Sư lười tiểu cũng lười ghê,

Siêng năng khép cửa bồ đề ấy ai?

Sơn vũ

Nhất vũ thiên nham mính,

Tiêu tiêu tác ý minh.

Châu cơ đôi địa sắc,

Tinh đẩu lạc thiên thanh.

Lựu đoạt toàn lưu cấp,

Lương hồi khách mộng thanh.

Sơn phòng vô cá sự,

Nhập dạ kỷ tàn canh.

Dịch:

Mưa núi

Rào rào một trận mưa rơi,

Đầu non ngọc rụng, lưng trời sao sa.

Nước xô hơi lạnh vào nhà,

Buồng sâu quạnh vắng đêm tà tà canh.

Sơn phong

Linh lại khư u động,

Chung tiêu sách sách thanh.

Phiên hoa hồng ý loạn,

Quyển thụ lục âm kinh.

Tăng nạp hàm lương thiển,

Chung lâu tống hưởng thanh.

Mang mang thiên địa nội,

Phi vị bất bình minh.

Dịch:

Gió núi

Thâu đêm tiếng thổi ào ào,

Hoa xơ xác thắm, cây rào rạt xanh.

Chuông lầu đưa tiếng thanh thanh,

Không gian nào phải bất bình mà kêu.

Sơn nguyệt

Ẩn ẩn lâm sao quýnh,

Liên không hạo khí phù.

Hàm sơn ngân kính khuyết,

Cách vụ ngọc bàn thu

ảnh lạc tùng quan tĩnh,

Lương hồi trúc viện u.

Thanh quang tùy xứ hữu,

Hà tất thướng Nam lầu.

Dịch:

Trăng núi

Sau rừng khí sáng lên cao,

Long lanh gương bạc gác vào đỉnh non.

Bóng soi mát dịu tâm hồn,

Lên lầu Nam, lọ phải còn tốn công (16) .

Sơn tự

Nhất thốc huy kim bích,

Nham yêu ẩn tịch dương.

Phong cao tùng húng lãng,

Thiên cận quế phiêu hương.

Động tiểu cầm thanh náo,

Phong tà tháp ảnh trường.

Trần gian danh lợi khách,

Vọng thử kỳ bàng hoàng.

Dịch:

Chùa núi

Âm thanh ẩn dưới bóng tà

Thông cao hát gió, quế già phun hương,

Chim rừng ríu rít kêu vang,

Khách trần ai có mơ màng chăng ai?

Sơn đồng

Sinh trưởng tiều tô địa,

Ninh tri thiển thảo nguyên.

Cuồng ca vân hắc ám,

Đoản địch nhật hoàng hôn.

My lộc phù ê lữ,

Yên hà thủy thạch thôn.

Quy lai thâm động lý,

Vân bế tiểu càn khôn.

Dịch:

Tiểu đồng trong núi

Năm năm sinh trưởng trong rừng,

Đùa mây hát sớm, thét trăng còi chiều.

Bạn bầy chim đá nai hươu,

Càn khôn riêng mở bên đèo khói mây.

Sơn viên

Ẩn ước sào nam lữ,

Duyên nhai nhật kỷ hồi.

Sầu tương Ba lệ lạ

Thanh nhập Sở vân ai.

ẩm giản hô bằng khứ,

Văn kinh tác bạn lai.

Vân thâm hà xứ mịch,

Sơn sắc chính thôi ngôi.

Dịch:

Vượn núi

Non cao ngoăn ngoắt leo chơi,

Tiếng kêu buồn để cho người rơi châu.

Uống khe dắt rủ bạn bầu,

Ngàn mây ẩn bóng biết đâu dò tìm.

Sơn điểu

Thân thế vân yên ngoại,

Y y tận nhật nhân.

Nhất thanh sơn sắc minh,

Sổ cá tịch dương hoàn.

Tăng củng hàm lai quả,

Sào thê đáo xứ san.

Chu thu thùy hội ý,

Phi nhiễu tiết la gian.

Dịch:

Chi

Khói mây ngày tháng thong dong,

Kêu trong sắc núi, vờn trong bóng chiều.

Tha quả chín, đậu đồi kiêu,

Bên rừng lá rậm dập dìu liệng quanh.

Sơn hoa

Noãn nhập cao đê thụ,

Chi chi hỏa dục nhiên.

Đông tây hà thế giới,

Viễn cận cẩm sơn xuyên.

Hồng vũ lâm yêu đọa,

Hương phong động khẩu truyền.

Tự khai hoàn tự lạc,

Kim cổ kỷ xuân thiên.

Dịch:

Hoa núi

Xuân sang đỏ ối cành cành,

Mây thêu gấm dệt bao quanh bốn bề.

Sắc hương man mác rừng khe,

Cổ kim từng biết bao khi nở tàn.

Sơn diệp

Nhất bích thiên vô tế,

Tùng điều nhân vọng

Thu lai hoàng bị kính,

Xuân đáo lục doanh khê.

Trú quyện vô nhân tảo,

Yên thâm hữu điểu đề.

Thương nhiên khan bất tận,

Thiên lý tịch dương tê (tây) .

Dịch:

Lá núi

Lưng không bát ngát bốn bề,

Thu sang ngập úa, xuân về rợp xanh.

Chim kêu ríu rít đầu cành,

Tà dương bóng ngả chênh chênh ngàn đoài.

Hai người ham mê nhau quá, chỉ cốt cái thú vui sướng trước mắt. Nhưng vui quá hóa buồn, lẽ tự nhiên như thế, không có gì là lạ. Năm Kỷ Sửu (1349) nàng quả vì có thai rồi ốm, lay lứt từ mùa xuân đến mùa hạ, ngồi lên nằm xuống, tất thảy đều có người đỡ vực. Sư Vô Kỷ vốn không biết thuốc, lại không biết đường chạy chữa, khiến nàng sau phải nằm quằn quại chết ở trên giường cữ. Vô Kỷ xót thương vô hạn, quàn nàng ở cuối mái hành lang phía Tây, sớm tối vỗ vào áo quan mà khóc rằng:

- Em ơi, em vì anh mà chết một cách oan uổng. Nếu anh được theo em cùng chết, anh rất sẵn lòng, khỏi để em vò võ một mình ở nơi chín suối. Huống chi khi em bình sinh vốn thông tuệ, khác hẳn với mọi người thường, nếu có linh thiêng, xin sớm cho anh được theo về dưới đất, anh không muốn lại trông thấy sư cụ Pháp Vân nữa.

Sau mấy tháng Vô Kỷ cũng vì nhớ thương mà thành ốm, lai rai đến nửa năm trời, bỏ cả cơm cháo. Một đêm thấy Hàn Than hiện đến bảo rằng:

- Thiếp buổi trước ngàn dâu xế bóng, cửa Phật nương mình, đáng cười thay chưa dứt lòng trần, thêm ngán nỗi còn vương nợ nghiệt,

đài Dao mệnh dứt, đến nỗi chia bày, sống còn chưa được thỏa yêu đương, chết xuống sẽ cùng nhau quấn quýt. Mong chàng hiểu câu lục như (17) , như bỏ giường thiền tứ đại (18) , tạm rời cảnh Phật, về chốn suối vàng để thiếp được ngửa nhờ Phật lực, thác hóa đầu thai, đặng trả cho xong một cái nợ oan gia ngày trước.

Nói xong thì không thấy đâu cả. Từ đấy bệnh Vô Kỷ ngày càng nguy kịch. Sư cụ Pháp Vân nghe tin, xuống núi để thăm, thì bệnh đã không thể cứu vãn được nữa, đành chỉ trông nhau ứa nước mắt, rồi một lát thì Vô Kỷ chết.

Đêm hôm ấy gió mưa dữ dội, ở kinh đô có nhiều nhà lật mái đổ tường. Bà vợ quan Hành khiển Ngụy Nhược Chân chiêm bao thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn ở dưới nách bên tả. Sau đó rồi bà có mang sinh ra được hai người con trai, đặt tên người con lớn là Long Thúc, người con bé là Long Quý. Hai đứa trẻ ấy mới đầy một tuổi đã biết nói, lên tám tuổi đã biết làm văn, được cha mẹ rất là yêu quý. Bây giờ đang giữa mùa hè nóng bức, Nhược Chân một hôm ngồi hóng mát trên cái lầu cao. Cửa lầu trông xuống đường, có một vị thầy tu đói khó đi qua ở dưới, dùng dằng trông ngắm, muốn đi mà không đi dứt được. Chợt rồi người ấy phàn nàn:

- Lạ thay tòa lâu đài thế kia mà rồi sẽ thành cái vực của thuồng luồng. Đáng tiếc! Đáng tiếc!

Nhược Chân sợ hãi thất sắc, vội chạy theo hỏi; ban đầu thầy tu không chịu nói, chỉ bảo vừa rồi bàng hoàng nói nhảm chứ không thấy có gì lạ, xin bất tất phải nghi ngờ. Nhưng Nhược Chân cứ cố khẩn nài, thầy tu mới bảo là nhà ông chứa đầy khí yêu quái, nếu không là nghiệp báo kiếp trước thì tất là oan gia kiếp này; người ta đã ở trong nhà ông, chỉ năm tháng nữa thì cả nhà không còn sống sót một mống. Nhược Chân kêu xin cứu cho, thầy tu nói: Tôi vốn có con mắt xem người rất sành. Xin cho tôi xem tất cả người trong nhà, hễ tôi thấy đúng người nào thì gõ vào chậu để cho ông biết. Nếu tiết lộ ra một lời thì tai vạ xảy ra ngay lập tức.

Nhược Chân gọi tất cả người nhà ra lạy chào; thầy tu xem khắp lượt rồi lắc đầu nói:

- Đều không phải cả. Vị tất đã biến thành hình. Lại hỏi trong nhà còn ai phải gọi nốt ra. Nhược Chân vào gọi nốt hai con trai đang ngồi trong nhà học. Khi hai người con trai đến, thầy tu liền gõ vào chậu rồi nức nở khen:

- Quý hóa thay hai cậu con trai! Sau này làm nên sự nghiệp lừng lẫy, vẻ vang cho nhà và danh giá với đời, tất nhiên là những cậu này.

Hai người đều giận nói:

- Thầy chùa ở đâu đến đây mà bẻm mép tán xằng gì thế?

Nói rồi đều phất áo đi vào. Nhược Chân không bằng lòng; thầy tu cũng từ giã ra đi.

Đêm hôm ấy, Long Quý khóc bảo với Long Thúc rằng:

- Vị yêu tăng hôm nay, lời nói ba hoa hình như có ý dòm dỏ. Nếu hắn mà biết, e rằng sẽ nguy cho chúng ta lắm đấy.

Long Thúc cười mà rằng:

- Trừ được chúng ta, duy có một sư cụ Pháp Vân. Còn những kẻ khác, ta chỉ giơ tay là cướp được bùa dấu của họ. Huống chi Nhược Chân đối với ta, tất vì tình cốt nhục mà không hiềm nghi gì cả, ta có thể yên ổn không lo ngại gì.

Bấy giờ Nhược Chân nằm ngủ không yên, đang dậy đi một mình thơ thẩn, tình cờ do chỗ khe cửa sổ mà nghe lóng được, sợ hãi kinh hoàng không biết tính thế nào. Ngày hôm sau, nói vờ là có chút việc, từ nhà ra đi, dò thăm khắp chốn danh lam, tìm hỏi vị sư cụ có tên hiệu là Pháp Vân. Trải hơn một tháng đến tìm chùa ở Lệ Kỳ, thấy gã tiểu đồng nói hồi nhỏ có nghe tên hiệu ấy nhưng sư cụ đã dời vào

núi sâu từ lâu rồi. Tiểu đồng nhân trỏ lên ngọn núi Phượng Hoàng (19) mà bảo:

- Sư cụ ở trên núi kia kìa.

Nhược Chân bèn xắn áo đi lên, qua bốn năm dặm nữa mới tới chỗ sư cụ ở. Bấy giờ sư cụ đang nằm ngủ ở trên ghế tiếng ngáy như sâ hai bên tả hữu có hai chú tiểu đứng hầu. Nhược Chân khúm núm đi lên, hai gã tiểu đồng quát mắng làm cho sư cụ tỉnh giấc. Nhược Chân đến trước sụp lạy và kể cái bản ý tìm đến của mình. Sư cụ cười mà rằng:

- Sao tiên sinh lầm thế? Lão phu thân không ở chùa chiền, chân không đến thành thị đã lâu năm rồi. Nay chỉ có thể ở trong am cỏ, quét đất thắp hương, tụng kinh Lăng nghiêm mấy lần. Chứ còn đến bay bùa chạy dấu thì không phải là việc của lão.

Sư cụ từ chối rất dứt khoát. Hai tiểu đồng đứng bên bàn rằng:

- Đức Phật nhà ta lấy từ bi làm bè, tế độ làm cửa, thương bể khổ trôi nổi, cứu sông mê đắm chìm. Bởi vì ngài muốn ai nấy cùng sang bỉ ngạn, cùng gội thiện duyên. Nếu thầy nhất định chối từ thì sao làm rộng đạo nhà Phật ra được.

Bấy giờ sư cụ mới vui vẻ nhận lời. Bèn dựng một đàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Ước độ trống canh thì có đám mây đen mươi trượng bao bọc ở chung quanh đàn, một cơn gió lạnh thổi ào làm cho người phải ghê rợn. Sư cụ cầm cây tích trượng chỉ huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm ra bộ quát mắng. Nhược Chân ngồi ở một ngôi nhà phía xa, vén mành trông trộm; nhưng vắng lặng chẳng thấy gì cả, chỉ nghe trên không có tiếng khóc y ỷ, một lúc tiếng tắt mà đám mây cũng tan. Sáng hôm sau, sư cụ lấy một phiến đá bôi hùng hoàng vào rồi viết mực lên, trao cho Nhược Chân mà bảo:

- Ông về hễ thấy loài yêu quái biến ra vật gì, kịp lấy đá này mà ném thì những mối thừa của tai họa sẽ dứt được hết.

Nhược Chân về đến nhà. Thấy người nhà đương ngồi châu đầu mà khóc. Bà vợ kể chuyện canh ba đêm nọ, hai con trai cùng dắt nhau xuống giếng mà chết, nước giếng dâng lên hầu ngập cả thềm, hiện ra hai cái thây đều đã quàn ở vườn nam, chỉ đợi Nhược Chân về thì đem mai táng. Nhược Chân hỏi:

- Trước lúc chết, chúng có nói gì không?

Người nhà nói:

- Chúng chỉ phàn nàn là giá chậm độ mấy tháng nữa thì công việc xong, không ngờ bị kẻ cuồng tăng làm hại.

Nói xong, lại gào khóc. Nhược Chân can ngăn rồi cùng ra vườn nam mở nắp quan tài để xem. Khi mở thấy hai cái thây đã hóa thành hai con rắn vàng, lấy hòn đá ném thì chúng liền nát ra tro cả.

Vợ chồng liền sắm nhiều vàng lụa đem đến tạ ơn sư cụ Pháp Vân. Nhưng đến nơi thì thấy am cỏ rêu phong, không tìm nhận ra được vết đi nào cả, nhân buồn bã cùng nhau trở về.

Lời bình:

Than ôi! Theo về dị đoan chỉ là có hại (20) . Huống chi đã theo lại còn không giữ cho đúng phép, thì mối hại phỏng còn xiết nói được ư? Gã Vô Kỷ kia, là một kẻ gian dâm, buông thói tà dục, chẳng những dối người lại còn dối Phật của hắn thờ nữa. Giả đem xử vào cái tội như vua Ngụy giết bọn Sa Môn (21) ngày xưa thì hắn cũng không oan chút nào.

Thế còn Nhược Chân thì hẳn là không có lỗi chăng? Đáp rằng làm quan mà như thế, còn gì gọi là chính gia được nữa! Mầm vạ mọc lên, suýt nữa hãm vào bước nguy khốn, chính mình làm mình chịu, không đáng lấy làm lạ chút nào.

Chú thích

(*) Nguyên văn: Đào Thị nghiệp oan ký.

* Nguyên văn: Tản Viên từ phán sự lục.

(1) Từ Sơn: tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh

(2) Thiệu Phong: niên hiệu vua Trần Dụ Tông (1341-1357)

(3) Đông Bộ Đầu: bến sông Hồng phía trên cầu Long Biên, gần dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay.

(4) Chùa Phật Tích: nguyên chú: "Chùa núi Phật Tích thuộc xã Sài Khê, huyện Thạch Thất", tức chùa Thày, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(5) Cửa Phạn Vương: cửa chùa, cửa Phật

(6) Khúc Lương Châu: khoảng niên hiệu Thiên Bảo đời Đường, các điệu nhạc đều lấy tên các vùng đất ngoài biên tái như Lương Châu, Cam Châu, Y Châu...

(7) Đâu Suất: là tầng trời thứ tư trong sáu tầng dục giới, nơi Di Lặc ở và giáo hóa những người có thiện duyên (Theo kinh Phật) .

(8) Khe Tào múc nước: Đời Lương có vị cao tăng là Trí Dược từ nước Thiên Trúc vào Trung Quốc. Thuyền đến cửa Khe Tào ở Thiều Châu, thoảng thấy mùi thơm, múc nước nếm rồi bảo: "Thượng lưu dòng nước này có thắng địa". Bèn khai núi làm chùa, đặt tên là Bảo Lâm.

(9) Lá bối: Một thứ lá cây, trước đây thường dùng chép kinh Phật.

(10) Hàn Nga sang Tề, đi qua cửa Ung thì hết lương, phải hát rong kiếm tiền ăn; đi rồi mà tiếng hát còn văng vẳng trên nóc nhà ba ngày không dứt.

(11) Tầm Dương: Bạch Cư Dị bị giáng chức làm tư mã Giang Châu. Một hôm đi thuyền tiễn khách, đậu ở bến Tầm Dương đã nghe tiếng đàn tì bà ai oán mà tuyệt diệu, thổ lộ tâm tình của người kỹ nữ tài

hoa luống tuổi lấy người lái buôn chè. Người lái buôn ham lợi để nàng ca nữ một mình trên bến sông lạnh lùng.

(12) Hàng Quận: Cầm Tháo là một ca kỹ ở Tây Hồ thuộc Hàng Châu, một lần tiếp Tô Đông Pha, một trong bát đại gia Đường Tống, nghe ông đọc hai câu thơ: Môn ngoại lãnh lạc yên mã hi; Lão đại giá tác thương thân phụ (Ngoài cửa lạnh lùng xe ngựa vắng; tuổi già duyên kết chú phường buôn) . Cầm Tháo tỉnh ngộ bèn cắt tóc đi tu.

(13) Đời Đường các công tử vương tôn nghe hát, thường lấy gấm quàng đầu con hát để thưởng, gọi là "phao cẩm triền đầu" (Ném gấm quấn đầu) .

(14) Thầy chùa Tuệ Viễn đời Tấn cùng các bạn tu 15 người họp thành hội Bạch Liên hoa, viết thư mời Đào Uyên Minh đến dự, Uyên Minh bảo có rượu mới tới. Viễn nhận lời, nhưng Uyên Minh đến lại không có rượu, ông chau mày bỏ đi.

(15) Chùa Lệ Kỳ: Nguyên chú: "Chùa Lệ Kỳ nay thuộc huyện Chí Linh". Chí Linh nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(16) Dữu Lượng đời Tấn làm Đô đốc Kinh Châu thường lên lầu Nam thưởng nguyệt.

(17) Kệ lục như: Bài kệ trong kinh Phật nói hết thảy mọi việc đời đều: như mộng, như huyễn, như bọt, như sương, như điện, như bóng (tám điều như) .

(18) Giường thiền tứ đại: Kinh Phật nói thân thể người ta là do tứ đại (đất, nước, lửa, gió) hợp thành. Tô Đông Pha vốn chơi thân với sư Phật ấn. Một hôm ông Tô đến chơi, Phật ấn đùa bảo "Quan nội hàn đến làm gì? ở đây không có chỗ ngồi". Ông Tô đùa lại: "Xin mượn cái "tứ đại" của sư làm giường thiền".

(19) Núi Phượng Hoàng: nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

(20) Câu này của Khổng Tử trong sách Luận ngữ. Nhà nho coi các học thuyết khác (không phải đạo nho) là "dị đoan", ở đây chỉ đạo Phật.

(21) Thôi Hạo đời Ngụy ghét đạo Phật. Nhân vua Ngụy đến thành Trường An, vào một ngôi chùa, thấy có binh khí và nhà hầm giấu con gái, Hạo bèn xin vua giết hết sa môn (sư) trong thiên hạ.

Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên *

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lang Giang (1) . Chàng vốn khẳng khái nóng nẩy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng bắc người ta vẫn khen là một người cương phương. Trong làng trước có một tòa đền, vẫn linh ứng lắm. Cuối đời họ Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên Bách hộ họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian, có người dốc hết của cải, gia sản khánh kiệt cũng không đủ để cầu cúng. Tử Văn rất là tức giận, một hôm tắm gội chay sạch, khấn trời rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, họ lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng Tử Văn vung tay không cần gì cả.

Đốt xong về nhà, chàng thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đ và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô dõng dạc, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng, quần áo, rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ, đến đòi làm trả lại tòa đền như cũ, và nói:

- Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần ra sao, cớ gì lại dám lăng miệt, hủy tượng đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả tòa đền như cũ. Nếu không thì vô cớ hủy đền Lư sơn, Cố Thiệu sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ (2) .

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưởng tự nhiên, người kia tức giận nói:

- Phong Đô không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà người đến đấy. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.

Nói rồi phất áo đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thủng thỉnh đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:

- Tôi là vị Thổ thần ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Tử Văn kinh ngạc nói:

- Thế người đội mũ trụ đến đây ban nãy, chẳng phải là Thổ địa đấy ư? Sao mà nhiều thần quá thế vậy.

Ông già nói:

- Ô, đấy là viên tướng bại trận của Bắc Triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo tên họ của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược, Thượng đế bị nó bưng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phàm những việc hưng yêu tác quái đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe:

"Tôi từ đời vua Lý Nam đế làm chức Ngự sử đại phu, vì chết về việc cần vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vậtơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như kẻ khuất tặc kia đã làm. Gần đây vì thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay".

Tử Văn nói:

- Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm vương và tâu lên Thượng đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê.

Ông già chau mặt nói:

- Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở. Những đền miếu gần quanh, vì tham của đút, đều bênh vực cho nó cả. Khư khư một chút lòng thành thực, không

làm thế nào để thông đạt được lên cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tử Văn nói:

- Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?

- Hắn quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh ty. Tôi thừa lúc hắn đi vắng nên lén đến đây báo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Lại dặn Tử Văn:

- Hễ ở Minh ty có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hắn chối cãi, thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải đớ miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vùi lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

Tử Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một dinh tòa rất lớn, chung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục tượng. Hai quỷ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền, chỉ rằng:

- Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm.

rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Đằng phía bắc, tức là một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên tả hữu cầu, có đến mấy vạn quỷ Dạ Xoa, đều mắt xanh tóc đỏ hình dáng nanh ác. Hai quỷ dùng gông dài thừng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh, Tử Văn kêu to lên rằng:

- Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo rõ cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời tuyên ngôn rằng:

- Tên này bướng bỉnh gân guốc, nếu không phán đoán cho rõ, vị tất nó đã chịu phục tội.

Bèn sai dẫn Tử Văn vào trong cửa điện. Tử Văn vào đến nơi, đã thấy người đội mũ trụ đương kêu cầu ở trước sân.

Diêm vương mắng Tử Văn rằng:

- Kẻ kia là một người cư sĩ, trung thuần khích liệt, có công với tiên triều, nên Hoàng thiên cho được huyết thực ở một tòa đền để đền công khó nhọc. Mày là một kẻ hàn sĩ, sao dám hỗn láo, tội nghiệt tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời ông cụ già đã nói, lời rất cương chính, không chịu chùn nhụt chút nào. Người đội mũ trụ nói:

- Ấy là ở trước vương phủ mà hắn còn quật cường như thế, mồm năm miệng mười, đơm đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quạnh hiu, sợ gì mà hắn không dám cho một mớ lửa.

Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái, nhưng Diêm Vương vì thế bụng cũng sinh nghi. Tử Văn nói:

- Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đem giấy đến đền Tản Viên để hỏi hư thực; không có sự thực như thế, tôi lại xin chịu thêm cái tội nói càn.

Người kia bây giờ mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâ

- Gã kia là một kẻ học trò, thật là ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng đủ trừng giới. Xin đại vương khoan tha cho hắn để tỏ cái đức rộng rãi. Bất tất đòi hỏi dây dưa và thẳng tay trị tội, sợ có hại cho cái đức hiếu sinh.

Diêm vương quát lớn rằng:

- Cứ như lời hắn thì nhà người đáng tội tru lục. Điều luật lừa dối đã sẵn sàng đó. Nhà ngươi cớ sao dám làm sự xuất nhập luận tội người ta như vậy?

Lập tức sai người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực. Sai nhân về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các Phán quan rằng:

- Lũ ngươi chia tòa sở, giữ chức sự, cầm lệnh chí công, làm phép chí công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên hư, phạt thì đích xác mà không hà lạm, vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế; huống chi về đời Hán đời Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn xiết nói được ư?

Liền sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu u. (3)

Vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa, và sai lính đưa Tử Văn về. Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau họ đón một bà đồng về phụ bóng, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ, lại dựng một tòa đền mới. Còn ngôi mộ của người tướng kia thì tự dưng thấy bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy.

Sau đó một tháng, Tử Văn thấy ông già đến bảo:

- Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy, không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân Phán sự, không có người lo việc. Lão với nhà thầy đã biết nhau nên đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ống ở đời, xưa nay ai không phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau là đủ rồi. Nếu trùng trình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng nên coi là việc tầm thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lợi, bèn thu xếp việc nhà rồi không bệnh tật gì mà mất.

Năm Giáp Ngọ (1414) có người ở thành Đông Quan (4) vốn quen biết với Tử Văn, buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy ở trong sương mù có xe ngựa đi đến ầm ầm, lại nghe thấy tiếng quát rằng:

"Người đi đường tránh ra, xe quan Phán sự!” .

Người ấy ngẩng đầu trông về phía trước, người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ ngồi trên xe chắp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoắt đã cưỡi gió mà đi biến mất. Đến nay con cháu hãy còn, người ta còn truyền là "nhà quan Phán sự!” .

Lời bình:

Than ôi! Người ta vẫn nói: "Cứng quá thì gẫy". Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gẫy hay không là việc trời. Sao nên đoán trước là sẽ gẫy mà chịu đổi cứng ra mềm ru!

Ngô Tử Văn là một anh chàng áo vải. Vì cứng cỏi cho nên dám đốt cháy đền tà, chống cãi yêu quỷ, một lần ra tay mà mối hận của cả thần và người đều được rửa. Nhân thế nức tiếng mà được giữ chức vị ở Minh tào, thật là xứng đáng. Vậy là kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.

Chú thích

(1) Yên Dũng đất Lạng Giang: Lộ Lạng Giang đời Trần Hồ là miền đất thuộc tỉnh Bắc Giang và một phần Tây Nam tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Huyện Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

(2) Đời Tam quốc, Cố Thiệu làm quan Thú ở quận Dự Chương phá hủy các đền thờ những vị thần bất chính. Sau thấy thần miếu Lư Sơn hiện lên đòi làm trả, Thiệu không nghe. Không bao lâu bị ốm mà chết (sách Loại tụ) .

) Ngục Cửu u: chín ngục dưới âm phủ, mỗi ngục coi một hình phạt, như: A tì (giam vĩnh viễn) , núi dao, cắt thịt, ngậm sắt nóng...

(4) Đông Quan: tên gọi Thăng Long thời thuộc Minh.

Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên *

Trong năm Quang Thái (1) đời nhà Trần, người ở Hóa Châu (2) tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm Tri huyện Tiên Du (3) . Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộn rịp, thành một đám hội xem hoa tưng bừng lắm. Tháng 2 Bính tý (4) , người ta thấy có cô con gái, tuổi độ 15, 16 phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khấc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tăng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến Đại thần mà thầy không làm nổi một chức Tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Âu là một mái chèo về, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cởi trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn (5) , nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, (6) hễ gặp chỗ nào thích ý thì hý hửng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kỳ như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga (7) , không đâu không từng có những thơ đề vịnh. Một hôm Từ Thức dậy sớm trông ra bể Thần Phù (8) ở phía ngoài xa vài chục dặm, thấy có đám mây ngũ

sắc đùn đùn kết lại như một đóa hoa sen mọc lên, vội chèo thuyền ra thì thấy một trái núi rất đẹp. Từ kinh ngạc bảo lái thuyền rằng:

- Ta đã từng lênh đênh trên áng giang hồ, các thắng cảnh miền đông nam, không biết trái núi này từ đâu lại mọc ra trước mắt, ý giả là non tiên rụng xuống, vết thần hiện ra đây chăng? Sao trước không mà nay lại có?

Bèn buộc thuyền lên bờ thì thấy những vách đá cao vút nghìn trượng, sừng sững đứng thẳng, nếu không có cánh thì vị tất đã trèo lên thăm cảnh đó được. Nhân đề một luật thơ rằng:

Thiên chương bích thụ quải triêu đôn,

Hoa thảo nghênh nhân nhập động môn.

Nhiễu giản dĩ vô tăng thái dược,

Duyên lưu thặng hữu khách tầm nguyên.

Lữ du tư vị cầm tam lộng, Điếu đĩnh sinh nhai tửu nhất tôn.

Nghĩ hướng Vũ Lăng ngư tử vấn,

Tiền lai viễn cận chủng đào thôn.

Dịch:

Triêu dương bóng rải khắp ngày xanh,

Hoa cỏ cười tươi đón rước mình.

Hái thuốc nào đâu sư kẽ suối,

Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh.

Lang thang đất lạ đàn ba khúc,

Nênh nổi thuyền câu rượu một bình.

Bến Vũ (9) chàng ngư, tìm thư

Thôn Đào (9) chỉ hộ lối loanh quanh.

Đề xong, trông ngắm thẫn thờ, như có ý chờ đợi. Chợt thấy ở trên vách đá bỗng nứt toác ra một cái hang, hình tròn mà rộng độ một trượng. Vén áo đi vào, vừa được mấy bước thì cửa hang đã đóng sập lại tối tăm mù mịt như sa vào cái vực đen tối. Bụng nghĩ không còn thể nào sống được nữa, lấy tay sờ soạng lối rêu, nhận thấy có một cái khe nhỏ, quằn quèo như cái ruột dê vậy. Đi mò độ hơn một dặm thì thấy có đường đi ngoi lên. Bám bíu trèo lên thì mỗi bước mỗi thấy rộng rãi. Lên đến ngọn núi thì bầu trời sáng sủa. Chung quanh toàn là những lâu đài nguy nga, mây xanh ráng đỏ, bám ở lan can, cỏ lạ hoa kỳ, nở đầy trước cửa. Sinh nghĩ nếu không phải là chỗ đền đài thờ phụng, tất là cái xóm của những bậc lánh đời, như những nơi núi Thứu nguồn Đào (9) chẳng hạn. Rồi chợt thấy có hai người con gái áo xanh bảo nhau rằng:

- Lang quân nhà ta đã đến!

Đoạn họ vội chạy vào báo tin, một lúc đi ra nói rằng:

- Phu nhân chúng tôi sai mời chàng vào chơi.

Sinh đi theo họ vào, vòng quanh một bức tường gấm, vào trong một khung cửa son, thấy những tòa cung điện bằng bạc đứng sững, có những tấm biển đề: "Điện Quỳnh hư", "Gác Dao Quang". Trên gác có bà tiên áo trắng, ngồi trên một cái giường thất bảo bên cạnh đặt một chiếc giường nhỏ bằng gỗ đàn hương, mời Sinh lên ngồi và bảo rằng:

- Tính hiếu kỳ của chàng đã thành chứng nghiện. Sự vui sướng trong một chuyến đi chơi này, kể cũng đã thỏa nguyện bình sinh. Nhưng mối duyên gặp gỡ chàng có còn nhớ gì không?

Từ thưa rằng:

- Tôi là một kẻ dật sĩ ở Tống Sơn. Một cánh buồm gió, một lá thuyền nan, phóng lãng giang hồ thích đâu đến đấy. Nào có biết chốn này lại có Tử phủ Thanh đô! Lần mò lên được tới đây, chẳng khác như mình đã mọc cánh mà bay lên đến cõi tiên vậy. Song lòng trần mờ tối, chưa biết tiền đồ ra làm sao. Dám xin chỉ bảo rõ ràng cho chúng tôi đượchiểu.

Bà tiên cười bảo:

- Chàng biết sao được. Đây là núi Phù Lai, một động tiên thứ 6 trong 36 động, bồng bềnh ở ngoài bể cả, dưới không có bám bíu, như hai núi La Phù tan hợp theo với sóng rợn, mà tôi tức là địa tiên ở Nam nhạc là Ngụy phu nhân. Vì thấy chàng là người cao nghĩa sẵn lòng cứu giúp sự nguy khốn cho người, nên mới dám làm phiền mời chàng đến đây.

Bà tiên nhân đưa mắt cho con hầu để bảo gọi một cô tiên ra, Từ liếc nhìn trộm, chính là người bẻ gãy cành hoa ngày trước. Bà tiên trỏ bảo rằng:

- Đứa con tôi đây tên là Giáng Hương, ngày trước gặp phải cái nạn trong khi đi xem hoa, nhờ chàng cứu gỡ, ơn ấy khôn quên, nay muốn cho nó kết duyên để báo đền ơn trước.

Bèn ngay đêm ấy đốt đèn mỡ phượng, rải đệm vàng rồng, để hai người làm lễ giao bái. Ngày hôm sau quần tiên đến mừng, có người mặc áo gấm cưỡi con ly từ đàng bắc xuống, có người bận xiêm lụa cưỡi rồng từ phía nam lên, có người đi kiệu ngọc, có người cưỡi xe gió, đồng thời lại họp. Tiệc yến đặt ở từng thượng trên gác Dao quang, buông rèm câu (10) ngọc, rủ trướng móc vàng, phía trước đặt một cái ghế bành bằng ngọc lưu ly mà để không. Quần tiên vái chào nhau cùng ngồi ở những ghế bên tả; Từ Thức thì ngồi ở cái giường bên hữu. Ngồi xong, có tiếng truyền hô là Kim tiên (11) đã đến, mọi người đều bước xuống đón cúi lạy chào. Đoạn rồi lên gác tấu nhạc. Tiệc bày mâm bằng mã não, đĩa bằng ngọc thạch, các

món ăn đều rất kỳ lạ, lại có những thứ rượu kim tương, ngọc lễ, mùi hương đưa lên thơm nức, dưới trần không bao giờ có được cái của quý như vậy. Người áo gấm trắng nói:

- Chúng tôi chơi ở chốn này mới tám vạn năm, mà bể Nam đã ba lần tung bụi. Nay chàng từ xa tới đây, không vì tiên phàm mà cách trở, ba sinh hương lửa, tưởng cũng không phụ, đừng nên cho chuyện thần tiên là câu chuyện hoang đường.

Rồi có những người trẻ nhỏ, chia ra từng lớp mà múa điệu Lăng Ba. Đoạn, phu nhân mời tiệc. Giáng Hương rót rượu. Người bận xiêm lụa nói đùa rằng:

- Nương tử hôm nay mầu da hồng hào, chứ không khô gầy như trước nữa. Người ta bảo ngọc nữ không chồng, câu ấy hỏi có tin được không?

Quần tiên đều cười, duy người mặc áo xanh buồn rầu không vui mà nói rằng:

- Mối duyên của cô em đây, thật cũng là tốt đẹp. Song nghĩ cái giá băng ngọc ở trên mây, mà đi kết mối tóc tơ ở cõi thế, vạn nhất tiếng tăm vỡ lở, thiên hạ chê cười, quần tiên chúng ta e không khỏi mang tiếng lây được.

Bà Kim tiên nói:

- Ta ở trong chốn lâu thành trên trời, chầu hầu cạnh đức Thượng đế, mênh mang trần hải, chưa từng đặt bước xuống bao giờ. Thế mà những kẻ hiếu sự họ còn bịa ra, nào bảo Dao trì hội kiến ở đời Chu (12) , thanh điểu truyền tin ở đời Hán (13) , ta còn thế, huống chi là lũ các nàng ư? Song tân lang ngồi đây, ta không nên bàn phiếm những câu chuyện khác làm rối lòng dạ người ta.

Bà phu nhân nói:

- Tôi nghe tiên khá gặp chứ khôn tìm, đạo không tu mà tự đến. Những cuộc gặp gỡ hiếm lạ, đời nào mà không có: như đền Bạc hậu (14) , như quán Cao đường (15) , như thần Lạc phố lướt sóng (16) , như nàng Giang Phi cởi ngọc (17) , như Lộng Ngọc lấy Tiêu Sử (18) , như Thái Loan gặp Văn Tiêu (19) , như Lan Hương gặp Trương Thạc (20) . Bao nhiêu những chuyện cũ còn sờ sờ đó; nếu thế này mà bị chê cười thì đã có những người trước ấy họ chịu đỡ tiếng cười cho mình.

Mọi người cùng phá lên cười rất vui vẻ. Rồi đó mặt trời gác núi, các khách khứa đều giải tán cả. Từ đùa bảo Giáng Hương rằng:

- Thì ra tất cả các cõi trời đều có chuyện phối ngẫu cả. Cho nên ả Chức Nữ lấy chàng Ngưu Lang, nàng Thượng Nguyên tìm chàng Phong Trắc (21) , Tăng Nhụ có bài ký Chu Tần (22) , Quần Ngọc có bài thơ Hoàng lăng (23) , cảnh khác nhưng tình cũng giống nhau, nghìn xưa vẫn như thế cả. Nay quần tiên ai về chỗ nấy, sống trong cảnh quạnh quẽ cô liêu, đó là vì lòng vật dục không nẩy sinh, hay là cũng có nhưng phải gượng đè nén?

Nàng đổi sắc mặt nói:

- Mấy người ấy là những cái khí huyền nguyên, những cái tính chân nhất, thân hầu cửa tía, tên ghi đền vàng, ở thì ở phủ thanh hư, chơi thì chơi miền sung mạc, không cần gạn mà lòng tự trong, không cần lấp mà đục vẫn lặng. Không như thiếp bảy tình chưa sạch, trăm cảm dễ sinh, hình ở phủ tía nhưng lụy vướng duyên trần, thân ở đền quỳnh mà lòng theo cõi dục; chàng đừng nên nhân một mình thiếp mà cho tất cả quần tiên đều thế.

Từ nói:

- Nếu thế thì em còn thua các tiên kia xa lắm.

Vợ chồng cùng vỗ tay cả cười.

Chỗ Giáng Hương có bức bình phong trắng. Từ thường đề thơ lên trên rằng:

Nhãn để yên hà cước để vân,

Thanh quang sái sái bức Tam Thần.

Tùng hoa bán lão hương phong động,

Môi dẫn Thương Lương điếu đĩnh nhân.

Dịch:

Khói rợp mây che khắp bốn trời,

Non Thần trong sáng đó là nơi.

Hoa thông theo gió đưa hương ngát,

Dắt dẫn thuyền câu khách một người.

II

Thu phong nhất dạ nguyệt man san,

Liên quyển hoàng hoa nhập ỷ lan.

Tửu lực khốn nhân thi tứ khổ,

Ngâm hào túy các bích lang can.

Dịch:

Một đêm gió thổi nguyệt đầy non,

Rèm cuộn hoa vàng lọt cửa son.

Rượu mệt mê say người nặng trĩu,

Mượn đem bút trúc gửi thi hồn.

III

Bảo áp ngưng hàn hoán túc hương,

Biệt tài tân phổ lý nghê thường.

Từ thành bất cảm cao thanh đạo,

Kinh khởi âm lai phong vũ trường.

Dịch:

Đốt lại lò trầm nhóm lại hương,

Đắn đo đổi mới khúc nghê thường,

Bài thành không dám cất cao tiếng,

E gió mưa về ẩm một phương.

IV

Hồng Hà đối khởi Xích thành tiêu,

Sáp hán cung tường tỏa tịch liệu,

Tinh đẩu nhiễu lan thiên nhất ác,

Dạ thâm Tần nữ học xuy ti

Dịch:

Ráng đỏ đùn lên tựa gấm thêu,

Cung tường cao vút vắng teo teo,

Trăng sao dường mọc quanh bên mái,

Tần nữ đêm dài học thổi tiêu. (24)

V

Thương mang vân ngoại đoản trường chu,

Mân Quế kiền khôn nhật dạ phù,

Nhất điểu mộ xuân phi bất tận,

Liên không đạm tảo bích du du.

Dịch:

Ngoài mây thấp thoáng bóng tiên châu,

Mận, Quế (25) phương trời ngút tận đâu.

Xuân muộn con chim bay lạc lõng,

Vòm không quang sạch biếc làu làu.

VI

Khước hàn liêm phóng nguyệt trùng trùng,

Khiếp đối suy nhan bả kính dung.

Cách trúc hoán lai tiên chẩm mộng,

Ngũ canh vô nại viễn sơn chung

Rèm buông cản lạnh nguyệt linh lung,

Gương võ vàng soi luống thẹn thùng.

Cách trúc gối tiên vừa khẽ chợp,

Non xa đưa rộn tiếng chuông đồng.

VII

Phù phù thụy ái nhiễu kim khuê,

Phương trượng huề nam Nhược thủy tê.

Xướng bãi đà canh thiên dục thự,

Hương tâm hà xứ nhất thanh kê.

Dịch:

Khí lành quanh quất phủ buồng xuân,

Phương trượng (26) non xa, Nhược thủy (27) gần

Dứt tiếng canh đà (28) trời sắp sáng,

Lòng quê theo rõi áng mây Tần.

VIII

Yên lam như kế liễu như điền,

Tỏa thát tình khuy hải bạc thuyền.

Vũ khách khứ thời vô xứ mịch,

Bộ hư thanh ngoại bích liên thiên.

Dịch:

Hơi lam: mái tóc, liễu: hoa cà

Thuyền bể xa trông thấp thoáng ngoài.

Đạo sĩ một đi tìm khó thấy,

Trong không tản mác tiếng ngân dài.

IX

Tứ diện ba đào nhất kế sơn,

Dạ lai hà xứ mộng hương quan.

Mang mang trần giới hồi đầu viễn,

Thân tại hồng vân bích thủy gian.

Dịch:

Sóng nước bao quanh núi một vùng,

Mộng về quê cũ lối không thông.

Mây vàng nước biếc thân nương đậu,

Trần giới xa coi ngút mịt mùng.

X

Đào hoa nhiễu giản xuất Thiên thai,

ủy địa tàn hồng bán lục đài.

Khước tiếu Lưu lang khinh xuất động,

Lâm phong kỷ bả ngọc thư khai.

Dịch:

Mặt suối hoa đào lặng lẽ trôi,

Rêu trùm sắc thắm uổng pha phôi.

Lưu Lang biệt động sao khờ mấy,

Thư ngọc buồn tênh giở mấy hồi. (29)

Như Từ, từ khi bỏ nhà đi thấm thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay mầu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vẳng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn bâng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trỏ bảo Giáng Hương rằng:

- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.

Rồi nhân lúc rỗi, chàng nói với nàng rằng:

- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?

Giáng Hương bùi ngùi không nỡ dứt. Từ lang nói:

- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.

Giáng Hương khóc mà nói:

- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.

Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:

- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.

Nhân cho một cỗ xe cẩm vân để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:

- Ng khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.

Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.

Chàng đi chỉ thoắt chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thảy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc mầu xanh thủa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:

- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi. (30)

Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngắn, vào núi Hoành Sơn, (30) rồi sau không biết đi đâu mất.

Lời bình:

Than ôi, nói chuyện quái sợ loạn chuyện thường, cho nên thánh hiền không nói. Nhưng việc Từ Thức lấy vợ tiên, cho là thực không ư? Chưa hẳn là không; Cho là thực có ư? Chưa hẳn là có. Có không lờ mờ, câu chuyện tựa hồ quái đản. Nhưng có âm đức thì tất có dương báo, cũng là lẽ thường. Những bậc quân tử sau này khi để mắt đến sẽ liệu mà thêm bớt, bỏ chỗ quái mà để chỗ thường thì phỏng có gì là hại.

Chú thích

* Nguyên văn: Từ Thức tiên hôn lục.

(1) Quang Thái: niên hiệu Trần Thuận Tông, từ 1388-1398.

(2) Hóa châu: Thanh Hóa ngày nay (theo nguyên chú Hóa Châu là châu Thanh Hóa cổ) .

(3) Tiên Du

(4) Năm Bính Tý: dưới thời Thuận Tông là năm 1396.

(5) Huyện Tống Sơn: khoảng đời Trần là vùng đất tương đương với miền bắc huyện Nga Sơn và miền đông bắc huyện Hà Trung; thời Lê là vùng đất huyện Hà Trung, Thanh Hóa ngày nay.

(6) Đào Uyên Minh: năm sinh có ba thuyết: 365; 372; 376, mất 427, tên là Tiềm, là thi gia đời Đông Tấn. Từng làm Huyện lệnh Bành Trạch, sau vì không chịu luồn cúi nên treo ấn từ quan. Ông có câu nói nổi tiếng: "Lẽ nào vì năm đấu gạo lương mà phải khom lưng!" . Thơ văn của ông giản phác mà tinh luyện, có phong cách riêng, phần lớn thể hiện tư tưởng ẩn dật.

(7) Núi Chích Trợ... cửa Nga: đều là những thắng cảnh của Thanh Hóa.

(8) Thần Phù: Theo Lịch triều hiến chương loại chí, phần Dư địa chí: cửa Thần Phù là cửa sông ra bể, thuộc huyện Nga Sơn, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(9) Núi Thứu: xưa Tây vực có núi Thứu Lĩnh, vì núi hình chim Thứu nên thành tên. Nguồn đào: theo Đào hoa nguyên ký của Đào Tiềm thì đời Tấn có một người đánh cá ở Vũ Lăng đi thuyền lạc vào rừng đào. ở đấy người đánh cá gặp một thôn xóm rất yên bình, hỏi thì là những người lánh nạn nhà Tần, họ không biết gì về thời cuộc hiện tại. Người đánh cá ở mấy hôm rồi ra về. Câu chuyện đến tai viên quan quận, ông ta muốn người đánh cá đưa đi, nhưng khi trở lại, người đánh cá không tìm được dấu vết gì nữa. Sau những từ Vũ Lăng, nguồn Đào, thôn đào vừa chỉ nơi ẩn dật cũng vừa chỉ cõi tiên.

(10) Câu: cái móc để vén rèm, màn.

(11) Kim tiên: tức Tây Vương mẫu.

(12) Sách Loại tụ nói vua Chu Mục Vương ham thích thần tiên rồi gặp bà Vương mẫu ở Dao Trì.

(13) Lời chua ở sách Đường thi, nói vua Hán Vũ Đế ngồi ở điện Thừa Hoa, chợt có hai con chim xanh từ phương tây bay lại, đậu ở trước điện. Vua hỏi Đông Phương Sóc. Sóc nói: "Đó là bà Vương mẫu sắp đến chơi đấy"hiên bà Vương mẫu đến, có hai người thị nữ áo xanh tức là hai con chim xanh lúc trước.

(14) Chuyện Ngưu Tăng Nhụ đời Đường gặp các nàng tiên ở đền Bạc thái hậu; xem thêm chú thích 5 Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây.

(15) Sở vương chơi ở quán Cao Đường, gặp một nàng thần nữ, cùng chung chăn gối. Xem thêm chú thích 11 Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu.

(16) Thần nữ ở Lạc Phố tên là Bật Phi, con gái vua Phục Hy. Sách Quần ngọc có chép chuyện Trần Tư Vương gặp thần nữ ở Lạc Phố.

(17) Hai nàng tiên Giáng Phi chơi ở bên sông gặp Trịnh Giao Phủ, cởi ngọc minh châu mà tặng cho. Trịnh nhận được ngọc đi được mấy chục bước thì ngọc không còn nữa mà những nàng kia cũng biến mất.

(18) Chàng Tiêu Sử giỏi thổi ống tiêu, vua Tần Mục Công đem con gái là Lộng Ngọc gả cho. Chàng dạy nàng thổi tiêu, chim phượng hoàng nghe tiếng bay đến. Sau vợ chồng cùng cưỡi phượng mà bay lên trời.

(19) Chàng Văn Tiêu gặp nàng tiên Thái Loan ở núi Tây tại đất Chung Lăng, hai người lấy nhau.

(20) Ngọc nữ Đỗ Lan Hương lấy Trương Thạc. Sau nàng về trời, Trương Thạc rất thương nhớ.

(21) Phong Trắc đọc sách ở trong núi sâu, bà tiên Thượng Nguyên phu nhân đêm đến ve vãn (xuất ở sách Thiên hạ dị kỷ) .

(22) Chuyện Ngưu Tăng Nhu. Xem chú thích 5 Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây.

(23) Lý Quần Ngọc qua miếu Nhị phi ở Sầm Dương có đề một bài thơ câu đầu là: "Hoàng Lăng miếu tiền xuân dĩ không" chợt có hai người con gái hiện lên tự xưng là hai nàng Nga Hoàng, Nữ Anh hẹn sau hai năm sẽ cùng Lý gặp gỡ.

(24) Tần nữ: xem chú thích 18 cùng truyện.

(25) Mân, Quế: nguyên chú: Mân thuộc vùng đất Bách Việt giáp với Ngao Sơn biển Đông; Quế là Quê Châu, Quảng Tây. Ngày nay Mân là tỉnh Phúc Kiến.

(26) Phương trượng: tăng phòng. Nguyên do là Vương Huyền Sách đời Đường sang sứ Tây vực, vào chỗ ở của nhà sư Duy Ma, thấy căn buồng của sư vuông vắn, mỗi bề mười hốt, bèn gọi là phương trượng.

(27) Nhược thủy: theo Sơn hải kinh, là một dòng sông ở vùng cực tây của Trung Quốc, sức nước rất yếu, dù một hạt cải cũng không thể nổi trên mặt nước: tương truyền là nơi tiên ở.

(28) Đà: tên một giống cá có chân, dài vài trượng, da bền có thể bưng trống được; tiếng kêu rất vang, mỗi lần kêu rất đúng với một trống canh.

(29) Bài thơ này lấy ý từ câu chuyện Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai. Đời Hán, Lưu Thần, Nguyễn Triệu vào núi hái thuốc. Hai chàng đi mãi lạc vào Thiên Thai, gặp tiên nữ, lấy làm vợ. Được một thời gian, nhớ nhà đòi về, tiên nữ tiễn đưa đến cửa động. Lưu Nguyễn về đến nhà thì đã qua bảy đời, bạn bè họ hàng không còn ai, hai người muốn trở lại nơi cũ nhưng không tìm được lối xưa nữa. Nhà thơ Tào Đường (đời Đường) có năm bài thơ "kể" chuyện này rất được nhiều người ưa thích.

(30) Năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh: Diên Ninh là niên hiệu của Lê Nhân Tông từ 1454 đến 1459; năm thứ 5 là: 1458.

Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào *

Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, (1) là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm; Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.

Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ, đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên một hôm Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.

Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng (2) . Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử Hư nói:

- Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yểu của con, thầy có được rõ không?

- Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.

- Vậy thế thầy giữ về việc gì?

- Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.

Tử Hư mừng mà rằng:

- Nếu thế thì tiền trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?

- Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu thành thực; có điều lúc thiếu thời thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cài nết ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thẻ trước của Mông Chính (3) , lặt cỏ rác của Hạ Hầu (4) phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để đi thi; hễ trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngáo, tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dắt dẫn rèn cặp phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng, mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.

Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:

- Thưa thầy, ông mỗ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông mỗ làm chức sư tư (5) mà mô phạm không đủ, ông mỗ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông mỗ chăn dân mà dân bị tai hại, ông mỗ chấm văn mà lấy đỗ thiên vị, ông mỗ trị ngục mà buộc tội oan uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mép bẻo lẻo, đến lúc trù tính, quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngồi trong đám mây mù, thậm đến không nói theo danh, không xét theo thực, không trung với đấng quân thượng, lớn thì làm việc bán nước của lưu Dự (6) , nhỏ thì làm việc dối vua của Diên Linh (7) . Bọn ấy sau khi chết có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?

Trạm cười mà rằng:

- Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh thang, thưa nhưng chẳng lọt. Chỉ bởi rằng thời gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ anh nghe: trong khoảng trời đất báo ứng luân hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa phủ. Cho nên Nhan Hồi lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết làm chức Tu văn (8) , Vương Bàng ngày thường có nết kiêu ngoan mà chết phải máu rây mặt đất (9) . Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thế mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình phạt thì quá lạm, tước thưởng thì quá thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn hạ cũng cất nhắc lên, đứa đoạt thằng gian, nhờ đút lót mà khỏi. Anh nên cố gắng, đừng gieo cái nghiệp báo ở kiếp sau này.

Tử Hư nói:

- Cái cửa họa phúc đã được nghe đại khái. Nhưng nay những người học trò thường đến đền Đế quân làm lễ cầu mộng, xin ngài báo ứng cho biết những sự nghiệp về sau. Việc đó có quả thực không?

Trạm cười mà rằng:

- Đấng Đế quân ngài nuốt nhà nguyên khí, chu du tám phương, ngày xét giấy tờ, đêm chầu Thượng đế, còn lúc nào rỗi để làm cái

việc vụn vặt ấy. Song những người một lòng chay sạch thành kính, thì trong lúc bập bùng, tựa như có thấy. Người đời không hiểu bèn cho là sự thực, thật đáng buồn cười.

- Thưa thầy, nếu thế thì chuyện phóng bảng cửa trời, cũng là câu chuyện truyền ngoa chăng?

- Không, việc đó thì thật đấy.

Trạm bèn giơ ra một cuộn giấy phong dán rất kỹ bảo Tử Hư rằng:

- Đây là bảng xuân sang năm đây. Ta vâng mệnh Đế quân đi tra xét kỹ lưỡng để giao lên cửa trời biên vào cho đủ. Vì có anh đến chơi đây nên ta chưa đi được.

Dương Trạm lại kể cho Tử Hư nghe những thú vui ở trên Thiên tào, hơn ở cõi trần nhiều lắm, và bảo nhà ngươi nên cố gắng sửa mình chuốt nết, tự nhiên có ngày được lên ở trên ấy; như ta đây cũng là một cái duyên may mắn khác thường. Tử Hư nói:

- Mình trần vóc tục, còn biết do lối nào mà ngoi lên được! Chỉ mong theo đòi xe gió, được tạm lên chơi xem một chuyến, chẳng hay thầy có thể giúp cho được không?

- Sự đó cũng không khó. Để ta bẩm với đức Đế quân đem tên họ anh điền vào.

Bèn lấy bút son viết vào cuốn giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử Hư được theo thầy lên ngồi ở một bên xe, rồi cỗ xe tường bay lên. Lên đến trên trời, Tử Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cái cửa lớn khảm trai lộng lẫy, hai bên có những tòa lầu châu điện ngọc, vằng vặc sáng như ban ngày, sông Ngân bến Sao, ôm ấp sau trước, gió thơm phưng phức, đượm ngát quanh hiên, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt, trông xuống cõi trần, thấy mọi cảnh vật đều bé nhỏ tủn mủn.

Dương Trạm nói:

- Anh có biết đây là đâu không? Tức là kinh đô Bạch Ngọc ở trên trời mà người đời vẫn thường nói đó. ở chính giữa kia có một đám mây hồng che phủ, tức là cung Tử Vi của đức Thượng đế ngài ngự. Anh nên đứng chờ ta ở ngoài cửa thành để ta vào tâu xin cho anh.

Nói rồi Dương Trạm cầm cuộn giấy đi vào, sau một lúc lâu mới ra. Chợt nghe ở trên thành có tiếng hô vang, nói người đỗ đầu bảng sang năm, đã kén được viên trạng nguyên họ Phạm rồi.

Dương Trạm bèn dẫn Tử Hư đi chơi thăm khắp cả các tòa. Trước hết đến một tòa có cái biển đề ngoài là "Cửa tích đức" trong có chừng hơn nghìn người mũ hoa dải huệ, kẻ ngồi người đứng, Tử Hư hỏi thì Dương Trạm nói:

- Đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố thí, nhưng biết tùy thời mà chu cấp, đã không keo bẩn, lại không hợm hĩnh. Thượng đế khen là có nhân, liệt vào thanh phẩm nên họ được ở đây.

Lại đi qua một tòa sở có cái biển đề ở ngoài là "Cửa Thuận hạnh", trong đó độ hơn nghìn người, áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa. Tử Hư lại hỏi, Dương Trạm nói:

- Đó là những vị tiên thuở sống hiếu thuận, hoặc trong lưu ly biết bao bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san sẻ cho nhau, mấy đời ở chung không nỡ chia rẽ. Thượng đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở đây.

Lại đến một tòa sở có cái biển đề là "Cửa Nho thần" người ở đấy đều áo dài đai rộng, cũng có tới số một nghìn, trong có hai người mặc áo lụa, đội mũ sa.

Dương Tra trỏ bảo Tử Hư rằng:

- Ấy là ông Tô Hiến Thành (10) triều Lý và ông Chu Văn An (11) triều Trần đó. Ngoài ra thì là những danh thần đời Hán, đời Đường, không sung vào quan vị hay chức chưởng gì cả, chỉ ngày sóc ngày

vọng thì vào tham yết Đế quân, như những viên tản quan đời nay thỉnh thoảng vào chầu vua mà thôi. Cứ cách năm trăm năm lại cho giáng sinh, cao thì làm đến khanh tướng, thấp cũng làm được sĩ phu, hiệu doãn. Ngoài ra còn đến hơn trăm tòa sở nữa, nhưng trời gần sáng không đi xem khắp được, vội cưỡi gió mà bay xuống trần. Xuống đến cửa Bắc, thấy trăm quan đã lục tục vào triều chầu vua.

Tử Hư từ biệt thầy trở về, sang năm đi thi quả đỗ tiến sĩ. Phàm những việc cát hung họa phúc nhà Tử Hư, thường được thầy về báo cho biết.

Lời bình:

Than ôi, những chuyện huyền hoặc Tề Hài, những lời ngụ ngôn Trang Chu, (12) người quân tử vốn chẳng nên ham chuộng. Nhưng nếu là chuyện quan hệ đến luân thường, là lời ký ngụ ý khuyên giới thì chép ra và truyền lại, có hại gì đâu.

Nay như câu chuyện Tử Hư, có thể để khuyên cho những người ăn ở trung hậu với thầy, lại có thể làm răn cho những người ăn ở bạc bẽo với thầy, có quan hệ đến luân thường của người ta lớn lắm. Còn như việc lên chơi Thiên tào, có hay không có, hà tất phải gạn gùng đến nơi đến chốn làm gì?

Chú thích

* Nguyên văn: Phạm Tử Hư du Thiên tào lục.

(1) Cẩm Giàng: nay vẫn là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(2) Tử đồng: vốn là tên một huyện ở Trung Quốc, nơi thờ Đế quân Văn Xương, trông coi về văn học, thường có tục cầu tiên giáng bút. ở đây tác giả chỉ dùng với nghĩa là nơi ở của Đế quân.

(3) Lã Mông chính là người đời Tống, thi đỗ trạng nguyên. Khi nghe tin Mông Chính đỗ, Hồ Đán Phủ phàn nàn rằng: "Thôi thế là sang

năm ta đỗ, lại phải sau hắn một thẻ rồi". Quả nhiên sang năm Hồ đỗ thật

(4) Hạ hầu Thắng là một danh nho đời Hán. Ông thường nói: "Kẻ sĩ chỉ sợ không sáng nghĩa kinh, nếu sáng thì lấy áo xanh áo tía dễ dàng như lặt cỏ rác ở dưới đất vậy".

(5) Sư tư: chỉ các học quan. Theo lời sớ của Cốc lương truyện (kinh Xuân thu) , vì thầy học là dạy cho người ta những điều thiếu hụt nên gọi là "sư tư" (tư là của cải, ý nói vốn kiến thức) .

(6) Lưu Dự làm tôi vua Khâm Tông đời Tống, đầu hàng nhà Kim, Kim lập làm Tề đế.

(7) Diên Linh làm tôi vua Đức Tông đời Đường, làm nhiều sự gian dối, mỗi khi ứng đối, toàn là những lời dối trá cả.

(8) Nhan Hồi là học trò bậc cao của Khổng Tử, nghèo khó ở trong ngõ hẹp mà vẫn vui vẻ, năm 32 tuổi mất sớm. Sau đến đời Tấn có Tô Thiều chết đi rồi lại hồi tỉnh. Người em là Tiết hỏi chuyện dưới đất thì Thiều nói: "Hai ông Nhan Hồi và Bốc Thượng hiện được làm chức Tu văn lang ở dưới đất" (Văn uyển) .

(9) Vương Bàng là con Kinh công Vương An Thạch, một lần ban ngày Kinh công ở Kinh Lăng thấy một kẻ lại cũ của mình đã chết từ lâu hiện đến. Kinh công hỏi có biết Vương Bàng ở đâu không. Kẻ lại dẫn ông đến một chỗ thấy Bàng đương bị ngục tốt cùm kẹp, máu vấy ra đầy đất (Loại tụ) .

(10) Tô Hiến Thành (? - 1179) : làm quan dưới triều Lý Anh Tông và Lý Cao Tông, được sử khen là cao minh chính trực.

(11) Chu Văn An (1312-1370) : người xã Thanh Liệt, huyện Thanh Đàm, nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Thời Trần ông được giao chức Tư nghiệp Quốc tử giám, là một vị thầy học trung tín cương trực, không sợ quyền thế, không ham tước vị; từng dâng sớ

xin chém bảy kẻ lộng thần, được triều đình và kẻ sĩ đương thời nể trọng.

(12) Trang Chu: nhà triết học cổ đại Trung Quốc. Tề hài là nhân vật hay khôi hài, được Trang Tử chép truyện trong sách của ông. Cũng có thuyết nói Tế Hài là tên sách, trong gồm nhiều truyện khôi hài, ngụ ý.

Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang * (1)

Năm Bính Dần (1386) , vua Trần Phế đế đi săn, đỗ lại trên bờ bắc sông Đà, đêm mở bữa tiệc ở trong trướng. Có một con cáo từ dưới chân núi đi về phía nam, gặp một con vượn già, nhân bảo:

- Vua tôi Xương Phù (2) vào rừng săn bắn, để ý vào bọn ta lắm đó. Tính mệnh các loài chim muông, thật là treo ở sợi dây cung. Nếu tuyết chưa xuống, gió chậm về, mình sẽ nguy mất, nếu không vẫy đuôi xin thương thì ắt bị cày sân lấp ổ. Tôi định đến kiếm một lời nói để ngăn cản, bác có vui lòng đi với tôi không?

Vượn già nói:

- Nếu bác có thể đem lời nói mà giải vây được, đó thật là một việc hay. Nhưng chỉ e nói năng vô hiệu, họ lại sinh nghi, trốn sao khỏi cái nạn thành cháy vạ lây, há chẳng nghe câu chuyện hoa biểu hồ tinh ngày trước (3) ?

Con cáo nói:

- Những người theo nhà vua đi săn, phần nhiều là võ nhân, bụng không bác vật như Trương Hoa, (4) mắt không cao kiến như Ôn Kiệu (5) , vậy chắc không việc gì mà sợ.

Bèn cùng nhau hóa làm hai người đàn ông mà đi, một người xưng là tú tài họ Viên (6) , một người xưng là xử sĩ họ Hồ (7) đương đêm đến gõ cửa hành cung, nhờ kẻ nội thị chuyển đệ lời tâu vào rằng:

- Tôi nghe thánh nhân trị vì, càn khôn trong sáng, minh vương sửa đức, chim muông hòa vui. Nay chúa thượng đương kỳ thái hạnh, làm chủ dân vật, tưởng nên mở lưới vơ hiền, giăng chài vét sĩ, đương gội thì quấn mái tóc, lên xe thì dành bên tả (8) , đem xe bồ ngựa tứ săn những người hiền trong chỗ quê lậu, lấy lễ hậu lời khiêm đón những kẻ sĩ trong đám ẩn dật, khiến trong triều nhiều bậc lương tá để ban ân trạch cho sinh dân, đưa tất cả cuộc đời vào cõi

nhân thọ. Cớ sao lại đi săn gấu bắt thỏ, tranh cả công việc của chức Sơn ngu (9) , như vậy!

Bấy giờ vua say rượu đương muốn đi nằm, sai thủ tướng Quý Ly mời hai người vào tiếp đãi, ở phiưới thềm khách, và hiểu bảo cho biết săn bắn là phép tắc đời xưa, sao lại nên bỏ.

Hồ nói:

- Đời xưa đuổi loài Tề tượng là để trừ hại, mà mở cuộc sưu miêu (10) là để giảng võ. Chuyện đi săn Vị Dương là vì một ông già không phải vì gấu cũng không vì hùm (11) . Vì sự phô phang quân lính mới có cuộc săn ở đất Hồng (12) . Vì sự phô phang cầm thú mới có cuộc bắn ở Trường Dương (13) . Nay thì không thế, đương mùa hạ mà giở những công việc khổ dân, là không phải thời, giày trên lúa để thỏa cái ham thích săn bắn là không phải chỗ; quanh đầm mà vây, bọc núi mà đốt, là không phải lẽ, ngài sao không tâu với thánh minh, tạm quay xa giá, để khiến người và vật đều được bình yên!

Quý Ly nói:

- Không nên.

Hồ nói:

- Đó là tôi thương những giống chim hèn muông yếu và xin nài cho chúng. Chứ còn những giống tinh khôn lanh lẹn thì tự nhiên chúng biết xa chạy cao bay đàng nam núi Nam, đàng bắc núi Bắc, há chịu trần trần một phận ấp cây đâu!

Quý Ly nói:

- Nhà vua đi chuyến này, không phải vì ham thích chim muông, chỉ vì nghe ở đây có giống hồ tinh nghìn tuổi, nên ngài muốn đại cử đến để tiễu trừ, khiến loài yêu gian không thể giở trò xằng bậy được, còn các loài khác không can dự gì.

Viên đưa mắt cho Hồ rồi mỉm cười. Quý Ly hỏi cớ, Hồ chợt đáp:

- Hiện giờ sài lang đầy đường lấp lối, sao lại lo đi hỏi đến giống hồ ly?

Quý Ly nói:

- Ngài nói vậy là ý thế nào?

Hồ nói:

- Hiện nay thánh hóa chưa khắp, bờ cõi chưa yên: Bồng Nga (14) là con chó dại, cắn càn ở Nam phương, Lý Anh (15) là con hổ đói gầm thét ở tây bắc. Ngô Bệ (16) ngông cuồng, tuy đã tắt, Đường Lang (17) lấm lét vẫn còn kia, sao không giương cái cung thánh nhân, tuốt lưỡi gươm thiên tử, lấy nhân làm yên khấu, lấy nghĩa làm chèo lái, lấy hào kiệt làm nanh vuốt, lấy trung tín làm giáp trụ, cẩn thận lồng cũi để giá ngự những tướng khó trị, sửa chuốt cung tên để dọa nạt những nước bất phục, tóm bắt giặc giã, đóng cũi về, khiến cho gần xa quang sạch. Cớ sao bỏ những việc ấy không làm, lại đi lẩn quẩn ở công việc săn bắn dù được chim muông như núi, chúng tôi cũng lấy làm không phục.

Quý Ly nghe lời, hai người mừng thầm nói:

- Thế là mưu kế có kết quả rồi.

Nhân nâng chén rượu đầy lên uống rồi nói bàn vanh vách, trôi như nước suối, không bị đuối một tý gì cả.

Quý Ly giận nói:

- Ta từng tranh luận với người Trung Hoa, người Chiêm, chưa hề chịu khuất lý bao giờ, thế mà nay phải lúng túng với các gã này. Các gã nếu chẳng phải yêu núi ma rừng thì sao nói năng được nhọn sắc như vậy!

Hai người giận mà nói:

- Ông là thủ tướng đáng lẽ nên tiến dẫn nhân vật để làm đồ dùng cho quốc gia, cớ sao lại ghen người hiền, ghét người tài, há phải là cái nghĩa ở trong Kinh Thư đã nói: "Kẻ khác có tài, coi như ta có!” .

Quý Ly đổi nét mặt để xin lỗi và an ủi rằng:

- Tôi nghĩ đương đời bây giờ, hiếm có được hạng người như là các ông. Sao các ông không đốt bỏ tơi nón, từ giã cá tôm, rướn mình con rồng ở Nam Dương (18) , đuổi vó ngựa ký của Bàng Thống (19) , lập công với đương thế, để tiếng về đời sau. Cớ chi lại đi nằm chết khô ở chốn hang núi, còn ai người biết đến nữ

Hai người cười mà rằng:

- Chúng tôi nương mình bên cành khói, náu vết chốn hang mây, ngủ thì lấy cỏ làm đệm êm, khát thì lấy nước suối làm rượu ngọt, vương chân có khói ráng, kết bạn có hươu nai, chỉ biết ăn bách nhai tùng, ngâm trăng vịnh gió, ngõ hầu mới khỏi vướng lưới trần. Ai hơi đâu mà đi lo giúp việc đời dù chỉ nhổ một sợi lông.

Nhân lại nói:

- Chúng tôi vốn là những người phóng lãng, không chịu ở trong vòng ràng buộc. Trước vẫn hay thơ, thường ngâm vang cả hang núi. Đêm nay bồi tiệc, há lại không có bài nào để kỷ thực ư?

Hồ bèn ngâm rằng:

Ẩm liễu thanh toàn hựu bích than,

Du du danh lợi bất tương can.

Vân biên thạch quật khiêu thân dị,

Thế thượng trần lung trước cước nan.

Nhật lạc miên tàn sơn trủng quýnh,

Canh lan thính quyện dạ băng hàn.

Yên hà thử khứ vô tung tích,

Tử ngã tương kỳ cửu viễn khan.

Dịch:

Khe trong suối biếc nước ngon lành,

Đường thế chi màng đến lợi danh.

Hang đá dễ nương mình phóng khoáng,

Vòng trần khôn đặtước chông chênh.

Bóng tà giấc tỉnh trơ hình núi.

Băng lạnh đêm tàn cạn trống canh.

Mây khói rồi đây không dấu vết,

Đôi mình buộc chặt nghĩa non xanh.

Viên cũng ngâm rằng:

Vạn hác thiên khê hữu kính thông,

Du nhiên phất tụ nhiệm tây đông.

Hứng lai trực bạn xuân sơn vũ,

Sầu khứ phân huề biệt phố phong.

Tương lĩnh vô thanh đề lạc nhật,

Sở thiên hữu lệ khấp loan cung.

Ngã đầu lâm mộc quân nham huyệt,

Kham tiếu cầu an kế bất đồng.

Dịch:

Nghìn suối muôn khe có lối thông,

Mặc dầu tha thẩn bước tây đông.

Tung tăng lúc giỡn cơn mưa núi,

Đủng đỉnh khi chờ ngọn gió sông.

Tiếng bặt bờ Tương gào bóng xế (20) ,

Lệ tràn đất Sở khóc dây cung (21)

Tôi lên rừng, bác vào hang núi,

Tìm chốn yên thân cũng một lòng.

Ngâm xong, từ biệt ra đi. Quý Ly mật sai người rón bước theo sau, khi gần đến lưng chừng núi, thấy cả hai hóa làm con cáo và con vượn mà đi biến mất.

Lời bình:

Than ôi! Trời đất sinh ra mọi loài mà riêng hậu đối với loài người, cho nên người ta là giống khôn thiêng, hơn muôn vật. Tuy phượng hoàng là giống chim thiêng, kỳ lân là giống thú nhân, cũng chỉ là loài vật mà thôi. Cuộc nghị luận ở Đà Giang, cớ sao loài người mà lại phải chịu thua loài vật? Cái đó là vì có duyên cớ. Bởi Quý Ly tâm thuật không chính, cho nên giống yêu quái ở trong loài vật mới có thể đùa cợt như vậy. Chứ nếu chính trực như Ngụy Nguyên Trung (22) , tận trung như Trương Mậu Tiên (23) , thì chúng đã nghe giảng, giữ lửa không rồi, đâu còn dám tranh biện gì nữa. Chao ôi!

nước sông Thương Lương, trong thì để giặt dải mũ, đục thì để rửa chân, đều do tự mình cả đó thôi.

Chú thích

* Nguyên văn: Đà Giang dạ ẩm ký.

(1) Đà giang: đời Trần là châu, gồm khu vực hai bên tả, hữu sông Đà, tương đương với miền tây tỉnh Sơn Tây và miền đông tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình ngày nay.

(2) Xương Phù: niên hiệu của Trần Phế đế từ 1377-1388.

(3) Đời vua Huệ Đế nhà Tần, ở mả vua Yên Chiêu Vương có con hồ tinh già và một cây hoa biểu (cây cột gỗ) . Hồ tinh một hôm muốn biến làm người học trò, đến nghe Trương Hoa giảng sách, nhân hỏi cây hoa biểu. Hoa biểu nói: "Ông Trương là người trí độ, khó che mắt được, đừng đi mà lại bị nhục, chẳng những hại anh mà lại lụy cả đến tôi nữa. Hồ không nghe, bèn hóa mình đến yết Trương Hoa bàn luận văn chương sử sách, thông hiểu suốt hết. Trương Hoa phải chịu và than rằng: "Thiên hạ đâu lại có người tuổi trẻ thông minh như thế, nếu không là ma quỷ tất là hồ ly". Sai người đề phòng rất nghiêm ngặt. Sau quan lệnh Phong Thành là Lôi Hoán xui Hoa thử huýt chó săn cho cắn xem sao, nhưng gã kia vẫn không sợ hãi gì cả. Hoa giận nói: "Nó đích thực là yêu rồi, bây giờ chỉ hễ được cây khô nghìn năm mà soi thì hình nó sẽ hiện ra". Hoán nói: "Cây nghìn năm lấy đâu ra được. Người ta vẫn nói cây hoa biểu trước mồ Chiêu Vương đã trải nghìn năm, nên thử dùng xem sao..." .

Bèn sai người ngả cây ấy đốt ra để soi, gã kia liền hóa thành con hồ, nhân sai đem mổ giết.

(4) Trương Hoa người đất Phương Thành đời nhà Tấn học nhiều xem rộng, cái gì cũng biết, có làm ra sách Bác vật chí; người đời bấy giờ ví Hoa như Tử Sản nước Trịnh đời xưa. Xem thêm chú thích 3.

(5) Ôn Kiệu đời Tấn đi qua bến Ngưu Chử là chỗ nước sâu không thể lường được, và người ta vẫn đồn ở đấy có nhiều quái vật. Kiệu bèn đốt sừng tê để soi. Một lát thấy các thủy tộc hiện ra những kỳ hình dị trạng, hoặc đi xe, cưỡi ngựa, hoặc mặc áo đỏ. Đêm ấy mộng thấy người đến bảo: Chúng tôi với ông u minh khác nẻo, việc gì mà ông lại đi soi chúng tôi!

(6) Viên là họ Viên, đồng âm với viên là con vượn.

(7) Hồ là họ Hồ, đồng âm với hồ là cáo.

(8) Chu Công đương gội đầu quấn tóc lại để tiếp người hiền, Ngụy công tử đi xe, dành sẵn bên phía tả để đón bậc hiền sĩ Hầu Doanh.

(9) Sơn ngụ: chức quan coi rừng.

(10) Đời xưa bên Trung Quốc cuộc săn mùa xuân gọi là sưu, cuộc săn mùa thu gọi là miêu.

(11) Vua Văn Vương nhà Chu đi săn đón được ông già Lã Vọng đang ngồi câu ở sông Vị. Xem thêm chú thích 19, Câu chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na.

(12) Chỉ việc Lỗ Chiêu công đi săn.

(13) Chỉ cuộc đi săn của Hán Bình đế.

(14) Chế Bồng Nga, vua Chiêm Thành, hồi ấy thường vào quấy nhiễu nước Vi

(15) Thuở ấy vua Minh sai chức Xá nhân là Lý Anh xuống Vân Nam đòi mượn đường đi sang Chiêm Thành, yêu sách những voi ngựa lương thảo, bắt ta phải cung đốn.

(16) Đời vua Trần Dụ Tông, người làng Trà Hương là Ngô Bệ họp đảng nổi dậy, giữ núi Yên Phụ, dựng cây cỡ lớn ở trên núi, xưng vương.

(17) Đời Trần Phế đế, người lộ Bắc Giang là Nguyễn Bồ, xưng là Đường Lang Tử y, dùng pháp thuật, nổi dậy xưng vương, sau bị giết.

(18) Câu này nói về Gia Cát Lượng bỏ nơi ở ẩn Nam Dương để đi giúp Lưu Bị.

(19) Bàng Thống: người có tài, được Gia Cát Lượng tiến cử với Lưu Bị.

(20) Thơ vịnh loài vượn có câu: Đề thời mạc cận Tiêu Tương ngạn, Minh nguyệt cô chu hữu lữ nhân. Nghĩa lúc kêu chớ gần bờ sông Tiêu Tương, vì trong chiếc thuyền chờ dưới bóng trăng trong có người lữ khách, ý nói nếu kêu để người lữ khách nghe tiếng, sẽ gợi cho người ấy nỗi buồn cố quốc tha hương.

(21) Sân triều nước Sở có con vượn trắng rất thiêng, người giỏi bắn đến đâu cũng không bắn trúng được. Vua Trang Vương sai nhà thiện xạ là Dưỡng Do Do Cơ bắn, vừa xách cung mang tên ra, chưa bắn mà vượn đã ôm cây khóc, lúc bắn vượn liền theo ngay mũi tên mà sa xuống.

(22) Ngụy Nguyên Trung là người thẳng thắn, thuở nhỏ nhà nghèo, chỉ nuôi một đứa ở gái. Một hôm đứa ở đương thổi cơm bỏ chạy đi múc nước, về thấy con vượn già đẩy bếp giữ lửa hộ. Con tinh vượn quý trọng Ngụy Nguyên Trung như vậy.

(23) Tức Trương Hoa, xem chú thích 3 cùng truyện.

Chuyện người con gái Nam Xương

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương (1) . Người đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trălạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa thái quá. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc đoàn viên chưa được mấy lâu thì nhà nước có việc đi đánh Chiêm Thành, bắt nhiều lính tráng. Trương tuy con nhà dòng, nhưng không có học, tên đã ghi trong sổ khai tráng phải ra sung binh loạt đầu. Lúc chàng ra đi, bà mẹ có dặn rằng:

- Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy là hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách, phải lấy việc giữ mình làm trọng, biết gặp nạn thì lui, lượng sức mà đánh, đừng nên tham miếng mồi thơm, để lỡ mắc vào lưới cá. Quan cao tước lớn nhường để người ta. Có như thế thì mẹ ở nhà mới đỡ lo lắng vì con được.

Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng thì rót chén rượu đầy tiễn chồng rằng:

- Lang quân đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường, rợ man chạy tội, vương sư uổng công; lời tâu công lớn phá giặc đã chầy, kỳ hẹn thay quân hóa muộn, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng. Trông mảnh trăng Trường An (2) , nhanh tay đập áo rét, ngắm liễu tàn rủ bóng động nỗi niềm biên ải xa xôi. Giả sử có muôn hàng thư tín, chỉ e không một tin về.

Nàng nói đến đấy, mọi người đều ứa hai hàng lệ.

Rồi đó chén đưa vừa cạn, dứt áo chinh phu, ngước mắt trông lên đã đẫm nỗi buồn ly biệt. Bấy giờ nàng đã đương có thai. Sau khi tương

biệt được mươi ngày thì sinh một đứa con trai, đặt tên là thằng Đản.

Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm. Mỗi khi thấy bướm bay vườn thúy, mây ám non Tần, nỗi buồn hải giốc thiên nhai, lại không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang, lễ Phật cầu thần, cúng ma gọi vía và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh thế mỗi ngày một trầm trọng hơn, bà mẹ trối lại với nàng rằng:

- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà gượng cơm cháo. Song tuổi thọ có chừng, số trời khó tra. Đêm tàn chuông đổ, số tận mệnh cùng; một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, không khỏi phải phiền đến con. Chồng con xa xôi, mẹ chết lúc nào, không thể kịp về đền báo được. Sau này trời giúp người lành, ban cho phúc trạch, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, mong ông xanh kia chẳng phụ con cũng như con đã chẳng nỡ phụ mẹ.

Bà cụ nói xong rồi thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ; lo liệu như đối với cha mẹ sinh ra.

Qua sang năm sau, giặc Chiêm chịu trói, quân nước kéo về. Trương sinh tới nhà thì mẹ đã từ trần, con vừa học nói. Chàng hỏi mộ mẹ rồi dắt con nhỏ đi thăm, song đứa bé không chịu, gào khóc. Sinh dỗ dành:

- Con nín đi, đừng khóc! Lòng cha đã buồn khổ lắm rồi!

Đứa con nói:

- Ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha trước kia chỉ nín thin thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nói:

- Khi ông chưa về đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến. Mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ

bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe đứa con nói vậy, tin chắc đinh ninh là vợ hư, không còn cách gì tháo cởi ra được.

Về đến nhà, mắng vợ một bữa cho hả giận. Nàng khóc mà rằng:

- Thiếp vốn nhà nghèo, được vào cửa tía. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm, giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn, từng đã nguội lòng, ngõ liễu đường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin trần bạch để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia từ ai nói ra thì giấu không kể lời con nói; chỉ thường thường mắng mỏ nhiếc móc và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất, có sự yên ổn được tựa bóng cây cao. Đâu ngờ ân tình tựa lá, gièm báng nên non. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa gãy cuống, kêu xuân cái én lìa màn, nước thẳm buồm xa, đâu còn thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa (3) .

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang (4) ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ Nương (5) , xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ (6) . Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, chẳng những là chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

Nói xong gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận, cũng động lòng thương, tìm vớt thây nàng nhưng chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Một mình phòng không vắng vẻ, đến đêm khêu bấc đèn tàn, không sao ngủ được. Chợt đứa con nói rằng:

- Cha Đản lại đến rồi!

Chàng hỏi đâu. Nó trỏ bóng chàng ở trên vách:

- Đây này!

Thì ra khi chàng đi vắng, nàng thường đùa trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới hiểu ra nỗi oan của vợ, nhưng đã chẳng làm gì được nữa.

Cùng làng với nàng, có người tên là Phan Lang khi trước làm đầu mục bến đò Hoàng Giang, một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh, đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan thấy có người phường chài đem vào biếu một con rùa mai xanh, sực nghĩ đến chuyện mộng, nhân đem phóng sinh con rùa ấy. Cuối đời Khai Đại nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình về nước, phạm vào cửa ải. Chi Lăng (7) . Phan và người làng sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thây Phan Lang giạt vàoộng rùa ở hải đảo, bà Linh Phi trông thấy nói rằng:

- Đây là vị ân nhân cứu sống cho ta xưa đây.

Linh phi bèn sai lấy khăn gấm mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm đài dao, nguy nga lộng lẫy không biết là mình đã lạc vào trong thủy tinh cung, Linh Phi bấy giờ mặc tấm áo cẩm vân dát ngọc, đi đôi giày mầu ráng nạm vàng cười bảo Phan rằng:

- Tôi là Linh Phi trong Quy động, phu nhân của Nam Hải Long Vương. Nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông, bị người phường chài

bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời có ý cho tôi một dịp đền ơn báo nghĩa.

Phi bèn đặt yến ở gác Triệu Dương để thết đãi Phan Lang, dự tiệc còn có vô số những mỹ nhân bận quần nhẹ và búi tóc xễ. Trong số có một người, mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống Vũ nương. Phan thường nhìn trộm luôn, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người ấy bảo với Phan Lang rằng:

- Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã coi nhau như khách qua đường xa lạ rồi ư?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ nương. Gạn hỏi duyên do. Nàng nói:

- Tôi ngày trước không may bị người vu báng, phải gieo mình xuống sông tự tử. Chư tiên trong thủy cung thương tôi vô tội, rẽ một đường nước để cho tôi được khỏi chết, nếu không thì đã chôn trong bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói:

- Nương tử nghĩa khác Tào Nga (8) , hờn không Tinh Vệ (9) mà có mối hận gieo mình nơi sông. Nay thấm thoát đã một năm chầy, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư!

Vũ thị nói:

- Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về gặp mặt ch

Phan Lang nói:

Thưa nương tử, tôi trộm nghĩ, nhà cửa của tiên nhân, cây cối thành rừng, phần mộ của tiên nhân, cỏ gai lấp mắt. Nương tử dầu không nghĩ đến, nhưng còn tiên nhân mong đợi ở nương tử thì sao?

Nghe đến đây, Vũ nương ứa nước mắt khóc rồi nói:

- Tôi có lẽ không thể gửi mình ẩn vết ở đây mãi được. Ngựa Hồ gầm gió bắc (10) , chim Việt đậu cành nam (11) . Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía đựng mười hạt minh châu, sai Xích Hỗn (12) sứ giả đưa Phan ra khỏi nước; Vũ nương cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa, nên lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây thần đăng chiếu xuống nước, tôi sẽ hiện về.

Về đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với nhà Trương. Ban đầu Trương còn không tin. Nhưng sau nhận được chiếc hoa vàng, mới kinh sợ nói:

- Đây quả là vật dùng của vợ tôi xưa thật.

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau lại có đến hơn năm mươi chiếc xe nữa, cờ tàn tán lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện. Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói với vào:

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể lại về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, những cảnh tượng ấy chìm đi mất.

Lời bình:

Than ôi! Những việc tựa như nhau, thật là khó tỏ mà dê hoặc. Cho nên quăng thoi đứng dậy, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân (13) , mất búa đổ ngờ tuy con người láng giềng cũng khó chối cãi (14) , ý dĩ đầy xe, Quang Võ đổ ngờ lão tướng (15) , "trói lại mà

giết", Tào Tháo đến phụ ân nhân (16) , việc Thị Thiết cũng giống như vậy. Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc, đã chôn vào họng cá ở dưới lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nết trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết. Làm người đàn ông, tưởng đừng nên để cho giai nhân oan uổng thế này.

Chú thích

(1) Nam Xương: huyện thuộc trấn Sơn Nam, nay là huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam.

(2) Trường An: thường chỉ chung kinh đô.

(3) Núi Vọng Phu: núi trông chồng. Theo truyền thuyết người đàn bà có chồng đi xa, ngày ngày lên núi ngóng trông đến nỗi hóa đá. Câu này ý nói không còn được coi là tiết phụ nữa.

(4) Sông Hoàng Giang: con sông chảy qua huyện Nam Xương.

(5) Ngọc Mỵ Nương: Mỵ Nương con gái An Dương Vương, gả cho Trọng Thủy, bị Trọng Thủy lừa lấy mất lẫy nỏ thần. Nước mất nàng bị vua cha chém chết. Vì nàng lòng ngay bị chết oan, nên máu của nàng hóa thành ngọc trai.

(6) Cỏ Ngu Mỹ: xem chth. 37 truyện Câu chuyện ở đền Hạng Vương.

(7) Chi Lăng: nay thuộc huyện Đồng Mỏ, tỉnh Lạng Sơn. Khai Đại niên hiệu của Hồ Hán Thương (1403-1407) .

(8) Nàng Tào Nga người đời Hán, cha chết đuối, tìm không được xác. Tào Nga mới 14 tuổi chạy theo bờ sông kêu khóc; 17 ngày không thấy xác cha, nàng cũng nhảy xuống sông tự tử.

(9) Con gái vua Viêm Đế ra chơi bể Đông, chết đuối, hóa làm chim Tinh Vệ, ngày ngày ngậm đá núi Tây về lấp bể.

(10) Ngựa Hồ sinh ở đất Bắc quen với gió Bắc nên dù đi xa hễ thấy gió Bắc nổi thì hý.

(11) Chim Việt sinh ở đất Việt cảm thụ được khí ấm áp, cho nên khi bay đi xứ khác, thường đến đậu ở cành cây phía nam cho ấm, giống với khí hậu quê hương.

(12) Xích Hỗn: hỗn là tên một loại cá quả; Xích hỗn: cá quả đỏ.

(13) Tăng Sâm là bậc đại hiền. Một lần có người trùng tên với ông phạm tội giết người. Người ta tưởng là ông, đến báo cho mẹ ông chuyện ấy. Bà không tin vẫn ngồi điềm nhiên dệt cửi. Nhưng báo đến lần thứ ba thì bà đâm ngờ quẳng cả thoi chạy đi xem sao.

(14) Theo sách Liệt Tử, có một người làm búa bị mất búa. Ngờ cho con nhà láng giềng lấy, vì thế thấy mọi cử chỉ của nó đều gian, đúng là của đứa ăn trộm búa. Hôm sau tìm thấy búa, lại thấy mọi cử chỉ hành động của nó không có gì tỏ ra là kẻ ăn trộm búa nữa.

(15) Đời Đông Hán, Mã Viện sang đánh nước ta, khi về chở đầy năm xe ý dĩ. Sau khi Viện mất, có người tâu vua Hán trong xe đó Viện dấu đầy ngọc minh châu và da văn tê. Hán Quang Võ tin là thực, bừng bừng, nổi giận.

(16) Tào Tháo lánh nạn đến nhà Bá Xa. Xa sang Tây thôn mua rượu dặn người nhà làm thịt lợn để thết khách. Tháo nghe có tiếng mài dao, lén nghe trộm, lại thấy tiếng người bảo nhau "trói vào mà giết". Tháo ngờ Bá Xa định giết mình xông vào giết hết già trẻ trong nhà. Khi vào đến vườn, thấy con lợn bị trói nằm đó, mới biết mình nhầm, vội vã ra đi. Được vài dặm gặp Bá Xa cưỡi ngựa mang rượu về; Tháo sợ Bá Xa thấy cả nhà bị giết sẽ oán Tháo nên gọi ông lại giết nốt.

Chuyện yêu quái ở Xương Giang

(Nguyên văn: Xương Giang yêu quái lục)

Ở Phong Châu (1) có người họ Hồ tên là Kỳ Vọng. Cuối đời họ Hồ, Kỳ Vọng đi buôn bán, ngụ ở thành Xương Giang (2) , rồi ốm chết ở thành ấy. Người vợ nghèo kiết, không có tiền để đưa ma chồng về quê được, phải đem bán người con gái nhỏ là Thị Nghi cho một nhà phú thương họ Phạm. Người con gái lớn lên, có tư sắc, họ Phạm yêu mến rồi cùng nàng tư thông. Vợ Phạm biết việc ấy, bèn mượn cớ khác đánh Thị Nghi một trận đau quá đến chết rồi đem chôm ở bên cạnh làng. Sau đây mấy tháng hồn Thị Nghi hưng yêu tác quái, biến huyễn đủ vẻ, hoặc nhập vào chị ả buôn tương, hoặc ốp vào cô nàng bán rượu, người có vai vế thì bị dâm sát, người có tiền của thì bị bóc lột, suốt một dải đường mười dặm, người ta đều phải đi trưa về sớm, bảo nhau thấy gái đẹp chớ trêu vào. Sau người làng đó biết là hồn Thị Nghi làm tai làm quái, bèn đào mả tán xương vứt xuống sông, từ đấy việc quấy nhiễu cũng hơi bơn bớt.

Triều Lê sau khi hỗn nhất, có một viên quan họ Hoàng người Lạng Giang (3) đi xuống Trường An (kinh đô) lĩng chức, đỗ thuyền ở bên cạnh sông. Bấy giờ trăng tỏ sao thưa, bốn bề im lặng, chợt nghe thấy ở mỏm bãi cát đàng phía đông nam, có tiếng khóc rất ai oán. Chèo thuyền đến xem, thấy một người con gái tuổi 17, 18, mặc một cái áo lụa đỏ, đương ngồi trên đệm cỏ. Hoàng hỏi:

- Đêm sâu như vậy, tại sao mà cô khóc lóc thế, khiến lòng sắt đá cũng phải ỉu mềm đi.

Người con gái khép nép, lau ráo nước mắt rồi nói:

- Thiếp vốn người ở Phong Châu, cha mẹ làm nghề buôn hàng tấm. Không may bị quân cường bạo giết người cướp của, cha mẹ thiếp đều hồn chôn bụng cá, xương gửi lòng sông. Còn lại tấm thân yếu ớt trơ trọi này thoát khỏi miệng hùm lần lên bờ sông tìm vào nhà dân

ở đậu. Hôm qua nhân ra bờ sông hái dâu cho bà chủ, chợt đi qua chỗ gặp nạn cũ bất giác đau xót mà ngồi đây khóc lóc đến giờ.

Hoàng nói:

- Cô đã bơ vơ trơ trọi, không chỗ tựa nương, nay tôi nhân đi chơi Trường An, nếu cô muốn về kinh thì tôi cho xuống ngồi nhờ thuyền. Vả từ kinh về đến quê hương nhà cô, thuận gió no buồm bất quá cũng chẳng là mấy chốc.

Người con gái lại khóc nói:

- Chiếc thân trôi nổi, nào có đáng tiếc gì đâu, chỉ hận một điều là hài cốt cha mẹ, chưa vớt lên được để đem về mai táng

Hoàng nói:

- Nếu nàng muốn thế tôi cũng chẳng quản gì bỏ một số tiền, vì nàng thu thập những xương rơi đưa về cố hương, đó cũng là một cái nhân duyên trên bước đường gặp gỡ.

Người con gái mừng rỡ:

- Nếu vậy thật là lòng trời. Ngài quả giúp cho được như thế, thật là cái ơn nhục cốt sinh tử (4) . Thiếp dù có nát thân báo đền cũng không dám quản.

Hoàng bèn thuê người giỏi lặn lội, ngụp xuống đáy sông mò vớt hài cốt rồi chở đem xuống nam. Có lúc chàng lấy lời thử đùa cợt nàng để dò xem ý tứ thế nào, nhưng nàng chống cự lại rất xẵng. Hoàng càng yêu quý và nể sợ.

Khi về đến kinh, Hoàng không đi lĩnh chức vội, lại ngược lên cửa tuần Bạch Hạc, đem hài cốt táng ở bên sông. Việc xong, một hôm nàng bảo với Hoàng rằng:

- Thiếp cùng chàng vốn chẳng hẹn hò, bỗng nên gặp gỡ. Nhưng trước kia vì cha mẹ chưa được mồ êm mả đẹp, cho nên phải chống lại những sự đùa cợt của chàng. Nay việc đã viên thành, vậy xin được đem mình hầu hạ khăn lược. Vả lại chàng đi làm quan xa, giúp trong thiếu kẻ, vậy thiếp xin đương những công việc tảo tần.

Đã thàng vợ chồng, tình ái rất là thắm thiết. Nàng lại cử động rất hợp lễ, nói năng biết lựa lời, họ hàng bè bạn ai cũng đều khen ngợi.

Làm quan được một tháng. Hoàng bỗng bị bệnh điên cuồng hoảng hốt, mê lịm đi không còn biết gì. Nàng sớm tối khóc lóc thiết tha không rời ra một bước. Song Hoàng thuốc không chịu uống, mạch không cho xem; ai đem bùa dấu đến thì Hoàng mắng nhiếc. Các thầy thuốc, thầy cúng đều ngờ là có ma quỷ, nhưng cũng không biết làm thế nào, chỉ đành nhìn nhau mà thôi. Sau đó có một người khăn cũ giầy rách, ăn mặc lôi thôi đi vào. Mọi người trông thấy cả cười thì người ấy nói:

- Các ông đều là tay hèn cả, ta đây mới chính là bậc thần y, chẳng những chữa được khỏi bệnh lại còn để khiến người mọc cánh thành tiên được nữa.

Hỏi đến phương thuật thì biết chữa phong trị khí, thăm đến tay nải thì có trần bì phụ tử. Hoàng bèn cười rồi đưa tay cho xem mạch. Người ấy nói:

- Không hề gì, chỉ có phủ tạng không điều hòa, sinh ra mê hoặc. Nên uống thang thuốc tiến thực để ăn được nhiều và làm nhiều cỗ bàn lễ thần cúng quỷ sẽ được vô sự.

Bèn lấy thuốc hòa vào trong một cái chai trắng rồi dốc cho Hoàng uống tất cả. Uống thuốc xong, Hoàng nôn mửa ra vài đấu bọt dãi rồi nằm thiếp đi. Người con gái cả giận, lấy gậy đập vỡ cái chai rồi mắng rằng:

- Anh chàng huyễn thuật này ở đâu đến đây ly gián vợ chồng ta, chia rẽ nhà cửa ta!

Người ấy lấy một đạo bùa ném ra, người con gái liền theo bùa mà ngã bổ nhào xuống đất, thành ra một đống xương trắng. Người ấy lấy nước nóng thất hương rót vào ngực Hoàng. Một lúc Hoàng tỉnh lại, hỏi những việc trước thì chẳng biết gì cả. Mọi người tranh nhau hỏi duyên cớ, người ấy nói:

- Tôi chợt trông mặt ông này, thấy đầy những yêu khí, mà người con gái ấy, chính là gốc rễ tà yêu. Ban đầu tôi phải nói lăng nhăng để nàng coi thường lời tôi, rồi tôi mới có thể trổ tài ra được. Nếu không thì vị tất đã cho được ông ấy uống thuốc.

Mọi người đều kính phục.

Bèn sai người đến bến sông Bạch Hạc đào ngôi mộ táng ngày trước lên, thấy chỉ có mấy hòn máu tươi chứ chẳng có xương cốt đâu cả. Vừa toan nhặt lấy những hòn máu thì thoắt đã chẳng thấy đâu nữa. Người ấy than rằng:

- Cành lá tuy trừ nhưng gốc rễ còn chưa cắt được. Nếu không có thiên binh thần tướng, trừ khử một cách ráo riết, chỉ e lại mắc phải độc thủ thì rất nguy cho ông.

Sau đó hơn một tuần, Hoàng đương ban ngày nằm chơi, thấy hai người lính vào bắt đem đi, đến một chỗ chung quanh có tường bao bọc, trong có cung điện trang nghiêm, duy mái hành lang bên tả bị xiêu đổ. Trên điện có một người đầu đội mũ miện quát to lên rằng:

- Diêm vương có chỉ, sai ta tra xét cái án nhà ngươi đó.

Sai tả hữu lấy đưa cho chàng giấy bút, bắt phải cung khai. Hoàng nói:

- Tôi vốn nhà nghèo, may được đăng tên vào sổ sĩ hoạn, xử mình không quắt quéo, làm quan không tham tàn, tội trạng không rõ, chẳng dám tuân mệnh.

Nói chưa dứt lời, đã thấy người con gái ở với mình ngày trước từ mái hành lang phía tả đi ra. Hoàng hiểu ra ngay, liền cầm bút cung rằng:

"Kính nghe:

Kính Xuân thu góp sự lạ, tuy đá nói, thần giáng đều biên (5) .

Sách Dã sử nhặt điều rơi, phàm vía mai, tinh đèn cũng chép (6) .

Há bởi trước đặt bày huyền hoặc,

Cốt muôn người phòng bị tà gian.

Cho nên Thái Chân đốt sừng tê soi xuống vực sâu, Thủy thần trách móc (7) .

Mã Lượng viết bàn tay thò vào cửa sổ, quỷ vật kêu van (8) .

Hoặc xua giống quái khiêng giường (9) .

Hoặc giết con tinh thổi lửa (10) .

ấy kẻ sĩ cương phương bao thuở chẳng sợ tà yêu,

Huống tòa đền hương lửa trăm năm, lại dong xú loại!

Như tôi,

Tính vốn thô sơ,

Vận may hiển đạt.

Tiêu điều một chức, lạm ăn món bổng thay cày.

Tịch mịch nửa chăn, riêng nặng nỗi buồn lẻ bạn.

Ai biết dưới trăng gặp gỡ,

Vốn vì kiếp trước nợ nần.

Đem môi son má phấn làm tôi say mê,

Rút nguyên khí chân tinh khiến tôi hao tổn.

Nếu không gặp thần y cứu chữa,

Sớm đã về chín suối vật vờ.

Xuống sông mà rằng không bắt cá, hồ dễ ai tin,

Lấy đức mà làm sự phạt tội, dám xin thương đoái".

Tờ cung tiến trình lên, Diêm Vương cả giận nói:

- Không ngờ cái nhãi, mà dám đảo điên, đã làm sự dâm tà lại còn toan kiện bậy. Vậy nên đem tống giam vào ngục.

Bèn viết lớn lời phê phán rằng:

"Mảng nghe:

Biến hóa ra vượn hạc sâu cát, đời Chu từng nghe (11) .

Tinh linh của hoa biểu hồ ly, triều Tấn lại thấy (12) ,

Thế vận dần xuống,

Ma quái càng nhiều.

Cho nên, Đạo gia có phép trừ yêu,

Địa ngục có bùa triệu quỷ.

Hăm bốn tòa nghiêm mật, công việc chia riêng,

Nghìn vạn giống quỷ yêu, tăm hơi trốn biệt.

Cớ sao loài nhơ nhớp,

Dám dở thói điên cuồng,

Một đời chỉ sống với tà dâm, tham lam đã lắm,

Đến chết vẫn còn toan dối trá, giả mạo sao nhiều,

Cho là tội danh có thể trốn qua,

Cho là Minh phủ không thể trừng phạt.

Cáo họ Nhâm, hổ họ Thôi, lắm trò biến huyễn (13)

Gươm làm cây, dao làm núi, phải giở nhục hình (14)

Đến như gã Hoàng,

Cũng là đáng trách.

Chí thiếu bền cứng,

Lòng nhiều ham mê.

Không biết bắt chước Nhan Thúc Tử chối từ cô ả láng giềng (15)

Lại đi nối bước Vũ Thừa Tự mê mải con yêu hoa nguyệt (16)

Chẳng tội gì đó,

Có nhẹ mà thô

Lời ta phán truyền,

Thi hành lập tức".

Lại ngoảnh bảo Hoàng rằng:

- Nhà ngươi theo đòi nho học, đọc sách thánh hiền, trải xem những sự tích xưa nay, há không biết lời răn sắc đẹp, cớ sao lại đi vào con đường ấy!

Liền cầm bút phê rằng:

"Bỏ nết cương cường, theo đường tà dục, giảm thọ một kỷ".

Lại sai hai tên lính đưa Hoàng về nhà. Hoàng vươn vai bừng tỉnh mồ hôi toát ra đầy mình. Sau mấy năm, nhân đi việc quan đến Tam Giang, vào nghỉ ở đền Phong Châu, thấy đền đài tường vách, tượng thần và cái hành lang trụt đổ, đúng như trong chiêm bao trông thấy, mới biết dạo trước chính mình bị đòi đến đây. Hoàng vội lên ngựa ruổi mau, không dám ngoảnh lại. Bấy giờ là ngày Đinh tỵ tháng tám năm Thiệu Bình thứ 2. (17)

Lời bình:

Than ôi! Dòm vào buồng, kêu trên xã, chẳng đã là quái gở ư? Thưa rằng chưa vậy. Con gấu Vũ Uyên (18) , con lợn Bối Khâu (19) chẳng đã là quái gở ư? Thưa rằng chưa vậy. Bởi Xương Lê làm bài văn Nguyên Quỷ Khâu Minh giải nghĩa kinh Xuân Thu, ấy là quái gở nên coi làm thường. Thế thì câu chuyện Xương Giang, chẳng phải là quái. Phương chi xem thấy yêu nữ mê người sẽ biết răn sợ trước sắc đẹp, xem thấy linh từ xử án, sẽ biết kính tránh trước thần thiêng. Nghi để truyền nghi, chẳng có gì là quá đáng. Tiến lên một bước thì sẽ được như Lưu Thoa, Can Bảo vậy. (20)

Chú thích

(1) Phong Châu: nguyên chú: "nay là huyện Bạch Hạc", nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

(2) Xương Giang: nguyên chú: "nay thuộc huyện Yên Dũng, xứ Kinh Bắc"; nay là thị xã Bắc Giang.

(3) Lạng Giang: nay là vùng đất thuộc tỉnh Bắc Giang.

(4) Nhục cốt sinh tử: làm cho xương khô sinh thịt, người chết sống lại; ý nói cứu sống người.

(5) Kinh Xuân thu chép mùa Xuân năm Đinh mão thứ 8 đời vua Chiêu công nước Lỗ, có hòn đá biết nói ở ấp Ngụy Du nước Tấn. Lại chép năm thứ 31 đời vua Trang công có vị thần giáng xuống đất Sằn.

(6) Vía mài, tinh đèn: Triệu Sư Hùng đời Tùy, trong năm Khai Hoàng, đi qua núi La Phù ở huyện Nam Hải đất Quảng Châu, một hôm trời tối lạnh lùng, thấy một mái nhà tranh bên cạnh quán rượu ở giữa rừng thông, có cô gái mặc áo trắng ra mời đón. Dưới bóng trăng mờ, Sư Hùng cùng cô gái chuyện trò thân mật, rồi cùng gõ cửa nhà hàng rượu vào uống với nhau, một lát lại có đứa trẻ áo xanh ra cười đùa hát múa. Sư Hùng say rượu nằm kềnh ra ngủ đến khuya thấy rét lạnh lắm, gần sáng nhìn xem, té ra nằm ở dưới gốc một cây mai lớn. (Thượng hữu lục) . Tống Tiềm làm chức Tuần kiểm ở Cam Lăng đón một người bạn là Triệu Đương đến nhà ngồi dạy trẻ học. Một đêm Triệu thấy một người đàn bà đẹp đứng dưới đèn ngâm thơ khêu gợi, rồi tắt phụt đèn đi, từ đấy hai người đêm nào cũng quấn quít với nhau. Lâu rồi Tống Tiềm biết, sai người nhà vây bắt được người đàn bà ấy, nắm cổ tay thấy bé tý, nhìn ra thì là cái quặng đèn, bèn đốt bỏ cái đèn ấy đi (Viên cơ) .

(7) Ôn Kiệu đời Tấn tên tự là Thái Chân, đi qua bến Ngưu Chử. Chỗ đó nước sâu thăm thẳm. Người ta vẫn đồn là có nhiều quái vật; Kiệu bèn đốt một cái sừng tê soi xuống, một chốc vô số những thủy tộc kỳ hình quái trạng hoặc đi xe, hoặc đi ngựa, hoặc mặc áo đỏ lố nhố hiện ra. Đêm hôm ấy Kiệu nằm chiêm bao thấy có người bảo: "Ta cùng người tối sáng khác đường, sao lại soi nhau để làm gì thế". Xem ý có vẻ tức giận lắm (Viên cơ) .

(8) Mã Công Lượng đời Tống, thuở nhỏ một đêm ngồi đọc sách dưới đèn ở trong cửa sổ, chợt thấy có một bàn tay lớn như cái quạt thò vào, đêm hôm sau cũng lại như thế. Lượng bèn lấy bút nhấp nước hùng hoàng viết lớn một chữ "hoa" vào tay. Ngoài cửa sổ chợt

có tiếng kêu to xin rửa hộ ngay. Lượng cứ mặc kệ. Gần sáng tiếng kêu van càng tha thiết và tay vẫn không rút ra được. Lại nói: "Ông sắp làm nên đại quý nên tôi đùa ông, sao nỡ làm tôi khốn quẫn quá thế! Há không biết việc ông Ôn Kiệu đốt sừng tê ư?" Lượng nghĩ ra, bèn lấy nước rửa sạch chữ hoa, "cái quỷ ấy cảm tạ mà đi" (Viên cơ) .

(9) Ngụy Nguyên Trung đời Đường, một hôm thấy có mấy người đàn bà con gái từ đâu hiện đến đứng ở trước giường. Ông bảo: "Có thể khiêng cái giường ta xuống dưới sân được không?" Họ liền khiêng ngay giường ông xuống dưới sân. Lại bảo: "Có thể khiêng trả giường ta đặt vào chỗ cũ được không?" . Họ lại đặt vào chỗ cũ. Lại bảo: "Có thể khiêng giường ta ra phố được không?" Họ đều cúi lạy rồi đi và bảo với nhau rằng: "Đó là bậc trưởng giả khoan hậu, ta không nên đùa cợt như với những người khác" (Viên cơ) .

(10) . Đời Tam quốc, Quản Lộ một đêm đương ngồi dưới đèn, chợt có một con vật nhỏ, tay cầm mớ lửa kề lên miệng thổi, suýt nữa cháy nhà. Lộ sai học trò giơ dao chém đứt đôi lưng, té ra là một con cáo. Từ đấy trong làng không có hỏa tai nữa (Viên cơ) .

(11) Vua Mục vương nhà Chu đi đánh phương Nam, có một đội quân đều biến hóa, quân tử thì hóa làm vượn làm hạc, tiểu nhân thì hóa làm sâu làm cát (Loại tụ) .

(12) Đời Tấn Huệ đế mả vua Chiêu vương nước Yên có con hồ ly già và cây cột trụ đều thành yêu tinh. Con hồ ly hóa thành người học trò đến thăm nhà Bác vật Trương Hoa (Sách Tiễn đăng) .

(13) Nữ yêu họ Nhâm rất đẹp, lấy chàng Trịnh sinh. Sau mấy tháng vợ chồng đưa nhau ra ngoài thành chơi, gặp người đi săn dắt chó, nàng Nhâm chợt ngã ngựa hóa thành con cáo rồi bị chó săn cắn chết (Hương đài) . Thôi Thao đi đến quán Hiếu nghĩa, thấy một người đàn bà gối đầu vào cái da hổ mà ngủ. Thao kéo lấy da hổ vất xuống giếng, người đàn bà sực tỉnh dậy, mất da không biến được nữa. Thao lấy làm vợ. Sau ba năm, nàng hỏi da hổ để đâu. Thao

bảo ở dưới giếng. Nàng vớt lên khoác vào mình, hóa làm hổ, gầm thét mà đi mất (Hương đài) .

(14) Gươm làm cây, dao làm núi là trỏ vào những ngục Kiếm thụ, Đạo sơn, người ta tin là có ở dưới âm phủ.

(15) Nhan Thúc Tử đời Chu, người nước Lỗ; một mình ở một nhà. Đêm mưa bão, nhà láng giềng phía bắc bị đổ, một cô gái chạy sang trú nhờ. Thúc Tử bắt cô gái cầm một cây nến ở tay, nến hết lại đưa cây khác để đốt tiếp, mới thôi. Giữ mình ngay sạch đến như thế. (Thượng hữu lục) .

(16) Vũ Thừa Tự tức là Vũ Tam Tư người đời Đường, có người nàng hầu là Tố Nga, vốn là cái tinh hoa nguyệt hiện thành người. Xem thêm chú thích 17 Chuyện Kỳ ngộ ở Trại Tây.

(17) Thiệu Bình: niên hiệu của vua Lê Thái Tông từ 1434 đến 1439. Nếu Đinh Tị thì là năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) , ở đây có lẽ người viết sách nhầm.

(18) Vị a Tấn ốm, chiêm bao thấy con gấu chạy vào cửa sổ. Hàn Tuyên Tử hỏi Tử Sản. Tử Sản nói: "Đời xưa vua Nghiêu giết ông Cổn ở Vũ Sơn, hồn thiêng ông Cổn hóa ra con gấu vàng, vào ở Vũ Uyên, đời Tam đại vẫn cúng tế. Nước Tần từ khi làm minh chủ, chừng chưa cúng tế phải không?” . (Loại tụ) .

(19) Đời Xuân thu, Tề Hầu ra săn ở đất Bối Khâu, thấy một con lợn lớn. Kẻ theo hầu nói: "Đó là công tử Bành Sinh hiện lên đấy". Tề Hầu nói: "Bành Sinh sao được như thế!” . Bèn bắn một phát. Con lợn đứng lên như người mà khóc. Hầu sợ, ngã xe, bị thương ở chân và rơi mất giầy.

(20) Lưu Thoa: thi nhân đời Đường, tính tình cương trực, có phong cách hiệp khách; từng là môn khách của Hàn Dũ, thơ của ông phóng khoáng, phá cách, thường nói về nỗi khổ của dân nghèo. Cuối đời ông mai danh ẩn tích, không biết đi đâu; tác phẩm có Lưu Thoa thi tập.

Can Bảo (? - 336) : sử học gia và văn học gia thời Đông Tấn. Ông có tên tự là Lệnh Thăng, đọc nhiều biết rộng, rất thích âm dương thuật số; thời Nguyên đế làm ở Quốc sử quán, có viết Tấn sử và Sưu thần ký nhưng cả hai đều đã thất lạc. Riêng Sưu thần ký được người đời sau sưu tập lại.

Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na

(Nguyên văn: Na sơn tiều đối lục)

Đất Thanh Hóa phần nhiều là núi, bát ngát bao la đến mấy nghìn dặm. Trong đó có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở mà quạnh hiu, bụi trần không bén người không bước tới. Hàng ngày, trong động có người tiều phu gánh củi đi ra, đem đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy một đồng tiền nào. Hễ gặp ông già, trẻ con dưới đồng bằng lại nói những chuyện trồng dâu, trồng gai một cách vui vẻ. Ai hỏi họ tên, nhà cửa, tiều phu chỉ cười không trả lời. Mặt trời ngậm núi, lại thủng thỉnh về động. Đương thời cho là người thuộc hạng Thần Môn, Tiếp Dư chứ Thái Hòa (1) trở xuống đều không đủ kể.

Sau đến năm Khai Đại (2) nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp người ấy trên đường, vừa đi vừa hát rằng:

Na chi sơn hữu thạch toàn ngoan,

Thụ thương thương,

Yên mịch mịch,

Thủy sàn sàn.

Triêu hề ngô xuất,

Mộ hề ngô hoàn.

Hữu y hề chế kỹ,

Hữu bội hề nhận lan.

Thát bài thanh hề bình hiểu chướng,

Điền hộ lục hề chẩm tình than.

Nhậm tha triều thị

Nhậm tha xa mã,

Tri trần bất đáo thử giang san.

U thảo Tống triều cung kiếm,

Cổ khâu Tấn đại y quan.

Vương, Tạ phong lưu,

nghiệp,

Toán vãng cổ lai kim khanh tướng,

Thạch triện đài man.

Tranh như ngã trạo đầu nhất giác,

Hồng nhật tam can.

Dịch:

Trên Na sơn đá mọc ngổn ngang

Cây xanh xanh,

Khói mờ mịt,

Nước tuôn tràn.

Sáng chừ ta ra đi,

Chiều chừ ta về ngàn.

áo ta mặc chừ sẵn đây cây lá,

Cổ ta đeo chừ nào chuỗi cỏ lan.

Núi phơi xanh chừ bình phong sương sớm,

Ruộng trải biếc chừ gối thác chon von.

Mặc ai xe ngựa,

Mặc ai phố phường,

Nước non riêng chiếm, bụi đời không vương.

Cung kiếm Tống triều, vùi cỏ rậm,

Mũ đai Tấn đại, lấp gò hoang.

Sự nghiệp Triệu, Tào (3)

Phong lưu Vương, Tạ (4)

Ngẫm lại cổ kim bao đời khanh tướng,

Rêu phủ bia tàn.

Sao bằng ta: mặt trời đã cao ba thước,

Giấc điệp hãy mơ màng.

Trần thị băng thanh dịch thơ

Hát xong rồi phất áo đi thẳng. Hán Thương đoán chắc đó là một vị ẩn sĩ, bèn sai quan hầu là Trương công đi theo mời lại. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì người ấy đã rảo bước vào động, vội gọi cũng không trả lời, chỉ thấy cưỡi mây lách khói, đi trong khoảng cành tùng khóm trúc. Biết đó không phải là người thường, bèn rón bước theo sau, rẽ cỏ lấy đường, đi ước chừng vài dặm. Song đường núi gập ghềnh, càng vào sâu càng khó đi lắm, rồi trong thoắt chốc đã chẳng thấy người đâu cả. Ngẩng lên trông, bóng chiều gác đầu núi, cây cỏ đã bắt đầu lờ mờ, bàng hoàng muốn về, nhưng

không kịp. Bỗng nghe tiếng gà gáy trên một khóm trúc, Trương mừng rỡ nghĩ rằng:

- Từ đây đến chỗ có nhà người ở cũng không xa gì. Chống gậy trèo lên thì thấy một cái am cỏ, hai bên tả hữu trồng mấy cây kim tiền, chen lẫn những cây bích đào hồng hạnh, tất cả đều xanh tốt đáng yêu. Trong am đặt một chiếc giường mây, trên giường để đàn sáo và chiếc gối dựa. Hai bên vách đông tây đều chát keo trắng và đề hai bài ca, một bài là Thích ngủ, một bài là Thích cờ.

Bài ca thích ngủ

Ngô hà ái? ái duy miên,

ái vị an thư thích tính nhiên.

Thiển mặc trướng thiêm tân phú quý,

ủy đằng sàng kết cựu nhân duyên.

i hiên, trúc chi viên,

U cư thú vị hữu lâm tuyền.

Thanh nô ủng hậu,

Hồng hữu la tiền.

Mỗi dẫn hắc điềm thắng,

lương tứ khinh biền.

Song yểm nhĩ hồng trần thế thượng,

Tiểu khúc quăng bạch ốc vân biên.

Ký ngạo thảo lư, Nam Dương nhàn nhật nguyệt,

Khiếm thân vân quán, Triệu Tống trách sơn xuyên.

Bắc song ngâm hồn dị xúc,

Tây đường xuân mộng thường viên.

Thư lâu sơ quyển tịch,

Tửu điếm dục tình thiên.

Huyền hạc Hoàng Châu dạ dạ.

Mỹ nhân Tương thủy niên niên.

Hữu thời hướng túy hương đả ngọa,

Thảo phô nhân, hoa phô ác, địa phô chiên.

Bành Trạch dạ thâm, bán liêm tàn nguyệt,

Liêm Khê viện tĩnh, nhất chẩm đề quyên.

Nhậm nhân đạo vi lãn phu sĩ, vi kha

thụy hán, vi ẩn thần tiên.

Dịch:

Thích gì? Ta thích ngủ thôi,

Vì chưng ngủ được, trong người sởn sang.

Nhân duyên xe chặt giường màn,

Trúc mai, rừng, suối, muôn vàn cảnh thanh.

Quanh mình bạn đỏ hầu xanh, (5)

Giấc ngon bừng tỉnh, tâm linh nhẹ vèo.

Bưng tai chuyện thế eo xèo,

Khoanh tay ngất ngưởng, nằm khoèo bên mây.

Lều tranh một túp xinh thay,

Nam Dương nọ kẻ tháng ngày thảnh thơi. (6)

Quán Vân (7) uể oải nằm dài,

Non sông coi nhỏ kìa ai Tống triều.

Lầu tây, Song bắc tiêu diêu, (8)

Khi mai quán rượu lúc chiều hiên thơ.

Sông Tương người đẹp (9) trong mơ,

Châu Hoàng bóng hạc vật vờ cao bay. (10)

Có khi ngủ tít làng say,

Đất giường cỏ nệm hoa vây làm màn.

Uyên Minh ngủ dưới trăng tàn, (11)

Liêm Khê gối chợp tiếng ran quyên gào (12) .

Chê khen ai bảo thế nào:

Đồ lười biếng, bậc thanh cao, mặc lòng.

Bài ca thích cờ

Ngô hà ái? ái duy kỳ,

ái vị phong vân biến thái kỳ.

Liệt xứ loại long xà thất thế,

Thắng biên như hùng hổ dương uy.

Xa song trì, mã song phi,

Độ hà nhất tốt kháo trùng vi,

Bắc nam tương giới, hình thế tương y,

Mặc vận phương viên động tĩnh, diệu toán vô di.

Xuân tịch tịch xạ khao tàn mộng,

Thủ dao dao bãi toán hương nê.

Độc lạc viên trung, tân bằng sơ định hậu,

Hoàng châu lâu hiểu, mính đính bán tinh thì.

Trú vĩnh thiên lưu khách cửu,

Am cao tử lạc thanh trì.

Viện giao dung thiếp tảo,

Liêm hứa tiểu đồng k

Doanh thâu đổ giang sơn bán cục,

Công danh tiêu đắc thất nhàn ky.

Hồn bất giác nhất thiên hướng tịch,

Nguyệt tà song, yên tà triện, trúc tà chi.

Lãng uyển thần tiên, nhàn trung độ nhật,

Trường An công tử túy lúy vong quy.

Tương đối xứ kiêm tá cầm, kiêm tá họa, kiêm tá bích đề thi.

Dịch:

Thích gì? Ta thích cờ thôi,

Gió mây biến hóa ai ôi lạ lùng.

Cơn thua, rồng rắn khi cùng,

Mà xem lúc thắng hổ hùng dương oai.

Ngựa xe rong ruổi đường dài,

Sang sông một tốt hãm ngoài trùng vi.

Bắc nam hình thế riêng chia,

Tới lui động tĩnh tính suy đủ đường.

Xuân êm khua tỉnh giấc vàng,

Con cờ đập mạnh hương đàn thoảng bay.

Vườn riêng xum họp bạn bày (13) ,

Châu Hoàng, lầu Trúc rượu say nửa vời. (1

Ngày dài lưu khách ngồi chơi,

Am cao điểm tiếng quân rơi trước bàn.

Tiểu đồng ngấp ngó bên lan,

Cô hầu quanh viện quét tàn lá rơi.

Giang san vật lộn tay đôi,

Công danh quên bẵng, chuyện đời hơn thua.

Ngày vui thời khắc êm đưa,

Trăng tà hương lạnh trúc ngơ ngẩn cành.

Thần tiên nhàn nhã vườn quỳnh,

Trường An công tử thích tình vui say.

Trong khi vui nước cờ hay,

Thêm đàn, thêm rượu, thêm đầy vách thơ.

Bấy giờ người tiều phu đương ngồi ngoài hiên đá, dạy con chim yểng học nói, bên cạnh có mấy đứa nhỏ ngồi đánh cờ. Thấy Trương đến, tiều phu kinh ngạc nói rằng:

- Chỗ này quạnh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy quẩn, sao ông lại lần mò tới đây như vậy, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Trương nói:

- Tôi là chức quan cung phụng của đương triều. Vì ngài là bậc cao sĩ, nên tôi được vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện có loan giá ở ngoài kia, xin ngài ngoảnh lại một chút.

Tiều phu cười mà rằng:

- Ta là kẻ dật dân (15) trốn đời, ông lãánh bụi, gửi tính mệnh ở lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió rìu trăng; ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quẩn bên ta là tuyết gió trăng hoa; chỉ biết đông kép mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khói; múc khe mà uống, bới núi mà ăn; chứ có biết gì đâu ở ngoài là triều đại nào, vua quan nào?

Bèn mời Trương ở lại làm tiệc thết, cơm thổi bằng hạt điêu hồ (16) , canh nấu bằng rau cẩm đái (7) , lại còn có mấy món rau suối khác nữa. Canh khuya chuyện trò, đều là những nghĩa lý đáng nghe cả,

nhưng không một câu nào đả động đến việc đương thời. Hôm sau, Trương lại mời:

- Những bậc quân tử đời xưa, không phải là không muốn giúp đời hành đạo; khi ẩn kín ở một chỗ, chỉ là còn đợi giá mà thôi. Cho nên tất có bức tiếu tượng đi tìm, rồi sau đồng Thương mới thấm nước (18) , tất có cỗ hậu xa đi chở, rồi sau nội Mục mới thành công (19) . Nay phu tử lấy tấm thân vàng ngọc, ôm một bọc kinh luân, ngoài vòng vinh lợi, vùi lấp tiếng tăm trong đám người đánh cá hái củi, giấu tài giúp vua cứu dân, náu mình chốn rừng suối, vang tiếng đến cửu trùng; đốt nón lá, xé áo tơi, nay chính là đến lúc rồi đó. Dám xin bỏ bờ đập Phó Nham, ném cần câu sông Vị, đừng để uổng hoài khát vọng của bao kẻ thương sinh.

Tiều phu nói:

- Kẻ sĩ ai có chí nấy, hà tất phải vậy! Cho nên Nghiêm Tử Lăng không đem chức Gián nghị ở Đông đô đánh đổi khỏi sóng sông Đồng (20) , Khương Bá Hoài không đem bức tranh vẽ của thiên tử làm nhơ non nước Bành Thành (21) . Tài ta tuy kém, so với người xưa chẳng bằng được, nhưng may lại giàu hơn Kiềm Lâu, thọ hơn Vệ Giới, no hơn Viên Tinh, đạt hơn Phụng Thiến (22) , kể thì cũng đã được trời đất ban cho khá nhiều. Nếu lại còn tham cầu những cái ở ngoài phận mình, len lỏi vào đường làm quan, chẳng những xấu hổ với các bậc tiên hiền, lại còn phụ bạc với vượn hạc ở trong núi. Vậy xin ông đi đi, đừng nói lôi thôi gì nữa.

Trương nói:

- Ngài cho là thời nay không đủ để cho ngài làm việc hay chăng? Nay có đấng thánh nhân trị vì, bốn bể đều ngóng trông, người Chiêm dâng đất mà xưng thần, quân Minh nộp lễ để xin lui (23) , Lão qua (24) , Đại lý (25) các nước cũng tranh nhau quy phục. Hiện chỉ còn thiếu các bậc ẩn dật ở rừng núi ra giúp rập, khicho huân đức của chúa thượng được sánh cùng các vua Nghiêu, Thuấn ngày xưa. Ngài nếu định trọn đời ẩn lánh, bắt chước như Vụ Quang, Quyên Tử

(26) thì cứ như vậy không sao. Nhưng nếu còn để ý chút nào đến đám dân chúng, mà bỏ lỡ dịp này không ra thì tôi sợ rằng sẽ mục nát cùng cỏ cây, không bao giờ lại có dịp gặp gỡ hay này nữa.

Tiều phu biến sắc nói:

- Như lời ông nói, há chẳng phải là khoe khoang quá khiến cho người nghe phải thẹn thùng sao! Vả vị vua ngự trị bây giờ có phải họ Hồ không?

- Chính phải.

- Có phải là đã bỏ khu Long Đỗ về ở đất An Tôn (27) không?

- Phải.

- Ta tuy chân không bước đến thị thành, mình không vào đến cung đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bây giờ là người thế nào. Ông ấy thường dối trá, tính nhiều tham dục, đem hết sức dân để dựng cung Kim Âu (28) , dốc cạn của kho để mở phố Hoa Nhai (29) ; phao phí gấm là, vung vãi châu ngọc, dùng vàng như cỏ rác, tiêu tiền như đất bùn, hình ngục có của đút là xong, quan chức có tiền mua là được, kẻ dâng lời ngay thì giết, kẻ nói điều nịnh thì thưởng; lòng dân động lay, nên đã xảy ra việc quân sông Đáy (30) bờ cõi chếch mếch nên đã mất dải đất Cổ Lâu (31) . Vậy mà các kẻ đình thần trên dưới theo hùa, trước sau nối vết. Duy có Nguyễn Bằng Cử có lượng nhưng chậm chạp (32) ; Hoàng Hối Khanh có học nhưng lờ mờ (33) ; Lê Cảnh Kỳ giỏi mưu tính nhưng không quyết đoán (34) ; Lưu Thúc Kiệm quân tử nhưng chưa được là bậc nhân (35) ; còn ngoài ra phi là đồ tham tiền thì là đồ nát rượu; phi là đồ chỉ lấy yên vui làm thích thì là tuồng lấy thế vị mà khuynh loát nhau; chứ chưa thấy ai biết những kế lạ mưu sâu để lo tính cho dân chúng cả. Nay ta đương náu vết ở chốn núi rừng, lo lảng tránh đi chẳng được, há lại còn xắn áo mà lội nữa ư? (36) Xin ông vui lòng trở về, làm ơn từ chối hộ kẻ cư sĩ này. Ta không thể đem hòn ngọc Côn Sơn cho nó cùng cháy trong ngọn lửa Côn Sơn được. (37)

Trương nói:

- Sự xuất xử của bậc người hiền lại cố chấp đến như thế ư

Tiều phu nói:

- Không phải là ta cố chấp. Ta chỉ ghét những kẻ miệng lưỡi bẻo lẻo, đã đắm mình vào trong triều đình, vẩn đục, rối loạn lại còn toan kéo người khác để cùng đắm với mình.

Trương lặng im không trả lời, trở về đem hết những lời của tiều phu tâu lại với chúa. Hán Thương không bằng lòng nhưng còn muốn đem cỗ xe êm để cố đón ra kỳ được, sai Trương lại đi vào lần nữa. Nhưng vào đến nơi thì rêu trùm cửa hang, gai góc đầy núi, dây leo, cành rậm đã lấp mất cả lối đi rồi. Chỉ thấy ở trên vách đá có hai câu thơ đề bằng nhựa cây như sau:

Kỳ La hải khẩu ngâm hồn đoạn,

Cao Vọng sơn đầu khách tứ sầu.

Dịch:

Kỳ La cửa bể hồn thơ đứt,

Cao Vọng đầu non dạ khách buồn. (38)

Ý lời như giọng trào phúng của họ Nguyên họ Bạch, (39) thể chữ như lối triện lệ của ông Lưu ông Tư, (40) nhưng rút lại chẳng hiểu định nói gì. Hán Thương cả giận, sai đốt cháy núi; núi cháy hết vẫn không thấy gì, chỉ thấy con hạc đen lượn trên không bay múa. Sau cha con họ Hồ gặp phải tai họa đều đúng như lời thơ.

Người tiều phu ấy có lẽ là kẻ sĩ đắc đạo đó chăng?

Lời bình:

Than ôi! Có cái thần để biết việc sau, có cái trí để giấu việc trước, (41) đó là việc của thánh nhân; tiều phu tuy là bậc hiền nhưng đâu đã được dự đến hạng ấy. Tuy nói việc táng bại của nhà Hồ, đúng như là bói cỏ, bói rùa (42) , nhưng chẳng qua là nghiệm với lẽ trời, chứng với lòng người, nói nhiều may ra thì tin, đó là cái lẽ đời như vậy. Kẻ làm vua chúa nên lấy sự chính lòng mình để làm cái gốc chính triều đình, chính trăm quan, chính muôn dân, đừng để cho kẻ xử sĩ (43) phải bàn ra nói vào là tốt hơn cả.

Chú thích

1) Thần Môn: người giữ việc mở cửa thành buổi sớm. Sau Khổng Tử dùng để chỉ một hiền sĩ thời Xuân thu thấy đời rối loạn không làm gì nữa nên lánh đời, ẩn thân làm việc đó.

Tiếp Dư: tên tự Lục Thông người đời Sở Chiêu vương, giả cách rồ dại không chịu ra làm quan, người đương thời gọi là Sở cuồng (người cuồng nước Sở) .

Thái Hòa: một dật sĩ cuối đời Đường, họ Lâm, cũng giả làm bộ ngông cuồng để che giấu tung tích. Tương truyền sau cưỡi hạc lên tiên.

2) Khai Đại: niên hiệu của Hồ Hán Thương, từ 1403 đến 1407.

3) Triệu, Tào: Triệu Phổ và Tào Bân đều có công giúp Tống Thái Tổ thống nhất thiên hạ, dựng cơ nghiệp nhà Tống, sau đều làm Tể tướng.

4) Vương, Tạ: Vương Đạo và Tạ An đều làm quan to đời Tấn, hai nhân vật nổi tiếng phú quý phong lưu thời đó.

5) Bạn đỏ hầu xanh, nguyên văn là "thanh nô hồng hữu". Thanh nô là một chiếc gối làm bằng trúc xanh, mùa hè để dựa lưng hay gác tay chân cho mát. Hồng hữu là một thứ rượu.

6) Nam Dương: tên quận, đời Tam quốc. Gia Cát Khổng Minh ở ẩn trong lầu cỏ tại Nam Dương. Lưu Bị ba lần đến mời, ông giúp Lưu Bị lập nên cơ nghiệp nhà Thục Hán.

7) Quán Vân: quán Vân Đài ở núi Họa Sơn. Trần Đoàn, một cao sĩ đời Tống đã ẩn dật tại đấy. Mấy lần Tống Thái Tông mời ra làm quan nhưng ông không ra.

8) Lầu tây (Tây đường) : nhà phía tây. Tạ Linh Vận và Tạ Huệ Liên người đời Nam Bắc triều đều giỏi thi văn. Huệ Liên chết trước. Khi Linh Vận ở nhà phía tây quận Vĩnh Gia làm thơ, bí, suốt ngày nghĩ không ra, bỗng nằm mơ thấy Huệ Liên, liền nghĩ được câu thơ hay.

Song bắc (Bắc song) cửa sổ phía bắc. Đào Tiềm người đời Tấn, sau khi từ quan về ở ẩn vào tiết tháng sáu thường nằm đón gió ở cửa sổ phía bắc, tự cho mình là hạng người thời Phục Hi.

9) Sông Tương người đẹp (Mỹ nhân Tương thủy) : ngày xưa có một người bắt được một cái gối, đêm gối đầu nằm ngủ, nằm mơ thấy cùng người con gái đẹp đi chơi thuyền trên sông Tương.

10) Hoàng Châu: đời Tống, Tô Đông Pha bị trích ra Hoàng Châu, đêm đi chơi thuyền trên sông Xích Bích thấy một con hạc bay qua trên thuyền, vừa bay vừa kêu. Đêm về nằm ngủ mơ thấy một đạo sĩ mặc áo lông đến chơi, Đông Pha nói: "Ta biết rồi, có phải con hạc bay qua thuyền lúc nửa đêm là người đó chăng?” .

11) Uyên Minh (nguyên văn Bành Trạch) : tên tự của Đào Tiềm, làm huyện lệnh đất Bành Trạch, ông đã bỏ quan về ở ẩn.

12) Liêm Khê: Chu Liêm Khê đời Tống có một cái gối, hễ gối vào ngủ thì nghe tiếng chim quyên kêu.

13) Vườn riêng dịch chữ Độc lạc viên: Tư Mã Quang đời Tống, làm ngự sử đài ở Lạc Dương, dâng sớ xin về nghỉ có làm một khu vườn chơi ở gần núi, gọi là Độc lạc viên (vườn vui riêng một mình) .

14) Vương Vũ Xứng đời Tống, làm bài ký Lầu Trúc ở Hoàng Châu có nói về cái thú đánh cờ: Nghi vi kỳ, tử thanh tranh tranh nhiên, nghĩa là nên đánh cờ, tiếng quân cờ kêu lát chát.

15) Dật dân: người dân còn sót lại, ý nói người ngoài vòng cương tỏa, trốn đời.

16) Hạt điêu hồ: tên một thứ gạo.

17) Rau cẩm đái: tên một thứ rau.

18) Vua Cao Tông nhà Thương nằm mơ thấy Thượng đế ban cho một người phù tá giỏi. Tỉnh dậy bèn vẽ một bức tranh giống người trong mộng rồi sai người mang tranh đi tìm. Sau tìm được Phó Duyệt đang đắp tường ở Phó Nham, liền đón về làm tướng. Cao Tông nói: "Ví như năm đại hạn, ta dùng người làm mưa rào

19) Vua Văn Vương nhà Chu đã đi săn gặp Khương Tử Nha (tức Lã Vọng) câu cá ở sông Vị, mời lên chiếc xe sau chở về, tôn làm bậc thầy. Sau Lã Vọng giúp nhà Chu thắng nhà Ân ở Mục Dã.

20) Nghiêm Tử Lăng tức Nghiêm Quang, một cao sĩ đời Hán, hồi nhỏ là bạn học của Hán Quang Vũ; khi Quang Vũ lên ngôi, ông bèn đi ở ẩn, thường đi cày ở trong núi Phú Xuân và câu cá ở bến sông Đồng.

21) Khương Bá Hoài tức Khương Quảng người đời Hán Hoàn đế, quê ở Bành Thành. Vua nghe tiếng là người hiếu thuận mời ra làm quan, Quảng không chịu ra. Vua lại sai thợ vẽ đến vẽ chân dung, Quảng che mặt không cho vẽ. Ông từng nói: Quốc chính hiện nay ở trong tay bọn hoạn quan, đó là thời nào mà mình lại ra làm quan?

22) Kiềm Lâu: một hiền sĩ nước Tề, đời Xuân thu, ở ẩn, không chịu làm quan. Nhà rất nghèo, khi chết chỉ có một cái chăn để liệm, hễ che kín đầu thì hở chân, kín chân thì hở đầu.

Vệ Giới: danh sĩ đời Tấn, người đẹp, tính ôn hòa nhưng chết trẻ, khi mới 27 tuổi.

Viên Tinh: Theo sách Lã thị xuân thu, Viên Tinh Mục, một kẻ sĩ ở phương nam, đi giữa đường bị đói, nằm lả đi. Một tên ăn trộm trông thấy, đưa cơm cho ăn. Tinh Mục tỉnh lại, biết người cho ăn là kẻ trộm, liền nói: Ta không thèm ăn miếng cơm bất nghĩa của người. Rồi gượng dậy cố nôn ọe ra nhưng không được, sau đó gục đầu xuống chết.

Phụng Thiến: tên tự của Tuân Xán đời Ngụy. Vợ Xán rất đẹp, Xán rất yêu quý. Mùa đông vợ Xán bị bệnh phát nhiệt, Xán ra sân đầm hơi lạnh để vào ấp cho vợ được mát. Sau vợ chết Xán cùng chết theo.

23) Nói việc nhà Minh giả danh giúp nhà Trần khôi phục ngôi vua, đưa Trần Thiêm Bình về định cướp nước ta, nhưng bị Hồ Hán Thương đánh thua, phải giao nộp Trần Thiêm Bình rồi xin lui quân.

24) Lão Qua: nước Lào.

25) Đại lý: một quốc gia của người Thái, thành lập và tồn tại khoảng thế kỷ 12, 13, 14 ở Vân Nam.

26) Vụ Quang: người đời Hạ. Vua Thành Thang đánh được vua Kiệt nhà Hạ, đem thiên hạ nhường cho Quang, Quang không nhận đeo đá gieo mình xuống sông giả cách tự tử rồi ẩn náu biệt tích.

Quyên Tử: người nước Tề, ở ẩn tại Nham Sơn, học được đạo tiên, tương truyền có tài làm mưa làm gió.

Trên đây ý nói đó là những người ẩn dật vĩnh viễn.

27) Long Đỗ: tức Thăng Long (Hà Nội ngày nay) .

An Tôn: tên làng nay thuộc huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa. Nhà Hồ xây Tây Đô ở đây.

28) Kim Âu: cung Kim Âu tức cung Bảo Thanh ở làng Kim Âu. Hồ Quý Ly xây dựng cung điện này tốn kém nên bị đời sau phê phán.

29) Hoa Nhai: Hồ Quý Ly xây thành Tây Đô, bốn cửa đều bằng đá vân nên gọi là Hoa Nhai.

30) Sông Đáy: tức sông Tiểu Đáy chảy từ huyện Sơn Dương, Tuyên Quang về qua địa phận các huyện Lập Thạch và Tam Dương (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) . Tháng 8 năm Kiến Tân thứ 2 (1399) đời Trần Thiếu đế, Nguyễn Nhữ Cái nổi dậy ở vùng sông Đáy chống triều đình, quân đông đến hàng vạn. Sau bị Nguyễn Bằng Cử đánh tan. Nguyễn Bằng Cử người Bắc Ninh, làm đến chức Đông lộ yên phủ sứ đời Trần.

31. Cổ lâu: Hồ Quý Ly cắt đất 59 thôn ở khu Cổ Lâu cho nhà Minh. Cổ Lâu chưa rõ vùng nào.

32. Nguyễn Bằng Cử: xem chú thích 30, cùng bài.

33. Hoàng Hối Khanh: đậu Thái học sinh đời Trần, sau làm quan với nhà Hồ.

34. Lê Cảnh Kỳ: trước làm quan với nhà Trần, sau làm quan cho nhà Hồ đến chức Hành khiển.

35. Lưu Thúc Kiệm: đậu đầu khoa Thái học sinh cuối đời Trần

36. Lấy ý trong câu nói của Vi Trung, ẩn sĩ đời Tấn. Trương Hoa mời Trung ra làm quan, ông nói: Ta còn đương lo con sóng rớt ở cái vực sâu kia tràn đến, há lại còn xắn áo mà lội nữa ư?

37. Thiên Dân chinh trong Kinh Thư có câu: Hỏa viêm Côn sơn, ngọc thạch câu phần, nghĩa là: Lửa đốt núi Côn, ngọc đá đều cháy, (Núi Côn Sơn có tiếng sản sinh ra ngọc quý. ý nói theo nhà Hồ rồi cũng bị khốn đốn cùng nhà Hồ.

38. Cửa bể Kỳ La ở làng Kỳ La, huyện Kỳ Anh nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh, Năm 1407 Hồ Quý Ly bị bắt ở đấy. Núi cao Vọng ở làng Bình Lễ, cùng huyện, là nơi Hồ Hán Thương bị bắt, cũng vào năm 1407.

39. Nguyên, Bạch: tức Nguyên Chẩn, tự Vi Chi và Bạch Cư Dị, tự Lạc Thiên là hai nhà thơ nổi tiếng đời Đường.

40. Lưu là quan Thái sử nhà Chu, họ Lưu, người chế ra lối chữ đại triện. Tư là Lý Tư nhà Tần, chế ra lối chữ tiểu triện.

41. Lấy ý một câu trong Hệ từ thượng truyện của Kinh Dịch: Thần dĩ tri lại, trí dĩ tàng vãng, ý nói thánh nhân là người sáng suốt có thể hiểu biết và dành giữ mọi việc trước sau ở đời.

42. Bói cỏ bói rùa: bói cỏ thi và mai rùa để đoán việc lành dữ. Đây là cách bói của Trung Quốc thời xưa.

43. Xử sĩ: kẻ sĩ không ra làm quan, ẩn dật, trái với xuất sĩ là đi thi làm quan.

Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Triều

(Nguyên văn: Đông Triều phế tự lục)

Đời nhà Trần, tục tin thần quỷ, thần từ, phật tử chẳng đâu là không có. Các chùa như chùa Hoàng Giang, chùa Đồng Cổ, chùa An Sinh, chùa An Tử, chùa Phổ Minh, quán Ngọc Thanh dựng lên nhan nhản khắp nơi; những người cắt tóc làm tăng làm ni, nhiều gần bằng nửa số dân thường. Nhất là vùng huyện Đông Triều (1) , sự sùng thượng lại càng quá lắm. Chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười nơi, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu. Bao ngoài bằng rào lũy, tô trong bằng vàng son, phàm người đau ốm, chỉ tin theo ở sự hư vô; gặp các tuần tiết thì đàn tràng cúng vái rất là rộn rịp. Thần, phật xem chừng cũng ứng giáng, nên cầu gì được nấy, linh ứng lạ thường.

Bởi vậy người dân càng kính tin, không dám ngạo mạn. Song đến đời vua Giản Định nhà Trần (2) , binh lửa liên miên, nhiều nơi bị đốt; số chùa chiền còn lại mười không được một mà cái số còn lại ấy, cũng mưa bay gió chuyển, đổ ngã xiêu nghiêng, tiêu điều đứng rũ ở giữa áng cỏ hoang bụi rậm. Sau khi quân Ngô (3) lui, dân trở về phục nghiệp, có viên quan là Văn Tư Lập đến trị huyện ấy, thấy những cảnh hoang tàn đổ nát bèn róng rả dân đinh các xã, đánh tranh ken nứa mà sửa chữa lại ít nhiều. Ngồi ở huyện ấy được một năm, thấy dân quanh huyện khổ về cái nạn trộm cắp, từ gà, lợn, ngỗng, ngan đến cá trong ao, quả trong vườn, phàm cái gì có thể ăn được đều bị mất hết. Tư Lập than rằng:

- Ta ở vào địa vị một viên ấp tể, không có cái minh để xét ra kẻ gian, cái cứng để chế phục kẻ ác, vì nhân nhu mà hỏng việc, chính là cái lỗi tự ta.

Song Tư Lập cho là những đám trộm cắp vặt ấy, cũng không đến nỗi đáng lo ngại lắm, nên chỉ sức các thôn dân, đêm đêm phải canh phòng cẩn mật. Trong khoảng một tuần, tuy canh phòng chẳng thấy gì cả, nhưng những việc trộm cắp vặt cũng vẫn như trước. Lâu dần

càng không thấy chúng kiêng sợ gì, đến nỗi lại vào bếp để khoắng hũ rượu của người ta, vào buồng ghẹo vợ con người ta, khi mọi người đổ đến vây bắt, thì kẻ gian đã biến đi đằng nào mất, chẳng thấy gì cả. Tư Lập cười mà nói:

- Té ra lâu nay vẫn ngờ oan cho lũ kẻ trộm, kỳ thực đó là loài ma quỷ, hưng yêu tác quái đó mà thôi. Những sự quấy rối bấy nay, đều tự vật này cả.

Sau đấy đi mời khắp các thầy phù thủy cao tay, xin bùa yểm trấn, làm thuyền bè mã mà tống tiễn. Song càng bùa bèn trừ yểm, sự quấy nhiễu càng tệ hơn trước. Tư Lập cả sợ, họp người dân thôn lại bàn rằng:

- Các người khi trước vẫn thờ Phật rất kính cẩn, lâu nay vì việc binh hỏa mà đèn hương lễ bái không chăm, cho nên yêu nghiệt hoành hành mà Phật không cứu giúp. Nay sao đến chùa kêu cầu với Phật, tưởng cũng là một cách quyền nghi may có thể giúp ích cho mình.

Mọi người bèn đi đốt hương lễ bái ở chùa chiền khấn rằng:

"Lũ chúng sinh này kính thờ Trời Phật, quy y đã lâu, hết lòng trông cậy ở Phật pháp. Nay ma quỷ nổi lên, quấy nhiễu dân chúng, họa hại cả đến loài lục súc, vậy mà Phật ngồi nhìn im lặng, chẳng cũng từ bi quá lắm ư? Cúi xin mở lượng thương xót, ra uy trừng phạt, khiến thần, người chẳng lẫn, dân vật đều yên, hết thảy chúng sinh, đều được đội ơn nhiều lắm. Song loạn lạc vừa yên, sinh kế chưa khôi phục được, tấc gỗ mảnh ngói khó lòng xoay xở vào đâu. Đợi khi làm ăn giàu có sẽ lại xin sửa lại chùa chiền đền công đức ấy".

Đêm hôm ấy, trộm cắp hoành hành lại dữ hơn trước. Tư Lập chẳng biết làm sao được; nghe Vương tiên sinh ở huyện Kim Thành (4) là người giỏi bói dịch, bèn đến bói một quẻ xem sao. Vương tiên sinh bói rồi nói rằng:

Cưỡi trên ngựa tốt,

Mặc áo vải săn.

Túi da tên thiếc,

Đích thị người thần.

Lại dặn rằng:

- Ông muốn trừ được nạn ấy, sáng mai nên theo phía tả cửa huyện đi về phương Nam, hễ thấy người nào vận mặc như thế, mang xách như vậy, quyết là người ấy có thể trừ hại được, nên cố thỉnh mời, dù từ chối cũng đừng nghe.

Hôm sau, Tư Lập cùng các phụ lão đúng theo lời của Vương tiên sinh để trông ngóng xem, những kẻ đi, người lại đầy đường, chẳng thấy ai giống như thế cả. Trời đã xế chiều ai nấy chán nản sắp muốn về, chợt có một người từ trong núi bước ra, mình mặc áo vải, đeo cung cưỡi ngựa. Mọi người cùng chạy ra phục lạy ở phía trước mặt. Người ấy ngạc nhiên hỏi, mọi người cũng kể rõ bản ý của mình. Người ấy cười mà nói rằng:

- Các ông mà quá tin bói toán thế. Tôi từ nhỏ làm nghề săn bắn, mình không rời yên ngựa, tay không rời cung tên. Hôm qua nghe nói ở núi An Phụ (5) có nhiều giống nai, báo, thỏ tốt nên nay định đến để săn, nào có biết lập đàn thầy pháp, bắt ma vô hình là công việc thế nào.

Tư Lập nghĩ bụng người này tất là một vị pháp đàn cao tay vì không muốn nổi tiếng về thuật bùa bèn, vì sợ mang lụy vào thân, nên mới nhởn nhơ trong chốn khe núi, giấu mình ở thú chơi cung mã, bèn nhất định cố mời kỳ được. Người kia xem chừng không thể từ chối, phải gượng nghe lời. Tư Lập mời người ấy về huyện để ở trong nhà quán xá, giường chiếu màn đệm rất sang trọng, săn sóc kính cẩn như một vị thần minh. Người ấy nghĩ riêng rằng:

- Họ tiếp đãi kính cẩn với ta như thế này, chỉ vì cho ta là có tài trừ quỷ. Nhưng thực thì ta chẳng có tài gì về việc đó, thế mà đi hưởng

sự cung cấp của người, sao cho đành tâm. Nếu không sớm liệu trốn đi thì có ngày xấu hổ.

Hôm ấy ước chừng nửa đêm, thừa lúc mọi người đã ngủ say, người ấy bèn rón rén ra khỏi huyện lỵ. Khi đến phía Tây cái cầu ván bấy giờ trời tối lờ mờ, trăng khuya chưa mọc, thấy có người hình thể to lớn, hớn hở từ dưới đồng đi lên, người ấy bèn lẻn vào chỗ khuất, ngồi rình để xem họ làm trò gì. Một lát, thấy họ thò tay khoắng xuống một cái ao rồi bất cứ vớ được cá lớn cá nhỏ, đều bỏ vào mồm nhai nuốt hết, lại nhìn nhau mà cười mà nói:

- Những con cá con ăn ngon lắm nên ăn dè dặt mới thấy thú, há chẳng hơn những thức hương hoa nhạt nhẽo họ thường dâng cúng chúng mình ư? Đáng tiếc là đến bây giờ, chúng mình mới được biết những vị ngon ấy.

Một người cười mà nói:

- Chúng mình thật to đầu mà dại, bấy nay bị người đời chúng nó lừa dối; ai lại đem cái oản, một vài lẻ gạo để lấp cái bụng nặng nghìn cây mà đi giữ của cho chúng nó bao giờ. Nếu không có những buổi như buổi hôm nay mà cứ trường chay mãi như trước thì thật là một đời sống uổng.

Một người nói:

- Tôi xưa nay vẫn ăn đồ mặn không i ăn chay tịnh như các ông. Nhưng hiện giờ dân tình nghèo kiết, chúng nó chẳng có gì để cúng vái mình. Bụng đói miệng thèm, không biết mùi thịt là cái gì đã trải qua một thời gian lâu lắm, chẳng khác chi đức Khổng Tử ở nước Tề ba tháng không được đụng đến miếng thịt. Song đêm nay, trời rét, nước lạnh, khó lòng ở lâu chỗ này được, chi bằng lên quách vườn mía mà bắt chước Hổ đầu tướng quân (6) ngày xưa.

Đoạn rồi họ dắt nhau đi lên, vào vườn mía, nhổ trộm mà tước mà hít. Người kia đang ngồi núp một chỗ, liền dương cung lắp tên, thình lình bắn ra, tin luôn ngay được hai người. Bọn gian kêu ấm ớ mấy

tiếng rồi ồ chạy cả, chừng độ mấy chục bước đều mờ khuất hết. Song lúc đó còn thấy có tiếng mắng nhau:

- Đã bảo ngày giờ không tốt thì đừng nên đi, không nghe lời ta, bây giờ mới biết.

Người kia kêu réo ầm ĩ lên, dân làng quanh đấy giật mình tỉnh dậy, cùng đốt đèn thắp đuốc chia nhau mỗi người đi đuổi một ngả. Họ soi thấy dấu máu vấy trên mặt đất, bèn theo dấu máu ấy đi về phía Tây. Chừng hơn nửa dặm đến một cái chùa hoang, vào thấy hai pho tượng Hộ pháp xiêu vẹo trong chùa, trên lưng mỗi tượng đều có một phát tên cắm vào sâu lắm (7) . Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, cho là một sự lạ xưa nay chưa có bao giờ. Họ liền hẩy đổ hai pho tượng. Trong lúc ấy còn nghe có tiếng nói rằng:

- Vẫn tưởng kiếm cho no bụng, ai ngờ phải đến nát thân. Nhưng bầy ra mưu mẹo là tự lão thủy thần kia. Hắn là chủ mưu mà được thoát nạn còn chúng ta theo hắn mà phải chịu vạ, thật cũng đáng phàn nàn lắm.

Đó rồi họ sai người đến miếu Thủy thần, thấy pho tượng thần đắp bằng đất, bỗng biến sắc, mặt tái đi như chàm đổ, mấy cái vẩy cá còn dính lèm nhèm trên mép, lại phá hủy luôn cả pho tượng ấy.

Quan huyện Văn Tư Lập dốc hết hòm rương để trả ơn, người kia chở nặng mà về. Từ đấy yêu tà tuyệt tịch không còn thấy bóng tăm đâu nữa.

Lời bình:

Than ôi! Cái thuyết nhà Phật thật vô ích mà có hại quá lắm. Nghe lời nói năng thì từ bi, quảng đại,ứng báo thì bắt gió mơ hồ. Nhân dân kính tín đến nỗi có người phá sản để cúng cho nhà chùa. Nay xem cái dư nghiệt ở trong một ngôi chùa nát mà còn gớm ghê như thế, huống ngày thường cúng vái sầm uất phỏng còn tai hại đến đâu. Song những anh quân, hiền tướng, thường muốn trừ bỏ mà vẫn không được. Bởi các đấng quân tử cao minh, thường có nhiều

người rúp rập, chẳng hạn như Tô học sỹ (8) đời Tống, Lương Trạng nguyên (9) đời Lê, ước sao có hàng trăm ông Hàn Xương Lê (10) ra đời, xúm lại mà đánh, đốt hết sách và chiếm hết nhà mới có thể được.

Chú thích

(1) Đông Triều: nay là huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

(2) Trần Giản Định: tên là Ngỗi, dấy quân chống quân xâm lược Minh từ 1407, niên hiệu Hưng Khánh.

(3) Quân Ngô: chỉ quân xâm lược Minh.

(4) Huyện Kim Thành: thời Trần thuộc châu Đông Triều, nay thuộc địa phận tỉnh Hải Dương.

(5) Núi An Phụ: nguyên chú: "Núi ở huyện Giáp Sơn", có lẽ nay là vùng Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương.

(6) Hổ đầu tướng quân: đời vua Tấn An Đế, Cố Hải Chi làm chức Hổ đầu tướng quân, người đương thời gọi là Cố Hổ đầu. Mỗi lần ăn mía, Cố đều ăn từ ngọn xuống gốc, lại nói: "Ăn như thế thì mỗi lúc mới đi đến chỗ thú vị".

(7) Nguyên văn: "... tên cắm ngập đến lông vũ", tức là sâu vào đến lông vũ đuôi mũi tên.

(8) Tô Học Sĩ: Tô Đông Pha, nhà thơ lớn đời Tống, thường đến chùa Kim Sơn, chơi thân với sư Phật ấn.

(9) Lương Trạng nguyên: tức Lương Thế Vinh, người xã Cao Hương, huyện Thiên Bản (nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) , đỗ Trạng nguyên năm Quang Thuận thứ 4 (1463) đời Lê Thánh Tông, rất sùng đạo Phật.

(10) Hàn Xương Lê: Hàn Dũ đời Đường. Ông có bài biểu can ngăn việc rước xương Phật, thể hiện tư tưởng b Phật. Ông khuyên vua đốt sách kinh Phật, bắt sư phải hòan tục.

Chuyện nàng Thúy Tiêu

(Nguyên văn: Thúy Tiêu truyện)

Dư Nhuận Chi người đất Kiến Hưng (1) , tên là Tạo Tân, có tiếng hay thơ; nhất là về những bài hát, lại càng nức danh ở kinh kỳ, mỗi bài làm ra, phường hát bội đem tiền tặng biếu rất hậu để xin lấy. Nhân thế Dư càng nổi thanh giá ở chốn tao đàn. Cuối đời Thiệu Phong (2) nhà Trần, Dư nhân có việc, vào yết kiến quan Trần soái Lạng Giang là Nguyễn Trung Ngạn (3) . Ông Nguyễn thấy Dư đến, lật đật ra tiếp, đặt tiệc ở Phiếm Bích đường thết đãi, gọi mười mấy người con hát ra hát múa ở trước tiệc. Trong bọn con hát có ả Thúy Tiêu là người rất xinh đẹp. Ông Nguyễn đùa bảo Dư sinh rằng:

- Ấy tùy ngài kén chọn trong bọn ấy, hễ bằng lòng ai thì tôi xin tặng cho.

Rồi âm nhạc nổi lên. Sinh ngâm một bài thơ sau này:

Liên hoa đóa đóa ỷ hồng hàm,

Tằng đối tiên gia ngọc chủ đàm.

Túy vãn tiêu y hô đắc khởi,

Sổ thanh hảo xướng vọng Giang Nam.

Dịch:

Hoa sen đóa rỡ ràng tươi,

Góp mặt nhà tiên lúc nói cười.

Say kéo áo là nghe gọi dậy,

Giang Nam (4) một khúc quyến hồn người.

Ông Nguyễn cười bảo Thúy Tiêu rằng:

- Thầy đồ để ý vào nàng (5) đấy.

Sinh hôm ấy uống rượu rất say, mãi đến đêm khuya mới tỉnh, đã thấy nàng Thúy Tiêu ở cạnh, cảm ơn ông Nguyễn không biết chừng nào. Sáng hôm sau Sinh vào tạ ơn ông Nguyễn để về. Ông Nguyễn bảo:

- Ả ấy kể cũng là người phong lưu, thầy nên khéo yêu thương lấy.

Sinh bèn đem nàng về Kiến Hưng. Thúy Tiêu vốn có khiếu thông tuệ, mỗi khi Sinh đọc sách, nàng cũng học thầm mà rồi thuộc được. Sinh nhân đem những quyển sách nói về thơ từ mà dạy nàng. Chưa đầy một năm, nàng đã làm được thơ từ ngang với của Sinh. Năm Mậu tuất (1358) , nhân gặp khoa thi, Sinh sắm sửa hành trang lên kinh; không nỡ rời nhau, nên đem theo cả nàng cùng đi, cùng trọ tại phố Hàng Vóc ở cửa sông. Gặp ngày mồng một đầu năm, Thúy Tiêu rủ mấy người bạn gái đến chùa tháp Báo Thiên (6) dâng hương lễ Phật. Bấy giờ có quan Trụ quốc họ Thân ngầm đi chơi phố, trông thấy Thúy Tiêu đẹp, bắt, cướp đem về làm của mình. Sinh làm đơn kiện tận triều đình, nhưng vì họ Thân uy thế rất lớn, các tòa các sở đều tránh kẻ quyền hào, gác bút không dám xét xử. Sinh đau buồn lắm bèn chẳng thiết gì thi cử nữa. Một hôm Sinh thủng thỉnh đi chơi ngoài phố, gặp đám người cưỡi ngựa đi xem hoa về, tiền hô hậu ủng rất oai vệ, trên đường thì trâm thoa rơi rắc, hồng tía tơi bời, sau cùng thấy Thúy Tiêu ngồi trên một chiếc kiệu căng riềm lụa hoa, đi qua dưới rặng liễu. Sinh muốn chạy đến than thở, nhưng thấy những người cùng đi với nàng đều là bậc quyền quý, không dám đường đột chỉ đắm đuối nhìn và ứa hai dòng lệ, không nói được một lời nào.

Nhân Thúy Tiêu trước có nuôi đôi chim yểng, một hôm Sinh trỏ đôi chim mà bảo rằng:

- Chúng mày là loài vật nhỏ, còn được suốt ngày quấn quít với nhau, không phải như ta lạnh lùng gối chiếc. Ước sao chúng mày nhẹ tung

đôi cánh, vì ta đưa đến cho nàng được một phong thư.

Con chim yểng nghe nói, kêu lên và nhảy nhót như dáng muốn đi. Sinh bèn viết một phong thư, buộc vào chân nó. Thư rằng:

Tạc giả liễu âm nhất qua

Đạo đạt vô do.

Ký song nhãn ư phiến thời,

Tằng chỉ xích nhi thiên lý.

Thủy tín hầu môn chi tự hải,

Đệ hiềm khách tứ chi như thu.

Bị thuật cựu do,

Bội tăng thâm cảm.

ức tích ngã bồi thi tịch,

Tử hựu ca diên.

Bất lao lục ỷ chi đàn,

Nhục hạ Tử Vân chi huệ.

Tiếu vị thù ư khiển quyển,

Hận dĩ tảo ư phân phi.

Hồng biệt yến nhi thu thanh,

Vân sầu Tần nhi mính sắc.

Nhất tắc noãn lưu tô chi trướng,

Nhất tắc hàn hồ chỉ chi khâm.

Đãn tham tú mạc chi hoan,

Khởi niệm thư lâu chi khổ.

Mỗi thính đoản tường trệ vũ,

Phế bích hàn tương.ường thiên sương nhạn chi chinh ly,

Tịch tiêu phong địch chi xướng vãn.

Mỗi hữu hàm tình bất ngữ,

Yểm quyển trường hu.

Đối cảnh quan hoài,

Bất năng dĩ dĩ.

Y, Hứa Ngu hầu chi bất tác,

Côn Lôn Nô chi dĩ phi.

Ưng vô phản bích chi kỳ,

Không phụ tầm phương chi ước.

Viên bằng thốn chử,

Dụng tả ai thiên.

Dịch:

Kiệu qua dưới liễu hôm nào,

Vội vàng chẳng kịp đưa trao một lời.

Trông ai nước mắt thầm rơi,

Tấc gang bỗng cách đôi nơi mịt mùng.

Cửa hầu sâu thẳm nghìn trùng,

Sớm hôm khách những riêng lòng ngẩn ngơ,

Tình xưa kể đến bao giờ,

Cảm sầu mọi mối như tơ rối bời.

Thơ ngâm nhớ bữa tiệc mờ

Giọng ca lanh lảnh để người như say.

Cung đàn nào đã so dây.

Giai nhân bỗng được trao tay rước về.

Tình sâu chưa kịp giãi giề,

Bắc nam vội đã chia lìa khá thương.

Chim hồng buồn bã kêu sương,

Mây Tần thăm thẳm xa buông tối mù.

Người nương trướng gấm êm ru,

Người ôm một mảnh chăn cù giá đông.

Ham vui nệm tía màu hồng,

Biết chăng kẻ chốn thư phòng thương đau.

Mưa tường dế vách họa nhau,

Nhạn tan khóc sớm, địch sầu thổi khuya,

Lặng ngồi gấp sách ủ ê,

Lòng này cảnh ấy khuây đi được nào,

Côn Nô, Hứa Tuấn (7) nơi nao?

Tìm hương trả bích còn ao ước gì (8) ?

Mảnh tiên viết gửi trao đi,

Đau thương kể nỗi vân vi với người.

Con chim yểng bay đi, đến đậu ở màn Thúy Tiêu.

Nàng được thư, bèn giở giấy Tiết Đào (9) dấp bút Lâm Xuyên (10) viết một bức thư để trả lời. Thư rằng:

Thiếp Thúy Tiêu thiếu ỷ thị môn,

Trưởng đầu nhạc tịch.

Điều ca tiếp khúc, đồ khoa Hà hữu chi phong lưu,

Cử án tề my, vị thức Mạnh Quang chi thái độ.

Thùy tri hảo tịch,

Tiện Thị lương môi,

Lục ỷ cầm tâm, bất giả Trường Khanh chi điệu,

Hoa đường thi cú, khốc lân Đỗ Mục chi tài.

Tự hỷ châm giới chi hữu duyên,

Thâm khách đằng la chi đắc thác.

Thiên Thai khách phùng khách vị tận thâm hoan;

Chương Đài, nhân tống nhân, tải tương ly hận.

Giai ngẫu phiên thành ư oán ngẫu,

Hảo duyên chuyển tác ư ác duyên.

Sỉ nhẫn thê nha,

Cụ tần đả áp.

Xuất nhập khởi cư chi tế, vị miễn tòng quyền;

Biệt ly khê khoát chi hoài, bất thăng cảm cựu.

Duy dư thúquyện tảo,

Lục mấn dung sơ.

Phấn bích đăng tàn, thương xuân trường đoạn;

Hương liêm tú quyện, biệt lệ ngân đa.

Tạc thừa ký nhạn chi thư,

Bội thiết ly loan chi tưởng.

Tuy Hàn Hoành chi liễu, tạm chiết trường điều,

Nhiên hợp Phố chi châu, đương hoàn cố quận.

Du du tâm tự,

Thư bất tận ngôn.

Dịch:

Thiếp xưa con gái nhà nghèo,

Lớn lên ca xướng học theo bạn bầy.

Phong lưu quen thú Hà Tây (11)

Chưa tường án Mạnh ngang mày (12) như ai.

Tiệc hoa một bữa khuyên mời,

Mối manh duyên khéo an bài tự đâu.

Tràng Khanh chưa gảy Phượng cầu (13) ,

Mến tài Đỗ Mục bởi câu Hoa đường (14) .

Duyên kim phận cải xe vương,

Những mừng giây sắn được nương bóng tùnghai một cuộc kỳ phùng (15) ,

Thú vui lửa đượm hương nồng chưa bao.

Chương Đài cành liễu nghiêng chao,

Biệt ly mang nặng biết bao oán sầu.

Duyên may hóa rủi ngờ đâu,

Ngậm hờn nuốt tủi chịu rầu cho xong. (16)

Bẽ bàng đổi khác tư dong,

Tóc xanh biếng chải, môi hồng biếng tô.

Thương xuân vách phấn đèn lu,

Trông gương ngấn lệ mơ hồ, ngại soi.

Tiện hồng thư mới tới nơi,

Chia loan càng xót xa đời biệt ly.

Liễu Hàn tạm bẻ vin đi,

Nhưng châu Hợp Phố phải về quận xưa (17) .

Nỗi lòng trăm mối vò tơ,

Thư dài đến mấy vẫn chưa hết lời.

Thúy Tiêu từ đó buồn rầu sinh ốm. Quan Trụ quốc bảo:

- Chừng nàng hãy còn nhớ anh chàng bán thơ phải không?

Nàng nói:

- Quả có như vậy, tình sâu gắn bó, hờn nặng chia lìa, lời thề chung sống chưa phai, điều hẹn cùng già đã phụ. Nay thì Sở mưa Yên tạnh, liễu héo đào tươi, bằn bặt xa nhau, hờn ôm thiên cổ. Cho nên người xưacoi rẻ giàu sang mà nhớ anh hàng bánh (18) , xem khinh sung sướng mà gieo xuống tầng lầu (19) , thật là phải lắm.

Nói rồi nàng toan lấy chiếc khăn là thắt cổ tự tử. Trụ quốc nói dối rằng:

- Ta cũng đang nghĩ về việc đó lắm. Vậy nàng hãy cứ nên bình tĩnh mà bảo dưỡng thân thể, sớm muộn ta sẽ vời chàng họ Dư đến đây, để nàng được nối mối duyên xưa. Tội gì mà coi rẻ tính mệnh, chết một cách chẳng vào đâu cả.

Nàng nói:

- Quả được như vậy thì thiếp xin vâng lời tướng công. Nếu không thì tính mệnh này chỉ ngày hôm nay là hết.

Trụ quốc bất đắc dĩ, phải vời Dư đến, dỗ dành sẽ trả Thúy Tiêu và bảo:

- Ta làm quan ngôi đến Thượng công, quyền cao lộc hậu, việc khoản đãi khách khứa, mỗi ngày tốn phí đến hàng chung thóc. Nay vời thầy đến là do ý tốt chứ không có ý xấu gì cả. Huống đất Trường An

này gạo châu củi quế, thầy lấy gì mà tiêu dùng đủ. Vậy nếu thầy không ngại thanh tích thì nên cứ ở luôn đây cho đỡ tốn.

Bèn sai dọn một cái buồng nhỏ làm nơi đọc sách cho Sinh, hằng ngày sai một ả tiểu hoàn hầu hạ. Mỗi khi có tiệc mời Sinh vào dự, Trụ quốc thường lấy lời dịu dàng khoản tiếp. Nhưng về việc Thúy Tiêu, tuyệt nhiên không nhắc nhỏm đến. Sinh mon men hỏi tới, Trụ quốc gạt đi mà rằng:

- Mối tình thương yêu ai mà chẳng thế. Tưởng nàng nhớ thầy, cũng chẳng khác gì thầy nhớ nàng. Nhưng vì ít lâu nay nàng khó ở, nên chưa thể ra cùng thầy tương kiến được. Thầy hãy cứ thong thả, đi đâu mà vội.

Thúy Tiêu nghe Sinh đã đến, cũng muốn được gặp, nhưng trong nhà, nàng hầu vợ lẽ nhiều lắm, vả coi giữ nghiêm ngặt, nên không có dịp nào tìm đến Sinh được. Một hôm nhân buổi chầu sớm chưa tan, thừa lúc những nàng hầu vợ lẽ đang ngủ, nàng lén đến thư phòng của Sinh. Phải lúc Sinh chạy đi đâu vắng, nàng thấy trên vách có đề hai bài thơ sau này:

Tiểu giai phá l lạc đài y,

Khách xá thê lương độc yểm phi.

Thanh điểu bất lai xuân tín vãn,

Sa đình mạc mạc hựu tà huy.

Dịch:

Trước thềm giày rách giẫm trên rêu,

Cửa khép phòng văn lạnh hắt hiu.

Bằn bặt chim xanh tin chẳng lại,

Sân không vắng vẻ, bóng trời chiều.

Nguyệt điện trường hàn tỏa thúy my,

Tiên nga hà nhật thị quy kỳ?

Tương tư khởi trực vô giai cú,

Bất bả văn chương oán biệt ly.

Dịch:

Cung trăng lạnh lẽo khóa mày ngài.

Tiên tử bao giờ lại tái lai?

Thương nhớ thiếu đâu câu thấm thía,

Ngại đem chữ nghĩa khóc thương hoài.

Nàng toan họa hai bài thơ ấy, nhưng đã nghe thấy tiếng ngọc kha (20) về đến cổng rồi, thành ra không thể họa và đề được nữa.

Lại một hôm, nàng sai con hầu thân tín của mình là Kiều Oanh đến phòng Sinh xin ngủ. Sinh đuổi ra thì Kiều Oanh nói:

- Thúy Tiêu nương tử sai tôi như vậy. Nương tử nghĩ lang quân một mình buồn tẻ, nên sai tôi đến hầu hạ chăn gối, cũng như nương tử ở bên mình lang quân.

Sinh bằng lòng. Từ đấy tin tức mới thông mà tình khuê môn mới đạt đến nhau được.

Bấy giờ sắp đến ngày trừ tịch, Sinh nhân lúc tiện, bảo với Trụ quốc rằng:

- Tôi vì một mối ân tình mà vào đây làm người khách trọ, song non Vu gang tấc, tin tức chẳng thông, ngày tháng lữa lần, năm lại gần hết. Cái việc trả châu (21) chẳng dám lại nói đến nữa. Chỉ xin được

ở trước rèm một lần gặp mặt, trò chuyện với nhau một lát để rồi chia tay.

Trụ quốc bằng lòng mà nói:

- Chỉ vài hôm sau nữa, là đêm tốt lành ta sẽ làm cái việc Xương Lê thả nàng Liễu Chi (22) , Nghi Thành buông nàng Cầm Khách (23) , quyết không ngăn cấm sự ham muốn của người khác để thỏa cái vui tai mắt của mình. Nhà thầy hãy nán đợi, đừng lo chậm muộn.

Sinh vâng dạ lui ra.

Đến đêm đã hẹn, Sinh đốt đèn không ngủ ngồi chờ. Chừng một trống canh, bỗng nghe thấy tiếng giày lẹp kẹp ở bên khóm trúc; mở cửa ra đón, té ra là một con hầu áo xanh. Sinh hỏi nó đến làm gì thì ra nó bưng nước chè đến. Một lúc lại thấy ở trước hoa có tiếng sột soạt, rồi có tiếng gõ cửa, xốc áo ra xem, lại thấy một người đầy tớ trai. Hỏi đến làm gì, thì ra đem rượu tới. Chờ mãi đến quá nửa đêm, vẫn bặt tin hơi, rất là thất vọng. Ngày hôm sau, Sinh bảo với Kiều Oanh rằng:

- Nhờ em nói hộ với Thúy Tiêu: Ta nặng mối tình riêng, tin lời nói dối. Ai lại đến đòi gặp mặt một lần để nói chuyện cũng không được, vậy mà lại mong người ta mở cửa để thả cho nàng ra thì có đời nào! Nếu ta cứ ở mãi đây, vạn nhất lòng ghen nổi dậy, kế độc buông ra thì ta là thất cơ mà họ là đắc kế. Về đi thôi! Về đi thôi! Sao nên vì cớ muốn tìm ngọc châu mà lại đến nằm ở trước hàm con ly long bao giờ (24)

Thúy Tiêu lại sai Kiều Oanh đến bảo chàng:

- Thiếp sở dĩ nấn ná ở đây, chưa làm được một cái chết của nàng Lục Châu, là chỉ vì còn có chàng. Nay chàng định về phỏng có ước hẹn với nhau điều gì không? Thiếp nghe lệ cũ bản triều, đêm hôm mồng một tết, có đốt cây bông ở ngoài bờ sông, người trong kinh thành đều kéo ra xem đông nghịt. Nếu chàng chưa nỡ rẻ bỏ thì đêm

ấy xin chờ đợi nhau. Loan chia phượng hợp, chỉ ở trong một chuyến này. Thiếp hãy xin hoãn để chờ.

Ý Sinh bèn quyết, Trụ quốc thấy Sinh xin đi, lấy làm dễ chịu, tặng cho rất nhiều tiền bạc tơ lụa không tiếc tí gì. Sinh chở nặng một chuyến mà về. Dọc đường gặp người đầy tớ già, hắn bảo Sinh rằng:

- Cậu có sự lo buồn gì chăng? Sao người gầy võ đi khác hẳn ngày trước?

Sinh nói duyên cớ và kể lời hẹn của Thúy Tiêu. Người đầy tớ già nói:

- Việc ấy dễ lắm, tôi xin hết sức giúp cậu.

Đến ngày mồng một, thầy trò cùng ra bến Đông, quả thấy Thúy Tiêu đứng xem ở trên bến. Người đầy tớ bèn đi lẻn vào rút dùi sắt trong tay áo ra, nện bừa vào đám người theo hầu, khiến bọn phu kiệu, phu dù đều chạy tan hết, rồi cướp lấy Thúy Tiêu đem đi. Hai người trông thấy nhau, nửa phần thương xót, nửa phần mừng vui, nhưng còn sợ Trụ quốc biết đuổi theo bắt lại. Thúy Tiêu nói:

- Hắn chỉ là đồ yếu hèn mà làm đến bậc Vệ, Hoắc (25) kêu xin chạy chọt, lúc nào ở cửa cũng rộn rập những người ra vào, vàng bạc châu báu trong nhà, chồng chất đầy dẫy. Trừ ra gặp phải hỏa tai, của cải trong nhà ấy không biết có cách nào tiêu mòn đi được. Nhưng tội đầy ác chứa, thế tất cũng chẳng được lâu. Có điều bây giờ họ còn đương thịnh, uy thế ấy cũng rất đáng sợ. Chi bằng ta ẩn hình náu vết, về trốn lánh ở chỗ nhà quê, khỏi bày ra tai mắt mọi người để tránh cái vạ nguy hiểm.

Sinh cho là phải, bèn bí mật đưa nhau xuống hạt Thiên Trường, ở nhà một người bạn họ Hà. Năm Đại Trị thứ 7 (26) Trụ quốc xa xỉ mà phải tội, Sinh về Kinh sư thi đỗ tiến sĩ, vợ chồng ăn ở với nhau đến già.

Lời bình:

Than ôi! Người con trai bất trung, ông vua trung thường xấu hổ lấy làm bề tôi; người con gái bất chính, kẻ sĩ trung thành xấu hổ lấy làm vợ. Thúy Tiêu là một ả ca xướng, chẳng là người chính chuyên, không hiểu Nhuận Chi ham luyến về cái gì? Vì nàng hiền chăng? Nhưng hết là vợ họ Trương lại là hầu họ Lý (27) ? Vì nàng đẹp chăng? Thì hết làm mê Hạ Sái lại làm hoặc Dương Thành (28) . Vậy mà lại khinh thường sự đi sự đến, nhẫn nhục tới ở với người, sờ đầu cọp, vuốt râu cọp, suýt nữa thì không thoát miệng cọp. Như chàng Nhuận Chi, thật là một người ngu vậy.

Chú thích

(1) Kiến Hưng: thời Trần Hồ là phủ, gồm đất các huyện ý Yên, Thiên Bản, Độc Lập, Đại Loan, Vọng Doanh, tương đương với các huyện ý Yên, Vụ Bản, Nghĩa Hưng Nam Định ngày nay.

(2) Thiệu Phong: niên hiệu Trần Dụ Tông từ 1341 đến 1357.

(3) Nguyễn Trung Ngạn: (1289-1368 hoặc 1370) ; người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Đỗ Hoàng giáp khoa thi Thái học sinh đời Trần Anh Tông (1293-1314) , từng đi sứ nhà Nguyên năm 1314, giữ những chức vụ quan trọng dưới thời Trần Minh Tông (1314-1329) .

(4) Giang Nam: nguyên văn là Vọng Giang Nam, vốn là tên nhạc khúc, đến đời Đường mới thành tên một từ điệu, có nhiều lời hát khác nhau.

(5) Vì Trong câu thứ ba có chữ tiêu nên Nguyễn Trung Ngạn nói như vậy.

(6) Chùa tháp Báo Thiên: hiện đã không còn, nền cũ ở khu vực Nhà thờ lớn, Hà Nội.

(7) Côn Lôn Nô và Hứa Tuấn: Côn Lôn là tên đất; người nô bộc ở Côn Lôn tên là Ma Lặc có sức mạnh và tấm lòng một hiệp khách, đã giúp cho chàng Thôi Giác và kỹ nữ Hồng Tiêu thành đôi.

Hứa Tuấn: hiệp khách đã đột nhập phủ tướên là Sa Tra Lợi cướp nàng Liễu thị trả về cho Hàn Hoành. Xem thêm chú thích 4 Chuyện người nghĩa phụ Khoái Châu.

(8) Tìm hương chữ là tầm phương, xuất ở câu thơ "Tự thị tầm phương khứ hiệu trì" của Đỗ Mục, nói về việc duyên lứa lỡ làng. Trả bích xuất ở điển Trùng Nhĩ nước Tấn. Trùng Nhĩ chạy nạn sang Tào, Hy Phụ Cơ đưa biếu mâm cơm và ngọc bích. Trùng Nhĩ chỉ nhận mâm cơm còn trả lại ngọc bích. Từ đấy người ta dùng chữ phản bích (trả lại bích ngọc) để nói cái gì trả về chỗ cũ.

(9) Tiết Đào đời Đường là một danh kỹ ở đất Thục, hay làm những bài thơ ngắn, vì tiếc giấy nên cắt hẹp lại. Từ đấy, những tài tử trong Thục lấy thế làm tiện, cũng cắt những tờ giấy nhỏ để viết thơ, gọi là tờ giấy Tiết Đào.

(10) Lâm Xuyên: Vương Hy Chi đời Tấn là người viết chữ rất đẹp, từng làm chức Nội sử ở Lâm Xuyên, vì thế trong văn học thường dùng mỹ từ Lâm Xuyên để gọi bút viết.

(11) Lấy ý từ điển trong sách Mạnh Tử: Thuần Vu Khôn nói: "Ngày xưa Vương Báo ở đất Kỳ mà Hà Tây hát hay"; đây ý nói mình chỉ biết hát xướng và hát giỏi.

(12) Nàng Mạnh Quang đời Hán, rất kính trọng chồng là Lương Hồng, mỗi khi dọn cơm cho chồng ăn, thường nâng án lên tận ngang mày.

(13) Tràng Khanh là tên tự của Tư mã Tương Như. Tương Như gảy khúc đàn "Phượng cầu hoàng" mà lấy được nàng Trác Văn Quân.

(14) Đời Đường, Đỗ Mục làm chức Ngự sử phân ty ở Lạc Dương, đến dự tiệc ở nhà vị đại thần là Lý Nguyên. Nhà Lý có nhiều danh kỹ hầu tiệc. Rượu say, Đỗ hỏi Lý: "Nghe nói nhà ngài có ả danh kỹ là Tử Vân, chẳng hay là người nào vậy?" Lý trỏ cho biết. Đỗ nhìn lúc lâu rồi nói: "Lời đồn không ngoa, ngài cho tôi quách". Bọn ca kỹ đều

ngoảnh lại nhìn rồi phá lên cười. Đỗ nhân làm một bài thơ câu đầu là "Hoa đường kim nhật ỷ duyên khai".

(15) Thiên Thai: xem chú thích 29, Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên.

(16) Đoạn này bản dịch rút gọn 4 câu thành 1 câu:

Sỉ nhẫn thê nha,

Cụ tần đả áp.

Xuất nhập khởi cư chi tế, vị miễn tòng quyền;

Biệt ly khế khoát chi hoài, bất thăng cảm cựu.

(Xấu hổ phải đậu cùng con quạ,

Sợ hãi nhiều khi con vịt bị đánh.

Ra vào, đi đứng đều phải tòng quyền,

Ly biệt cách xa, lòng khôn xiết cảm.)

Dịch thành:

Ngậm hờn nuốt tủi chịu rầu cho xong

(17) Vùng biển quận Hợp Phố vốn sản ngọc châu. Gặp khi có quan Thái thú không tốt đến cai trị, ngọc châu biến mất. Sau quan Thái thú ấy đổi đi nơi khác, ngọc châu lại về.

(18) Ninh Vương nhà Đường chiếm cướp vợ của người hàng bánh, đã trải hàng năm mà người vợ vẫn nhớ thương chồng cũ. Ninh Vương gọi người hàng bánh đến, vợ chồng trông thấy nhau cùng ứa nước mắt, Vương lại trả cho về đoàn tụ với nhau.

(19) Lục Châu là vợ lẽ của Thạch Sùng. Triệu Vương Luân giết Thạch Sùng để cướp Lục Châu, Lục Châu không chịu, từ trên lầu

gieo mình xuống đất tự tử.

(20) Tiếng ngọc kha: tiếng nhạc ngựa, chỉ việc Trụ quốc đi chầu về.

(21) Lâm Tích thuở nhỏ lên kinh, dọc đường trọ ở một cái quán tại Sái Châu, bắt được một túi ngọc châu đến mấy trăm hạt. Tích hỏi chủ quán xem ai trọ trước. Chủ quán bảo người trọ trước là Chu Trọng Tân. Tích kể họ tên và chỗ ở của mình, dặn hễ Trọng Tân có đến thì bảo cứ đó mà tìm, muốn được gặp. Sau Chu Trọng Tân quả đến tìm châu. Chủ quán bảo tìm đến Tích. Tích thấy nói đúng bèn đưa trả tất cả. Trọng Tân muốn đưa biếu một ít nhưng Tích nhất định không nhận. Trọng Tân bèn bỏ ra hơn trăm quan tiền làm chay ở chùa để cầu phúc cho Tích. Tích sau thi đỗ, làm quan đến Thái trung đại phu; con là Đức Tân làm đến Lại bộ thị lang. Nhà ấy nối đời làm nên khoa hoạn mãi.

(22) Xương Lê thả Liễu Chi: xem chú thích 8 chuyện Chuyện cây gạo.

(23) Liễu Nghi Thành có nàng thiếp yêu tên là Cầm Khách, giỏi đánh đàn. Khi Thành nghỉ quan đã cho Cầm Khách về đi lấy chồng. Sau Cố Huống làm bài ca có khen Nghi Thành là bậc đại quan.

(24) Hà Thượng Ông nhà nghèo, người con trai lặn xuống sông mò được một hạt châu giá đáng nghìn vàng. Ông bảo: "Ngọc châu này tất là ở hàm con long ly. May mày gặp lúc nó ngủ, chứ nếu nó thức thì đã chết với nó rồi, còn lấy đâu mà được ngọc nữa".

(25) Vệ Thanh và Hoắc Khứ Bệnh là hai danh tướng đời Hán.

(26) Đại Trị: niên hiệu của Trần Dụ Tông từ 1358 đến 1369. Đại Trị thứ 7: 1364.

(27) Trương và Lý ở đây chỉ là những tên phiếm chỉ, do câu "Trương lang phụ nhi Lý lang thê" (Đàn bà của chàng họ Trương nhưng lại là vợ chàng họ Lý) , ý nói người đàn bà không chuyên nhất.

(28) Dương Thành, Hạ Sái: tên hai huyện thuộc nước Sở, đất phong của các bậc quý công tử. Bài phú của Tống Ngọc có câu: Hoặc Dương Thành mê Hạ Sái (làm mê hoặc các trang quý công tử Dương Thành, Hạ Sái) . Vì thế sau trong văn chương Dương Thành, Hạ Sái dùng để phiếm chỉ các vương tôn công tử.

Chuyện Lý tướng quân

Vua Giản Định nhà Hậu Trần lên ngôi ở Mô Độ (1) , hào kiệt bốn phương, gần xa hưởng ứng, đều chiêu tập đồ đảng làm quân Cần Vương. Người huyện Đông Thành (2) là Lý Hữu Chi cũng do chân một người làm ruộng nổi lên, tính vốn dữ tợn nhưng có sức khỏe, giỏi đánh trận, Quốc công Đặng Tất (3) tiến cử cho Lý được làm chức tướng quân, sai cầm một cánh hương binh đi đánh giặc. Quyền vị đã cao, Lý bèn làm những việc trái phép, dựa lũ trộm cướp như lòng ruột, coi người nho sĩ như cừu thù, thích sắc đẹp, ham tiền tài, tham lam không chán, lại tậu ruộng vườn, dựng nhiều nhà cửa, khai đào đồng nội để làm ao, dồn đuổi xóm giềng cho rộng đất, đi kiếm những hoa kỳ đá lạ từ bên huyện khác đem về. Người trong vùng phục dịch nhọc nhằn, anh nghỉ thì em đi, chồng về thì vợ đổi, ai nấy đều vai sưng tay rách, rất là khổ sở, nhưng hắn vẫn điềm nhiên không chút động tâm.

Bấy giờ có một ông thầy tướng số đến cửa xin ăn và có thể nói được những việc họa phúc. Lý bảo xem tướng mình, ông thầy nói:

- Lợi cho việc làm không gì bằng nói thẳng, khỏi được tật bệnh không gì bằng thuốc đắng. Nếu ngài dung nạp thì tôi sẽ nói hết lời. Đừng vì đắng miệng mà ghét quở khiến tôi phải e dè kiêng tránh mới được.

Lý nói:

- Được, không hề gì.

Ông thầy nói:

- Điều thiện ác tích lâu sẽ rõ, sự báo ứng không sai chút nào. Cho nên luận số trước phải luận lý, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay Tướng quân có dữ mà không lành, khinh người mà trọng của, mượn oai quyền để làm bạo ngược, buông tham dục để thỏa ngông

cuồng, đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào mà trốn khỏi tai họa!

Lý cười:

- Ta đã có binh lính, có đồn lũy, tay không lúc nào rời qua mâu, sức có thể đuổi kịp gió chớp, trời dù có giỏi cũng sẽ phải tránh ta không kịp, còn giáng họa cho ta sao được.

Thầy tướng nói:

- Tướng quân cậy mình mạnh giỏi chưa thể lấy lời nói để cho hiểu được, vậy tôi có chùm hạt châu nhỏ, xin đưa tướng quân xem sẽ biết rõ dữ lành, tướng quân có bằng lòng xem không

Nhân lấy chùm hạt châu ở trong tay áo ra. Lý trông xem, thấy trong đó có lò lửa, vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quỷ ghê gớm, hoặc cầm thừng chão, hoặc cầm dao cưa, mình thì đương bị gông xiềng, bò khúm núm ở bên vạc dầu, lấm lét sợ toát mồ hôi. Hỏi có cách gì cứu gỡ không, thì thầy tướng nói:

- Gốc ác đã sâu, mầm vạ sắp nẩy. Cái kế cần kíp ngày nay chỉ còn có đuổi hết hầu thiếp, phá hết vườn ao, trút bỏ binh quyền, quy đầu phúc địa, tuy tội chưa thể khỏi được, nhưng cũng còn có thể giảm trong muôn một.

Lý ngẫm nghĩ lúc lâu rồi nói:

- Thôi thầy ạ, tôi không thể làm thế được. Có ai lại vì lo cái vạ sau này chưa chắc đã có, mà vứt bỏ những cái công cuộc sắp thành làm hì hục trong mấy năm bao giờ.

Sau đó hắn càng làm những sự dâm cuồng, chém giết, không kiêng dè gì cả. Người mẹ tức giận nói:

- Ưa sống ghét chết, ai ai cũng lòng, đạo trời sáng tỏ, cớ sao mày hay làm những sự giết chóc như vậy. Không ngờ ta đến lúc tuổi già,

lại phải trông thấy đứa con mắc hình lục có ngày.

Người con trai Lý là Thúc Khoản cũng thường can ngăn cha luôn, nhưng Lý chứng nào vẫn giữ tật ấy. Năm 40 tuổi thì Lý chết ở nhà; ngoài đường sá người ta bàn bạc huyên hoa, bảo với nhau rằng:

- Kẻ làm thiện thường phải chết về đao binh, kẻ làm ác lại được chết trong nhà cửa, đạo trời để đâu không biết!

Trước đây có người bản châu là Nguyễn Quỳ, khảng khái chuộng điều khí tiết, vốn cùng chơi thân với Thúc Khoản, nhưng chết đã ba năm nay rồi. Một hôm Thúc Khoản đi chơi sớm, chợt gặp ở đường; Nguyễn Quỳ bảo Thúc Khoản rằng:

- Phụ thân sắp bị đem ra tra hỏi. Tôi vì quen thân với anh, nên đến bảo cho anh biết trước. Anh có muốn xem, tối mai tôi cho người đến đón, anh sẽ được xem. Nhưng xem rồi cần phải giữ kín. Nếu nói hở ra một lời thì tai vạ sẽ lây sang đến tôi ngay.

Nói xong liền biến mất không thấy đâu nữa. Đến hẹn, Thúc Khoản ngồi trong một buồng nhỏ ngóng đợi. Nửa đêm, quả thấy mấy người lính đầu ngựa đến đón tới một cung điện lớn. Trên điện có một vị vua, bên cạnh đều những người áo sắt mũ đồng tay cầm phủ việt đồng mác, dàn ra hàng lối đứng chầu chực rất là nghiêm túc. Chợt thấy bốn vị phán quan từ bên tả vu đi ra mà một viên tức là Nguyễn Quỳ. Bốn viên này tay đều cầm thẻ, quỳ đọc ở trước án son. Một viên đọc:

- Viên quan kia tên là Mỗ ở đời cứng vuông, không kiêng sợ kẻ quyền quý; tước vị càng cao, càng biết khiêm nhường, rồi lại biết quên mình để chết vì việc nước, làm rạng rỡ cho nước nhà. Thần xin tâu lên Đế đình, cho người ấy được làm tiên.

Một viên nói:

- Ở nhà kia có tên Mỗ, vốn người tham bẩn, hối lộ dập dìu; lại lấy lộc trật mà hợm hĩnh ngông nghênh, khinh miệt những người có đức,

chưa từng cất nhắc kẻ hiền sĩ để giúp việc nước. Thần xin chuyển báo cho tòa Nam tào tước bỏ tên ra.

Một viên nói:

- Ở châu kia có người họ Hà gắng sức làm thiện, hàng ngày trong nhà thường phải thiếu ăn, gần đây nhân sau hồi binh lửa, tật dịch nổi lên, người ấy lại cho đơn cấp thuốc, số người nhờ thế mà khỏi chết đến hơn một nghìn. Thần muốn xin cho người ấy thác sinh vào nhà có phúc, hưởng lộc ba đời, để báo cái ơn đã cứu sống cho nhiều người.

Một viên nói:

- Ở thôn kia có gã họ Đinh, bất mục với anh em, chẳng hòa với tông tộc, thừa dịp các cháu bé dại chữa lại chúc thư để chiếm cướp lấy cả ruộng nương, khiến họ không còn có miếng đất cắm dùi. Thần muốn bắt người ấy phải thác sinh vào nhà kẻ hèn, đói khát, nằm vạ vật ở ngòi rãnh, để bõ với sự đã đi tranh cướp của người.

Đức vua đều y theo lời tâu.

Kế đó có một người áo đỏ từ bên hữu vu đ cũng quỳ trước án mà tâu rằng:

- Công việc của sở thần coi giữ, có người họ Mỗ tên Mỗ, ngoan ngu bất pháp, giam cầm trong ngục một năm nay chưa đem xét xử. Nay xin được đem ra thỉnh mệnh ở trước Vương đình.

Nhân đọc một bản buộc tội như sau:

Phục văn huyền hoàng triệu phán, phân dương thanh âm trọc chi hình,

Dân vật bẩm sinh, hữu ác nghiệp thiện duyên chi dị.

Như tư chủng chủng,

Cố khả mai mai.

Cái thiêng năng dĩ lý phú nhân, bất năng sử nhân giai hiền thánh,

Nhi nhân năng dĩ thân suất tính, bất năng vô tính hoặc hôn minh.

Cố hữu ỷ nhi bất trung,

Hữu lưu nhi vi ác.

Cát hung chi động, phán nhiên tẫn mẫu ly hoàng,

Nhân quả chi lai, tất nhĩ hình thanh ảnh hưởng.

Cố thử lý bản lai hiển trứ,

Nại phù nhân nhất thị ngoan ngu.

Cạnh khởi nộ sân,

Vọng sinh vật ngã.

Nhân hà lạc tỉnh, cốt cốt hà thâm,

Tắc tạm điền khanh, thao thao giai thị.

U trầm chí thử

Vẫn việt kham ân.

Thử cửu thiên thùy bạt độ chi khoa, tương cảnh mê nhi giác ám.

Thập địa cụ luân hồi chi ngục, dục giới vãng nhi trừng lai.

Quả nhi phất thoan,

Hình chi tất chí.

Kim Lý mỗ trùng sa chi chất,

Nghĩ sắt chi khu.

Đế giao thời phúc vũ phiên vân,

Manh tâm xứ yêu tinh lệ quỷ.

Thị văn học thực đồng nhuế tạc,

Trọng hóa tài đãi nhược khâu sơn.

Chiếm nhân điền loại Hán Hồng Dương,

Túng ngược sát mại Tùy Dương Tố.

Tường nhân phiến họa, hiệu sài lang mãnh thú hữu gia,

Túng dục cùng xa, tuy khê hạc khâu sơn bất túc.

Tất cánh tham tâm sở sử,

Chân thị gian nhân chi hùng.

Hạp chí nghiêm điều,

Dụng trừng lai giả.

Dịch:

Kính

Trời, đất gây dựng, chia ra hình âm đục dương trong,

Dân vật bẩm sinh, khác ở chỗ duyên lành nghiệp dữ.

Biết bao sự trạng,

Khôn xiết kể bày.

Bởi trời lấy lý phú cho người, sao được người đều hiển thánh,

Người đem mình noi theo tính, khỏi đâu tính hoặc sáng mờ. (4)

Cho nên thiên lệch có người,

Hư tồi lắm kẻ.

Dữ lành báo ứng, không lầm đực cái, đen vàng (5) ,

Nhân quả rõ ràng, giống hệt tiếng vang, hình bóng (6) .

Ngẫm lẽ ấy vốn là rõ rệt,

Nhưng con người thật quá ngoan ngu.

Ghen tức nhiều điều,

Riêng tây lắm chuyện.

Chìm sông ngã giếng, đắm đuối càng sâu,

Lấp giếng vùi hầm, xô bồ đã lắm.

U trầm đến vậy,

Đọa lạc càng thương.

Vì thế mà, trời có đường bạt độ, tỉnh thức người mê,

Đất có ngục luân hồi, khuyên rxấu.

Lỗi mà chẳng đổi,

Tội ắt không dong.

Nay Lý mỗ, sâu cát thân hèn,

Kiến giun phận mọn.

Kết bạn thì mây mưa tráo trở,

Cư tâm thì yêu quái gớm ghê.

Văn học xem khinh,

Bạc tiền coi trọng.

Chiếm cướp ruộng người như Hồng Dương đời Hán (7) ,

Giết hại mạng người như Dương Tố đời Tùy (8) .

Vu oan giá họa, so hùm beo gấu sói còn độc hơn,

Cực dục cùng xa, dù khe suối núi gò chưa đủ thỏa.

Chỉ bởi lòng tham sai khiến,

Thực tuồng gian hoạt tót vời.

Phải dùng phép nghiêm,

Làm răn kẻ khác.

Bản ấy tuyên đọc xong, thấy kẻ lại dịch điệu Hữu Chi ra, đặt quỳ phủ phục ở dưới cửa, lấy roi đánh rất dữ dội, máu tươi bắn ra nhầy nhợt. Hữu Chi kêu rên giẫy giụa, tỏ ra đau đớn không chịu nổi. Chợt nghe trên điện nói:

- Chia buồng xét việc là bổn phận của lũ ngươi, cớ sao việc ấy lại để chậm đến một năm nay?

Người áo đỏ nói:

- Vì y tội ác chồng chất, nên chưa dám đoán định một cách xốc nổi. Bữa nay tâu lên thì việc án mới thành.

Nhân tâu trình các tội như sau:

- Kẻ kia ghẹo vợ người, dâm con người, tội nên xử thế nào?

Đức vua nói:

- Đó là vì hắn đắm chìm trong bể ái, nên lấy nước sôi rửa ruột để cho tình dục không sinh.

Tả hữu liền lôi ra bỏ vào cái vạc đương sôi, thân thể Hữu Chi đều nát rữa cả ra. Rồi lấy nước thần sẽ rẩy, một lát Hữu Chi lại trở lại lành lặn như là người thường. Lại nói:

- Kẻ kia chiếm ruộng của người, phá sản của người nên xử thế nào?

Đức vua nói:

- Đó là vì suối tham dìm nó, nên lấy lưỡi trùy thủ moi ruột để cho lòng tham không nổi lên nữa.

Tả hữu liền rạch bụng moi hết gan ruột phủ tạng ra ngoài. Rồi lại lấy cành dương sẽ phất, một chốc thì thân thể lại nguyên lành.

- Đến như phá mồ mả của người đời xưa, hủy đạo thường với người ruột thịt, nên xử thế nào?

Đức vua im lặng lúc lâu rồi nói:

- Đó là sự càn rỡ không có chừng mực nào nữa, dù xử bằng những hình cây kiếm núi dao, nước đồng gậy sắt cũng chưa đủ thỏa. Vậy chỉ nên áp giải vào ngục Cửu U lấy dây da chét lấy đầu, lấy dùi lửa đóng vào chân, chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trầm luân kiếp kiếp, không bao giờ được ra khỏi.

Quỷ sứ liền vào lôi Hữu Chi điệu đi. Bấy giờ Thúc Khoản ở khe tường dòm thấy, khóc thất thanh. Mấy người sứ liền lấy tay bưng miệng rồi đưa về nhà, ném chàng từ trên không xuống đất. Thúc Khoản giật mình tỉnh dậy, thấy người nhà đương ngồi chung quanh mà khóc, nói mình chết đã hai ngày rồi, chỉ vì thấy ngực hãy còn thoi thóp và hơi nong nóng, cho nên chưa dám đem chôn. Thúc Khoản bèn ruồng bỏ vợ con, đem của cải tán cấp cho mọi người và đốt hết

những văn tự nợ, vào rừng hái thuốc tu luyện. Câu chuyện ấy Thúc Khoản giấu kín, chỉ có chàng và vài người bõ già được biết mà thôi, cho nên cũng ít truyền.

Lời Bình:

Than ôi! đạo trời chí công mà vô tư, lưới trời tuy thưa mà chẳng lọt, cho nên hoặc có người lúc sống khỏi vạ mà lúc chết bị hình. Song, chịu họa ở lúc sống, người đã không hiểu, phải tội ở lúc chết, người lại không hay; vì thế mà đời thường có lắm loạn thần tặc tử. Ví thử họ hiểu, họ hay thì dù bảo làm ác cũng không dám làm. Song Lý Mỗ đã trông thấy và biết rõ rồi lại còn làm tệ hơn. Đó là người hư tồi bậc nhất không chuyển đổi được, không còn thể nói bàn gì nữa.

Chú thích

(1) Mô Độ: nguyên chú "Nay là Mô Độ thuộc huyện Yên Mô". Yên Mô nay thuộc tỉnh Ninh Bình, Trần Giản Định lên ngôi ngày 12 tháng 10 năm Đinh hợi (1407) .

(2) Đông Thành: huyện Đông Thành nay thuộc tỉnh Nghệ An.

(3) Đặng Tất (? - 1409) : một võ tướng giỏi và chủ chốt trong cuộc kháng chiến chống quân Minh do Trần Giản Định khởi xướng. Năm 1408 Đặng Tất chỉ huy đánh trận Bộ Cô, giết được hai tướng Minh, Mộc Thạnh cũng suýt bị nguy, may chạy thoát. Cũng vì chiến công đó, Giản Định nghe lời gièm pha, không theo kế hoạch của Đặng Tất lại giết oan ông. Đặng Dung, con trai Đặng Tất tức giận bỏ về Nghệ An theo Trần Trùng Quang (tức Trần Quý Khoáng) .

(4) Nói tính người ta sáng suốt và mờ tối khác nhau.

(5) Tần Mục công sai Cửu Phượng Cao đi kén mua ngựa hay, Cao về bảo đã kén một con ngựa cái vàng, lúc dắt ngựa về thì lại là ngựa đực sắc đen, nhưng quả là ngựa tốt. Bá Nhạc bảo là Cao chỉ chú ý đến cái tài bên trong của nó, nên không để ý đến bê

(6) Nhân quả theo nhau như tiếng với âm vọng, hình với bóng theo nhau.

(7) Đời Hán Thành đế, Hồng Dương hầu Vương Lập chiếm đất mở ruộng hàng mấy trăm khoảnh để đem bán lấy tiền rất đắt. Việc phát giác ra phải truất chức tước.

(8) Đời Tùy, Dương Tố dùng binh thường theo cách không chính trực. Trước lúc ra quân Tố thường kiếm cớ giết hàng mấy trăm người để thị uy. Khi lâm trận, sai vài ba trăm người tiến đánh, hễ thua quay về là sai chém hết, toán khác cũng vậy. Vì thế quân lính đều phải liều chết mà đánh, do đó bao giờ Tố cũng thắng trận.

Chuyện Lệ Nương

(Nguyên văn: Lệ Nương truyện)

Nguyễn Thị Diễm là người một họ lớn ở huyện Đông Sơn (1) em họ ngoại của Trần Khát Chân; cùng người đàn bà họ Lý quê ở huyện Cẩm Giàng, (2) cùng mở ngôi hàng bán phấn đối cửa nhau tại bên ngoài thành Tây Đô (3) . Xóm giềng gần gặn, tình nghĩa ngày một thân nhưng cả hai đều chưa con cái. Một hôm, đến động Hồ Công (4) làm lễ cầu tự. Lý thị bảo với Nguyễn thị rằng:

- Chúng ta ở trong phố vẫn quen thân nhau, việc đi lễ cầu tự hôm nay lại không hẹn mà cùng giống nhau. Nếu mà hương lửa có duyên, sau này ta sẽ cho các con sánh nên đôi lứa. Bình dân ta lại làm bạn với bình dân, chẳng cần phải kén chọn con ông cháu cha gì cả; (5) nói có Sơn thần chứng giám, tôi quyết không sai lời.

Rồi đó, Nguyễn Thị quả sinh con gái đặt tên là Lệ Nương, Lý thị quả sinh con trai đặt tên là Phật Sinh. Hai trẻ đến khi trưởng thành đều ham nghề nghiên bút. Vì cớ hai bên cha mẹ thân mật, nên họ cùng đi lại với nhau suồng sã, thường cùng nhau xướng họa thơ từ. Tuy kỳ cưới xin chưa định, nhưng hai tình gắn bó, đã chẳng khác chi vợ chồng vậy.

Niên hiệu Kiến Tân (6) năm Kỷ Mão (1399) đời Trần, xảy ra cái vạ Trần Khát Chân (7) , Lệ Nương bị bắt vào trong cung, Phật Sinh rất là thất vọng. Gặp đêm trừ tịch gần hết canh năm, Sinh còn đương nằm ngủ, chợt ngiếng ấm ới. Sinh vùng dậy đẩy cửa ra xem, thấy có hơn trăm chiếc kiệu hoa rậm rịch đi qua, và có một bức thư bằng lụa cài vào ngưỡng cửa, trong thư chính là bút tích của Lệ Nương đã viết. Thư rằng:

Thiếp văn, thiên hữu âm dương, thiên đạo dĩ chi nhi bị,

Nhân hữu phu phụ, nhân đạo dĩ chi nhi thành.

Ta ngã hà tu?

Dữ quân bất ngẫu.

Tích thời tâm sự, cửu dĩ tương quan,

Kim nhật ty ly, phiên thành vĩnh cảm.

Cánh lạc lâu tiền chi ảnh,

Trường giam viện lý chi xuân.

Mỗi phạ kính vũ ly loan,

Cầm thao Biệt hạc.

Xuân thành nhật mộ, liễu tà hàn thực đông phong,

Lưu thủy ngự câu, tràng đoạn Thượng Dương cung nữ.

Đãn hữu u sầu chủng chủng,

Thanh lệ ba ba.

Trướng túc nguyện chi đa vi,

Tiếu thử sinh chi lãng độ.

Liễu thị trùng quy chi ước, hảo hội nan kỳ,

Ngọc Tiêu tái hợp chi duyên, tha sinh vị bốc,

Nguyện quân tự á

Biệt đế lương môi.

Vô dĩ nhất nhật chi ân,

Nhi ngộ bách niên chi kế.

Du du tâm tự,

Thư bất tận ngôn.

Vị đắc quân chỉ,

Tiên thử thân phúc.

Dịch:

Thiếp nghe:

Trời có âm dương, đạo trời mới đủ,

Người có chồng vợ, đạo người mới thành.

Đôi ta vì đâu?

Lỡ làng đến vậy!

Tâm tình buổi trước, đã kết mối dây!

Ly biệt ngày nay, bao khuây nguồn cảm.

Bóng trước lầu đã rụng,

Xuân trong viện đành giam.

Những e, gương ly loan bóng múa hững hờ (8) ,

Đàn Biệt hạc tiếng vang ai oán (9) ,

Thành xuân trời tối, liễu lả cành dưới ngọn đông phong (10) ,

Ngòi ngự nước trôi, ruột đứt khúc bao người cung nữ (11

Luống những mạch sầu đợt đợt,

Sóng lệ trùng trùng.

Nguyền xưa tan nát nghĩ mà đau,

Kiếp ấy lỡ làng sinh cũng uổng.

Ước Liễu thị mong gì hảo hội (12) .

Duyên Ngọc Tiêu đâu chắc tái sinh (13) .

Xin chàng trân trọng lấy mình,

Liệu kết nhân duyên chốn khác.

Đừng vì tình một buổi,

Để lỡ kế trăm năm.

Man mác nỗi lòng,

Thư khôn xiết tả.

Chưa biết ý chàng,

Trước xin bày tỏ.

Sinh được thư rất là đau thương, bỏ cả ăn ngủ. Rồi vì cớ hôn sự đã hỏng, bèn thiên ra ở ngoài miền đông. Nhưng nặng tình với Lệ Nương, Sinh chưa nỡ lấy ai cả.

Cuối đời nhà Hồ, tướng Minh là Trương Phụ chia binh vào cướp, lấn chiếm Kinh kỳ. Sinh nghe Hán Thương phải chạy, đoán chắc là Lệ Nương cũng phải đi theo, bèn từ biệt mẹ đi vào Nam, mong được gặp mặt. Lặn lội hàng tuần mới đến cửa bể Thần Phù, nghe tướng giặc Lã Nghị bắt cướp mấy trăm phụ nữ hiện đóng giữ ở phủ Thiên Trường (14) trơ trọi không có quân ứng viện, Sinh đoán chắc Lệ Nương cũng ở trong ấy. Nhưng đất khách tay không, chẳng làm gì được. Chợt gặp khi vua Giản Định nổi quân lên ở châu Trường An (15) , nhưng vì ít binh không địch nổi với số nhiều của quân giặc, muốn lui về Nghệ An. Sinh muốn nhờ thế quân của vua, đánh úp mà

cướp lại Lệ Nương, bèn đến trước ngựa dâng một bài sách, đại lược rằng:

Thần văn: Chửng hoán thành công, cố nhân hưng vận

Ngự nhưng đắc sách, thực bản miếu mô.

Cố công nhân tất thẩm ư chí nhân,

Nhi phá địch đương minh ư liệu địch,

Tạc giả Hồ triều thất ngự,

Ngô tử sinh tâm.

Hàn Quán thừa hồ thác chi uy, oa tranh viễn kiểu,

Mộc Thạnh sính chi trương chi ác, phong thích giao kỳ.

Trí linh bách dư niên an lạc chi khu,

Chuyển tác sổ thập hợp phân noa chi địa.

Tích hài cung thoán,

Phấn cốt vi lương.

Duyên hà chi ức vạn sinh linh thùy vô thiết xỉ,

Cứ quận chi tứ phương hào kiệt, hàm hữu chiến tâm.

Tất tu bát loạn hoằng tài,

Phương kiến phù điên vĩ tích.

Kim đại vương phẫn Trần gia chi bất tạo,

Phấn Hạ lữ dĩ đồ hồi.

Trì nhị thiên bất mãn chi binh,

Đương ngũ đạo mạc cường chi khấu.

Lôi oanh điện xiết, tòng thiên chi thế phương trương,

Vụ lãng vân thanh, phục thổ chi công khả tất.

Phương vọng hoàn đô nhi trắc tích,

Như hà ngộ địch dĩ ban sư.

Cố nghi chiêu Đặng Tất ư Diễn Châu,

Lưu Triệu Cơ ư Mô Độ.

Hải đạo tê chu kính trạo, trực để Bình Than,

Bộ quân trường cốc cao phong, kính xu Hàm Tử.

Hoặc mệnh tướng dĩ ách Mộc Hoàn chi khẩu,

Hoặc phân binh dĩ chàng Cổ Lộng chi thành.

Ngạnh tặc nha ư Bạch Hạc loan đầu, vô linh chuyển thực,

Thực thung mộc ư Mạn Trù tân vĩ, dụng át bôn ba.

Lục vật dung phương quỹ chi xa,

Thủy mạc cộng trường gian chi hiểm.

Dạ tắc nhiên sô tương tiếp,

Trú tắc phù cổ tương văn.

Tây Đô chi hình thế ký trương.

Đông thổ chi phiên duy tự cố.

Tương kiến Hàn công tắc Triệu ứng,

Tung hợp tắc hoàng cô.

Ngã chuyển chiến nhi vô tiền, sư hành tịch thượng,

Bỉ phù thương nhi bất hạ, bại tại nhãn trung.

Túng do dự nhi hồ nghi,

Khủng thử tiều nhi cẩu thoán.

Thời nan tái đắc,

Vương thỉnh vật nghi.

Phục vọng!

Thụ Hán chi kỳ,

Phản Đường chi bái.

Ngô quân đình kích, thoảng đồng thời hợp lực dĩ tính công,

Bỉ lỗ thiên vong, tương sất mã chích luân chi bất phản.

Dịch:

Thần nghe:

Dẹp loạn thành công, vẫn nhờ vận tốt,

Chống giặc đắc sách, thực bởi mưu cao.

Nên đánh người, cần biết cách nhử người,

Mà phá giặc phải sáng bề liệu giặc.

Dạo trước triều Hồ đổ sập,

Giặc Ngô tràn lan.

Hàn Quán kia cáo mượn oaing, oa tranh bờ cõi (16)

Mộc Thạnh (17) nọ diều giương mỏ độc, ong đốt kinh kỳ.

Khiến cho đất nước hơn trăm năm yên vui,

Biến thành khu vực mấy trăm dặm rối loạn.

Đập xương làm củi,

Tán xác làm lương.

Men dải sông ức vạn sinh linh, nghiến răng tức tối,

Giữ các quận bốn phương hào kiệt, tuốt kiếm hằm hè, .

Lược thao phải có tài hùng,

Chống đỡ mới lên công lớn.

Đại vương nay,

Buồn vận Trần gặp cơn truân bĩ,

Nổi quân Hạ (18) mưu cuộc trùng hưng.

Cầm đội quân chẳng đủ hai nghìn,

Chống đám giặc có thừa năm đạo.

Sấm ran chớp giật, tự lưng trời thế mạnh vừa buông,

Mù tạnh mây quanh, lấy lại đất công to sắp dựng.

Những tưởng về kinh xây nghiệp cũ,

Vì sao gặp giặc rút quân lui?

Rất nên, vời Đặng Tất ở Diễn Châu (19) ,

Lưu Triệu C ở Mô Độ. (20)

Đường bể thuyền bền chèo cứng, đến thẳng Bình Than. (21)

Quân bộ xe rộng giáo dài, tới mau Hàm Tử (22)

Hoặc sai tướng chẹn cửa Mộc Hoàn (23) nọ.

Hoặc chia binh đánh thành Cổ Lộng (24) kia,

Đầu sông Bạch Hạc, ghè nanh cho giặc hết đường ăn,

Cuối bến Mạn Trù (25) đóng cọc cho giặc hết lối chạy.

Dưới nước không cho chỗ nào cứ hiểm,

Trên cạn không để xe nào sóng đôi.

Ngày đánh trống để truyền tin,

Đêm đốt lửa để báo hiệu.

Hình thế Tây Đô đã vững,

Phên rào Đông Thổ (26) phải bền.

Sẽ thấy Hàn bị đánh mà Triệu phải hàng,

Tung đã hợp thì hoành phải vỡ (27) .

Ta ruổi rong thực gấp, tiến chẳng ngừng chân,

Giặc ứng tiếp không rồi, thua trong chớp mắt.

Nếu mình mà hồ nghi do dự,

Sợ giặc sẽ chó chạy chuột chui.

Dịp tốt không ha

Xin vương quyết đoán.

Kính mong,

Dựng cờ nước Hán (28) ,

Về phướn nhà Đường (29) .

Chớp nhoáng quân ta, các đội các cơ hợp đánh,

Ngói tan thế giặc, chiếc xe chiếc ngựa không còn.

Bài sách ấy dâng lên, vua Giản Định xem mà khen là người giỏi, cấp cho năm trăm quân, sai đi đánh phủ Thiên Trường. Sinh khảng khái thề cùng quân sĩ, dụ bảo họ về sự hưng phục nghiệp Trần, ai nấy đều hăng hái, hăm hở. Bèn nhân nước thủy triều đương lên tiến đánh. Lã Nghị quả nhiên phải nhổ trại chạy trốn, lùi lên phía bắc đóng ở Xương Giang. Phá luôn một trận nữa, giặc phải lùi lên trạm Bắc Nga thuộc về Lạng Sơn. (30) Sinh lại đóng án ngữ ở cửa Quỷ Môn, (31) lần lượt vận tải binh lương đến.

Chợt ở Yên Kinh (32) có chiếu thư rút quân ban xuống, Trương Phụ đốc xuất các quân sắp sửa kéo về. Sinh vốn vì sự tìm vợ mà đến đây, không phải có chí lập công, nay nghe quân Tầu sắp rút về, bèn cùng các tướng sĩ chia tay từ biệt, lần đến trạm Bắc Nga vào một buổi tối. Bấy giờ nhà trạm vắng tanh không có ai mà hỏi han cả. Chợt gặp một bà già, hỏi thăm thì bà cau mày bảo:

- Đây là chỗ quân đóng vừa rồi, đầy những sát khí, trời lại đã tối, chàng ở đâu đến đây mà giờ chưa tìm vào nhà trọ?

Sinh rầu rĩ kể rõ sự mình, bà già nói:

- Tội nghiệp! Quả có người họ tên và trạc tuổi như lời chàng nói, nhưng chẳng may đã chết oan rồi.

Sinh giật mình hỏi, bà già nói:

- Trước đây năm hôm, quân Tầu sắp rút, người đàn bà họ Nguyễn ấy bảo với hai bà phu nhân họ Chu họ Trịnh rằng: "n chúng ta vóc mềm tựa liễu, mệnh bạc như vôi, nước vỡ nhà tan lưu ly đến đó. Nay nếu lại theo họ sang qua cửa ải tức là đến nước non quê người. Chẳng thà chết rấp ở ngòi lạch, gần gũi quê hương, còn hơn là sang làm những cái cô hồn ở bên đất Bắc". Thế rồi mấy người đều cùng nhau tự tận. Tướng Tầu thương là có tiết tháo, dùng lễ mà táng ở trên núi.

Nói xong, bà già đưa Sinh đến, trỏ từng ngôi mộ cho biết và bảo:

- Trinh thuần cương liệt, ấy chỉ có mấy người này, còn thì đều bị nhuốc nhơ cả.

Sinh đau thương vô hạn. Đêm hôm ấy chàng ngủ ở mộ, khóc mà nói rằng:

- Ta vì nàng mà từ xa đến đây, nàng có thể cùng ta gặp gỡ trong giấc chiêm bao để cho ta một lời yên ủi hay không?

Đêm đến canh ba, Sinh quả thấy Lệ Nương lững thững đi đến, khóc kể rằng:

Thiếp xuất tự phàm lưu,

Quá mông hậu ngộ.

Duyên vị hài ư cẩm trướng.

Phận dĩ bạc ư xuân băng.

Thời dữ chí nhi câu vi,

Thiếp từ quân nhi viễn thệ.

Chu lâu hữu hận, kỷ đối tà huy,

Thanh điểu vô môi, thùy tương lai tín?

Trướng dung quang chi giảm cựu,

Độ tuế nguyệt dĩ thâu sinh.

Thùy liệu xích trủy c

Hồng nhan họa khởi.

Yên binh Hồ kỵ mạc át xâm lăng;

Cấm liễu cung hoa, kỷ sầu phan chiết.

Hận tàn khu chi đa ngộ,

Ta ách vận chi trùng tao.

Thủy bất năng toàn tiết dĩ tòng phu,

Chung hựu nhẫn cam tâm nhi hàng lỗ.

Ký chích thân ư vạn tử,

Độ nhất nhật như tam thu.

Thiệp thủy du sơn,

Bị gian thường hiểm.

Tương tùy duyên nhi cẩu hợp, tắc lang tử nan thuần,

Dục xuất tái dĩ dao chinh, tắc hồ khâu dị cảm.

Thị dĩ bất tham sinh hoạt,

Bất phạ câu từ.

Lãnh lạc đăng tiền hồn tùy chiến cổ,

Thương hoàng khách lý mệnh ký la cân.

Kim tắc linh tính tuy tồn,

Tàn hài phi cựu.

Quý lương nhân chi viễn phỏng,

Phủ vãng sự sĩ tr

Cảm thuật u hoài

Hạnh thùy tri tất.

Dịch:

Thiếp vốn con nhà tầm thường,

Chàng qua rủ lòng yêu mến,

Trướng gấm nọ duyên chưa đầm ấm,

Giá xuân (33) kia phận đã mỏng manh.

Thời với chí ngửa nghiêng,

Thiếp cùng chàng ly cách.

Hờn ôm lầu đỏ, từng trải hôm mai,

Mối dứt chim xanh, khôn thông tin tức.

Ngày tháng lữa lần trộm sống,

Dong quang mòn mỏi riêng buồn.

Nào hay mỏ đỏ ca tàn (34) ,

Má hồng vạ nổ.

Ngựa Hồ binh Triệu, (35) giày xéo tan tành,

Liễu điện hoa cung, bẻ vin xơ xác.

Ngán nỗi thân tàn nhiều lỡ dở,

Than ôi, vận ách mỗi chồng thêm.

Trước đã không vẹn tiết để theo chồng,

Sau lại nỡ cam tâm mà hàng giặ

Gửi chiếc thân ở trong muôn chết,

Trải một ngày như thể ba thu.

Lặn suối trèo đèo,

Qua nguy vượt hiểm.

ép duyên toan nhắm mắt, giống sói khôn gần,

Qua ải muốn đưa chân, núi hồ (36) dễ cảm.

Bởi vậy, không ham thú sống,

Chẳng sợ ngục tù.

Lãnh lẽo trước đèn, hồn theo trống trận,

Bàng hoàng quán khách, mình gửi khăn là.

Nay thì linh tính tuy còn,

Tàn hình đã khác.

Cảm lòng chàng từ xa tìm đến,

Buồn nỗi mình biết nói làm sao?

Dám tỏ niềm riêng,

Kính xin soi xét.

Vợ chồng bèn cùng nhau âu yếm chuyện trò, y như lúc sống. Sinh nói:

- Nàng đã không may, vậy anh đem linh thần về, khỏi uổng một chuyến đi không lại trở về rồi.

Nàng nói:

- Thiếp rất cảm tấm thâm tình ấy. Song thiếp cùng hai vị mỹ nhân gần gụi lâu ngày, giao tình thân mật, không một sớm bỏ đi. Phương chi chốn này nước non trong sáng, mây khói vật vờ, thần yên phách yên, bất tất phiền chàng dời đổi nữa.

Sau khi gà gáy ba hồi, hai người vội cùng nhau đứng dậy từ biệt. Ngày hôm sau, Sinh đem mấy lạng bạc, mua quan tài và nước thơm, cải táng cho nàng và cả hai mỹ nhân. Đêm sau mộng thấy ba người đến tạ ơn, chàng đương toan lại cùng trò chuyện thì thoắt chốc cả ba đều biến mất.

Chàng buồn rầu quay về, từ đấy không lấy ai nữa.

Đến sau vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, Sinh vì mối hờn oán cũ, đem quân ứng mộ, phàm gặp tướng sĩ nhà Minh đều chém giết dữ dội cho hả. Cho nên vua Lê phá diệt quân Minh, Sinh có dự nhiều công.

Lời bình:

Than ôi! điều tín ước gần với lẽ phải thì lời nói tất nên giữ đúng, nếu đối với lẽ phải mà chưa được ổn thì sự giữ đúng không cần. Như chàng họ Lý kia, vì mối ân tình, giữ bền ước cũ, lưu ly hoạn nạn, vẫn chẳng quên lời, tình thật đáng thương, mà lẽ phải thì chưa được ổn. Bởi sao? Cảm tình mà đi tìm thì nên, liều chết mà đi tìm thì

không nên, liều chết để đi tìm đã không nên, huống nữa lại thôi không lấy vợ, để đứt dòng giống của tiên nhân phỏng có nên không? Cho nên người quân tử phải biết tòng quyền chứ không nên chấp nhất. Giữ điều nhỏ để mất điều lớn, chẳng là gã Lý Sinh này ư?

Chú thích

(1) Đông Sơn: huyện, thời thuộc Minh thuộc phủ Thanh Hóa, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(2) Cẩm Giàng: huyện, đời Trần thuộc châu Thượng Hồng, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(3) Tây Đô: tên thành nhà Hồ, ở huyện Vĩnh Lộc, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(4) Động Hồ Công: ở huyện Vĩnh Lộc, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(5) Nguyên văn: "Dân thường chúng ta dựng vợ gả chồng cho con cái hà tất phải kén họ Thôi, họ Lư, họ LyTrịnh". Thôi, Lư, Lý, Trịnh là bốn họ giàu sang, có thế lực đời Đường Thái Tông, Trung Quốc.

(6) Kiến Tân: niên hiệu của Trần Thiếu Đế, vua cuối cùng nhà Trần từ 1398 đến 1400.

(7) Trần Khát Chân mưu giết Hồ Quý không thành, bị giết và bắt bớ đến cả thân tộc.

(8) Theo Dị uyển vua nước Kê Tân bắt được một con chim loan nuôi ba năm vẫn không hót. Nghe lời phu nhân vua cho đặt lồng chim trước một cái gương. Chim loan nhìn bóng, tưởng bạn cất tiếng kêu bi thương mãi cho đến chết. Sau trong văn học dùng điểm này để diễn tả chuyện đôi lứa lỡ làng, xa cách.

(9) Biệt hạc: chàng Mục Tử ở Thương Lăng lấy vợ 5 năm không có con, cha mẹ định lấy vợ khác cho. Người vợ nghe tin đang đêm

khóc lóc, Mục Tử cảm động làm ra khúc nhạc Biệt hạc thảo.

(10) Lấy ý từ câu thơ của Hàn Hoành đời Đường: Hàn thực đông phong ngự liễu tà (Tiết Hàn thực gió đông thổi, cây liễu trong vườn ngự lả cành) . Xem thêm chú thích (4) Chuyện người Nghĩa phụ ở Khoái Châu...

(11) Cố Huống đời Đường nhặt được một chiếc lá đỏ đề thơ thả trên ngòi ngự của một cung nữ. Huống cũng đề thơ lên một chiếc lá thả xuống ngòi, trong bài thơ có câu: Hoa lạc thâm cung oanh diệc bi, Thượng Dương cung nữ đoạn trường thì (Hoa rụng trong cung sâu thẳm chim oanh cũng buồn, đấy là lúc người cung nữ trong Thượng Dương cung đứt ruột) .

(12) Chuyện Liễu Thị với Hàn Hoành: xem chú thích 4, Chuyện người Nghĩa phụ ở Khoái Châu.

(13) Vi Cao đời Đường thuở nhỏ chơi đất Giang Hạ có tình với nàng Khương Ngọc Tiêu. Lúc chia tay có hẹn chóng thì 5 năm, chậm thì 7 năm sẽ đến, lưu tặng một cái nhẫn ngọc và một bài thơ. Sau 7 năm Cao không đến, Ngọc Tiêu nhịn ăn mà chết. Cao nghe tin thương xót, lập đàn tụng kinh siêu độ. Đêm chiêm bao thấy nàng hẹn sẽ thác sinh để làm nàng hầu. Sau Cao làm quan to, gặp ngày mở tiệc sinh nhật, có người đem dâng một người con hát cũng tên là Ngọc Tiêu, ngón tay giữa có một vòng thịt y như hình chiếc nhẫn ngọc mình tặng ngày trướ

(14) Phủ Thiên Trường: xem chú thích 1, Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây.

(15) Trường An: cũng đọc là Trường Yên, đời Trần là lộ, thời thuộc Minh đổi làm châu, gồm phần đất các huyện Gia Viễn, Nho Quan, Yên Mô, Yên Khánh, Hoa Lư của tỉnh Ninh Bình ngày nay.

(16) Tháng Tư năm Bính tuất (1406) Hàn Quán, Chinh Nam tướng quân Hữu đô đốc đồng tri cùng Hoàng Trung, Tham tướng đô đốc đồng tri, chỉ huy 10 vạn quân Quảng Tây đánh sang Đại Việt..

Cáo mượn Oai thiêng: lấy ý ở câu thành ngữ: "Cáo mượn oai hùm", Oa tranh bờ cõi: từ truyện ngụ ngôn trong Nam hoa kinh của Trang Tử. Có hai nước Man và nước Xúc đều ở trên sừng một con ốc sên nhưng cứ đánh nhau mãi để tranh bờ cõi!

(17) Mộc Thạnh: tướng nhà Minh, đã bị Giản Định đế đánh thua một trận lớn.

(18) Ví việc Giản Định đế dấy binh đánh quân Minh như vua Thiếu Khang nổi binh trung hưng nhà Hạ.

(19) Diễn Châu: gồm phần đất các huyện Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn Châu của Nghệ An ngày nay.

(20) Triệu Cơ ở Mô Độ: nguyên chú: Triệu Cơ tức Trần Triệu Cơ, người phủ Thiên Trướng, trấn Sơn Nam. Mô Độ: xem chú thích 1, Chuyện Lý Tướng quân.

(21) Bình than: nguyên chú: "Bình Than còn có tên là Bàn Than, Bài Than, hợp lưu của hai nhánh sông Xương Giang, Thị Kiều, thuộc huyện Chí Linh", nay thuộc tỉnh Hải Dương.

(22) Hàm Tử: nguyên chú: "Hàm Tử nay thuộc huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, xã Hàm Tải", nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(23) Mộc Hoàn: tên xã, thuộc huyện Tiên Phong, phủ Tam Đới, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

(24) Cổ Lộng: nguyên chú "Cổ Lộng ở xã Cổ Động, huyện Thanh Liêm, phủ lỵ Nhân, xứ Sơn Nam, thường gọi là Thành Cách". Nay có lẽ tỉnh Hà Nam.

(25) Mạn Trù: bến sông Nhị thuộc phủ Khoái Châu, nay thuộc tỉnh Hưng Yên, nguyên chú thuộc huyện Đông Yên.

(26) Đông thổ: chỉ vùng kinh thành Thăng Long, bấy giờ nhà Hồ đổi tên là Đông Đô.

(27) Tung và hoành là kế hoạch của các nước đời Chiến quốc. Tung là kế của Tô Tần, liên kết các nước chư hầu để chống Tần; hoành là kế của Trương Nghi vận động các nước chư hầu thần phục Tần.

(28) Theo Hán sử, Hàn Tín đánh Triệu dùng kỳ binh, nhổ cờ Triệu dựng cờ Hán.

(29) Theo Đường sử, vua Túc Tông nhà Đường thu quân ở Linh Vũ, quay cờ tiến về phía đông để đánh An Lộc Sơn.

(30) Lạng Sơn: đời trần là lộ Lạng Giang, có lẽ ngoài tỉnh Lạng Sơn ngày nay còn có một phần đất Kinh Bắc (tức Bắc Giang hiện nay) .

(31) Quỷ Môn: tức ải Chi Lăng, nay thuộc xã Chi Lăng, huyện Đồng Mỏ, tỉnh Lạng Sơn.

(32) Yên Kinh: chỉ triều đình nhà Minh.

(33) Giá xuân: nước đóng thành băng, mùa xuân tiết trời ấm dễ tan, ví số phận mỏng manh.

(34) Mỏ đỏ: chỉ Hồ Quý Ly, xuất phát từ chuyện vua Trần Nghệ Tông nằm mộng thấy Duệ Tông về đọc một bài thơ trong có câu thơ: Trung gian duy hữu xích chủy hầu (trong đó duy có con hầu mõm đỏ) . Nghệ Tông chiết tự, chữ xích chủy là Quý Ly.

(35) Ngựa Hồ binh Triệu: nguyên văn Yên binh, Hồ kỵ, nghĩa là lính nước Yên, quân kỵ rợ Hồ, đều là tên tượng trưng chỉ quân Minh.

(36) Hồ là cáo, ở đây lấy ý từ câu ngạn ngữ "Cáo chết ba năm quay đầu về núi".

Cuộc nói chuyện thơ ở Ki

(Nguyên văn: Kim Hoa thi thoại ký)

Huyện Kim Hoa (1) có người con gái họ Ngô tên Chi Lan, là bậc nội trợ hiền của vị tiên sinh họ Phù. Nàng chữ tốt văn hay, nhất là thơ ca càng giỏi lắm. Đức Thuần hoàng đế (Thánh Tông) triều nhà Lê yêu tài văn mặc, vời nàng vào cung, giao cho việc dạy các cung nữ. Mỗi khi yến tiệc, nàng thường ôm quyển đứng chầu hầu vua, hễ vua phán làm thơ, chỉ thoắt chốc đã làm xong ngay, không cần phải chữa sửa gì cả. Năm ngoài 40 tuổi nàng mất, táng ở cánh bãi Tây Nguyên.

Cuối đời Đoan Khánh (2) có người học trò là Mao Tử biên đến du học ở Kinh thành, lâu ngày nhớ nhà, bèn về thăm quê ở huyện Đồng Hỷ thuộc Thái Nguyên. Đường về qua hạt huyện Kim Hoa, chợt gặp cơn mưa gió. Thôn xa đồng vắng, trời lại tối sập xuống. Tử Biên đưa mắt nhìn quanh, thấy ở đàng nam có bóng đèn thấp thoáng, bèn rảo bước đến. Đến nơi thi thấy có mấy gian nhà tranh ở giữa khoảng cây cối rậm rạp. Tử Biên nhân lúc túng bí, nói xin vào ngủ nhờ; song người coi cổng không cho vào. Chàng trông vào trong nhà, thấy một ông già đương ngồi ở giữa giường, bên cạnh có một vị mỹ nhân, trâm ngọc hài cườm, coi như một vị phi tần vậy. Mỹ nhân nói với ra, bảo người coi cổng:

- Canh khuya đêm vắng, trời lại mưa gió, người ta xin ngủ nhờ không cho thì người ta ngủ đâu bây giờ.

Thấy chủ nhà nói vậy, Tử Biên vén áo bước vào, nghỉ nhờ ở mái hiên phía nam nhà khách.

Gần đến trống hai, chàng thấy có một người mày râu đã nửa phần trắng bạc, hai vai cao trội cưỡi một con lừa tía đi đến. Ông già xuống thềm đón tiếp nói:

- Đường xa lận đận đến chơi, tiên sinh vất vả quá!

Khách nói:

- Trót đã ước hẹn, không nỡ sai lời. Chỉ buồn mưa gió đầy thành, Phần Lão thơ ngâm đến đành bỏ dở (3) mất.

Chủ khách bèn chia ngôi cùng ngồi điện bàn luận văn chương, cả phu nhân cũng dự nhưng ngồi thấp xuống một bậc. Ông khách thấy phu nhân có làm bốn bài từ bốn mùa đề vào bốn bức bình bằng vân mẫu, bèn thử đọc xem:

Bức thứ nhất: Xuân từ

Sơ tình huân nhân thiên tự túy,

Diệm dương lâu đài phù noãn khí.

Cách liêm liễu nhứ độ oanh thoa,

Nhiễu hạm hoa tu xuyên điệp xí.

Giai tiền hồng tuyến nhật thiêm trường,

Phấn hãn vi vi tẩm lục thường.

Tiểu tử bất tri xuân tứ khổ,

Khuynh thân hàm tiếu quá nha sàng.

Dịch:

Hun người nắng mới, như say,

Lâu đài ấm áp nhuốm đầy dương quang.

Cách rèm liễu biếc oanh vàng,

Quanh hiên cái bướm mơ màng bên hoa.

Trước thềm ánh nhật dài ra,

Mầu hôi dâm dấp xiêm là đượm xanh.

Sầu xuân nặng trĩu bên mình,

Ngây thơ gã nhỏ lanh chanh cợt cười.

Bức thứ hai: hạ từ

Phong xuy lựu hoa hồng phiến phiến,

Giai nhân nhàn đủ thu thiên viện.

Thương xuân bối lập nhất hoàng oanh,

Tích cảnh ai đề song tử yến.

Đình châm vô ngữ thúy my đê,

Quyện ỷ sa song mộng dục mê.

Khước quái quyển liêm nhân hoàn khởi,

Hương hồn chung bất đáo Liêu Tê (Tây) .

Dịch:

Gió rung hoa lựu tơi bời,

Trên đầu tha thướt dáng người mỹ nhân.

Oanh vàng ủ rũ thương xuân,

Một đôi én tía họa vần trong cây.

Dừng kim rủ thấp đôi mày,

Nương song hồn mộng xa bay cuối trời.

Cuộn rèm nheo nhéo kia ai,

Cho hồn chẳng tới cõi ngoài Liêu Tây.

Bài thứ ba: thu từ

Thanh thương phù không trừng tễ cảnh,

Sương tín dao tương cô nhạn ảnh.

Thập trượng liên tàn ngọc tỉnh hương,

Tam canh phong lạc Ngô giang lãnh.

Phi huỳnh dạ độ bích lan can,

Y bạc nan câm tiễn tiễn hàn.

Thanh đoạn động tiêu ngưng lập cửu,

Dao đài hà xứ mịch tham loan.

Dịch:

Hơi may hiu hắt bầu không,

Tinh sương thấp thoáng cánh hồng xa bay.

Sen tàn giếng hãy thơm lây,

Ba canh gió thổi lạnh đầy sông Ngô.

Bên lan đóm lượn ra vô,

Phong phanh áo mỏng hơi lùa căm căm.

Tiếng tiêu đã đứt âm thầm,

Đài Dao đâu tá khôn nhằm dấu loan.

Bức thứ tư: đông từ

Bảo lô bát hỏa ngân bình tiểu,

Nhất bôi La Phù phá thanh hiểu.

Tuyết tương lãnh ý thấu sơ liêm,

Phong đệ khinh băng lạc hàn chiểu.

Mỹ nhân kim trướng yểm lưu tô,

Chỉ hộ vân song phiến phiến hồ.

ám lý vãn hồi xuân thế giới,

Nhất tru phương tín tiểu sơn cô.

Dịch:

Lò hương nhóm ngọn lửa hồng,

La Phù (4) một chén ấm lòng ban mai.

Lọt rèm tuyết lạnh lồng hơi,

Gió đưa băng rụng tơi bời mặt ao.

Mỹ nhân trướng gấm rủ thao,

Cửa hồ phất giấy song cao vắng người.

Thần đem xuân lại cho đời,

Đầu non chớm nở một trời mai hoa.

Ông khách đọc xong than rằng:

- Nam Châu nếu không có tôi, biết đâu phu nhân chẳng là tay tuyệt xướng, mà tôi nếu không có phu nhân, biết đâu chẳng là tay kiệt xuất trong một thời. Thế mới biết lời đồn quả không ngoa thật.

Phu nhân nói:

- Tài tôi nhỏ mọn, đâu dám so sánh với ngài trong muôn một. May mà gặp được tiên triều, hằng chầu hầu nghiên bút, cho nên mới thông lề luật, chắp nối thành bài. Một hôm tôi nhân đi chơi núi Vệ Linh (5) , tức là nơi đức Đổng Thiên vương bay lên trời, tôi có đề rằng:

Vệ Linh xuân thụ bạch vân nhàn,

Vạn tử thiên hồng diệm thế gian.

Thiết mã tại thiên danh tại sử

Anh uy lẫm lẫm mãn giang san.

Dịch:

Vệ Linh mây trắng tỏa cây xuân,

Hồng tía muôn hoa đẹp cảnh trần.

Ngựa sắt về trời, danh ở sử,

Oai thanh còn dậy khắp xa gần.

Sau vài tháng, bài ấy truyền khắp trong cung, đức Hoàng thượng rất là khen ngợi, ban cho một bộ áo.

Lại một hôm, Hoàng thượng ngự ở cửa Thanh Dương, sai quan Thị thư họ Nguyễn làm bài từ khúc uyên ương. Bài làm xong nhưng Hoàng thượng không vừa ý, ngoảnh bảo tôi rằng:

- Văn nàng cũng hay lắm, hãy thử đem tài hoa gấm cho trẫm xem nào.

Tôi vâng mệnh, cầm bút làm xong ngay, có hai câu cuối thế này:

Ngưng bích phi thành kim điện ngõa,

Trứu hồng chức tựu Cẩm Giang la.

Dịch:

Biếc đọng kết nên ngói đền vàng,

Hồng châu dệt thành lụa Cẩm Giang.

Hoàng thượng khen ngợi hồi lâu, ban cho 5 đĩnh vàng, lại gọi là "Phù gia nữ học sĩ". Từ đó tôi nức tiếng đương thời, được làng văn mặc coi trọng, đại khái đều do sức giúp của đấng Tiên hoàng cả. Đến khi đức Thuần hoàng đế thăng hà tôi có làm bài thơ viếng rằng:

Tam thập dư niên củng tử thần

Cửu chân tứ hải hựu đồng nhân.

Đông tây địa thác dư đồ đại,

Hoàng đế thiên khôi sự nghiệp tân.

Tuyết ủng chân du vô xứ mịch,

Hoa thôi Thượng uyển vị thùy xuân.

Dạ lai do tác quân thiều mộng,

Trướng vọng Kiều Sơn chức lệ cân.

Dịch:

Ba chục năm hơn ngự điện vàng,

Chín châu bốn bể gội ân quang.

Quy mô Hoàng đế trời cao cả,

Bờ cõi đông tây đất mở mang.

Tuyết hộ xe loan mờ mịt bóng,

Hoa phô vườn cấm bẽ bàng hương.

Quân thiều (6) đêm vắng mơ thường thấy,

Xa ngóng Kiều Sơn (7) lệ mấy hàng.

Ông khách nói:

- Bài thơ tuy không có gì mới lạ nhưng thương nhớ có thừa, rất hợp với ý thái của người đời xưa. Thơ của người đời xưa, lấy hùng hồn làm gốc, bình đạm làm khéo, câu tuy ngắn nhưng ý thì dài, lời tuy gần nhưng nghĩa thì xa. Người thời này thì lại khác hẳn, hễ không có giọng đong đưa tất có giọng mỉa giễu, làm phú Cao đường thì bôi xấu Thần nữ (8) , làm ca Thất tịch, thì nói mỉa Thiên Tôn (9) , bày chuyện đặt điều, không còn c tệ hơn nữa. Vì thế mà tôi những thương đời chán cảnh.

Phu nhân lặng nghe, bất giác ứa hai hàng nước mắt. Ông khách hỏi thì phu nhân nói:

- Tôi thờ đức Thánh Tông lâu năm rồi lại thờ đức Hiến Tông (10) , nghĩa kết vua tôi, nhưng tình thật như cha con vậy, lúc chầu hầu, khi lui tới, không cần giữ ý tỵ hiềm. Không ngờ vì thế mà những kẻ thiển bạc, bày chuyện nói xằng, thường làm những câu thơ mỉa giễu. Như là câu:

Quân vương yếu dục tiêu nhàn hận,

Ưng hoán Kim Hoa học sĩ lai.

Dịch:

Quân vương nếu muốn khuây buồn nản,

Hãy gọi Kim Hoa học sĩ vào.

Và như:

Yến bãi long lâu thi lực quyện,

Lục canh lưu đãi hiểu miên trì.

Dịch:

Tiệc cạn lầu rồng sức thơ mỏi,

Canh dài giữ đợi giấc nằm trưa.

Sĩ quân tử ở trong danh giáo, thiếu gì thú vui hà tất lại lấy không làm có, trỏ phải ra quấy, đem chữ nghĩa ra mà đùa cợt như vậy.

Ông khách nói:

- Nào có một mình phu nhân như thế đâu! Xưa nay những người trinh liệt bị ngòi bút trào phúng làm cho bực mình biết bao nhiêu mà kể. Xem như Hằng Nga là tiên trên nguyệt điện, có kẻ vịnh thơ như thế này:

Hằng nga ưng hối thâu ược,

Bích hải thanh thiên dạ dạ tâm.

Dịch:

Hằng Nga hối trót ăn linh dược (11) ,

Tẻ lạnh trời cao đêm lại đêm.

Lộng Ngọc là gái phi thăng, có kẻ vịnh thơ như thế này:

Như hà hậu nhật Tần Đài mộng,

Bất kiến Tiêu lang kiến Thẩm lang.

Dịch:

Tần Đài sau giấc mơ đêm đó,

Không thấy Tiêu lang, thấy Thẩm lang (12) .

Vào cửa hầu thì nói mượn Lục Châu (13) , mỉa họ Vũ thì đặt chuyện Vũ Hậu thổ (14) . Toàn những giọng nói xằng buộc nhảm. Ước sao đem được dòng nước sông Lô để vì người xưa gột rửa những bài thơ xú ác ấy đi.

Phu nhân thu nước mắt rồi nói:

- Không có tiên sinh biết cho, có lẽ tôi thành một hòn ngọc khuê có dấu vết, lấy gì mài cho sáng, rũa cho sạch được. Song đêm đẹp dễ qua, tiệc vui khó kiếm. Bữa nay vợ chồng tôi cùng tiên sinh hội ngộ, chúng ta chẳng nói những chuyện ấy nữa, chỉ thêm buồn vô ích mà thôi.

Nhân bàn đến thơ văn bản triều, ông khách nói:

- Thơ ông Chuyết Am (15) kỳ lạ mà tiêu tao, thơ ông Vu Liêu (16) cao vọi mà khích thích, thơ ông Tùng Xuyên (17) như chàng trai xông trận, có vẻ sấn sổ, thơ ông Cúc Pha (18) như cô gái chơi xuân, có vẻ mềm yếu. Đến như ông Đỗ ở Kim Hoa, (19) ông Trần ở Ngọc Tái (20) , ông Đàm ở Ông Mặc (21) , ông Vũ ở Đường An (22) , không phải là không ngang dọc tung hoành, nhưng cầu lấy lời chín lẽ tới, có thể khiến cho làng phong ñ phải phục thì chỉ duy những bài đầy lời trung ái của ông Nguyễn ức Trai (23) , lòng lúc nào cũng

chẳng quên vua, có thể chen vào môn hộ của Đỗ Thiếu Lăng được. Còn đến giọng thơ biến hóa được khói mây, lời thơ quan hệ đến phong giáo, thì lão phu đây cũng chẳng kém thua ai mấy.

Câu chuyện như vậy có thể chép ra đến bốn năm nghìn chữ, nhưng Tử Biên không thể nhớ hết. Chàng đứng nghe lóng ở kẽ vách đến một hồi lâu. Bỗng chàng để có tiếng sột soạt, bị ông khách nhận thấy, ông nói:

- Cuộc hội họp hôm nay thật là hiếm được, vậy mà tựa như có người nghe trộm. Những câu chuyện phong lưu của chúng mình, sợ bị họ đem phao truyền ra. Tiên sinh không thấy biết gì ư?

Phu nhân nói:

- Thì đến những kẻ nho sinh cầm bút sau này họ cho chúng mình là bàn xằng nói nhảm là cùng chứ gì, có hề chi sự ấy.

Tử Biên chẳng biết là ý nói thế nào, chàng rảo bước đi vào, phục lạy ở trước chỗ ba người ngồi chơi và hỏi về thi tứ. Ông khách liền rút ở trong lòng ra một quyển sách, ước trăm trang giấy, trao cho chàng mà bảo:

- Cứ về mà giở quyển này ra, sẽ tha hồ đọc, bất tất phải tìm ở tập nào khác nữa.

Một lúc sau bầu nghiêng chén cạn, chủ khách vái chào từ giã nhau. Ông khách ra rồi, Tử Biên cũng đi nằm ngủ. Đến lúc mặt trời đã mọc, chàng ngồi vùng dậy, té ra thấy mình nằm trên cỏ, áo đầm những sương, chỉ có đông tây hai ngôi mộ nhà ai nằm đó. Mở quyển sách ra xem thấy toàn là những giấy trắng chỉ có bốn chữ "Lã Đường thi tập" nét mực còn óng ánh chưa khô. Bấy giờ chàng mới hiểu ông khách ấy, tức là Lã Đường Sái tiên sinh (24) và hỏi thăm người ở đây, mới biết hai mộ này là mộ vợ chồng quan Giáo thụ họ Phù (25) .

Tử Biên bèn tìm đến làng Sái tiên sinh, dò hỏi di cảo tập thơ Lã Đường, thấy gián nhấm mọt gặm, tản mác mất cả. Chàng nhân đi xa gần để hỏi han, hết sức cóp nhặt, dù nửa câu, một chữ cũng không bỏ sót. Cho nên từ khi Triều Lê dựng nghiệp thi sĩ có đến hơn trăm nhà, mà duy tập thơ của ông Sái thịnh hành, đại khái đều do công sức của Mao Tử Biênả.

Chú thích

(1) Kim Hoa: nguyên chú: "Tên huyện, thuộc xứ Kinh Bắc. Chi Lan người xã Phủ Lỗ", nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Ngô Chi Lan là vợ quan Giáo thu Phù Thúc Hoành, dạy Kinh Dịch ở trường Quốc Tử Giám, sau được thụ chức Hàn lâm học sĩ. Ông người làng Phù Xá cùng huyện. Tên phu nhân họ Phù có sách ghi là Liễu Hạ Huệ.

(2) Đoan Khánh: niên hiệu của Lê Uy Mục từ 1505 đến 1509.

(3) Phần Lão: tức Phan Đại Lâm đời Tống, Phần Lão là tên tự; đang đêm ông làm thơ, chợt có người đến thúc thuế, cụt hứng phải bỏ dở.

(4) Rượu La Phù: La Phù là tên một ngọn núi ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tương truyền Cát Hồng đời Đông Tấn học được phép thuật của tiên ở đây. Rượu La Phù: rượu tiên.

(5) Vệ Linh: nguyên chú: "Núi Vệ Linh ở huyện Kim Hoa, xã Vệ Linh, nay tên là núi Ninh Sóc"; nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

(6) Quân thiều: khúc nhạc trên trời. Thiều: khúc nhạc; Quân: Quân thiên; vùng trời trung ương, nơi ở của Thượng đế, ý nói đêm thường chiêm bao lên chốn cung trời, được vua cho nghe khúc nhạc trên trời.

(7) Kiều Sơn: Hoàng đế, vị vua thời Thái cổ của Trung Quốc mất, táng ở Kiều Sơn, nhưng quan tài chỉ có mũ áo, kiếm, tương truyền Hoàng Đế đã thăng thiên. ở đây nói về lăng mộ vua Thánh Tông.

(8) Phú Cao đường của Tống Ngọc, một nhà từ phú nước Sở thời Chiến quốc. Trong tác phẩm nói đến cuộc hội ngộ mây mưa giữa thần núi Vu Sơn và Sở Hoài Vương.

(9) Ca Thất tịch: của Trương Lỗi (1054-1114) , một thi nhân đời Bắc Tống, chịu ảnh hưởng nhiều của Bạch Cư Dị, Trương Tịch, thơ văn bình dị, giàu tính nhân văn. Ông đỗ Tiến sĩ khoảng niên hiệu Hy Ninh (1068-1077) , từng làm đến chức Thái thường Thiếu khanh. Ông có tên hiệu là Kha Sơn, tự là Văn Tiềm, người đương thời còn gọi là Uyển Khâu tiên sinh. Thiên tôn: chỉ Chức Nữ.

(10) Hiến Tông: vua thứ sáu nhà Lê, ở ngôi: 1498-1504.

(11) Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ, lấy trộm thuốc trường sinh của Vương mẫu mà nuốt rồi bay lên cung trăng, Hậu Nghệ nắm áo kéo lại nhưng không được. Câu thơ "Bình hải thanh thiên dạ dạ tâm" là của Lý Nghĩa Sơn đời Đường.

(12) Lộng Ngọc là con gái Tần Mục công, vợ Tiêu Sử. Thẩm á Chi trong năm Thái Hòa đời Đường, một hôm ngủ trưa ở nhà trọ, chiêm bao thấy Tần Mục Công triệu tới, nói Tiêu Sử đã chết, đem Lộng Ngọc gả cho, ở với nhau được một năm, Lộng Ngọc cũng mất; tỉnh dậy hóa ra một giấc mơ.

(13) Lục Châu: vợ lẽ của Thạch Sùng. Khi bị Triệu Vương Luân cưỡng bức lấy về, nàng gieo mình từ trên lầu cao xuống tự tử. Thôi Giao khi thương tiếc người mình yêu bị bán vào nhà quan Liêu suy Vu Định có câu: Lục Châu thùy lệ thấp la cân (Nàng Lục Châu nhỏ lệ ướt khăn là) .

(14) Vũ Hậu Thổ: đời Đường Vũ Hậu chiếm ngôi vua của con. Bà có tính hoang dâm; người bấy giờ đặt chuyện thần Hậu Thổ nằm với trai là Vi An Đạo để nói cạnh Vũ Hậu.

(15) Chuyết Am: tên hiệu vua Lý Tử Tấn (1378-1454) , người làng Triều Đông, huyện Thượng Phúc (Thường Tín, Hà Tây ngày nay) ,

đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) năm 1400 đời nhà Hồ, sau làm quan nhà Lê đến chức Hàn lâm.

(16) Vu Liêu: Nguyễn Trực (1417-1473) , tự là Công Dĩnh, Vu Liêu có lẽ là hiệu; người làng Bối Khê, huyện Thanh Oai (nay thuộc Hà Tây) , đỗ Trạng nguyên năm Đại Bảo thứ 3 (1442) , làm quan dưới thời Lê Thánh Tông đến chức Hàn lâm viện Thừa chỉ, Trung thư lệnh kiêm Quốc tử giám Tế tửu, từng đi sứ Trung Quốc, có thi tập.

(17) Tùng xuyên: chưa rõ là ai.

(18) Cúc Pha: tên hiệu của Nguyễn Mộng Tuân (? - ?) , người làng Phủ Lý, huyện Đông Sơn (nay thuộc Thanh Hóa) , đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) năm 1400 đời Hồ, làm quan đời Lê đến chức Khinh xa đô úy, Tả nạp ngôn, có tập thơ Cúc Pha.

(19) Đỗ Nhuận (1446-?) người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa, nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Quang Thuận thứ 7 (1466) . Thời Lê Thánh Tông làm quan đến chức Thượng thư, Đông các đại học sĩ, Tao đàn phó nguyên súy.

(20) Ông Trần ở Ngọc Tái: chưa rõ tiểu sử.

(21) Đàm Thận Huy (1463-1526) : hiệu Mặc Trai người làng Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, nay là thôn Ông Mặc, xã Hương Mạc, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm Hồng Đức thứ 21 (1490) , làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư, khi nhà Mạc đoạt ngôi nhà Lê ông lui về Bắc Giang mộ binh chống lại. Việc không thành, ông uống thuốc độc tự tử; có thi tập.

(22) Vũ Quỳnh (1453-1497) : người xã Mộ Trạch huyện Đường An, nay là thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương. Đỗ Hoàng giáp niên hiệu Hồng Đức thứ 9 (1478) , làm quan đến chức Binh bộ Thượng thư, Quốc tử giám Tư nghiệp, Quốc sử quán Tổng tài.

(23) Nguyễn ức Trai: tức Nguyễn Trãi. Xem chú thích 3, Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây.

(24) Sái Thuận (Sái còn đọc là Thái) (1441-?) : người xã Liễu Lâm, huyện Siêu Loại, nay thuộc xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân năm Hồng Đức thứ 6 (1475) , nhiều năm làm quan ở viện Hàn lâm, sau giữ chức Tham chính sứ Hải Dương, hội viên Hội Tao đàn. Sái Thuận tự là Nghĩa Hòa, hiệu Lục Khê, biệt hiệu Lã Đường, hiện còn tập Lã Đường di cảo.

(25) Xem chú thích 1, cùng truyện.

Chuyện tướng Dạ Xoa *

(*) Nguyên văn: Dạ xoa bộ soái lục

Kẻ kỳ sĩ ở hạt Quốc Oai, họ Văn tên là Dĩ Thành (1) tính tình hào hiệp, không chịu để ma quỷ mê hoặc. Phàm những hoa yêu nguyệt quái, và dâm thần lệ quỷ không được liệt vào tự điển, chàng đều coi thường không sợ hãi gì. Cuối đời Trùng Quang nhà Trần, (2) người chết chóc nhiều, những oan hồn không chỗ tựa nương, thường họp lại thành từng đã, hoặc gõ cửa hàng cơm để kiếm miếng ăn, hoặc đón cô gái chơi để kết duyên tạm, ai va chạm thì bệnh nguy khốn, ai cầu cúng thì thấy hết phép hay, hoành hành ở đồng nội không biết kiêng sợ gì cả. Dĩ Thành nhân lúc say rượu, cưỡi ngựa đi đến, bọn ma quỷ sợ hãi, đều tan chạy cả. Chàng kịp gọi bảo rằng:

- Các ngươi đều là những kẻ tráng sĩ, không may mắc nạn. Ta nay đến thăm, muốn đem điều lợi hại nói chuyện, xin đừng lảng tránh như vậy.

Ma quỷ lại dần dần họp lại, mời chàng lên ngồi phía trên. Dĩ Thành hiểu bảo rằng:

- Lũ người cứ thích làm cho người ta phải tai nạn, làm cho người ta phải chết chóc, chẳng hay cốt để làm gì?

Chúng nói:

- Chúng tôi muốn để thêm quân.

Dĩ Thành nói:

- Các người muốn cho thêm quân nhưng tổn hại người sống thì sao! Quân thêm thì ăn uống phải thiếu, người bớt thì cung cấp phải thưa, lợi gì cho các người mà cứ thích làm như vậy? Lòng dục thả ra thì khe ngòi không đủ lấp, thói ác giở ra thì hùm sói chưa là dữ. Hễ lợi mình được, dù tấm áo mảnh giấy cũng không từ, hễ no lòng được,

dù ống giập chậu vỡ cũng không thẹn. Hì hục đi tìm chai lọ, hăm hở đi kiếm cháo cơm. Gieo tai rắc vạ, trộm quyền của Hóa công, kêu nóc dòm buồng, rối lòng của dân chúng. Lũ người lấy thế làm thích nhưng mà ta lấy thế làm thẹn. Huống chi trời dùng đức chứ không dùng uy, người ưa sinh chứ không ưa giết. Vậy mà lũ người tự làm họa phúc, quá thả kiêu dâm. Thượng đế không dong, hình phạt tất đến, lũ người định trốn đi đàng nào để khỏi tru lục.

Chúng quỷ bùi ngùi nói:

- Đó là chúng tôi bất đắc dĩ chứ không phải là muốn như thế. Sống chẳng gặp thời, chết không phải số. Đói không có thứ gì cấp dưỡng, lui không có chốn nào tựa nương. Trong gò xương trắng, rầu rĩ cỏ rêu, trên đống cát vàng, lạnh lùng sương gió. Bởi vậy không khỏi rủ rê bè bạn, xoay xở miếng ăn. Phương chi vận sắp đến lúc đổi thay, nhà người sẽ đến cơ tan tác. Bởi vậy minh không cấm đoán, lũ tôi đã có lời xin. E rằng sang năm lại còn tệ hơn năm nay nữa.

Rồi đó nhà bếp dọn cỗ lên, mâm bàn la liệt. Hỏi đến nguồn gốc thì thịt là con trâu bắt ở thôn nọ, rượu là thúng bỗng lấy ở làng kia. Sinh ăn uống rất lanh, như mưa như gió. Chúng quỷ mừng rỡ bảo nhau rằng:

- Thật đúng là chủ soái của ta.

Rồi chúng nói với Sinh:

- Chúng tôi là một đám ô hợp mỗi người đều tự hùng trưởng, đã không có người đứng thống xuất, thế tất không thể lâu bền. Nay Sứ quân rủ lòng yêu mà đến đây, đó là trời đem Sứ quân cho lũ chúng tôi đấy.

Dĩ Thành nói:

- Ta văn võ kiêm toàn, dù hèn cũng làm tướng được. Những u minh cách trở, còn bà mẹ già thì sao?

Chúng quỷ nói:

- Không, chỉ xin Sứ quân giữ sự uy nghiêm, ban cho hiệu lệnh. Chúng tôi ban ngày thì chia khu ở tản, đến đêm thì sai viên bẩm trình. Không dám phiền ngài phải trở về chín suối.

Dĩ Thành nói:

- Nếu bất đắc dĩ dùng đến ta, ta có sáu điều làm việc, các người phải thề mà tuân theo mới được.

Chúng đều vâng dạ, nhân xin đến đêm thứ ba tới chỗ đó lập đàn. Đến kỳ, chúng quỷ đều lại họp. Có một tên quỷ già đến sau, Sinh sai đem chém, ai nấy đều run sợ. Sinh bèn ra lệnh rằng:

- Các ngươi không được coi khinh mệnh lệnh, không được quen thói dâm ô, không quấy quắc để làm hại mạng của dân, không cướp bóc và phải cứu nạn cho dân, ban ngày không được giả hình, ban đêm không được kết đảng. Nghe mệnh ta thì ta làm tướng các ngươi, trái lệnh ta thì ta trị tội các ngươi. Nghe rõ lời ta, đừng để hậu hô

Đó rồi bèn chia bọn chúng ra từng bộ, từng tốt bảo phàm có điều gì hay dở, phải đến bẩm trình.

Như vậy được hơn một tháng, một hôm đương lúc ngồi nhàn, Dĩ Thành thấy một người tự xưng là sứ giả của Minh ty, đến xin mời chàng đi. Dĩ Thành toan lảng tránh, thì người ấy nói:

- Đó là mệnh lệnh của đức Diêm vương. Vì ngài thấy ông là người cương nghị, định đem phẩm trật tặng cho, chứ không làm gì phiền ông đâu, đừng nên từ chối. Có điều là xin để cho ông được rộng kỳ hạn, ông sẽ tự đến, tôi đợi ông ở dọc đường.

Nói xong không thấy đâu nữa. Sinh đòi chúng quỷ lại để hỏi, chúng đều nói:

- Bẩm, quả có việc ấy thật, chúng tôi chưa kịp thưa với Sứ quân. Nhân hôm nọ Diêm vương thấy buổi đời gặp lúc không yên, có đặt ra bốn bộ Dạ Xoa, mỗi bộ cử một viên tướng, giao cho cái quyền hành sát phạt, ủy cho những tính mệnh sinh linh, trách nhiệm lớn lao, không như mọi quan chức khác. Sứ quân oai vọng lẫy lừng, ngài đã biết tiếng, lại nhân chúng tôi hết sức tiến cử, nên ngài định cử Sứ quân vào chức lớn ấy.

Dĩ Thành nói:

- Như lời các ngươi nói thì đó là cái phúc hay là cái họa cho ta?

- Dưới Diêm La tuyển người không khác gì tuyển Phật, không thể đút lót mà được hay cầu may mà nên. Giữ mình cương chính, tuy hèn mọn cũng được cất lên, ở nết gian tà, tuy hiển vinh cũng không kể đến. Cái nhiệm vụ huấn luyện quản đốc, chẳng thuộc về Sứ quân thì còn về ai. Nếu Sứ quân còn ham luyến vợ con, dùng dằng ngày tháng, thì chức ăn sẽ lọt về tay người khác, chúng tôi cũng sẽ phải buồn rầu.

Dĩ Thành tắc lưỡi nói:

- Chết tuy đáng ghét, danh cũng khôn mua. Phương chi ngọn bút vì nhọn mà chóng cùn, cây thông vì cành mà bị đẵn, chim trĩ không vì lông đẹp, can chi rước vạ, con voi không vì ngà trắng, đâu phải đốt mình, chim hồng, chim nhạn bị giết há bởi không kêu, cây hu cây lịch sống lâu chỉ vì vô dụng, Tu văn dưới đất Nhan Hồi tuổi mới ba mươi hai (3) . Viết ký lầu trời, Trương Cát trạc chừng hai mươi bảy (4) , trượng phu sinh ở đời, không làm nên được lưng đeo vàng, chân bước ngọc, thì cũng phải sao cho lưu danh muôn thuở, tội gì cứ cúi đầu ở trong cõi đời vẩn đục, so kè cái tuổi sống lâu với chết non làm gì!

Bèn trang xếp việc nhà rồi chết.

Bấy giờ có người làng là Lê Ngộ, cùng Dĩ Thành vốn chỗ chơi thân, phiêu bạt ở vùng Quế Dương (5) , ngụ trong một nhà trọ. Một hôm

chừng quá canh một, Lê Ngộ thấy một người cưỡi ngựa thanh song, kẻ hầu đầy tớ rộn rịp, đến xin vào yết kiến. Chủ trọ vén mành ra đón. Lê Ngộ rất lấy làm lạ là tiếng nói của khách giống tiếng Dĩ Thành, nhưng trông mặt thì hơi giống Lê Ngộ toan ra cửa để tránh thì khách nói:

- Cố nhân biết ông, ông lại không biết cố nhân là làm sao?

Nhân kể quê quán họ tên và nói mình đã lĩnh chức quan to ở dưới âm phủ, vì có tình cũ với Lê Ngộ nên tìm đến thăm.

Bèn cởi chiếc áo cừu, cố cho nhà hàng lấy rượu để uống làm vui. Rượu uống mấy tuần, Lê nhân đó nói:

- Tôi xưa nay ở đời, vẫn để ý tu lấy âm công, không mưu sự ích lợi riêng mình, không gieo sự nguy bách cho mọi người, dạy học thì tùy tài dụ dịch, tự học thì cực lực dùi mài, không ước sự vẩn vơ, không làm điều quá đáng. Vậy mà sao lại phải bốn phương kiếm miếng, chiếc bóng nhờ người, con khóc lóc đói lòng, vợ than rét cật, về thì thiếu túp lều chắn gió, đi thì không chiếc nón che mưa, hết đông rồi tây, long đong chạy mãi. Thế mà bè bạn thì nhiều người đi làm quan cả, so bề tài nghệ cũng chỉ như nhau mà thân danh khác xa nhau lắm; kẻ sướng người khổ như thế là cớ làm sao?

Dĩ Thành nói:

- Phú quý không thể cầu, nghèo cùng do tự số cho nên núi đồng mà chết đói họ Đặng (6) , thằng Xe mà làm khố chàng Chu (7) ; có duyên gió thổi núi Mã Đương (8) , không phận sét đánh bia Tiến Phúc (9) . Nếu không như vậy thì đức hạnh như Nhan như Mẫn (10) , hẳn là lên đến mây xanh, từ chương như Lạc như Lư (11) sao lại chỉ là chân trắng. Bởi cái gì không làm mà nên là do trời, không vời mà đến là do mệnh. Cái đáng quý ở kẻ sĩ chỉ là nghèo mà không xiểm nịnh, cùng mà vẫn vững bền, làm việc theo địa vị của mình và thuận với cảnh ngộ mà thôi, còn sự cùng thông sắc nhụt thì ta có thể làm gì cưỡng với chúng nó được.

- Rượu đã uống cạn, lại khêu đèn cùng nhau trò chuyện, kéo dài mãi vẫn không biết chán. Ngày hôm sau trong lúc tương biệt, Dĩ Thành đuổi hết mọi người ra rồi nói:

- Tôi mới vâng lệnh của Thượng đế, kiêm coi cả bọn quân ôn dịch, chia đi làm việc ở các quận huyện, lại thêm những nạn đói khát, binh cách, số dân sinh sẽ phải điêu hao, mười phần chỉ còn được bốn năm. Người nào nếu không phải nguồn phúc sâu xa, e sẽ đến ngọc đá đều nát chung cả. Nhà bác phúc mỏng, tựa như không thể tránh khỏi được, nên sớm về quê quán, đừng lần nữa mãi ở đất khách quê người.

Lê nói:

- Tôi tưởng rất có thể trông nhờ ở bác che chở cho chứ?

Dĩ Thành nói:

- Không phải trong địa hạt của tôi, tôi không có thể vượt qua được. Trường Giang (12) trở về phía bắc do tôi chủ trương, còn Trường Giang (12) trở về phía tây, do viên tướng họ Đinh trông coi. Nhưng tôi quản lĩnh quân áo đen, chúng nó còn có từ tâm, chứ họ Đinh quản lĩnh quân áo trắng, phần nhiều là những tên ác quỷ, bác không nên không lo liệu trước.

Lê hỏi:

- Vậy thì làm thế nào?

Dĩ Thành nói:

- Mỗi một soái bộ đêm sai hàng hơn một nghìn tên quân, chia đi làm ôn dịch các nơi. Bác nên sắm nhiều cỗ bàn bày sẵn ở sân. Bọn chúng từ xa đến tất là đói khát, thấy cỗ liền ăn mà không suy nghĩ gì. Bác núp ở một chỗ tối, đợi khi thấy ăn uống gần xong, bấy giờ mới ra sụp lạy, nhưng cũng đừng kêu nài gì cả. Như thế họa may có cứu vãn được phần nào chă

Đoạn rồi ứa nước mắt cùng nhau từ biệt.

Lê Ngộ về quê nhà, thì bệnh dịch đương nổi rất dữ, vợ con đều mắc rất nặng, hầu không thể nhận được nhau nữa. Bèn theo lời Dĩ Thành, đêm hôm ấy làm cỗ rất hậu bầy ra sân. Quả thấy có đám đông quỷ sứ từ trên không bay đến nhìn nhau mà nói:

- Chúng ta đều đói cả, sẵn cỗ đây không ăn thì còn đi đâu. Chả lẽ vì uống mấy chén rượu mà đã đến phải tội được.

Chúng bèn cùng quây lại đánh chén. Một người mặc áo tía chễm chệ ngồi chính giữa, còn những người khác đều đứng chầu chung quanh, kẻ cầm dao búa, người cầm sổ sách. Thấy họ ăn uống gần xong, Lê Ngộ ra lạy mãi, lạy mãi. Người áo tía nói:

- Ta đương đánh chén, gã kia đến đây làm gì?

Chúng quỷ nói:

- Chắc là người chủ bày những mâm cỗ này, nhà hắn có người ốm nặng, kêu xin châm chước.

Người áo tía tức giận, cầm quyển sổ ném xuống đất mà nói:

- Lẽ đâu vì cho mâm cỗ sơ sài mà đánh đổi được năm mạng người hay sao!

Chúng quỷ nói:

- Nhưng đã ăn của nhà nó, chả lẽ nỡ làm ngơ không cứu. Thôi thì dù có vì cứu nó mà phải tội, dẫu chết ta cũng bằng lòng.

Người áo tía ngẫm nghĩ một lúc lâu, bèn lấy bút son xóa bỏ hơn mười chữ rồi đi. Sau vài ngày, nhà họ Lê ai nấy đều khỏi cả. Lê cảm ân đức của Dĩ Thành, bèn lập miếu ở nhà để thờ. Người làng đến khấn vái kêu cầu cũng thường ứng nghiệm.

Lời bình:

Than ôiè bạn là một ở trong năm đạo thường, có thể coi khinh ư? Câu chuyện quỷ Dạ Xoa này, thật có hay không, không cần phải biện luận cho lắm. Chỉ có một điều đáng nói là sự giao du của Dĩ Thành, khi đã coi ai làm người bạn chân chính thì sống chết không đổi thay, hoạn nạn cùng cứu gỡ. Đời những kẻ kết bạn ở chung quanh mâm rượu, gan dạ đảo điên, hễ lâm đến sự lợi hại thì lờ đi như không biết nhau, nghe chuyện này há chẳng chạnh lòng hổ thẹn sao!

Chú thích

(1) Quốc Oai: nay thuộc tỉnh Hà Tây, Hiện ở làng gối huyện Đan Phượng còn có đền thờ Văn Dĩ Thành.

(2) Trần Trùng Quang tên là Quý Khoáng, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân Minh từ 1409-1413, cuộc khởi nghĩa bị dập tắt, Trùng Quang bị bắt và bị giết. Cũng như Trần Giản Định ông được quốc sử coi là nhà Hậu Trần.

(3) Nhan Hồi là học trò Khổng Tử, được coi là bậc đại hiền, khi mất mới 32 tuổi. Đời Tấn, Tô Thiều đã chết lại hồi, người em là Tiết hỏi chuyện; Thiều nói thấy hai ông Nhan Hồi và Bốc Thương làm chức Tu văn lang ở dưới đất.

(4) Theo nguyên chú, Lý Hạ tự là Trương Cát làm văn rất lanh, đặt bút là thành. Một hôm thấy một người cầm một cái thẻ chữ viết như lối chữ triện cổ, đến bảo Thượng đế mới làm xong cái lầu Bạch Ngọc, vời thầy lên làm cho bài ký. Không bao lâu thì Hạ chết. Từ đấy khi nói về văn nhân mất sớm, người ta thường nói là "ngọc lâu phó triệu".

(5) Quế Dương: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(6) Theo nguyên chú vua Hán Văn Đế yêu quý người bầy tôi là Đăng Thông, thấy thầy tướng bảo Thông sẽ phải chết đói, bèn cho cả núi đồng ở đất Thục, cho được phép đúc tiền mà tiêu, sẽ không còn lo chết đói nữa. Nhưng sau Văn đế mất, Cảnh Đế lên làm vua, ghét

Thông, tịch thu cả gia sản. Thông phải đi ở nhờ và quả nhiên chết đói.

(7) Theo nguyên chú, Chu Thù nhà nghèo, chiêm bao thấy Thượng đế thương mình. Ngài hỏi vị thần tư mệnh: Nó có giàu được không? Tư mệnh nói: Số nó nghèo lắm. Nhưng hiện có số tiền của thằng Xe, có thể cho nó mượn được, rồi đến kỳ thằng Xe nó sinh, thì lại phải trả. Chu khá giàu: đúng đến kỳ hạn, Chu xe tiền của chạy đi trốn. Buổi tối Chu dừng xe nghỉ ở dọc đường, gặp một người đàn bà chửa xin tạm nằm nhờ ở dưới xe. Đêm ấy người đàn bà đẻ đứa con trai; vì nghĩ nó đẻ ở dưới xe, bèn đặt tên là thằng Xe. Từ đấy Chu làm gì cũng thất bại, lại thành nghèo kiết.

(8) Vương Bột đời Đường theo cha đi làm quan, đậu thuyền ở dưới núi Mã Đương, mộng thấy vua Thủy phủ giúp cho một trận gió. Hôm sau quả nhiên có gió thuận, thuyền đến Nam Xương, làm bài Tựa Đằng vương các.

(9) Phạm Trọng Yêm đời Tống khi làm trấn thủ Nhiêu Chân, có người học trò vào yết kiến, nói tình cảnh đói rét nghèo khổ. Bấy giờ người ta đương mộ lối chữ đẹp của Âu Dương Suất Canh viết khắc ở tấm bia chùa Tiến Phúc. Ông Phạm bèn mua giấy mực định cấp cho người học trò ấy đến chùa rập lấy nghìn bản rồi đến kinh mà bán lấy tiền. Người học trò chưa kịp đến rập, bỗng một hôm mưa gió, tấm bia bị sét đánh vỡ mất. Vì vậy có câu thơ: Thời lai phong tống Đằng vương các, Vận khứ lôi oanh Tiến Phúc bi (Gặp thời gió đẩy tới Gác Đằng vương; Vận rủi sét đánh tan bia Tiến Phúc) .

(10) Nhan Uyên, Mẫu Tử Khiên đều là học trò đức hạnh của Khổng Tử.

(11) Lư Chiếu Lân và Lạc Tân Vương là hai danh sĩ đời Đường Cao Tông. Bùi Hành Kiệm thường chê là những người nóng nảy xốc nổi, không phải là kiểu người được hưởng tước lộc. Sau Lư vì ác tật mà gieo mình xuống nước chết, Lạc thì vì dự vào đảng loạn phải chết, đúng như lời Kiệm nói.

(12) Trường Giang: ở đây có lẽ chỉ sông Hồng.